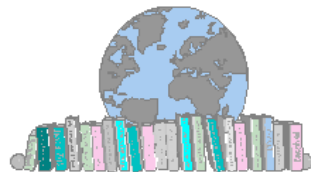


**SÁCH GIẢI NGHĨA**  
**SÁCH MA-THI-Ơ**

**TẬP 1**  
**CÁC CHƯƠNG 1-10**

**PREPUBLICATION VERSION**



Study Guide Press

All Scripture quotations in this publication, unless otherwise indicated are from  
Thánh Kinh Tân Ước (Bản Dịch Mới)  
Copyright © 1996 by Vietnamese Bible Inc./United Bible Society  
Used by permission. All rights reserved.

Prepublication Version  
Explanations of Matthew, Vol. 1 (of 4)  
Chapters 1-10  
[Vietnamese]

Copyright © 2000 by Study Guides Press. All rights reserved

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Study Guides Press  
P.O. Box 382006  
Duncanville, Texas 75138  
USA

## MỤC LỤC

Các chữ tắt và các hình thức đặc biệt khác.....	GT-4
Hướng dẫn cách sử dụng bộ Sách Giải Nghĩa .....	HD5
Giới thiệu sách Phúc Ma-thi-ơ .....	1
Dàn bài và tóm tắt của sách Phúc Âm Ma-thi-ơ .....	4
Các Lời Giải Nghĩa của sách Phúc Âm Ma-thi-ơ (các chương 1-10) .....	6

## CÁC CHỮ TẮT VÀ NHỮNG HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT KHÁC

(Các chữ, các con số, hay các dấu hiệu được dùng thay chữ)

### Các bản dịch KT:

BCG	<i>Kinh Thánh Tân Ước (Bản Công Giáo)</i> . 1994. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Du-Sinh Saint-Joseph.
BDM	<i>Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)</i> . 2002. Singapore: Arms of Hope.
BDC	<i>Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)</i> . 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội.
BDY	<i>Thánh Kinh (Bản Diễn ý)</i> . 1994. International Bible Society.

### Các chữ viết tắt và các hình thức khác:

CU	Cựu Ước
TU	Tân Ước
KT	Kinh Thánh
PKTCCN	Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ
CKTG	Câu Kinh Thánh Gốc
CĐN	Câu Định Nghĩa
NNĐDS	Ngôn Ngữ Được Dịch Sang
NNG	Ngôn Ngữ Gốc

Chữ “a” sau số câu cho thấy phần đang nói đến ở phần đầu của câu Kinh Thánh (KT). Cùng một cách, chữ “b” cho thấy là phần thứ hai của câu. Thí dụ:

8a phần đầu của câu 8

8b phần thứ hai của câu 8

8c phần ba của câu 8

dùng các chữ kế tiếp nếu cần để chỉ các phần khác của câu nếu cần.

... Ba chấm cho thấy chỗ một vài chữ đã bị loại bỏ khỏi ngữ cảnh để thêm chỗ trống.

— Một gạch nối dài được dùng trong Câu Định Nghĩa (CĐN) thay vào chỗ của ngoặc đơn hay gạch nối được dùng trong Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG).

[ ] Dấu ngoặc vuông được dùng để chỉ những hàm ý trong nguyên bản đã được làm cho rõ ràng. Dấu ngoặc được dùng có ý giúp đỡ người phiên dịch hiểu ý nghĩa trọn vẹn của văn bản. Sau đó người phiên dịch sẽ quyết định họ có cần phải giải thích chi tiết đó rõ ràng hay không trong Ngôn Ngữ Được Dịch Sang (NNĐDS) hay có lẽ nên cung cấp chi tiết đó cho độc giả bằng một cách khác.

# HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA

## Mục Lục

---

Sơ Lược.....	HD-5
Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa.....	HD-7

### Các Phần Của Sách Giải Nghĩa

Phần Giới Thiệu.....	HD-7
Lời Giải Nghĩa.....	HD-8
Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ .....	HD-12
Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ .....	HD-15
Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ.....	HD-16
Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn .....	HD-17

---

## Sơ Lược

---

<b>Mục đích của Bộ Sách Giải Nghĩa</b>	<p><i>Bộ Sách Giải Nghĩa</i> được soạn cho các người chuyển ngữ Kinh Thánh. Bộ sách này nhằm mục đích giúp đỡ cho các người chuyển ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• hiểu toàn thể sứ điệp của mỗi sách trong Kinh Thánh.</li><li>• thấy rõ giá trị sự cấu trúc, về các phần khác nhau (của sách) được phối hợp lại như thế nào.</li><li>• hiểu ý nghĩa một cách chi tiết như trong nguyên bản Hy-lạp.</li><li>• cảnh giác về các chỗ (từ, nhóm từ) có thể khó chuyển ngữ.</li><li>• cân nhắc kỹ đề nghị của những người chuyển ngữ khác về những cách có thể dùng để diễn tả ý nghĩa của đoạn kinh văn.</li></ul>
--	---

---

<b>Các phần của câu</b>	<p>Có nhiều câu được chia ra làm một vài phần nhỏ để cho người chuyển ngữ dễ so sánh với các bản dịch khác. Thí dụ, 1 Giăng 1:4 có thể chia ra làm hai phần:</p> <p><b>1:4a</b>            <b>Chúng tôi viết điều này</b>                           Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em</p> <p><b>1:4b</b>            <b>để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn.</b>                           để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.</p>
-------------------------	---

---

## Sơ Lược, tiếp theo

**Những từ ngữ chuyên môn được dùng**

Các từ chuyên môn dưới đây được dùng trong *Sách Giải Nghĩa* hay trong lời hướng dẫn này:

<b>Từ Ngữ</b>	<b>Ý Nghĩa</b>
<i>Ngôn ngữ gốc</i>	Đây là ngôn ngữ <b>căn chuyển ngữ</b> . Trong trường hợp này thường sẽ là tiếng Việt. Ngôn ngữ này được viết tắt là NNG.
<i>Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang</i>	Đây là ngôn ngữ dùng để <b>chuyển ngữ sang</b> trong bản dịch, ngôn ngữ bạn đang dùng để chuyển ngữ. Đây thường là tiếng mẹ đẻ của người chuyển ngữ. Được viết tắt là NNĐCNS.
<i>Nghĩa bóng (hàm ý)</i>	Ý nghĩa không được viết ra rõ ràng trong các từ nhưng là một phần ý nghĩa của bản nguyên thủy, hay điều được các độc giả đầu tiên hiểu như vậy.
<i>Nghĩa đen</i>	Phần sứ điệp được viết ra rõ ràng.
<i>Tin tức hàm ý</i>	Tin tức chi tiết không được viết ra rõ ràng nhưng các độc giả đầu tiên biết hay hiểu.
<i>Tin tức được viết ra rõ ràng</i>	Tin tức hay chi tiết về sự kiện được tác giả nói hay viết rõ ràng.
<i>Phần kinh văn</i>	Các từ hay các câu hay một đoạn Kinh Thánh được dùng.
<i>Ngôn ngữ phụ</i>	ngôn ngữ mà người đó đã học sau ngôn ngữ của mình. Ngôn ngữ phụ thường không phải là tiếng mẹ đẻ, nhưng là một ngôn ngữ dùng trong buôn bán hay truyền thông quốc ngữ.

## Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa

---

### Lời Hướng Dẫn Tổng Quát

- Cách tốt nhất để sử dụng Sách Giải Nghĩa là luôn luôn căn cứ vào nó trong khi bạn chuyển ngữ một sách. Tuy nhiên, nếu bạn muốn, bạn có thể dùng nó làm tài liệu khi bạn có sự khó khăn trong lúc chuyển ngữ một câu.
- Hãy đọc lời giới thiệu của *Lời Giải Nghĩa* trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một sách. Làm như vậy sẽ giúp bạn hiểu được mục đích, bối cảnh và nội dung của toàn sách.
- Trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một tiểu đoạn, hãy đọc lời giải nghĩa cho tiểu đoạn đó. Các lời giải nghĩa này sẽ giúp cho bạn hiểu những cách chọn lựa để giải kinh và sẽ báo cho bạn biết nếu có nan đề nào bạn có thể gặp trong sự chuyển ngữ.
- Sau khi bạn đã đọc lời giải nghĩa, hãy nghiên cứu Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). So sánh Câu Kinh Thánh Gốc, là hàng chữ trên cùng của Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN), và Câu Định Nghĩa ở bên dưới.
- Câu Định Nghĩa của PKTCCN không phải là “câu chuyển ngữ mẫu;” tức là, bạn không nên chuyển ngữ trực tiếp từ Câu Định Nghĩa. Mục đích của nó là để giúp cho bạn hiểu ý nghĩa của câu Kinh Thánh.

## Phần Giới Thiệu Của Sách Giải Nghĩa

---

### Vị trí của phần giới thiệu

Mỗi sách trong loạt sách này đều bắt đầu bằng phần giới thiệu. Phần giới thiệu giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về toàn cuốn sách đó. Sách dài có thể cũng có phần giới thiệu riêng trước mỗi phần đoạn chính của sách.

### Sự quan trọng của phần giới thiệu

Trước khi bắt đầu chuyển ngữ bất cứ sách nào trong Kinh Thánh người chuyển ngữ cần phải hiểu:

- *Bối cảnh* của cuốn sách, kể cả tác giả là ai (nếu biết), hoàn cảnh khi sách được viết, và độc giả mà sách muốn nhắm vào.
- *Mục đích* của tác giả, đó là lý do tại sao tác giả viết sách này.
- *Nội dung* của sách. Người chuyển ngữ cần phải biết rõ cả cuốn sách viết/nói về gì, cũng như chủ đề và phân đoạn.
- *Dàn bài* của sách, cho thấy các phân đoạn cũng như tiểu đoạn chính của nó.

Những chi tiết này được ghi rõ trong phần giới thiệu.

## Lời Giải Nghĩa

---

### Nội dung tổng quát của các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa cung cấp các chi tiết về các phần chính của cuốn sách. Phần của sách mà các Lời Giải Nghĩa đề cập đến trước hết được trích dẫn bằng chữ in *ngiên đậm* của Câu Kinh Thánh Gốc trong Phần Kinh Thánh Căn chuyển ngữ. Sau đó Lời Giải Nghĩa giải thích ý nghĩa trong nguyên văn Hy-lạp một cách chi tiết và cũng cảnh giác người chuyển ngữ về các nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Một sự giải thích đầy đủ hơn về một vài điểm phức tạp có thể được bao gồm trong lời phụ chú ở cuối sách này.

---

### Các thông tin được chứa đựng trong các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa chứa đựng các tin tức sau đây:

- Những vấn đề của đoạn kinh văn
- Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp
- Các cách giải thích khác
- Những nan đề về chuyển ngữ

Trong những trang kế sẽ giải thích về mỗi mục trên.

---

### Những vấn đề của đoạn kinh văn

Không có một bản thảo Tân Ước Hy-lạp nào còn lại. Những bản Tân Ước Hy-lạp cũ nhất hiện có chỉ là những bản sao lại từ bản nguyên thủy/nguyên bản. Có một số khác biệt nhỏ giữa các bản sao với nhau. Một số bản thảo dùng một số từ riêng biệt, trong khi đó các bản thảo khác dùng từ hơi khác nghĩa một chút. Vì vậy phải quyết định xem từ nào có thể là từ mà tác giả dùng trong nguyên văn.

Học giả Kinh Thánh, những người nghiên cứu những bản thảo Tân Ước xưa hơn trong tiếng Hy-lạp, tin rằng chúng ta có thể biết chính xác đến 95 phần trăm những gì các bản thảo nguyên thủy Hy-lạp nói. Một hai chỗ có sự khác biệt trong bản văn, điều đó dẫn đến sự khác biệt trong ý nghĩa. Lời Giải Nghĩa chỉ bàn đến những điểm khác biệt trong bản văn có tầm quan trọng cho việc chuyển ngữ mà thôi.

### Cách viết các từ Hy-lạp trong Lời Giải Nghĩa

Có một vài từ Hy-lạp được trích dẫn trong Lời Giải Nghĩa. Những chữ này được viết *ngiên*. Từ Hy-lạp được viết bằng mẫu tự La-tinh, ngoại trừ hai chữ được viết có dấu ở trên. Từ Hy-lạp *eta* được viết như *ē*. Hy-lạp *omega* được viết như *ō*.

Các từ và sự cấu trúc văn phạm của tiếng Hy-lạp rất khác với tiếng Việt. Hãy nhớ *Sách Giải Nghĩa* nhằm mục đích giúp cho người chuyển ngữ hiểu trọn ý nghĩa ở trong nguyên bản Hy-lạp.



## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp

Khi ý nghĩa của bản văn gốc không thể hiểu được rõ ràng hay khó hiểu đối với độc giả thời nay, Lời Giải Nghĩa sẽ có sự giải thích. Thí dụ như:

- Các từ hay các nhóm từ mà các tác giả trong Kinh Thánh dùng theo nghĩa bóng, như là các ẩn dụ, câu hỏi tu từ, và các thành ngữ.
- Các từ hay các nhóm từ có thể có nhiều hơn một ý nghĩa.
- Các quan niệm lạ không quen thuộc, như một số phong tục trong Kinh Thánh.
- Văn phạm không quen thuộc, không tự nhiên đối với tiếng Việt.
- Các câu tục ngữ và chuyện ngụ ngôn.

### Các cách giải nghĩa khác

Một số câu hay đoạn Kinh Thánh có *cách giải nghĩa khác*. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng câu này hay đoạn này có nghĩa như thế này, và một số học giả khác lại cho là có ý nghĩa khác.

Các Lời Giải Nghĩa không giải thích tất cả các ý khác nhau, nhưng chỉ giải thích những ý ảnh hưởng đến việc chuyển ngữ. Các bản dịch thường được tham khảo cho việc chuyển ngữ là Bản Dịch Mới, Bản Dịch Cựu, Bản Diễn Ý, Bản Công Giáo có sự giải thích khác nhau về cùng một vấn đề.

### Cách trình bày các cách giải nghĩa khác nhau

Lời Giải Nghĩa luôn luôn liệt kê sự giải nghĩa hợp với ngữ cảnh nhất bằng con số (1). Sự đề nghị này dựa trên việc nghiên cứu cẩn thận đoạn Kinh Thánh và dùng các sách giải nghĩa Kinh Thánh cũng như các sách tham khảo khác. Những cách giải nghĩa khác được liệt kê dưới sự giải thích đầu tiên và đánh số (2), (3), ...v.v...

### Thí dụ

Đây là một thí dụ về cách giải nghĩa có thể chấp nhận của 1 Giăng 4:2b:

#### 4:2b

**Chúa Cứu Thế Giê-su:** Các học giả không đồng ý với nhau về chữ *Cứu Thế* là một phần của tên hay là tước vị có nghĩa là “Đấng Cứu Thế”:

- (1) Nhiều học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một phần của tên ( BDC, BDY, BCG).
- (2) Một số học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một tước vị, và vì vậy câu đó có nghĩa là “Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế và Ngài đến thế gian như một con người” (BDM).

Đề nghị nên theo cách giải thích thứ nhất.

---

## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Các nan đề của việc chuyển ngữ

Khi có khó khăn trong việc dùng chữ để diễn tả ý nghĩa đối với ngôn ngữ của bạn vì sự khác biệt về ngôn ngữ hay văn hoá, chúng tôi cung cấp lời cố vấn về việc chuyển ngữ. Các nan đề trong việc chuyển ngữ gồm có:

- Cách nói tượng hình
- Quan hệ giữa các mệnh đề
- Thể thụ động
- Có thể sắp đặt lại thứ tự
- Lập lại
- Thể thơ
- Thông tin hàm ý

### Thông tin hàm ý

Mục đích của Sách Giải Nghĩa là giúp đỡ bạn hiểu, sát nghĩa nhất, tất cả ý nghĩa của những đoạn kinh văn mà các đọc giả thời đó đã hiểu khi họ đọc đoạn kinh văn gốc.

Sự khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh văn hoá, và hoàn cảnh thường ngăn cản các đọc giả hiện đại hiểu được ý nghĩa nguyên thủy. Đôi khi tác giả giả định rằng đọc giả của ông đã hiểu các dữ kiện nhất định và vì vậy ông không nói đến trong đoạn kinh văn. Đôi khi phần quan trọng của ý nghĩa được hàm ý, đọc giả thời đó đã hiểu đúng ý nhưng có thể khó hiểu đối với đọc giả hiện đại. Khi cần phải có các thông tin hàm ý này để hiểu được đoạn văn, Sách Giải Nghĩa giải thích loại thông tin được hàm ý này.

### Cách trình bày các cách chuyển ngữ khác nhau

Nếu trong Lời Giải Nghĩa có nhiều hơn một cách để trình bày ý nghĩa, những cách giải nghĩa khác sẽ đánh dấu bằng những chấm (●) thay vì bằng số. Làm như vậy để cho thấy rằng những cách giải nghĩa khác này có giá trị như nhau. Bạn có thể dùng theo cách nào phù hợp và tự nhiên với ngôn ngữ của bạn nhất, hay bạn có thể chọn một cách nào đó mà nó thích hợp hơn những cách được đề nghị. Dưới đây là một thí dụ trong sách Tích:

**Các nan đề của việc chuyển ngữ, tiếp theo****3:2b**

*nhưng phải tỏ sự hòa nhã*: Trong bản Hy-lạp đây có nghĩa là “không đánh nhau”. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 3:3. Đây muốn nói đến một người thích cãi cọ, bất đồng ý kiến và gây lộn với người khác. Một Cơ Đốc nhân nên tránh sự tranh luận với người khác. Hai cách để chuyển ngữ ở đây:

- Theo cách tích cực:

Hãy bảo các con dân Chúa sống hoà thuận với nhau.

*-HAY-*,

...sống với mọi người một cách hoà thuận.

- Theo cách tiêu cực: “không đánh nhau” hay “không tranh luận” [với người khác].

**Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa**

Các sách trong Kinh Thánh được chia ra làm những Phân Đoạn, Tiểu Đoạn và Đoạn văn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa*.

**Phân Đoạn**

Mỗi Phân Đoạn là một phần chính của sách. Mỗi Phân Đoạn mới được bắt đầu bằng một *chủ đề cho Phân Đoạn*. Câu tóm tắt chủ đề trong phần chính này của sách là được in trong một khung in đậm như sau:

**Chủ Đề của Phân Đoạn**

Dưới khung này có những lời tóm tắt tổng quát về ý nghĩa của toàn Phân Đoạn.

**Tiểu đoạn**

Mỗi tiểu đoạn được bắt đầu bằng *chủ đề của Tiểu Đoạn*. Chủ đề này tóm tắt ý tưởng chính trong Tiểu Đoạn hay nói đại ý về nội dung của Tiểu Đoạn.

Mỗi chủ đề được đặt trong một khung có nền xám và các cạnh khung lợt hơn khung của Phân Đoạn. Sau đây là một thí dụ:

**Chủ đề của Tiểu Đoạn**

Khung này được nối tiếp bằng lời giải nghĩa tổng quát chung cho cả Tiểu Đoạn.

## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Chủ đề của Tiểu Đoạn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa* có thể giúp bạn chọn chủ đề của Tiểu Đoạn trong bản dịch của bạn. Bạn cũng nên tham khảo các chủ đề của Tiểu Đoạn trong các bản dịch khác và chủ đề được Sách Giải Nghĩa đề nghị. Hãy nhớ là các chủ đề này không phải là một phần của đoạn kinh văn nguyên thủy, vậy nên, bạn không cần phải chuyển ngữ chủ đề ở trong Sách Giải Nghĩa hay các bản dịch khác. Bạn nên tự đặt ra chủ đề cho bản dịch của bạn, như vậy nó sẽ giúp ích cho người đọc và nghe được tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Muốn viết chủ đề các tiểu đoạn, hãy theo những bước sau đây:

- (1) Nghiên cứu cả phần Kinh Thánh một cách cẩn thận. Sau đó nghĩ về chủ đề của Tiểu Đoạn Kinh Thánh.
- (2) Quyết định làm thế nào để trình bày chủ đề một cách tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn mà chỉ cần dùng một ít từ/một câu ngắn gọn. Chủ đề cần phải được vắn tắt.

### Các Đoạn Văn

*Sách Giải Nghĩa* chia các Tiểu Đoạn thành các đơn vị nhỏ hơn gọi là các Đoạn Văn. Mỗi Đoạn Văn thường có khoảng từ 2 đến 5 câu. Mỗi Đoạn Văn được bắt đầu bằng một khung không có màu không có chữ chỉ có số đoạn và số câu. Thí dụ: Ê-xơ-tê chương 8 từ câu 5 đến câu 17 được trình bày như sau:

#### Đoạn Văn 8:5-17

Theo sau khung này là những lời giải nghĩa tóm tắt ý chính của Đoạn Văn. Thí dụ: Ê-xơ-tê 8:5-17:

Những câu này trái ngược với Ê-xơ-tê 4:1-3. Mạc-đô-chê mặc áo bào thay vì bao gai, và có sự vui mừng thay vì tang chế.

Các Đoạn Văn của Sách Giải Nghĩa thường đi đôi với các Đoạn Văn trong đoạn Kinh Thánh. Tuy nhiên, đôi khi bạn có thể nối hai, ba Đoạn Văn với nhau thành một Đoạn Văn trong bản dịch của bạn, nếu đó là điều cần thiết. Hay bạn có thể tách một Đoạn Văn ra làm mấy phần. Nói một cách khác, những đơn vị này *không bắt buộc phải* giống y như các Đoạn Văn của Kinh Thánh.

---

## Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

### Sự Mô tả

Khung ở trên đầu về phía bên phải của mỗi trang giấy chứa đựng Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). Bạn nên dùng PKTCCN với Lời Giải Nghĩa của nó chặt chẽ với nhau. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn hiểu rõ ý nghĩa của đoạn kinh văn bạn đang chuyển ngữ.

Mỗi câu trong đoạn kinh văn được in với *Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG)* và *Câu Định Nghĩa (CDN)* thí dụ:

*1:38b*      *Rồi thiên sứ rời khỏi Ma-ri.*  
Rồi thiên sứ biến đi.

### Câu Kinh Thánh Gốc

Trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ câu trên cùng gọi là Câu Kinh Thánh Gốc (thường là từ Bản Dịch Mới hay một bản nào khác sẽ có chú thích). Câu Kinh Thánh Gốc được **in đậm**.

Thỉnh thoảng có thêm một Câu Kinh Thánh Gốc thứ nhì từ bản dịch khác, hàng này cũng được **in đậm**. Thí dụ Công Vụ 18:10a:

**18:10a**      **vì Ta ở với con. Không ai làm hại con được,**  
**(BCG) vì Thầy ở với con; không ai tra tay hại con**  
**được,**

### Sắp Đặt Lại Thứ Tự Câu Kinh Thánh Gốc

Đôi khi thứ tự của các mệnh đề trong Câu Kinh Thánh Gốc được thay đổi thứ tự để có thể diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Đây là một thí dụ sắp đặt lại thứ tự của Công Vụ 16:6a và b:

**16:6**      **Phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti, vì**  
**Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu**  
**Á.**

*16:6A-B*      *(ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:)*

*16:6b*      *Vì Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu Á,*  
*Phao-lô và Si-la muốn rao giảng Tin Lành tại vùng Tiểu Á,*  
*nhưng Đức Thánh Linh bảo họ không nên đi đến đó.*

**-HAY-**

Họ đã có ý định đi đến vùng Tiểu Á để rao giảng sứ điệp [về Chúa Giê-su] ở tại đó, nhưng Đức Thánh Linh đã ngăn cản họ [đi đến đó].

*16:6a*      *phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti.*

Do đó Phao-lô và những người cộng tác của ông [bấy giờ] đi qua các vùng của xứ Phi-ri-gi và Ga-la-ti.

Nếu cần, dấu ngoặc vuông [ ] được dùng trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ để đánh dấu những chữ được thêm vào và giúp cho Câu Kinh Thánh Gốc Sắp Đặt Lại được rõ ràng như trong Công Vụ 16:6a-b ở trên.

## Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ, tiếp theo

---

### Câu Định Nghĩa

Dưới Câu Kinh Thánh Gốc là Câu Định Nghĩa. Câu này bày tỏ ý nghĩa trực tiếp của câu Kinh Thánh theo cách dễ hiểu nhất. Thí dụ, câu này diễn tả ý của các câu thành ngữ hay cách nói tượng hình.

Đôi khi một Câu Định Nghĩa nữa được thêm vào để diễn tả cùng một ý nghĩa bằng một cách khác. Khi có nhiều Câu Định Nghĩa, từ *-HAY-* xuất hiện giữa hai câu để cho thấy là có cách khác để diễn tả cùng một ý. Thí dụ: Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ của Công Vụ 1: 1b giống như thế này:

*1:1b*            *tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu*  
 Tôi đã chọn và ghi rõ nhiều điều Chúa Giê-su đã dạy và đã làm  
*-HAY-*  
 Tôi đã kể lại rất nhiều việc Chúa Giê-su đã dạy bảo và đã thực hiện

Nếu có các cách giải thích khác nhau cho cùng một câu, chúng được liệt kê và giải thích trong Lời Giải Nghĩa chứ không có trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ. Chỉ có cách giải thích đề nghị (cách đầu tiên) là được in trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ.

### Tin Tức Hàm Ý

Trong một vài trường hợp, để cho người đọc hiểu ý nghĩa của một câu, người đọc cần được cung cấp thêm tin tức. Trong trường hợp đó, Câu Định Nghĩa, được thêm tin tức hàm ý này trong ngoặc vuông [ ], để cho thấy rằng những tin tức được thêm vào này không có ghi rõ ràng trong nguyên bản.

Thí dụ:

*1:6b*            *“Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?”*  
 “Thưa Chúa, bây giờ Chúa sẽ làm vua trên [chúng tôi và cả] dân Y-sơ-ra-ên như [Vua Đa-vít đã trị vì trong Cựu Ước?]”

Hãy nhớ là mục đích đầu tiên của Câu Định Nghĩa là để giúp cho bạn hiểu rõ phần kinh văn. Bạn là người quyết định cách chuyển ngữ ý nghĩa ấy và có nên thêm tin tức hàm ý hay không.

---

## Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

---

### Cách sắp đặt Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ được sắp đặt cùng một cách như Sách Giải Nghĩa

- Phân Đoạn,
- Tiểu Đoạn,
- Đoạn Văn.

### Phân Đoạn

Hầu hết trong mọi trường hợp, chủ đề của những Phân Đoạn không tìm thấy trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). PKTCCN không có nhiều chủ đề, vì nó chỉ là một thí dụ cho một số chủ đề, có thể bạn muốn có trong bản dịch của bạn, một vài hình ảnh thay vì trình bày cho nguyên cả sách.

### Tiểu Đoạn

Phần bắt đầu của một Tiểu Đoạn được đánh dấu trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ giống ở trong các Lời Giải Nghĩa. Câu *chủ đề của Tiểu Đoạn* được in vào trong một khung in lợt và có nền màu xám:

**Chủ đề của Tiểu Đoạn**

### Các Đoạn Văn

Các phần được bắt đầu bằng một dấu (¶) trong Câu Định Nghĩa. Dấu này xác nhận những chỗ bạn có thể bắt đầu một phần mới. Thí dụ:

*1:1a*            *Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,*  
 ¶ Thư này của Phao-lô và Ti-mô-thê, các đây tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, [tôi], Phao-lô

---

## Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ

Các bước cho mỗi sách	
Bước	Điều nên làm
1	Đọc suốt cả sách bạn định chuyển ngữ.
2	Đọc các phần, Giới Thiệu, Dàn Bài, và Tóm Tắt trong <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i> . Làm như vậy, nó sẽ giúp bạn hiểu rõ mục đích, bối cảnh và nội dung của sách.

Các bước cần phải theo cho mỗi Tiểu Đoạn		
Bước	Hành động	Mô tả hành động
1	<b>HÃY ĐỌC</b> tiểu đoạn bạn sắp chuyển ngữ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc kỹ tiểu đoạn trong ít nhất là hai bản dịch tiếng Việt khác nhau, thí dụ, Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) Bản Diễn Ý (BDY) và Bản Công Giáo (BCG). Nếu có một bản dịch nào khác có ngôn ngữ gần với ngôn ngữ của bạn, hay một ngôn ngữ nào đó mà bạn đọc viết và hiểu thông thạo, bạn nên đọc bản dịch đó.</li> </ul>
2	<b>HÃY NGHIÊN CỨU</b> ý nghĩa của tiểu đoạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm chủ đề chính của tiểu đoạn.</li> <li>• Hãy suy nghĩ về sự liên hệ giữa tiểu đoạn này với các tiểu đoạn trước và sau.</li> <li>• So sánh với các bản dịch khác mà bạn đang có.</li> <li>• Ghi chú những chỗ có ý nghĩa không rõ ràng hay chỗ khó chuyển ngữ như cách nói tượng hình, câu hỏi tu từ hay sự khác biệt về văn hoá.</li> <li>• Dùng các sách giải nghĩa khác, nhất là <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i>, để giải quyết những nan đề bạn tìm thấy.</li> </ul>
3	<b>HÃY SUY NGHĨ</b> về cách bạn sẽ chuyển ngữ tiểu đoạn này sang ngôn ngữ của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Suy nghĩ về cách bạn sẽ chuyển ngữ cho cả nguyên tiểu đoạn trước khi bạn bắt đầu.</li> <li>• Cố gắng chuyển ngữ liên tục suốt cả đoạn, không nên dừng lại sau mỗi câu. Làm như vậy sẽ giúp cho bản dịch của bạn được tự nhiên hơn. Bạn có thể sửa chữa bản văn cho chính xác sau đó.</li> <li>• Một số người chuyển ngữ tin rằng, việc nói vào máy ghi âm trước, rất giúp ích cho họ.</li> </ul>
4	<b>HÃY GHI</b> xuống trên giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bắt đầu ghi xuống trên giấy bản dịch của tiểu đoạn.</li> <li>• Suy nghĩ tìm cách diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Có thể cần đọc lại nhiều lần những gì bạn vừa ghi xuống.</li> <li>• Xét lại từng chi tiết trong bản dịch của bạn với các bản dịch tiếng Việt để xem các từ ngữ bạn vừa dùng có chính xác hay không. Điều quan trọng là bạn không nên đổi ý, thêm ý, hay bỏ qua một ý nào cả.</li> </ul>
5	<b>HÃY ĐỌC</b> bản dịch của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc lớn tiếng tiểu đoạn bạn vừa dịch cho chính tai bạn nghe, để xem thử nó có được tự nhiên, rõ ràng, và dễ hiểu không?</li> <li>• Đọc tiểu đoạn bạn vừa chuyển ngữ cho vài người khác nghe và hỏi họ nghe có tự nhiên không. Nếu họ bảo không tự nhiên, thay đổi từ ngữ, cách dùng văn phạm, cho đến khi dễ hiểu và dễ đọc.</li> </ul>



## Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ

---

### Chuyển ngữ theo ý nghĩa

Việc quan trọng mà người chuyển ngữ cần phải luôn luôn để ý là:  
*Tìm một từ **diễn đạt đúng ý nghĩa** của từ trong bản gốc.*

Không bao giờ nên chuyển ngữ theo từng từ một. Thay vào đó, bạn phải:

- Hiểu ý nghĩa đúng của bản gốc. Nghiên cứu cẩn thận để tìm chiều sâu của ý nghĩa mà bạn không ngờ tới.
  - Tìm cách diễn tả ý nghĩa ấy qua ngôn ngữ của bạn một cách chính xác, rõ ràng và tự nhiên.
- 

### Thay đổi thứ tự nếu cần

Có nhiều lúc bạn cần phải thay đổi thứ tự của các từ hay nhóm từ để truyền thông ý nghĩa sang ngôn ngữ của bạn cách rõ ràng. Tìm những thứ tự khác nhau để có thể diễn tả ý nghĩa rõ ràng và tự nhiên nhất.

---

### Thay đổi chiều dài của câu

Có thể đôi khi bạn cần phải dùng mấy câu ngắn để chuyển ngữ một câu dài trong bản gốc. Có lúc bạn lại phải cần nối mấy câu ngắn lại với nhau. Bạn phải diễn tả ý nghĩa chính xác theo cách mà các người đọc thấy dễ hiểu nhất.

---

### Làm sáng tỏ ý nghĩa của các thành ngữ và cách nói tượng hình

Cách để chuyển ngữ các *thành ngữ* hay *cách nói tượng hình* trong bản gốc được rõ ràng là chuyển ngữ theo ý nghĩa, không chuyển ngữ theo từng từ một; có nghĩa là bạn dùng cách nói nào đó trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt đúng ý nghĩa theo bản gốc. Đôi khi bạn nên dùng một thành ngữ hay cách nói tượng hình trong ngôn ngữ bạn nếu nó phù hợp với ý nghĩa của bản gốc, đó cũng là cách để truyền thông ý nghĩa của bản dịch gốc đến người đọc một cách rõ ràng.

---

## Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn

---

**Điều gì có ích? Điều gì không có ích?**

Chúng tôi mong muốn *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi thực tế cho người chuyển ngữ. Xin vui lòng cho chúng tôi biết:

- (a) những điều bạn tìm thấy trong *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi và bạn đang dùng nó, (kể cả các lời hướng dẫn), và....
  - (b) những điều bạn nghĩ nên sửa đổi theo một cách nào khác vì bạn không dùng nó được. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét, phê bình và đề nghị của các bạn.
- Chúng tôi cần bạn góp ý!

---

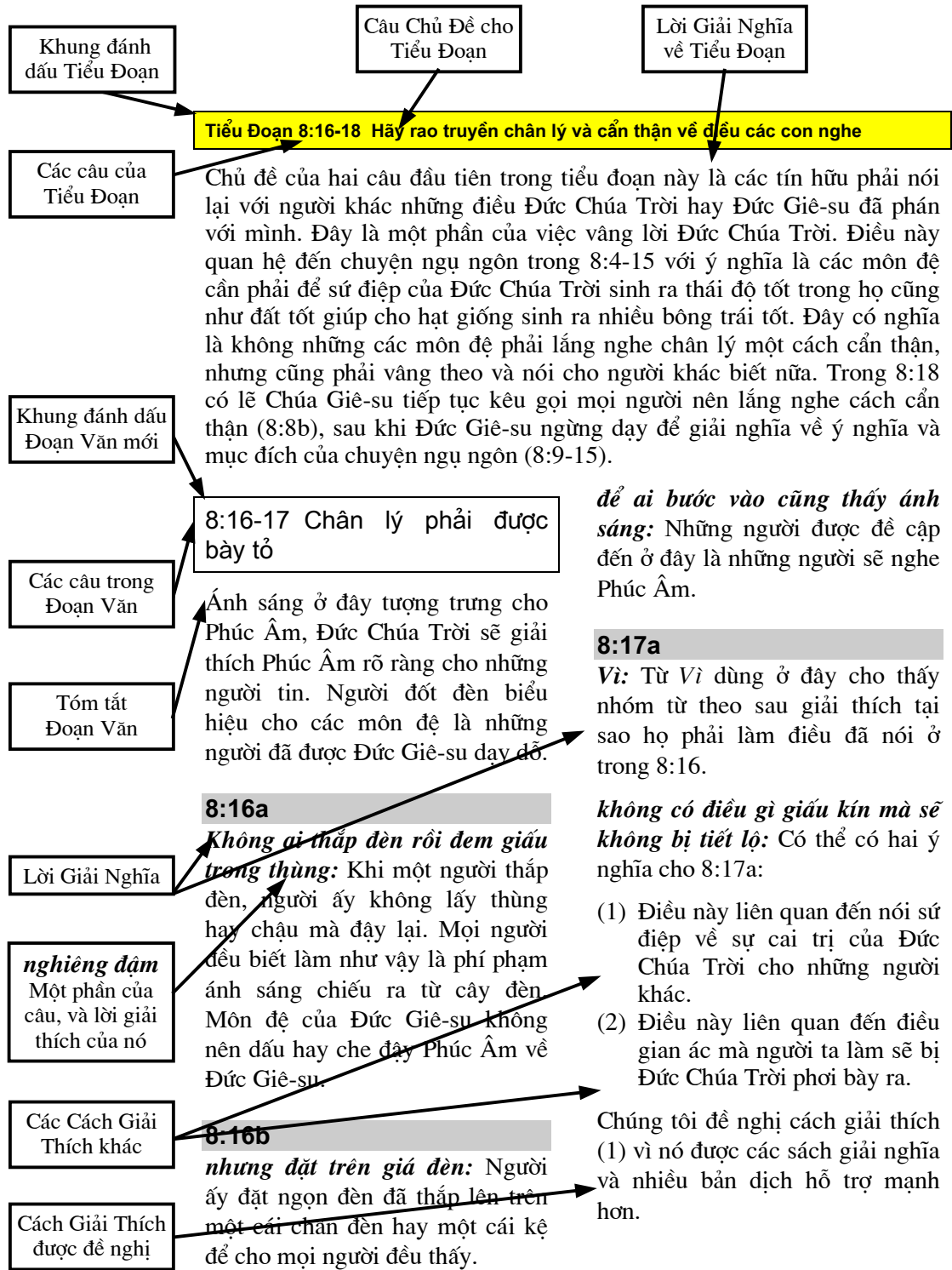
**Người đón nhận ý kiến:**

Xin vui lòng gửi ý kiến của bạn đến:

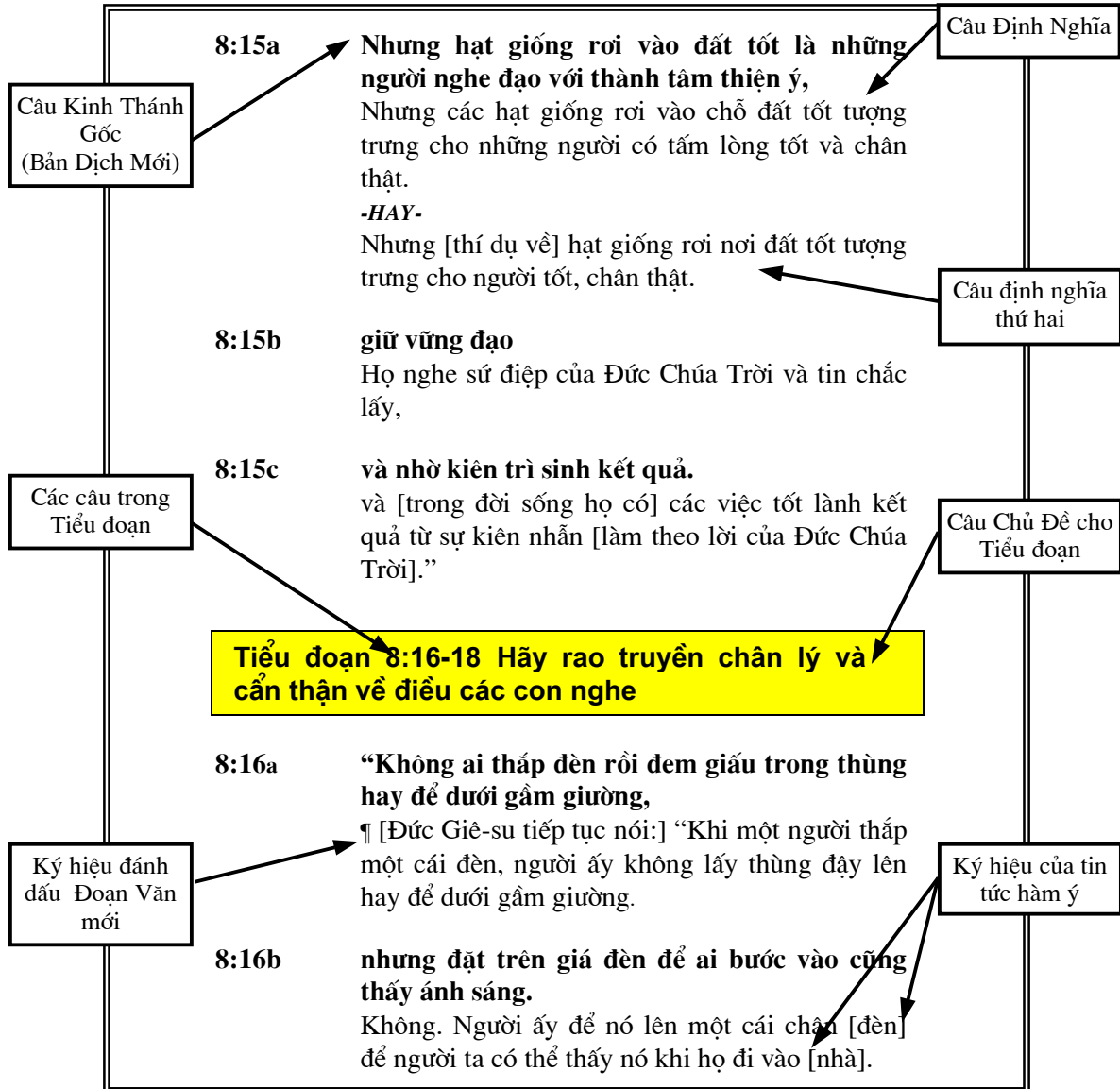
*Bộ Sách Giải Nghĩa*  
Study Guides Press  
P.O. Box 382006  
Duncanville, Texas 75138  
USA

---

# CÁC THÀNH PHẦN CỦA SÁCH GIẢI NGHĨA



# CÁC THÀNH PHẦN CỦA CÂU ĐỊNH NGHĨA



## GIỚI THIỆU SÁCH PHÚC ÂM MA-THI-Ơ

### Bốn sách Phúc Âm

Trong TỰ có bốn sách khác nhau viết về đời sống của Đức Giê-su Cơ Đốc. Đó là bốn sách Phúc Âm: Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và Giăng. Cụm từ “Phúc Âm” trong TỰ nói đến Tin Vui Mừng về Đức Giê-su Cơ Đốc. Mỗi tác giả mô tả đời sống của Đức Cơ Đốc một cách khác nhau. Trong ba sách Phúc Âm (Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca) có nhiều câu chuyện giống nhau, nhưng có nhiều câu chuyện ở trong sách Giăng không có trong các sách Phúc Âm khác. Hầu hết những câu chuyện và sự dạy dỗ ở trong Mác đều có ở trong Ma-thi-ơ và Lu-ca nhưng mỗi tác giả có cách riêng để viết về cùng một biến cố. Thí dụ, tác giả này có thể kể nhiều chi tiết hơn ở trong sách Phúc Âm của ông hơn tác giả kia. Tất cả những điều này cho thấy Đức Chúa Trời đã dùng mỗi tác giả Phúc Âm để kể lại một cách độc đáo những biến cố quan trọng trong đời sống và chức vụ của Con Ngài Đức Giê-su khi Ngài còn ở tại thế gian.

Bốn sách Phúc Âm giống như là bốn tấm hình của cùng một người. Ma-thi-ơ viết về Đức Giê-su Cơ Đốc như là một Đấng Cứu Thế của người Do Thái. Mác viết về Ngài như là một người Phục vụ và làm phép lạ. Lu-ca thường gọi Đức Giê-su là Con Người. Giăng gọi Ngài là Con của Đức Chúa Trời. Tất cả bốn tác giả đều cùng tin tưởng vào một Đức Giê-su Cơ Đốc, nhưng Đức Thánh Linh giúp đỡ họ viết sự thật về Đức Giê-su trong những cách khác nhau.

Chỉ có Ma-thi-ơ và Lu-ca nói về sự giáng sinh và thời thơ ấu của Đức Giê-su. Nhưng tất cả bốn sách Phúc Âm đều nói về cách Đức Giê-su đã chết, sống lại và trở lại thiên đàng. Nếu bạn để chung bốn sách Phúc Âm lại với nhau, một phần ba sách nói về tuần lễ cuối cùng của đời sống của Đức Giê-su trên thế gian và cách Ngài đã chết và sống lại.

### Ai viết sách Ma-thi-ơ, và viết vào khi nào?

Sứ đồ Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm Ma-thi-ơ. Theo như chúng ta biết, ông viết bằng tiếng Hy-lạp. Trước khi được Chúa kêu gọi ông là một người thu thuế (Ma-thi-ơ 9:9-13). Sau này Đức Giê-su bổ nhiệm ông làm một trong mười hai sứ đồ (10:1-4). Ông là một người Do Thái, ông còn có tên là Lê-vi (Mác 2:14,15). Ma-thi-ơ viết sách này vào khoảng cuối thế kỷ đầu tiên (50-100 S.C), có lẽ vào khoảng giữa năm 60 và 70 S.C.

### Ma-thi-ơ viết sách này cho ai?

Ông viết sách này cho dân tộc của mình, người Do Thái. Sách Phúc Âm Ma-thi-ơ nói về rất nhiều lời tiên tri trong Cựu Ước (CU) đã được Đức Giê-su Cơ Đốc làm ứng nghiệm. Ma-thi-ơ dùng lời Kinh Thánh (KT) CU nhiều hơn bất cứ sách nào khác trong Tân Ước (TỰ) (ít nhất là 40 lần, và có lẽ đến 76 lần). Ông cũng dùng nhóm từ “Vương Quốc thiên đàng” rất nhiều lần khi nói về Vương Quốc của Đức Chúa Trời. Một số các nhà lãnh đạo Cơ Đốc gọi Ma-thi-ơ là “Phúc Âm của Vương Quốc.” Ông bắt đầu sách Phúc Âm của ông bằng cách cho thấy là Đức Giê-su thuộc dòng dõi Do Thái. Ông thường dùng “Con của Đa-vít” để nói về Đức Giê-su. Ông không giải thích nhiều tư tưởng Do Thái mà ông dùng khi viết, bởi vì độc giả người Do Thái đã hiểu chúng rồi. Những điều này cho thấy ông viết sách Phúc Âm này cho người Do Thái và các tín hữu người Do Thái. Nhưng ông cũng muốn gửi sứ điệp đến cho những người không phải là người Do Thái (hãy xem 2:1-12, 13:38, 28:18-20).

### Tại sao Ma-thi-ơ đã viết Phúc Âm này?

Ông muốn cho người Do Thái biết rằng Đức Giê-su Cơ Đốc là Đấng Cứu Thế, Đấng mà Đức Chúa Trời lựa chọn để cứu dân Ngài. Các tiên tri trong Cựu Ước (CU) nói rằng Đức Chúa Trời sẽ sai Đấng Cứu Thế để cứu dân Do Thái. Các bản dịch Tân Ước (TỰ) đề cập đến Đấng Cứu Thế bằng “Đức Cơ Đốc” (Đấng Christ). Ma-thi-ơ viết về đời sống và chức vụ của Đức Giê-su đã làm ứng nghiệm các lời tiên tri trong CU như thế nào. Mục đích chính Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm

này chỉ để giúp cho người Do Thái tin Chúa. Ma-thi-ơ là sách Phúc Âm đầu tiên trong TU có lẽ là vì sách này chỉ sách tốt nhất để nối giữa CU và TU.

### **Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm của ông như thế nào?**

Ma-thi-ơ thu lượm các bài thuyết giảng ngắn của Đức Giê-su và chép chung lại thành từng nhóm, mặc dù Đức Giê-su có thể không giảng những bài ấy cùng một lúc hay trong cùng một ngày. Có năm bài thuyết giảng chính ở trong Phúc Âm Ma-thi-ơ, và ông dùng cùng một loại nhóm từ để kết luận mỗi bài (trích dẫn từ BDM):

<u>Chương</u>	<u>Đề tài</u>	<u>Lời kết luận</u>
5-7	Bài giảng trên núi	“Khi Đức Giê-su dứt lời” (7:28)
10	Chúa giảng cho mười hai môn đệ	“Khi Đức Giê-su dặn bảo mười hai môn đệ xong” (11:1)
13	Chuyện ngụ ngôn về Vương Quốc	“Khi Đức Giê-su dạy xong các ngụ ngôn kia” (13:53)
18	Làm môn đệ có nghĩa là gì?	“Khi Đức Giê-su dạy xong những điều ấy” (19:1)
24, 25	Các việc sẽ xảy ra	“Khi Đức Giê-su dạy dỗ xong” (26:1)

Có hai nhóm gồm những điều Đức Giê-su dạy dỗ trong Phúc Âm Ma-thi-ơ mà không có lời kết luận:

3 câu chuyện ngụ ngôn cảnh cáo các nhà lãnh đạo Do Thái	21:28-22:14
Đức Giê-su lên án các nhà lãnh đạo Do Thái	Chương 23

Đa số các điều Ma-thi-ơ viết được sắp đặt thành từng nhóm mỗi nhóm ba điều, và cũng có một vài nhóm có bảy điều. Thí dụ:

<u>Chương/câu</u>	<u>Đề tài</u>
1:1-17	3 nhóm lớn về các tổ tiên của Đức Giê-su, mỗi nhóm có hai nhóm gồm có bảy điều.
4:1-11	3 sự cám dỗ
6:1-18	3 thí dụ của việc sống đúng: dâng hiến, cầu nguyện, kiêng ăn
10:26, 28, 31	3 lần Đức Giê-su nói : “Đừng sợ”
Chương 23	Rất nhiều nhóm có ba điều trong bài thuyết giảng của Đức Giê-su dành cho cách nhà lãnh đạo Do Thái giáo.
26:37-46	3 cuộc nói chuyện với 3 môn đệ ở trong vườn Ghết-sê-ma-nê
28:19	Cầu nguyện trong danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
Chương 13	7 câu chuyện ngụ ngôn
Chương 23	7 “sự khốn khổ”

Khi Ma-thi-ơ viết, ông chia những điều mình viết ra làm thành nhiều nhóm bởi vì ông theo kiểu viết sách của người Do Thái. Kiểu viết này giúp cho người đọc học và nhớ được các điều Đức Giê-su đã làm và dạy dỗ. Ma-thi-ơ cũng viết một cách rõ ràng. Ông viết nhiều về điều Đức Giê-su dạy dỗ hơn là điều Ngài làm. Đây có thể là một lý do các nhà lãnh đạo Cơ Đốc có vẻ dùng sách Phúc Âm Ma-thi-ơ hơn là các Phúc Âm khác.

## **CÁC SÁCH THAM KHẢO ĐỂ NGHIÊN CỨU SÁCH MA-THI-Ơ**

**Bratcher, Robert G. 1981. A Translator's Guide to the Gospel of Ma-thi-ơ. London: United Bible Societies.**

**France, R. T. 1985. Ma-thi-ơ. Tyndale New Testament Commentaries. Leicester, England: Intersarsity Press.**

**Hendricksen, William. 1973. New Testament Commentary: Exposition of the Gospel According to Ma-thi-ơ. Grand Rapids: Baker.**

**Newman, B.M. and P.C. Stine. 1988. A Translator's Handbook on the Gospel of Ma-thi-ơ. New York: United Bible Societies.**

## TÓM LƯỢC SÁCH

Một trong những lý do Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm là để cho người Do Thái thấy rằng Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế. Ông bắt đầu sách bằng một danh sách các tổ tiên cho thấy Đức Giê-su là dòng dõi Vua Đa-vít và Áp-ra-ham. Ma-thi-ơ viết về nhiều lời tiên tri trong CU đã được Đức Giê-su làm ứng nghiệm. Có lẽ đó là lý do Ma-thi-ơ là sách đầu tiên trong Tân Ước (TU), bởi vì đây là sách Phúc Âm tốt nhất để nối CU với TU.

Một số người gọi Phúc Âm Ma-thi-ơ là “Phúc Âm của Vương Quốc.” Chương 13 chứa đựng nhiều ngụ ngôn về vương quốc thiên đàng. Có năm bài thuyết giảng của Đức Giê-su trong sách Ma-thi-ơ. Bài thuyết giảng chính nổi tiếng nhất là Bài Giảng Trên Núi trong các chương 5-7. Mặc dù Ma-thi-ơ viết về một số phép lạ của Đức Giê-su, ông viết nhiều về điều Đức Giê-su dạy dỗ hơn là điều Chúa làm.

Ma-thi-ơ chấm dứt sách Phúc Âm của ông bằng cách viết về Đức Giê-su đã chịu đau khổ, chết và lại sống lại.

## DÀN BÀI PHÚC ÂM MA-THI-Ơ

Sách Ma-thi-ơ có bốn phần chính sau đây: Phần bắt đầu (1:1-4:11), Công việc của Chúa ở Ga-li-lê (4:12-18:35), Từ Bê-rê đến Giê-ru-sa-lem (các chương 19-20), và kết luận (các chương 21-28). Ba trong những phần này có các Phần Đoạn khác nhau. Dàn bài gồm có các Phần Đoạn sau đây và cũng bao gồm năm bài thuyết giảng chính của Đức Giê-su.

Gia phả và sự giảng sinh của Đức Giê-su	1:1-2:23
Chuẩn bị cho chức vụ của Đức Giê-su	3:1-4:11
Đức Giê-su bắt đầu chức vụ	4:12-25
Bài giảng trên núi ( <b>bài thuyết giảng 1</b> )	5:1-7:29
Đức Giê-su làm nhiều phép lạ	8:1-9:34
Đức Giê-su sai mười hai sứ đồ đi (kể cả <b>bài thuyết giảng 2</b> : Đức Giê-su hướng dẫn mười hai môn đệ 10:5-11:1)	9:35-11:1
Vương Quốc Thiên Đàng (kể cả <b>bài thuyết giảng 3</b> : Các ngụ ngôn về Vương Quốc 13:1-52)	11:2-13:52
Đức Giê-su mô tả những người ít đức tin	13:53-15:20
Đức Giê-su bắt đầu chức vụ ở ngoài xứ Ga-li-lê (kể cả <b>bài thuyết giảng 4</b> : Làm môn đệ có nghĩa là gì 18:1-35)	15:21-18:35
Tuân lễ cuối ở tại Giê-ru-sa-lem (kể cả <b>bài thuyết giảng 5</b> : Các việc sẽ xảy đến các chương 24, 25)	Chương 21-27
Đức Giê-su chết nhưng lại sống lại	Chương 28

## Chuyển ngữ Phúc Âm Ma-thi-ơ

Trước khi bạn chuyển ngữ, hãy đọc phần giới thiệu của sách và Lời Giải Nghĩa của tiểu đoạn bạn sắp chuyển ngữ. Sau đó đọc phần kinh văn trong Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) và Bản Diễn Ý (BDY). Rồi đọc phần giới thiệu của đoạn bạn sắp chuyển ngữ. Đọc lại Bản Dịch Mới một lần nữa và cũng đọc Phần Kinh Thánh Căn Dịch (PKTCD) của sách giải nghĩa, rồi bắt đầu chuyển ngữ.

Khi bạn chuyển ngữ xong, đọc lại xem có cách khác để sửa đổi bản dịch của bạn chính xác, rõ ràng và tự nhiên hơn không. Khi bạn đã chuyển ngữ hết các đoạn trong một Tiểu Đoạn, đọc tất cả các câu ấy ở trong BDM hay BDC. Xem lại toàn thể câu chuyện. Chắc chắn là ý chính đúng, thích hợp với các phần khác và người đọc có thể hiểu được.



Hãy nhớ là bạn không dịch từng từ một từ BDM hay BDC. Bạn đang chuyển ngữ ý nghĩa của các từ này. Thí dụ: trong Ma-thi-ơ 1:20 trong BDM dùng “Giô-sép con cháu Đa-vít.” Đây có nghĩa là Giô-sép ở trong đại gia đình của vua Đa-vít, người sống trước thời Giô-sép rất lâu. Có thể trong ngôn ngữ của bạn khó dùng “con cháu.” Bạn có thể nói là “Giô-sép thuộc về gia đình của Đa-vít.”

Hãy nói đến các người dự phần một cách tự nhiên. Các thành phần tham dự như là người ta, nơi chốn, thú vật hay các việc xảy ra như một phần của câu chuyện. Cách bạn nói về những điều này lần đầu tiên trong tiểu đoạn (thí dụ “các nhà thông thái nghiên cứu về các vì sao”) có thể khác hơn cách bạn nói về họ sau này (thí dụ: “các nhà thông thái” hay “họ”). Điểm đặc biệt quan trọng là cách bạn dùng các từ theo cách nào tốt nhất cho ngôn ngữ của bạn, vì mỗi một ngôn ngữ có cách dùng từ ngữ khác nhau. Thí dụ trong tiếng Việt các nhóm từ gồm nhiều danh từ nghe tự nhiên hơn là dùng đại từ.

### **Dịch đề tựa của sách**

Đề tựa chính của sách này có thể gọi là “Sách Phúc Âm Ma-thi-ơ,” hay “Phúc Âm theo Ma-thi-ơ,” hay chỉ đơn giản là “Ma-thi-ơ.” Có thể dùng thêm đề tựa phụ như là: “Phúc Âm về Đức Giê-su Cơ Đốc mà sứ đồ Ma-thi-ơ đã viết,” hay “Đây là điều Ma-thi-ơ đã viết về Đức Giê-su Cơ Đốc.”

Bạn cũng nên quan tâm đến việc chuyển ngữ các đề tựa (và đề tựa phụ) của bốn sách Phúc Âm cùng một cách giống như nhau.

### **Chủ đề**

Khi bạn chuyển ngữ, bạn có thể quyết định xem là bạn có muốn có các chủ đề cho mỗi tiểu đoạn như các bản KT tiếng Việt hay không. Các chủ đề này rất có ích lợi trong việc cho thấy ý nghĩa chính của mỗi tiểu đoạn. Nếu bạn quyết định dùng các chủ đề này, phải để ý đến cách bạn viết các chủ đề của mỗi tiểu đoạn. Hãy xem PKTCD để lấy thêm ý. Nên dùng một câu đầy đủ cho một số chủ đề và dùng nhóm từ làm chủ đề cho các phần khác? Sau khi chuyển ngữ một tiểu đoạn xong, đọc lại để biết chắc là các chủ đề thích hợp với tiểu đoạn và cách bạn diễn tả là cách tốt nhất.

### **Các chi tiết khác**

Ban chuyển ngữ phải quyết định là chi tiết nào trong sách chú giải quan trọng đủ để trình bày lại cho người đọc bản dịch của bạn. Một số những ý này đã được đặt trong các ngoặc vuông [...] của PKTCD. Bạn có thể trình bày lại một số chi tiết quan trọng khác cho người đọc. Bạn có thể làm điều này theo ba cách:

Lời chú thích ở cuối trang: In bằng chữ nhỏ hơn ở phần cuối của trang.

Lời chú thích ở bên lề: Bạn có thể chừa một lề ở phía mặt hay phía trái trong bản dịch của bạn, chú thích vào chỗ lề kế bên từ hay nhóm từ cần phải được chú thích.

Lời chú thích ở cuối sách: Những lời chú thích này được đặt ở cuối sách, giống như ở trong Sách Giải Nghĩa.

Người chuyển ngữ phải đọc các Lời Giải Nghĩa ở trong Sách Giải Nghĩa Của Sách Ma-thi-ơ một cách cẩn thận để xem Lời Giải Nghĩa nào có thể dùng như là các chi tiết phụ thêm cho bản dịch của bạn.



## CÁC LỜI GIẢI NGHĨA CỦA SÁCH PHÚC ÂM MA-THI-Ơ

Phần chính đầu tiên trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ (1:1-4:11) nói đến một số điều quan trọng về Đức Giê-su và thời thơ ấu của Ngài. Phần này nói về các việc xảy ra trước khi Đức Giê-su bắt đầu dạy dỗ và chữa bệnh. Ma-thi-ơ bắt đầu bằng cách cho biết gia đình của Đức Giê-su đến từ dòng dõi của các vua và những nhân vật quan trọng, cũng như một số việc xảy ra vào lúc Đức Giê-su sinh ra (chương 1 và 2). Sau đó Ma-thi-ơ cho biết Đức Chúa Trời đã chuẩn bị Đức Giê-su cho chức vụ như thế nào (3:1-4:11).

### Phần đoạn 1:1-2:23 Gia phả và sự giáng sinh của Đức Giê-su

Chỉ có sách Phúc Âm Ma-thi-ơ và Lu-ca nói về thân thế của Đức Giê-su, sự giáng sinh và thời thơ ấu. Trong hai chương đầu, Ma-thi-ơ viết về năm điều: gia phả của Đức Giê-su, sự giáng sinh của Đức Giê-su, những nhà thông thái đến thăm Đức Giê-su, Đức Giê-su và gia đình trốn sang Ai-cập và sau đó từ Ai-cập trở lại Do Thái.

### Tiểu Đoạn 1:1-17 Gia phả Đức Giê-su

Một chủ đề khác cho Tiểu Đoạn này có thể là “Danh sách các tổ tiên của Đức Giê-su.” Cũng hãy xem Lu-ca 3:23-38.

Ma-thi-ơ bắt đầu sách Phúc Âm của ông bằng cách cho thấy rằng theo luật pháp của người Do Thái, Đức Giê-su đến từ dòng dõi của vua Đa-vít và Áp-ra-ham (hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:1). Mặc dù Đức Giê-su không phải là con ruột của Giô-sép, Ngài là con của ông theo luật pháp. Điều này có nghĩa là Ngài có thể làm vua của dân Do Thái cũng như tổ phụ Đa-vít đã làm. Điều này cũng có nghĩa là lời hứa Đức Chúa Trời ban cho Áp-ra-ham cũng được dành cho Đức Giê-su. Danh sách này cho thấy Đức Giê-su có tổ tiên là người Do Thái. Đây là những lý do tại sao Ma-thi-ơ bắt đầu sách Phúc Âm của ông bằng danh sách các tổ phụ của Đức Giê-su.

Theo I Sử Ký 3:10 gia phả ở trong sách Ma-thi-ơ 1:1-17 không nhắc đến tên ba tổ phụ (A-ha-xi-a, Giô-ách và A-ma-xi-a) ở giữa Giô-ram và Ô-xi-a cho nên một số bản dịch dùng “con cháu” ở đây. Tuy nhiên nhiều bản dịch khác thích dùng “con” theo kiểu của Ma-thi-ơ. Có lẽ Ma-thi-ơ theo bản Hy-lạp của CƯ vì bản này cũng bỏ 3 tên của ba tổ phụ đó.

Ma-thi-ơ bỏ ra ngoài một số tên là vì người Do Thái cho việc liệt kê số tổ tiên. Khi các tác giả Do Thái sắp đặt một số danh sách của các tên theo một số nào đó, họ làm như vậy với hai mục đích: 1) Giúp cho người đọc học danh sách. 2) cho thấy việc quan trọng là danh sách và các phần khác nhau của nó phải phù hợp với những con số đó. Ma-thi-ơ dùng số 7 trong 1:1-17. Với người Do Thái, số 7 đại diện cho sự trọn vẹn và toàn hảo. Ma-thi-ơ để gia phả của Đức Giê-su vào ba nhóm, mỗi nhóm có 14 tên vì 14 là hai lần 7, nó cũng là một con số đáng phải dùng. Theo cách này Ma-thi-ơ có thể cho thấy có cùng một số tên (14) từ Áp-ra-ham đến Đa-vít, từ Đa-vít đến khi bị đày qua Ba-by-lôn, và từ lúc bị đày đến thời Đức Giê-su.

Vậy nên dùng một nhóm số quan trọng với Ma-thi-ơ hơn là liệt kê hết tất cả các tổ tiên giữa Áp-ra-ham và Đức Giê-su. So sánh danh sách tên của Ma-thi-ơ với danh sách trong Phúc Âm Lu-ca (Lu-ca chương 3). Lu-ca có một số tên khác hơn với các tên trong danh sách của Ma-thi-ơ. Lu-ca đi từ Đức Giê-su trở lại đến A-đam và Đức Chúa Trời. Lu-ca chương 3 có 57 tên giữa Đức Giê-su và Áp-ra-ham. Ma-thi-ơ chương 1 có 41. Đây cho thấy là Ma-thi-ơ không nghĩ việc liệt kê hết các tên là quan trọng.

Bạn có thể cũng muốn tìm những cách khác để liệt kê các tên. Một số bản dịch để tên cha và con vào từng hàng một.

1:1 Ma-thi-ơ giới thiệu danh sách tổ tiên

Cách mà sách Ma-thi-ơ bắt đầu nhắc cho các đọc giả người Do Thái nhớ đến Sáng Thế Ký 2:4 và 5:1, bắt đầu bằng cách nói: “Đây là sách chép dòng dõi của.”

**1:1a**

**Gia phả của Đức Giê-su Cơ Đốc:** Nhiều người Do Thái giữ một danh sách các tổ tiên trong một quyển sách: tên cha, ông, ông tổ...v.v...Theo luật lệ và phong tục của người Do Thái, mỗi một người Do Thái (đàn ông hay đàn bà) là một thuộc viên trong gia đình của cha họ, không phải mẹ. Vậy nên “gia phả” có nghĩa là một danh sách tên của tổ tiên trong nhiều năm về trước. Gia phả là quan trọng, bởi vì nó xác định đất người đó sở hữu và nơi người ấy có thể ở. Thí dụ: Nếu người ấy đến từ gia đình của Lê-vi, thì người ấy phải làm công việc của thầy tế lễ hay phụ với thầy tế lễ.

**Giê-su Cơ Đốc:** “Giê-su” là một tên riêng. Tên này là một tên Do Thái *Yeshua* (“Giô-suê”), có nghĩa là “Chúa cứu.” Tên “Cơ Đốc” thường là một tước vị (hãy xem 1:16), cho thấy công việc hay địa vị của một nhân vật quan trọng. Tước vị này đến từ một tên Hy-lạp cho một từ Do Thái “Messiah.” Có nghĩa là Đấng được Đức Chúa Trời lựa chọn để làm một công việc quan trọng, cứu rỗi con người. Nhưng các tác giả đã dùng “Giê-su Cơ Đốc” chung với nhau, họ thường dùng các tên này như một tên cá nhân.

“Cơ Đốc” đến từ *Christos*, tên “Đấng Cứu Thế” trong tiếng Hy-lạp. Đức Chúa Trời lựa chọn Đức Giê-su để cứu dân tộc của Ngài. Cụm từ “Đấng Cứu Thế” đến từ tên *ἁσhιash* trong tiếng Hy-lạp, là Đấng làm công việc quyền năng này. “Cơ Đốc” và “Đấng Cứu Thế” là hai tên của cùng một người: Đức Giê-su.

**1:1b**

**dòng dõi Đa-vít, con cháu Áp-ra-ham:** Các biến cố này xảy ra theo thứ tự như sau: Áp-ra-ham là tổ tiên của vua Đa-vít và vua Đa-vít là tổ tiên của Đức Giê-su Cơ Đốc. Nhưng Ma-thi-ơ tóm tắt gia phả của Đức Giê-su bằng cách nói rằng Đức Giê-su là dòng dõi

của vua Đa-vít và Đa-vít là dòng dõi của Áp-ra-ham. Có thể dùng thứ tự nào cũng được để nghe cho có vẻ tự nhiên ở trong ngôn ngữ của bạn. Nhưng hãy nhớ rằng ở đây muốn nói đến Đức Giê-su, không phải nói về Áp-ra-ham hay Đa-vít. Hãy xem PKTCD.

**dòng dõi:** Từ Hy-lạp *huios* được chuyển ngữ là *dòng dõi* thường có nghĩa là “con trai.” Nhưng trong gia phả ở Ma-thi-ơ 1, từ này có thể có nghĩa là đứa con trai, hay đứa cháu trai được sinh ra trong gia tộc. Bản Dịch Mới (BDM) gọi là *dòng dõi*.

**dòng dõi Đa-vít:** Đây không có nghĩa là vua Đa-vít là cha của Đức Giê-su, vua là tổ tiên của Đức Giê-su, vua đã chết trước khi Đức Giê-su đến thế gian. Con Đa-vít hay *Dòng dõi Đa-vít* cũng là một tước vị khác của Đấng Cứu Thế. Ý nghĩa đầy đủ của *dòng dõi Đa-vít* là: Đấng Cứu Thế, dòng dõi của Đa-vít đã được Đức Chúa Trời hứa là sẽ cai trị như vua của Đức Chúa Trời bổ nhiệm.

**con cháu Áp-ra-ham:** Trong nhóm từ này ai là *con cháu Áp-ra-ham*? Có thể có hai cách giải thích:

- (1) Đức Giê-su Cơ Đốc: Cụm từ *con cháu* ở đây muốn nói đến ‘Đức Giê-su Cơ Đốc’ và có nghĩa là “(và) con cháu của Áp-ra-ham.”
- (2) Đa-vít: Cụm từ *con cháu* ở đây muốn nói đến ‘Đa-vít’ và có nghĩa là “(người) là con cháu của Áp-ra-ham.”

Các nhà phê bình ủng hộ ý nghĩa (1) nhiều hơn.

Giống như nhóm từ *dòng dõi Đa-vít*, nhóm từ *con cháu Áp-ra-ham* cũng không có nghĩa là Áp-ra-ham là cha của Đức Giê-su, Áp-ra-ham là tổ tiên của Đức Giê-su (và cũng là tổ tiên của Đa-vít. Áp-ra-ham có trước Đa-vít hay Đức Giê-su. Mọi người Do Thái đều có thể nói rằng gia phả của họ bắt đầu bằng Áp-ra-ham, người được gọi là “cha” (tổ phụ) của nước Do Thái.

Nếu trong ngôn ngữ của bạn để người tổ tiên già hơn trước nghe tự nhiên hơn thì bạn có thể chuyển ngữ phần này của 1:1 như sau “Đức Giê-su Cơ Đốc, con cháu của Áp-ra-ham và Đa-vít.” Nếu bạn làm như vậy, phải cẩn thận đừng để người đọc nghĩ là Áp-ra-ham và Đa-vít là tên của hai vợ chồng.

## Phân Đoạn Phụ 1:1-2:23 Gia phả và sự giáng sinh của Đức Giê-su

### Tiểu Đoạn 1:1-17 Gia phả của Đức Giê-su

- 1:1a *Gia phả của Đức Giê-su Cơ Đốc,*  
 Đây là danh sách các tổ tiên của Đức Giê-su Cơ Đốc.  
 -HAY-  
 Đây là gia phả của Đức Giê-su Cơ Đốc.
- 1:1b *dòng dõi Đa-vít, con cháu Áp-ra-ham.*  
 Ngài là dòng dõi của [vua] Đa-vít và dòng dõi của Áp-ra-ham.  
 -HAY-  
 Ngài là con cháu của [vua] Đa-vít và Áp-ra-ham.  
 -HAY-  
 Áp-ra-ham và Đa-vít là tổ tiên của Ngài.
- 1:2a *Áp-ra-ham sinh Y-sác, Y-sác sinh Gia-cốp,*  
 Áp-ra-ham là cha của Y-sác, Y-sác là cha của Gia-cốp,  
 -HAY-  
 Áp-ra-ham sinh ra Y-sác, và Y-sác sinh ra Gia-cốp,

Bây giờ hãy đọc đoạn thứ hai của Tiểu Đoạn này. Tiểu Đoạn này chấm dứt tại câu số 6 phần a.

#### 1:2-6a Các tổ tiên từ Áp-ra-ham đến Đa-vít

Đây là nhóm đầu tiên gồm có 14 tên thuộc dòng dõi của Đức Giê-su, bắt đầu từ Áp-ra-ham và chấm dứt với Đa-vít. Nếu một câu chỉ có danh sách các tên, và không có nan đề gì đặc biệt (thí dụ: 1:4), các câu đó không ghi trong Lời Giải Nghĩa.

Nhưng trước hết phải làm cho rõ ràng là trong danh sách tên của cha được để trước rồi mới đến tên con. Như vậy để cho người đọc không nghĩ rằng Áp-ra-ham là con của Y-sác.

#### 1:2a

*Áp-ra-ham sinh Y-sác:* Từ Hy-lạp *gennaō* có nghĩa là “khiến cho được sinh ra”

hay “đem vào sự hiện hữu.” Đây khác với “sinh,” như là mẹ sinh con. Các bản dịch tiếng Việt chuyển ngữ là “sinh”: “Áp-ra-ham sinh Y-sác, Y-sác sinh Gia-cốp.” Có thể chuyển ngữ một cách khác là “Con Áp-ra-ham là Y-sác.”

Một cách chuyển ngữ khác nữa là “Áp-ra-ham là cha của Y-sác.” Nhưng trong 1:8, các từ “Giô-ram sinh Ô-xi-a” có nghĩa là Giô-ram là tổ tiên của Ô-xi-a, bởi vì thiếu ba tên giữa Giô-ram và Ô-xi-a (hãy xem 2 Sử ký 22:1, 24:1, 25:1). Vậy nên trong danh sách tổ tiên này, từ “cha” đôi khi có thể có nghĩa là ông nội hay tổ tiên. Có nhiều cách chuyển ngữ khác nhau được liệt kê ra nhưng hãy chọn một cách nghe tự nhiên và rõ ràng nhất trong ngôn ngữ của bạn. Bạn có thể để cho một người chưa tin Chúa đọc để biết chắc là họ hiểu đúng.

..

1:2b	<i>Gia-cốp sinh Giu-đa và anh em người,</i> và Gia-cốp là cha của Giu-đa và các anh em của người. -HAY- và Gia-cốp sinh ra Giu-đa và các anh em của Giu-đa.
1:3a	<i>Giu-đa sinh Pha-rê và Xa-ra mẹ là Tha-ma,</i> Giu-đa là cha của Pha-rê và Xa-ra. Mẹ là Tha-ma. -HAY- Giu-đa sinh ra Pha-rê và Xa-ra. Mẹ họ là Tha-ma.
1:3b	<i>Pha-rê sinh Éch-rôm, Éch-rôm sinh A-ram,</i> Pha-rê là cha của Éch-rôm, và Éch-rôm là cha của A-ram, -HAY- Pha-rê sinh ra Éch-rôm, và Éch-rôm sinh ra A-ram.
1:4	<i>A-ram sinh A-mi-na-đáp, A-mi-na-đáp sinh Na-ách-son, Na-ách-son sinh Sanh-môn,</i> A-ram là cha của A-mi-na-đáp, A-mi-na-đáp là cha Na-ách-son, Na-ách-son là cha Sanh-môn. -HAY- A-ram sinh ra A-mi-na-đáp, A-mi-na-đáp sinh ra Na-ách-son, Na-ách-son sinh ra Sanh-môn.
1:5a	<i>Sanh-môn sinh Bô-ô mẹ là Ra-háp,</i> Sanh-môn là cha của Bô-ô. Mẹ của Bô-ô là Ra-háp. -HAY- Sanh-môn sinh ra Bô-ô. Mẹ của Bô-ô là Ra-háp.
1:5b	<i>Bô-ô sinh Ô-bết mẹ là Ru-tơ,</i> Bô-ô là cha của Ô-bết. Mẹ của Ô-bết là Ru-tơ. -HAY- Bô-ô sinh ra Ô-bết. Mẹ của Ô-bết là Ru-tơ.
1:5c	<i>Ô-bết sinh Gie-sê,</i> Ô-bết là cha của Gie-sê. -HAY- Ô-bết sinh ra Gie-sê.

**1:2b**

***Giu-đa và anh em người:*** Các anh em của Giu-đa được kể ở trong gia phả này bởi vì họ và Giu-đa là tổ phụ của mười hai chi tộc của người Do Thái. Điều này rất quan trọng cho người Do Thái vì họ là độc giả của sách này.

**1:3a**

***mẹ là Tha-ma:*** Tha-ma là mẹ của Pha-rê và Xa-ra. Trong 1:1-17 tác giả nhắc đến người mẹ năm lần (hãy xem 1:5, 6). Nhưng hầu

hết các tên trong gia phả này là tên của đàn ông.

**1:5**

Câu này đề cập đến hai người mẹ. Ra-háp là mẹ của Bô-ô, và Ru-tơ là mẹ của Ô-bết. Những người đàn bà này, cũng như Tha-ma, là người ngoại quốc không phải là người Do Thái. Có lẽ Ma-thi-ơ kể cả tên họ vào để cho thấy tổ tiên của Đức Giê-su gồm có cả người ngoại lẫn người Do Thái. Đây hàm ý Ngài là

- 1:6a *Giê-sê sinh vua Đa-vít,  
Giê-sê là cha vua Đa-vít.  
-HAY-  
Giê-sê sinh ra Đa-vít [sau này làm] vua.*
- 1:6b *Đa-vít sinh Sa-lô-môn mẹ nguyên là vợ U-ri,  
Đa-vít là cha của Sa-lô-môn. Mẹ của Sa-lô-môn trước là vợ của U-ri.  
-HAY-  
Đa-vít sinh ra Sa-lô-môn. Vợ goá của U-ri là mẹ của Sa-lô-môn.*
- 1:7 *Sa-lô-môn sinh Rô-bô-am, Rô-bô-am sinh A-bi-gia, A-bi-gia sinh A-sa,*
- 1:8 *A-sa sinh Giô-sa-phát, Giô-sa-phát sinh Giô-ram, Giô-ram sinh Ô-xi-a,*
- 1:9 *Ô-xi-a sinh Giô-tam, Giô-tam sinh A-cha, A-cha sinh Ê-xê-chi-a,*
- 1:10 *Ê-xê-chi-a sinh Ma-na-sê, Ma-na-sê sinh A-môn, A-môn sinh Giô-si-a,*
- 1:11a *Giô-si-a sinh Giê-cô-ni-a và các em người  
Giô-si-a là ông nội của Giê-cô-ni-a và các anh em người*
- 1:11b *lúc bị lưu đày tại Ba-by-lôn.  
đây là [ngay trước] thời gian bị người Ba-by-lôn bắt đi làm phu tù ở tại [xứ] Ba-by-lôn.  
-HAY-  
đây là [ngay trước] khi kẻ thù của người Do Thái bắt họ đi làm phu tù ở tại [nước] Ba-by-lôn.*

Cứu Chúa của cả người Do Thái lẫn người không phải là người Do Thái.

### 1:6a

**vua Đa-vít:** Đa-vít là vị vua quan trọng nhất và được kính trọng nhất của dân Do Thái. Các tiên tri đã tiên đoán là Đấng Cứu Thế sẽ là dòng dõi của Đa-vít (hãy xem Thi Thiên 132:11) và sẽ cai trị trên ngôi cho đến đời đời. Vậy nên nhắc đến Vua Đa-vít ở đây, Ma-thi-ơ cho thấy rằng Giê-su là dòng dõi của Đa-vít nên được hợp lệ để là Đấng Cứu Thế đã được Đức Chúa Trời hứa ban.

1:6b-11 Các tổ tiên từ Đa-vít cho đến khi bị lưu đày tại Ba-by-lôn.

Đoạn này bắt đầu ở câu số 6b.

### 1:6b

**mẹ nguyên là vợ U-ri:** Bát-sê-ba trước là vợ của U-ri. Trong khi bà còn là vợ của U-ri, bà đã có thai với vua Đa-vít. U-ri chết và Đa-vít

cưới bà làm vợ. Sa-lô-môn là con của Đa-vít và Bát-sê-ba (2 Sa-mu-ên chương 11,12). Cố gắng nói điều này rõ ràng trong bản dịch của bạn. Bạn có thể để chi tiết này trong một lời chú thích ở cuối trang.

### 1:8

**Giô-ram sinh Ô-xi-a:** Giô-ram là tổ tiên của Ô-xi-a, không phải là cha của ông. Bạn có thể chuyển ngữ là: “Giô-ram là tổ tiên của Ô-xi-a.”

### 1:11b

**lúc bị lưu đày tại Ba-by-lôn:** Hãy xem 2 Các vua chương 24-25. Đây là lúc quân đội Ba-by-lôn đánh chiếm Y-sơ-ra-ên. Chúng đem rất nhiều dân Y-sơ-ra-ên về Ba-by-lôn làm phu tù. *Bị lưu đày* có nghĩa là bị vua Ba-by-lôn bắt phải lìa bỏ quê hương của họ để sang sống ở một nước khác. Những người này bị lưu đày tại Ba-by-lôn 70 năm.

1:12-16 Các tổ tiên từ lúc bị lưu đày ở Ba-by-lôn cho đến thời Đức Giê-su

### 1:12

**Sau khi bị lưu đày tại Ba-by-lôn:** Đây nói đến giai đoạn bắt đầu từ khi quân đội Ba-by-lôn bắt dân Do Thái đi qua Ba-by-lôn. (2 Các vua 24:1-15).

### 1:16a-b

**Gia-cóp sinh Giô-sép, tức là chồng của Ma-ri. Ma-ri sinh Đức Giê-su chính là Đức Cơ Đốc:** Kinh văn không nói là “Giô-sép là cha của Đức Giê-su.” Mặc dù theo luật pháp Giô-sép là cha của Đức Giê-su, ông không phải là cha ruột của Ngài. (Hãy xem 1:18-21).

**Giê-su chính là Đức Cơ Đốc:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa 1:1a.

1:17 Ba phần chính trong gia phả của Đức Giê-su

### 1:17

1:1 và 1:17 cho thấy ý chính của Tiểu Đoạn 1:1-17.

### 1:17a

**mười bốn đời:** Các cặp cha và con được gọi là *đời hay thế hệ*. Một đời hay thế hệ là thời gian giữa lúc một người được sinh ra cho đến khi con trai người ấy được sinh ra.

Người cha đại diện cho một đời hay một thế hệ, người con trai đại diện cho một đời hay một thế hệ thứ nhì, và đến người cháu lại đại diện cho một thế hệ thứ ba. Hãy xem phần giới thiệu của 1:1-17. Nhưng hãy nhớ rằng, tác giả có bỏ qua không kể một số đời.

### 1:17b

**bị lưu đày qua Ba-by-lôn:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:11.

### 1:17c

**Đức Cơ Đốc:** “Chúa Cứu Thế” (Bản Diễn Ý). Nhóm từ này được dùng như một tước vị, không phải là một tên (hãy xem 1:1 và 1:18).

Khi bạn chấm dứt chuyển ngữ Tiểu Đoạn này (1:1-17), hãy đọc lại toàn đoạn trong bản dịch của bạn. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn thấy những chỗ bạn có thể sửa đổi để làm cho bản dịch trơn tru hơn hay xếp đặt vào với nhau chặt chẽ hơn. Cũng hãy đọc to lên để tìm những chỗ chuyển ngữ nghe không được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Sau đó đọc lại cả Tiểu Đoạn ở trong BDM hay Bản Dịch Cũ (BDC). Hãy nhớ phải coi mỗi một phần của câu chuyện là một phần trong cả một câu chuyện toàn vẹn.

## Tiểu Đoạn 1:18-25 Sự giáng sinh của Đức Giê-su Cơ Đốc

Đây là một Tiểu Đoạn mới và bắt đầu một phần khác của câu chuyện về Đức Giê-su Cơ Đốc. Tất cả các bản tiếng Việt đều để một chủ đề của Tiểu Đoạn ở đây.

Câu chuyện này nói về phép lạ mà Đức Thánh Linh đã khiến Ma-ri thụ thai Đức Giê-su. Về Giô-sép, người sắp cưới cô Ma-ri, điều này thật khó hiểu. Giô-sép nghĩ Ma-ri đã có thai với một người đàn ông khác. Người Do Thái cho đây là một tội lỗi, vậy nên ông quyết định đối ý không cưới cô làm vợ nữa. Người Do Thái dạy rằng nếu một người đàn ông và một người đàn bà đã chính thức hứa hôn, thì cũng gần giống như là họ đã kết hôn. Vậy nên nếu một trong hai người có quan hệ tình dục với người khác, ngay cả trước khi họ làm đám cưới, người Do Thái coi đó như là phạm tội ngoại tình. Trong thời CU, người Do Thái trừng phạt những người phạm tội này bằng cách ném đá cho đến chết (Hãy xem Phục Truyền 22:23,24). Giô-sép yêu Ma-ri và không muốn điều này xảy ra cho cô. Vậy nên ông quyết định chỉ nói cho một vài người biết là ông sẽ không cưới cô Ma-ri làm vợ.



- 1:12 Sau khi bị lưu đày tại Ba-by-lôn, Giê-cô-ni-a sinh Sa-la-thi-ên, Sa-la-thi-ên sinh Xô-rô-ba-bên,  
Sau khi họ bị bắt đi qua Ba-by-lôn, Giê-cô-ni-a sanh Sa-la-thi-ên, và Sa-la-thi-ên là ông nội của Xô-rô-ba-bên.
- 1:13 Xô-rô-ba-bên sinh A-bi-út, A-bi-út sinh Ê-li-a-kim, Ê-li-a-kim sinh A-xô,
- 1:14 A-xô sinh Sa-đốc, Sa-đốc sinh A-chim, A-chim sinh Ê-li-út,
- 1:15 Ê-li-út sinh Ê-li-a-xa, Ê-li-a-xa sinh Ma-than, Ma-than sinh Gia-cốp,
- 1:16a Gia-cốp sinh Giô-sép, tức là chồng của Ma-ri.  
Và Gia-cốp là cha của Giô-sép, chồng bà Ma-ri.
- 1:16b Ma-ri sinh Đức Giê-su chính là Đức Cơ Đốc.  
Ma-ri là mẹ của Đức Giê-su, cũng gọi là Đức Cơ Đốc, [Đấng được Đức Chúa Trời chọn để làm vua].
- 1:17a Như thế từ Áp-ra-ham cho đến Đa-vít kể tất cả là mười bốn đời,  
Vậy nên từ Áp-ra-ham đến vua Đa-vít có mười bốn đời,
- 1:17b từ Đa-vít cho đến khi bị lưu đày qua Ba-by-lôn được mười bốn đời,  
và từ vua Đa-vít cho đến khi bị đày qua Ba-by-lôn là mười bốn đời,
- 1:17c và từ lúc lưu đày tại Ba-by-lôn cho đến Đức Cơ Đốc cũng mười bốn đời.  
và từ lúc người Do Thái ở Ba-by-lôn cho đến Đấng Cứu Thế là mười bốn đời.

### Tiểu Đoạn 1:18-25 Sự giáng sinh của Đức Giê-su Cơ Đốc

- 1:18a Sự giáng sinh của Đức Giê-su Cơ Đốc đã xảy ra như sau:  
Đây là [câu chuyện] về sự giáng sinh của Đức Giê-su Cơ Đốc.

Rồi một thiên sứ của Chúa hiện đến bảo Giô-sép là Ma-ri không hề phạm tội. Thiên sứ nói đó là Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời khiến cô thụ thai, không phải là một người đàn ông nào khác. Vậy nên sau đó Giô-sép quyết định cưới cô Ma-ri làm vợ.

Đây là câu chuyện về việc Đức Chúa Trời đã làm phép lạ để đem con Ngài xuống thế gian, và đó là sự ứng nghiệm lời tiên tri.

Chú ý: Hãy đọc cả Tiểu Đoạn trong BDM, BDC và Bản Diễn Ý (BDY) trước khi bắt đầu chuyển ngữ. Cũng hãy đọc hết các Lời Giải Nghĩa của các câu trong đoạn trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ.

1:18-19 Đức Thánh Linh khiến cho Ma-ri thụ thai

xảy ra để cho thấy cách thức về sự giáng sinh của Đức Giê-su Cơ Đốc.”

#### 1:18a

Câu đầu tiên giới thiệu nguyên cớ Tiểu Đoạn (1:18-25). Có nghĩa: “Đây là những việc đã

**Giê-su Cơ Đốc:** Ma-thi-ơ dùng như là một tên, không phải như là một tước vị (hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:1).

**1:18b**

**Ma-ri, mẹ Ngài:** Ma-ri sẽ là mẹ của Đức Giê-su, nhưng khi những việc này xảy ra, Ma-ri chưa sinh Chúa Giê-su. Vậy nên có lẽ tốt hơn là bỏ đừng nhắc tới “mẹ Ngài” ở đây nếu nó làm cho người đọc hiểu lầm. 1:24-25 cho thấy rõ ràng Ma-ri là mẹ của Đức Giê-su.

**đã đính hôn:** Ma-ri đã chính thức hứa hôn với Giô-sép theo phong tục của người Do Thái, nhưng họ chưa làm đám cưới. Theo luật lệ Do Thái, họ chưa được ăn ở với nhau trong thời gian này. Nếu sau khi hứa hôn họ không muốn cưới nhau, người Do Thái coi như là họ ly dị (hãy xem 1:19). Vậy nên người ta gọi Giô-sép là “chồng hứa” của Ma-ri (1:19, BDM).

**1:18c**

**nhưng trước khi hai người chung sống:** Đây có nghĩa là: “trước khi họ làm đám cưới.” Điều này cũng hàm ý là: “trước khi họ có quan hệ tình dục.” Theo phong tục Do Thái, sau khi hai người hứa hôn, họ đợi một thời gian ngắn rồi mới chung sống với nhau. Vào thời gian thuận tiện, hai gia đình tổ chức một tiệc cưới cho hai người (hãy xem Giăng 1:1-11), và sau đó họ chung sống với nhau như vợ chồng.

**1:18d**

**Ma-ri đã thụ thai:** Trong 1:19 hàm ý Giô-sép phát hiện là cô có thai.

**do quyền phép Đức Thánh Linh:** Quyền năng của Đức Thánh Linh làm điều này. Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời làm cho Ma-ri thụ thai (Lu-ca 1:26-35), không phải là qua quan hệ tình dục. Đây là một phép lạ của Đức Chúa Trời, khiến cho người ta gọi Đức Giê-su là Con Đức Chúa Trời vô tội. Đức Giê-su không có bản chất tội lỗi vì cha Ngài không phải là một con người. Bạn có thể chuyển ngữ như sau: “Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời khiến cho Ma-ri thụ thai.”

**1:19a**

**Giô-sép, chồng hứa của nàng:** Giô-sép là người Ma-ri sẽ lấy làm chồng. Nhưng bây giờ họ chưa ăn ở với nhau như vợ chồng.

**người có tình nghĩa:** Giô-sép vâng theo luật lệ của người Do Thái và cố gắng làm điều mình phải làm. Đây kể cả việc vâng theo luật pháp trong vấn đề hôn nhân và tình dục (Phục Truyền chương 22). Một người đàn ông công chính sẽ ly dị người vợ nếu người ấy phạm tội ngoại tình.

**1:19b**

**không muốn nàng bị bêu xấu:** Giô-sép chưa biết là Đức Thánh Linh khiến cho Ma-ri thụ thai. Ông nghĩ cô có thai với một người đàn ông khác. Và ông biết là ông có thể làm một trong hai điều: 1) nói với mọi người là cô đã phạm tội ngoại tình với người khác, hay 2) không nói là cô đã phạm tội, nhưng không cưới cô làm vợ. Nếu ông làm theo điều thứ nhất, các nhà lãnh đạo Do Thái sẽ ném đá cô chết. Vậy nên ông định làm điều thứ nhì.

**1:19c**

**nên định âm thầm từ hôn:** Giô-sép quyết định không cưới Ma-ri, và ông âm thầm từ hôn. Muốn từ hôn, Giô-sép chỉ phải nói với hai người. Ông không phải công khai kết tội Ma-ri. Ông không muốn cô bị chê cười hay trừng phạt, mặc dù ông nghĩ là cô đã phạm tội. Có thể chuyển ngữ là:

Ông đã định âm thầm từ hôn.

1:20-21 Sứ điệp của thiên sứ cho Giô-sép
--

**1:20a**

**Đang khi ông suy tính như vậy:** Có lẽ Giô-sép đang suy nghĩ cách để từ hôn với Ma-ri mà không làm cô bị xấu hổ một cách công khai. Ông chắc chắn đã quyết định làm điều này, nhưng có lẽ không biết làm bằng cách nào.

**1:20b**

Trong bản Hy-lạp nhóm từ này bắt đầu bằng từ *idou*, có nghĩa là: ‘hãy lắng nghe, chú ý.’ Các bản tiếng Việt không chuyển ngữ từ này và từ này không dễ để chuyển ngữ. Từ này không có nghĩa là ‘Hãy nhìn’ hay ‘Hãy xem.’ Tác giả dùng từ này trong TU khi tác giả có điều gì bất thường muốn nói, hay khi có một người mới hay một người đột xuất trong câu chuyện. Tác giả dùng từ này để

- 1:18b *Ma-ri, mẹ Ngài, đã đính hôn cùng Giô-sép,  
Ma-ri đã được hứa gả cho Giô-sép.*
- 1:18c *nhưng trước khi hai người chung sống,  
Nhưng trước khi hai người sống với nhau [như vợ chồng],  
-HAY-  
Nhưng trước khi hai người có quan hệ tình dục,*
- 1:18d *thì Ma-ri đã thụ thai do quyền phép Đức Thánh Linh.  
Đức Thánh Linh khiến cho Ma-ri có thai. [Giô-sép biết cô sắp có con.]*
- 1:19a *Giô-sép, chồng hứa của nàng là người có tình nghĩa  
[Ông nghĩ rằng Ma-ri có thai với một người đàn ông khác.] Giô-sép là một người  
tốt và vâng theo luật lệ của người Do Thái.*
- 1:19b *và không muốn nàng bị bêu xấu,  
Nhưng ông không muốn người ta nghĩ rằng cô là một người đàn bà hư hỏng.  
-HAY-  
Nhưng ông không muốn làm cho cô phải bị xấu hổ với người ta.*
- 1:19c *nên định âm thầm từ hôn.  
Nên ông định âm thầm từ hôn với Ma-ri.  
-HAY-  
Nên ông quyết định sẽ chỉ nói với [một vài người] là ông sẽ không cưới cô Ma-ri.*
- 1:20a *Đang khi ông suy tính như vậy,  
Nhưng trong khi Giô-sép suy nghĩ để thực hiện ý định này,*
- 1:20b *một thiên sứ của Chúa hiện đến trong giấc mộng  
[ông đang ngủ và] nằm mơ, ông thấy một thiên sứ được Chúa sai xuống.*
- 1:20c *và bảo: “Này Giô-sép, con cháu Đa-vít,  
Thiên sứ bảo: “Giô-sép, con cháu [vua] Đa-vít,*

cho người đọc chú ý vào điều mình sắp nói. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một từ hay một cụm từ có ý nghĩa này, bạn có thể dùng ở đây.

**một thiên sứ của Chúa:** Đây là một thần linh mà Chúa sai đến.

**hiện đến:** Khi thiên sứ hiện đến, Giô-sép có thể thấy người.

**trong giấc mộng:** Giô-sép đang ngủ và nằm mơ thấy thiên sứ hiện đến. Đây không có nghĩa là Giô-sép chỉ nghĩ rằng ông thấy

thiên sứ. Thiên sứ thật sự hiện đến với ông, dù là qua một cơn mơ (hãy xem 2:12, 13, 19, 22).

### 1:20c

**Giô-sép, con cháu Đa-vít:** Vua Đa-vít là một trong những tổ tiên của Giô-sép. Thiên sứ nói như vậy để nhắc ông nhớ rằng ông thuộc về dòng họ của vua. Mặc dù Đức Giê-su không phải là con ruột của Giô-sép, theo luật pháp Ngài là con của ông, và như vậy cho Đức Giê-su có quyền trở thành một vị vua (hãy xem phần giới thiệu của 1:1-17).

**1:20d**

**đừng ngại:** Đây không nói về sự sợ hãi thông thường. Thiên sứ đang bảo Giô-sép đừng từ chối hay do dự cưới Ma-ri làm vợ.”

**cưới Ma-ri làm vợ:** Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp là: “cưới Ma-ri làm vợ.” Theo phong tục Do Thái người ta đã gọi cô là vợ của ông. Thiên sứ nói rằng Giô-sép không nên ngại cưới Ma-ri làm vợ.

**1:20e**

**thai nàng đang mang là bởi Đức Thánh Linh:** Thân hình của Đức Giê-su bắt đầu nảy nở ở trong thân thể của Ma-ri do quyền năng của Đức Chúa Trời, không phải do con người. Đức Thánh Linh khiến cô thụ thai.

**1:21a**

**hãy đặt tên là Giê-su:** Bạn có thể chuyển ngữ là: “ông phải đặt tên đứa trẻ là Giê-su.” Thiên sứ đang ra lệnh cho Giô-sép.

**Giê-su:** Tên *Giê-su* đến từ tên “Giô-suê,” trong tiếng Hê-bơ-rơ (Do Thái) có nghĩa là “Chúa cứu.” Giô-sép biết đây là ý nghĩa của tên Giê-su, nên thiên sứ không cần phải giải thích ý nghĩa cho ông. Nhưng những người đọc bản dịch của bạn có thể không biết điều này. Vậy tốt hơn nên để ý nghĩa này trong bản dịch hay giải thích bằng một lời chú thích ở cuối trang.

**1:21b**

**vì:** Bạn có thể đổi thứ tự của các nhóm từ ở trong 1:21 để nghe tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn mà không làm thay đổi ý nghĩa. Thí dụ: “Cô ấy sẽ sinh một con trai và Ngài sẽ cứu dân mình ra khỏi tội lỗi, vậy nên ông phải đặt tên đứa trẻ là Giê-su.”

**sẽ cứu dân tộc mình thoát khỏi tội lỗi:** Ngài sẽ giữ dân tộc mình khỏi quyền lực của tội lỗi, và bởi vì cố Ngài, Đức Chúa Trời sẽ không trừng phạt họ (sau đời sống trên đất này) về tội lỗi của họ. Đây là một phần trong ý nghĩa của tên “Giê-su.” Đây là lý do thiên sứ bảo Giô-sép đặt tên đứa trẻ là Giê-su, bởi vì Ngài sẽ cứu dân tộc mình ra khỏi tội lỗi.

**tội lỗi:** Ý nghĩa của *tội lỗi* trong tiếng Hy-lạp là hành động hay sự suy nghĩ chống lại hay ngược lại với ý chỉ và luật pháp của Đức Chúa Trời.

1:22-23 Sự giáng sinh của Đức Giê-su làm ứng nghiệm lời tiên tri của Ê-sai.

**1:22**

**Mọi việc:** Ma-thi-ơ muốn nói đến mọi việc ông kể lại ở trong 1:18-21. Đức Chúa Trời khiến cho mọi việc này xảy ra.

**để lời Chúa phán qua nhà tiên tri được ứng nghiệm:** Nhóm từ *được ứng nghiệm* ở đây có nghĩa là khiến cho một việc gì đó xảy ra theo như lời của tiên tri Đức Chúa Trời đã nói trước. Phép lạ Ma-ri thụ thai bởi Đức Thánh Linh là một trong những việc mà các tiên tri đã nói bây giờ trở thành sự thật.

**Chúa phán qua nhà tiên tri:** Đức Chúa Trời ban cho tiên tri các ý tưởng và lời để nói, các tiên tri nói với người ta, và sau đó viết những lời ấy xuống.

**nhà tiên tri:** Đây muốn nói đến tiên tri Ê-sai, một tiên tri của Đức Chúa Trời đã sống trước khi Đức Giê-su sinh ra cả mấy trăm năm. Tiên tri của Đức Chúa Trời là người nói những lời Chúa phán và bảo họ nói. Đây bao gồm cả những điều Đức Chúa Trời đã làm, đang làm và sẽ làm.

**1:23**

1:23a-b là lời trích dẫn từ Ê-sai 7:14 trong CƯ. Nhưng 1:23c là lời của Ma-thi-ơ giải nghĩa “Em-ma-nu-ên.” Ma-thi-ơ trích dẫn từ CƯ rất nhiều lần (hãy xem phần giới thiệu của Ma-thi-ơ). Bạn phải cần quyết định với ủy ban phiên dịch, cách bạn dùng các câu KT CƯ được trích dẫn trong TỰ. Bạn có thể để nó trong bản dịch giữa hai dấu ngoặc, hay để nó ở cuối sách. Hoặc là bạn có thể quyết định bỏ hẳn đi và không dùng đến trong bản dịch của bạn.

**1:23a**

**trinh nữ:** Một *trinh nữ* là một người chưa có quan hệ tình dục với đàn ông. Đây thường là một cô gái trẻ, chưa có chồng. Cố gắng chuyển ngữ điều này một cách rõ ràng nhưng đừng làm cho người đọc mắc cỡ. Hãy xem PKTCD.

**sẽ mang thai:** Đây có nghĩa là hài nhi Giê-su bắt đầu lớn ở trong bụng của Ma-ri trước khi cô có quan hệ tình dục với đàn ông. Đây

- 1:20d *đừng ngại cưới Ma-ri làm vợ*  
đừng sợ cưới Ma-ri làm vợ,  
-HAY-  
đừng ngại cưới Ma-ri,
- 1:20e *vì thai nàng đang mang là bởi Đức Thánh Linh.*  
bởi vì Đức Thánh Linh là Đấng khiến cho cô ấy thụ thai.
- 1:21a *Nàng sẽ sinh một trai, hãy đặt tên là Giê-su,*  
Cô ấy sẽ sinh một đứa con trai, và ông phải đặt tên là Giê-su [có nghĩa là “Cứu Chúa”],
- 1:21b *vì Ngài sẽ cứu dân tộc mình thoát khỏi tội lỗi.”*  
bởi vì Ngài sẽ cứu dân tộc mình thoát khỏi [quyền lực của tội lỗi và sự trừng phạt vì] tội lỗi của họ.”
- 1:22 *Mọi việc đã xảy đến như thế để lời Chúa phán qua nhà tiên tri được ứng nghiệm:*  
Tất cả những việc này đã xảy ra để làm ứng nghiệm những lời Chúa nói qua tiên tri [Ê-sai] từ hồi xưa. [Đây là điều ông nói:]
- 1:23a *“Này, một trinh nữ sẽ mang thai*  
“Hãy lắng nghe! Một người con gái chưa hề ngủ với đàn ông sẽ thụ thai,
- 1:23b *và sinh một trai. Người ta sẽ đặt tên Ngài là Em-ma-nu-ên, “*  
và cô sẽ sinh ra một đứa con trai. Tên Ngài là Em-ma-nu-ên,
- 1:23c *“nghĩa là: Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta.”*  
có nghĩa là ‘Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta.’”
- 1:24 *Giô-sép thức dậy, làm theo lời thiên sứ của Chúa đã dặn bảo, cưới Ma-ri về làm vợ,*  
Khi Giô-sép tỉnh dậy, ông làm theo lời thiên sứ của Chúa đã bảo ông. Ông cưới Ma-ri làm vợ.  
-HAY-  
Sau đó Giô-sép thức dậy, và ông cưới Ma-ri làm vợ, giống như lời thiên sứ của Chúa đã dặn.

là một phép lạ. Có nghĩa là Đức Chúa Trời là cha của Đức Giê-su chứ không phải Giô-sép hay bất cứ người đàn ông nào khác.

### 1:23b

**Người ta sẽ đặt tên Ngài là Em-ma-nu-ên:** Gia đình, thường là cha mẹ đứa bé, là người đặt tên. Hãy xem Lời Giải Nghĩa và PKTCD của 1:25b.

**Em-ma-nu-ên:** Em-ma-nu-ên có nghĩa là “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta.” Từ này xuất hiện trong KT ba lần tất cả: Ê-sai 7:14; 8:8, và Ma-thi-ơ 1:23.

### 1:23c

**chúng ta:** Đại từ *chúng ta* nói đến dân sự của Đức Chúa Trời. Đây bao gồm cả người nghe và người đọc, tất cả mọi người thuộc về Đức Chúa Trời.

1:24-25 Đức Giê-su sinh ra

### 1:24

**Giô-sép thức dậy:** Có lẽ ông đã ngủ cả đêm, nằm mơ và sáng hôm sau thức dậy.

**cưới Ma-ri về làm vợ:** Họ làm đám cưới, Giô-sép đưa Ma-ri về nhà ở với mình.

cô.” Hầu hết các bản dịch tiếng Anh đều dùng *con trai*.

### 1:25a

**nhưng hai người không ăn ở với nhau:** Vào lúc này, Giô-sép không ăn ở với Ma-ri. Mặc dù Giô-sép và Ma-ri đã lấy nhau, họ không có quan hệ tình dục với nhau trong lúc Ma-ri mang thai Đức Giê-su. Hãy dùng từ để nói rõ việc này mà không phải làm cho người đọc phải mắc cỡ.

**cho đến khi nàng sinh một con trai:** Đây hàm ý là sau khi sinh Đức Giê-su, Ma-ri và Giô-sép có những đứa con khác theo cách thông thường (hãy xem Mác 3:32).

**một con trai:** Hầu hết các bản thảo Hy-lạp đều có từ *con trai*, mặc dù một số bản thảo Hy-lạp khác có từ “con đầu lòng của

### 1:25b

**thì đặt tên là Giê-su:** Trong thời CU trước khi bị lưu đày, thông thường người mẹ đặt tên cho con (Sáng Thế Ký 4:1, 29:32). Nhưng sau khi bị lưu đày về và trong thời TU, người cha thường đặt tên cho đứa trẻ. Vậy nên Giô-sép đặt tên đứa trẻ là Giê-su giống như thiên sứ đã bảo ông làm (1:21). Đây là phần cuối của phần này trong câu chuyện (Tiểu Đoạn 1:18-25). Hãy suy nghĩ cách chấm dứt Tiểu Đoạn trong ngôn ngữ của bạn. Khi bạn đã chuyển ngữ xong Tiểu Đoạn này, đọc lại cả Tiểu Đoạn trong các bản tiếng Việt. Phải chắc chắn là các ý tưởng chính nối kết với nhau mạch lạc để người đọc có thể hiểu được.

## Tiểu Đoạn 2:1-12 Các nhà thông thái đến thăm Đức Giê-su

Vào dịp Giáng Sinh người ta hay nghe câu chuyện “Ba Nhà Thông Thái.” Nhưng Ma-thi-ơ không nói rõ bao nhiêu nhà thông thái ở trong câu chuyện này. Điều rõ ràng là họ dâng lên ba món quà cho Đức Giê-su (2:11). Họ là những người sùng đạo, nhưng không ai biết họ có phải là vua hay không. Những người này đến từ các nước ở phía đông của Giê-ru-sa-lem. Có thể là Ba-tư hay Ả-rập, hay Ba-by-lôn, hay từ các nước khác. Người ta gọi những người này là *magi*, vào thời đó có nghĩa là “những người nghiên cứu các ngôi sao.” Có thể các nhà thông thái nghe về điều đã chép ở trong Dân Số Ký 24:17, nói về Đấng Cứu Thế sẽ đến. Lời chép như sau:

“Tôi thấy trong tương lai, một Ngôi sao xuất phát từ nhà Gia-cốp, vị vua Y-sơ-ra-ên này sẽ đến.”  
(BDY)

Có lẽ những người thông thái này phải mất một thời gian lâu mới đi được từ nước của họ đến Giê-ru-sa-lem sau khi thấy ngôi sao lạ. Vua Hê-rốt giết các trẻ em tại thành phố Bết-lê-hem từ hai tuổi trở xuống. Điều này hàm ý là có lẽ từ lúc họ thấy ngôi sao và tìm đến được Giê-ru-sa-lem là hai năm. KT không nói rõ là các nhà thông thái đến Giê-ru-sa-lem sau khi Đức Giê-su sinh ra được bao lâu.

Vào lúc Đức Giê-su sinh ra, Vua Hê-rốt Đại Đế là vua của xứ Giu-đê và Ga-li-lê cùng các vùng lân cận. Hê-rốt là một vị vua gian ác. Vua không vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Ông không muốn ai trở thành vua trong xứ của ông ta, đặc biệt Đấng gọi là Đấng Cứu Thế. Vậy nên ông ta tận sức để ngăn cản việc này xảy ra.

Hãy nhớ đọc các bản tiếng Việt trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ. Cũng nghiên cứu tất cả các Lời Giải Nghĩa của các câu trong đoạn trước khi bắt đầu chuyển ngữ đoạn này.

1:25a *nhưng hai người không ăn ở với nhau cho đến khi nàng sinh một con trai*  
Nhưng ông không ăn ở với cô cho tới khi cô đã sinh một đứa con trai.

1:25b *thì đặt tên là Giê-su.*  
Giô-sép đặt tên đứa trẻ là Giê-su.

### Tiểu Đoạn 2:1-12 Các nhà thông thái đến thăm Đức Giê-su

2:1a *Khi Đức Giê-su giáng sinh tại Bết-lê-hem thuộc Giu-đê*  
Đức Giê-su được sanh ra tại [tỉnh] Bết-lê-hem, thuộc [xứ] Giu-đê,

2:1b *vào thời vua Hê-rốt, có mấy nhà thông thái từ phương đông đến Giê-ru-sa-lem*  
vào thời vua Hê-rốt. Sau khi đó, có mấy nhà thông thái từ phương đông đến Giê-ru-sa-lem.

2:2a *hỏi thăm: ‘Vua Do Thái mới hạ sinh ở đâu?’*  
Họ hỏi thăm [người ta]: “Đứa trẻ được sinh ra [để làm] vua dân Do Thái ở đâu?”

2:1-2 Các nhà thông thái đến thờ lạy  
Đức Giê-su

#### 2:1a

**Khi:** Đây muốn nói đến giai đoạn sau khi Đức Giê-su sinh ra. Kinh văn không nói đến các việc ở trong 2:1-18 xảy ra sau khi Ngài sinh ra bao lâu.

**tại Bết-lê-hem thuộc Giu-đê:** Đây là một thành phố nhỏ ở cách Giê-ru-sa-lem khoảng 8 km. Tác giả dùng nhóm từ *thuộc Giu-đê* ở đây bởi vì có một thành phố Bết-lê-hem khác ở trong xứ Ga-li-lê cách Na-xa-rét vài cây số về phía tây bắc.

#### 2:1b

**vào thời vua Hê-rốt:** Đức Giê-su được sinh ra vào lúc Hê-rốt đang làm vua. Trong thời đó, người ta không có lịch như chúng ta ngày nay, họ dùng thời của các vua, cũng như là vua ấy làm vua được bao nhiêu năm để làm dấu về thời gian. Đây là cách giúp cho người ta nhớ các việc quan trọng đã xảy ra.

**Hê-rốt:** Đây là Hê-rốt Đại Đế. Ông ta không phải là người Do Thái, nhưng ông là vua của Giu-đê vào lúc Đức Giê-su được sinh ra (hãy xem Lu-ca 1:5 và phần giới thiệu của Tiểu Đoạn). Con vua, Hê-rốt An-

ti-pha, sau này là vua xứ Ga-li-lê, khi Đức Giê-su chết.

**mấy nhà thông thái:** Họ là những người cố gắng nghiên cứu các ngôi sao để biết những việc sẽ xảy đến trong tương lai. Họ cũng cố gắng để giải thích ý nghĩa của các giấc mộng. Những người này có lẽ tin nơi Đức Chúa Trời chân thật, bởi vì họ tìm đến để thờ phượng Đấng mà người ta gọi là “Đấng Cứu Thế” (hãy xem phần giới thiệu của Tiểu Đoạn).

**từ phương đông:** Trong tiếng Hy-lạp: “từ hướng mặt trời mọc.” Họ đến từ một hay những nước ở miền đông của Giê-ru-sa-lem. Những nước này có lẽ là nước I-ran và I-rắc bây giờ (hãy xem phần giới thiệu của Tiểu Đoạn).

**Giê-ru-sa-lem:** *Giê-ru-sa-lem* là thủ đô của xứ Giu-đê.

#### 2:2a

**hỏi thăm:** Kinh văn không nói đến những nhà thông thái này đang nói chuyện với ai khi họ hỏi câu hỏi này. Có lẽ họ hỏi thăm một số người. Họ cũng có thể tìm đến với các nhà lãnh đạo tôn giáo của người Do Thái. Mặc dù hầu hết các nhà lãnh đạo tôn giáo không tin rằng Đấng Cứu Thế được sinh ra, một số biết các tiên tri nói Ngài sẽ được sinh ra ở đâu. Hãy xem 2:5a.

**Vua Do Thái mới hạ sinh ở đâu?:** Các nhà thông thái, không phải là người Do Thái, tin rằng một đứa trẻ vừa mới được sinh ra trong xứ Do Thái, và Ngài sẽ trở nên vua của người Do Thái.

### 2:2c

**chúng tôi thấy ngôi sao Ngài:** Các nhà thông thái đã thấy một ngôi sao lạ trên trời. Họ không nói là ngôi sao trông giống như thế nào, nhưng có lẽ phải sáng hơn các vì sao khác. Chắc họ đang nghĩ tới lời hứa ở trong Dân Số Ký 24:17 (xem phần giới thiệu của Tiểu Đoạn). Nhóm từ này có nghĩa là: “ngôi sao xuất hiện khi Ngài giáng sinh” hay “ngôi sao làm dấu hiệu cho sự giáng sinh của Ngài.” Bạn không nên chuyển ngữ là “ngôi sao của Ngài” trừ khi người đọc hiểu được ý nghĩa của nó.

**chúng tôi:** Đại từ *chúng tôi* nói đến các nhà thông thái. Đây không kể những người mà các nhà thông thái nói chuyện với.

**bên phương đông:** Trong bản Hy-lạp: “khi nó mọc.” Có ba cách để giải thích:

- (1) khi sao mọc
- (2) khi sao mọc bên phương đông
- (3) khi chúng tôi ở bên phương đông

Các nhà thông thái ở phía đông của Giê-ru-sa-lem khi họ mới thấy ngôi sao (2:1). Vậy nên sau khi thấy ngôi sao họ đi về hướng tây. Nhưng ngôi sao cũng ở về phương đông, bởi vì các ngôi sao luôn luôn mọc lên ở phương đông và lặn ở phương tây. Vậy nên nhóm từ *bên phương đông* có thể có cả ba nghĩa. Hãy xem PKTCD. Có thể chuyển ngữ 2:2c như sau:

chúng tôi đã thấy sao xuất hiện ở phương đông [vào lúc Ngài sinh ra và đó là dấu hiệu cho thấy Ngài sẽ làm vua].

### 2:2d

**tôn thờ:** Đây có nghĩa là một người cúi xuống lạy một người nào để tỏ lòng yêu mến và kính trọng. Có nghĩa là tôn trọng như một vua. Các nhà thông thái tôn kính Đức Giê-su như là một vị vua. Nhưng có vẻ như họ cũng tin rằng Đức Chúa Trời sai Ngài đến để làm một Đấng vĩ đại hơn cả vua.

2:3-4 Hê-rốt lo lắng về việc Đấng Cứu Thế được sinh ra

### 2:3a

**Nghe vậy:** Hê-rốt đã nghe rằng đứa trẻ sinh ra sẽ trở nên một vị vua.

### 2:3b

**vua Hê-rốt và cả thành Giê-ru-sa-lem:** Hê-rốt bối rối khi nghe tin một người có thể trở nên vua của người Do Thái và chiếm ngôi của vua. Người La-mã đưa Hê-rốt lên làm vua, nên ông ta không thật sự là vua do người Do Thái chọn. Người ta sợ hãi, bởi vì họ đã biết Hê-rốt sẽ tìm cách giết bất cứ ai muốn đoạt ngôi của vua.

**đều bối rối:** Vua và cả thành Giê-ru-sa-lem bối rối, sợ hãi, lo lắng.

### 2:4a

**tất cả:** Đây không nói đến mọi thượng tế. Có thể có nghĩa là: “vua gọi các thượng tế đến họp.”

**thượng tế:** *Thượng tế* (thầy tế lễ cả) là các người lãnh đạo 24 nhóm thầy tế lễ của người Do Thái. Đa số thầy thượng tế thuộc về đảng Sa-đu-sê. Họ không trông mong Đấng Cứu Thế.

Qua suốt TU cách bạn chuyển ngữ “thầy trưởng tế” phải khác hơn cách bạn dùng để chuyển ngữ “thầy tế lễ” và “thầy thượng tế.” Công việc chính của thầy tế lễ là dâng tế lễ của dân chúng lên Đức Chúa Trời. Một số bản dịch nói đến thầy tế lễ như là “người dâng tế lễ” hay “người trung gian” giữa Đức Chúa Trời và con người. Cứ mỗi sáu tháng thầy tế lễ phải làm việc một tuần lễ. Nhóm thầy trưởng tế bao gồm những thầy đã làm thượng tế, cũng có những người trong gia đình của ông ta, cũng có người thuộc về các gia đình các thầy tế lễ quan trọng khác, sĩ quan coi lính gác đền thờ, và các cựu thượng tế. Thầy trưởng tế là thầy tế lễ quan trọng nhất. Ông ta là người duy nhất có thể vào nơi Chí Thánh để dâng tế lễ của dân chúng cho Đức Chúa Trời. Ông làm điều này mỗi năm một lần vào Ngày Chuộc Tội.

**chuyên gia kinh luật:** *Chuyên gia kinh luật* là những người nghiên cứu và dạy các luật lệ trong CU. Họ là những người lãnh đạo giải



- 2:2b Vì  
[Chúng tôi biết Ngài đã sinh ra] bởi vì
- 2:2c *chúng tôi thấy ngôi sao Ngài bên phương đông*  
chúng tôi thấy ngôi sao của Ngài xuất hiện, [khi chúng tôi ở] bên phương đông.  
-HAY-  
chúng tôi thấy ngôi sao của Ngài ở bên phương đông [cho biết là Ngài đã được sinh ra].
- 2:2d *nên đến để tôn thờ Ngài.”*  
[VẬY] chúng tôi đến để thờ lạy Ngài.”
- 2:3a *Nghe vậy,*  
Khi vua Hê-rốt nghe [rằng một đứa trẻ được sinh ra sẽ làm vua,]
- 2:3b *vua Hê-rốt và cả thành Giê-ru-sa-lem đều bối rối.*  
vua trở nên bối rối [vì sợ một người khác lấy mất ngôi vua] và tất cả mọi người ở Giê-ru-sa-lem đều lo sợ [điều vua Hê-rốt sẽ làm.]
- 2:4a *Vua triệu tập tất cả thượng tế và chuyên gia kinh luật trong dân chúng,*  
Vua tập hợp tất cả các thượng tế và chuyên gia kinh luật  
-HAY-  
Vua mời tất cả các thượng tế và các chuyên gia kinh luật đến gặp vua
- 2:4b *và hỏi xem Đấng Cơ Đốc giáng sinh ở đâu.*  
và hỏi họ theo như các tiên tri đã nói trước Đấng Cứu Thế sẽ sinh ra ở đâu.
- 2:5a *Họ trả lời: “Tại Bết-lê-hem thuộc xứ Giu-đê,*  
Họ trả lời: “Ngài sẽ được sinh ra tại tỉnh Bết-lê-hem trong xứ Giu-đê.

thích ý nghĩa của luật pháp mà Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se. Trong một số bản tiến Anh dùng “giao sự dạy luật pháp.” Đọc Ma-thi-ơ chương 23 để xem điều Đức Giê-su nghĩ về những chuyên gia kinh luật.

#### 2:4b

**hỏi xem:** Bạn nên xem thử dùng ở đây một câu đối thoại trực tiếp hay gián tiếp thì nghe tự nhiên hơn. Câu hỏi của Hê-rốt ở cuối câu 2:4 có thể là câu hỏi trực tiếp hay gián tiếp. BDM dùng hình thức một câu đối thoại gián tiếp: *hỏi xem Đấng Cơ Đốc giáng sinh ở đâu.* Nhưng BDY dùng hình thức một câu đối thoại trực tiếp: Vua chất vấn: “Các tiên tri thời xưa có nói Chúa Cứu Thế sẽ sinh tại đâu không?” Chọn hình thức nào để hiểu nhất trong ngôn ngữ của bạn.

**Đấng Cơ Đốc:** Đấng Cứu Thế (hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:16).

**giáng sinh ở đâu:** Vua muốn biết các tiên tri nói Đức Cơ Đốc sẽ sinh ra ở đâu.

2:5-6 Tiên tri nói Đức Cơ Đốc sẽ được sinh ra tại Bết-lê-hem

#### 2:5a

Các thầy thượng tế và các chuyên gia kinh luật biết điều CU đã nói về Đấng Cứu Thế. Vậy nên họ có câu trả lời cho vua Hê-rốt.

**Tại Bết-lê-hem:** Ngài sẽ được sinh ra tại Bết-lê-hem.

**2:5b**

**lời tiên tri chép:** Đây nói đến điều tiên tri nói trong CU, theo KT của người Do Thái.

**tiên tri:** Tiên tri Mi-chê viết lời tiên tri này (Mi-chê 5:2) vào khoảng 700 năm trước khi Đức Cơ Đốc giáng sinh. Các lời trong Ma-thi-ơ 2:5 không cùng một lời như đã chép ở trong Mi-chê 5:2, nhưng ý nghĩa cơ bản thì giống nhau.

**2:6**

Đây là các lời của Chúa mà tiên tri Mi-chê đã chép. Trong bản dịch của bạn phải để như là lời Đức Chúa Trời phán chứ không phải lời của tiên tri Mi-chê. Có thể thay đổi thứ tự các nhóm từ sẽ làm rõ nghĩa hơn trong ngôn ngữ của bạn:

‘Còn người, Bết-lê-hem thuộc xứ Giu-đê, một lãnh tụ sẽ xuất phát từ người, Ngài sẽ chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên. Nên người đầu phải là nhỏ bé nhất trong hàng lãnh đạo Giu-đa.

Trong một số ngôn ngữ không thể gọi một làng là “người.” Người chuyển ngữ phải dùng một đại từ để chỉ toàn thể dân làng. Hãy xem PKTCD.

**Còn:** BDM chuyển ngữ liên từ *kai* trong bản Hy-lạp là “Còn.” BDY không chuyển ngữ vì không cần thiết. Liên từ nối Mi-chê 5:1 và 5:2. Nhưng Ma-thi-ơ chỉ trích dẫn Mi-chê 5:2. Đó là lý do tại sao CDN trong PKTCD cũng không chuyển ngữ liên từ này.

**Người đầu phải là nhỏ bé nhất:** Mi-chê thật sự muốn nói: Mặc dù Bết-lê-hem là một thành phố nhỏ, nó sẽ trở nên một thành phố quan trọng.

**trong hàng lãnh đạo Giu-đa:** Bất cứ khi nào các nhà lãnh đạo của các tỉnh trong xứ Giu-đê họp lại, lãnh đạo của thành phố Bết-lê-hem sẽ ở đó. Trước kia, nhà lãnh đạo của Bết-lê-hem không quan trọng vì đó là một thành phố không quan trọng. Nhưng bây giờ, Đấng Cứu Thế được giáng sinh ở đó, nên nhà lãnh đạo của Bết-lê-hem trở nên quan trọng. Người ấy không những chỉ lãnh đạo Bết-lê-hem và Giu-đê, nhưng tất cả Y-sơ-ra-ên. Vậy nên có thể chuyển ngữ như sau: “Tỉnh của người sẽ là một tỉnh quan trọng trong xứ Giu-đê.” Hãy nhớ rằng Chúa

đang nói đến dân chúng ở trong tỉnh, không phải chỉ tỉnh đó mà thôi.

**một lãnh tụ sẽ xuất phát từ người:** Tiên tri đã chép rằng một trong những người ở đó sẽ trở nên người lãnh đạo. Người ấy sẽ được sinh ra tại Bết-lê-hem.

**Ngài sẽ chăn dắt :** Người lãnh đạo này sẽ hướng dẫn người ta như người chăn chiên chăn dắt chiên của mình.

Bạn có thể để một lời chú thích ở cuối trang với các thông tin sau đây: Người chăn chiên là người chăm sóc chiên. Người ấy cung cấp cho chiên mọi thứ cần thiết, như dẫn chúng đến đồng cỏ xanh và suối nước, bảo vệ khỏi bị thú dữ tấn công ngày và đêm (xem Thi Thiên 23). Người chăn chiên đặt tên cho chiên của mình nên chiên đáp ứng khi người chăn gọi tên. Chăn chiên là công việc quen thuộc trong văn hoá Do Thái từ “người chăn chiên” và “chiên” thường được dùng trong suốt KT để cho thấy cách Đức Chúa Trời chăm sóc chúng ta là những người giống như chiên trong nhiều phương diện.

**dân Y-sơ-ra-ên của Ta:** Đây muốn nói đến tất cả dân Y-sơ-ra-ên, không phải chỉ dân Giu-đê. Đấng Cứu Thế sẽ đến và hướng dẫn tất cả người Do Thái. Chúa đang nói ở đây, nên nhóm từ “dân của ta” đề cập đến dân sự của Đức Chúa Trời, chứ không phải là dân sự của Mi-chê. Y-sơ-ra-ên là tên Đức Chúa Trời ban cho Gia-cốp cháu nội của Áp-ra-ham (Sáng 32:28). Sau đó tên này được dùng cho cả nước Do Thái. Có những người gọi dân Do Thái là con cái/dân Y-sơ-ra-ên.

2:7-8 Hê-rốt cố gắng tìm kiếm đứa trẻ

**2:7**

Hê-rốt cố gắng để lừa gạt các nhà thông thái. Vua muốn biết Đức Cơ Đốc đã được bao nhiêu tuổi. Nhưng vua không muốn họ biết là vua có ý định giết Ngài (hãy xem 2:13)

**2:7a**

**bí mật:** Người ta không biết về buổi họp này. Chỉ có các nhà lãnh đạo thân cận với vua biết.

- 2:5b *vì có lời tiên tri chép:*  
[Chúng tôi biết như vậy] bởi vì đây là điều tiên tri [Mi-chê] đã viết [nhiều năm trước đây]:
- 2:6a *‘Còn người, Bết-lê-hem thuộc xứ Giu-đê,*  
*‘[Chúa phán:] Các người, dân chúng của Bết-lê-hem trong xứ Giu-đê:*
- 2:6b *Người đầu phải là nhỏ bé nhất trong hàng lãnh đạo Giu-đá,*  
*Tỉnh nhỏ của các người sẽ là một tỉnh quan trọng ở trong xứ Giu-đê*
- 2:6c *Vì một lãnh tụ sẽ xuất phát từ người, Ngài sẽ chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên của Ta.*  
*bởi vì một người trong các người sẽ trở nên một nhà lãnh đạo [vĩ đại], và Ngài sẽ hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên.’*
- 2:7a *Thế rồi, Hê-rốt bí mật mời các nhà thông thái đến*  
[Khi] Hê-rốt [nghe như vậy, vua] sai người mời các nhà thông thái phương đông bí mật đến gặp riêng vua.  
-HAY-  
[Khi] Hê-rốt [nghe như vậy, vua] mời các nhà thông thái đến một buổi họp bí mật.
- 2:7b *gạn hỏi về thời gian ngôi sao xuất hiện.*  
Vua hỏi họ về thời gian chính xác mà ngôi sao xuất hiện.
- 2:8a *Vua sai họ đi đến Bết-lê-hem và dặn: “Hãy đi dò hỏi cho chính xác về con trẻ.*  
Rồi vua ra lệnh: “Hãy đi đến Bết-lê-hem và tìm kiếm đứa trẻ [Cơ Đốc] này.

**các nhà thông thái:** Đây là cùng các nhà thông thái nói đến ở trong 2:1. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:1.

### 2:7b

**thời gian ngôi sao xuất hiện:** Đây muốn nói đến thời gian mà các nhà thông thái mới thấy ngôi sao. Hê-rốt muốn biết năm và tháng và có thể ngày mà họ thấy ngôi sao, bởi vì vua tin rằng nhờ vậy mà vua sẽ biết Đức Cơ Đốc được sinh ra lúc nào và lúc mà vua đang nói chuyện với các nhà thông thái thì Ngài được bao nhiêu tuổi.

### 2:8a

Thứ tự của các nhóm từ trong câu này có thể thay đổi để liệt kê các biến cố theo thứ tự xảy ra:

Vua dặn: “Hãy đi dò hỏi cho chính xác về con trẻ. Khi tìm được rồi, hãy trình cho ta biết để ta cũng đến tôn thờ Ngài.”  
Vậy Vua sai họ đi đến Bết-lê-hem.

**Vua sai họ:** Hê-rốt không ra lệnh cho các nhà thông thái. Vua không muốn làm cho họ sợ và không trở lại nói cho vua biết Đức Cơ Đốc ở đâu.

**dò hỏi cho chính xác:** Vua muốn họ tìm kiếm và tiếp tục tìm kiếm cho đến khi gặp được. Hê-rốt muốn các nhà thông thái hỏi bất cứ ai ở tại Bết-lê-hem để biết xem đứa trẻ ở đâu. Vua có lẽ cũng muốn biết người ta nói gì về đứa trẻ.

**con trẻ:** Đây nói đến một đứa trẻ rất nhỏ. Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở trong 2:9,11 và trong Lu-ca 2:17. Ma-thi-ơ không nói đến Đức Giê-su như một “hài nhi” như Bác Sĩ Lu-ca đã chép trong sách Lu-ca 2. Vậy nên ở trong Ma-thi-ơ 2 Đức Giê-su có thể lớn hơn là ở trong Lu-ca 2 một chút. Ngài có thể đã được hai tuổi (hãy xem Ma-thi-ơ 2:16). Ít nhất vua Hê-rốt đoán là Ngài được hai tuổi.

**2:8b**

**để ta cũng đến tôn thờ Ngài:** Hê-rốt nói láo là ông cũng muốn đến tôn thờ Đức Cơ Đốc. Nhưng vua không thực sự muốn tôn thờ Ngài. Vua muốn tìm được để giết Ngài.

**tôn thờ:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:2d và 2:11b.

2:9-11 Các nhà thông thái tôn thờ Đức Cơ Đốc và tặng quà cho Ngài

**2:9-10a**

**Nghe vua phán xong:** Họ nghe điều vua Hê-rốt nói trước khi họ rời khỏi đó. Mặc dù phải đi tìm kiếm đứa trẻ, nhưng họ không nghĩ là họ cần phải tuân theo lệnh của vua.

**họ lên đường:** Họ tiếp tục cuộc hành trình.

**2:9-10b**

**Kìa:** Từ Hy-lạp ở đây là *idou*, nghĩa là ‘hãy nghe, chú ý.’ Trong TỰ, khi tác giả có một điều gì bất ngờ để nói, họ dùng từ này. Họ dùng từ này để người nghe suy nghĩ về điều họ sắp nói.

**ngôi sao họ đã thấy ở phương đông:** Hãy chú ý cách bạn chuyển ngữ ở trong 2:2.

**các nhà thông thái mừng rỡ vô cùng:** Họ rất vui khi họ thấy lại ngôi sao này. Đây có thể hàm ý rằng họ không thấy ngôi sao trong một thời gian lâu. Khi họ mới thấy sao xuất hiện, nó có thể chỉ về hướng xứ Do Thái, và có thể ngay cả Giê-ru-sa-lem. Nhưng rồi sau đó có vẻ như họ không thấy ngôi sao này trong một thời gian. Rồi khi họ rời khỏi Giê-ru-sa-lem, ngôi sao tái xuất hiện, họ rất vui mừng khi thấy lại ngôi sao.

**2:9-10c**

**ngôi sao đi trước họ:** Ngôi sao tiếp tục đi chuyển trước mặt họ. Đây là cùng một ngôi sao họ thấy ở phương đông. Ngôi sao dẫn đường cho họ đi. Đây không phải là một ngôi sao thường. Đây là một phép lạ Đức Chúa Trời đã làm để chỉ cho họ nơi Đức Cơ Đốc giáng sinh.

**cho đến khi dừng lại ngay trên chỗ con trẻ ở:** Ngôi sao chắc đã dừng lại ở chân trời, ngay trên các ngọn đồi, bởi vì nó chỉ ngay chỗ Đức Cơ Đốc ở.

**2:11a**

**Bước vào nhà:** Bạn có thể nói một cách khác: “khi họ tới.”

**nhà:** Khi Đức Cơ Đốc mới sinh, mẹ Ngài đặt Ngài nằm trong một máng cỏ (Lu-ca chương 2). Trong Ma-thi-ơ chương 2 Ngài ở trong một cái nhà. Gia đình chắc đã dọn qua sống ở một chỗ tốt hơn trong tỉnh Bết-lê-hem vào lúc này.

**2:11b**

**thấy con trẻ và Ma-ri, mẹ Ngài:** Mặc dù Ma-thi-ơ không nói gì đến Giô-sép ở đây, chúng ta biết rằng Giô-sép có ở đó (hãy xem 2:13). Ma-thi-ơ cũng không nói gì đến các người chăn chiên và máng cỏ. Các nhà thông thái đến viếng thăm Đức Cơ Đốc sau khi các người chăn chiên đến.

**họ quỳ xuống thờ lạy Ngài:** Họ đối diện với Đức Giê-su, quỳ xuống và sắp mặt xuống đất. Đây là cách người Do Thái và người ở các nước lân cận dùng để bày tỏ lòng tôn kính đối với một nhân vật quan trọng (hãy xem Lời Giải Nghĩa của 4:11). Nhưng đây có vẻ nhiều hơn là chỉ tôn kính. Họ thờ lạy Chúa như là Đấng được Đức Chúa Trời sai đến (hãy xem 2:2,8).

**2:11c**

**mở hộp châu báu:** Họ mở hộp đựng quà đặc biệt của họ ra. Cụm từ *châu báu* cho thấy đây có thể là một hộp để đựng châu báu rất mắc tiền, một hộp có thể có khoá. Từ *mở* có thể có nghĩa là “mở khoá.” Nhưng những từ này cũng có thể có nghĩa là “họ mở bọc (lấy ra quà tặng mắc tiền).” Những quà tặng này rất mắc tiền. Đây là những món quà mà người ta dâng lên cho vua hay một nhân vật rất quan trọng. Bạn có thể chú thích ở cuối trang về điều này trong bản dịch của bạn.

**trâm hương:** Từ Hy-lạp dùng ở đây chỉ một loại hương thơm làm từ vỏ một loại cây đặc biệt. Người ta lấy nhựa của cây đem phơi khô làm thành bột, khi đốt bột này tỏa khói thơm. Ở Do Thái chỉ có các thầy tế lễ mới dùng loại hương này trong buổi thờ phượng (Lê-vi-ký 16:12,13). Đây là dấu hiệu cho buổi cầu nguyện với Đức Chúa Trời (hãy xem Ma-la-chi 1:11).

- 2:8b *Khi tìm được rồi, hãy trình cho ta biết để ta cũng đến tôn thờ Ngài.”*  
 Khi các vị tìm được Ngài rồi, hãy trở lại nói với Ta, để Ta cũng có thể đi và thờ lạy Ngài.”
- 2:9-10A-C (SẮP ĐẶT LẠI THỨ TỰ:)
- 2:(9-10)a *Nghe vua phán xong họ lên đường.*  
 Vậy họ rời đó và lên đường
- 2:(9-10)b *Kìa, ngôi sao họ đã thấy ở phương đông và các nhà thông thái mừng rỡ vô cùng.*  
 họ thấy cùng một ngôi sao đã xuất hiện ở phương đông. Khi họ thấy ngôi sao họ rất mừng rỡ.
- 2:(9-10)c *ngôi sao đi trước họ cho đến khi dừng lại ngay trên chỗ con trẻ ở.*  
 Ngôi sao tiếp tục đi trước mặt họ cho đến khi tới chỗ đứa trẻ [tại Bết-lê-hem] thì dừng lại.
- 2:11a *Bước vào nhà,*  
 Các nhà thông thái bước vào nhà.
- 2:11b *thấy con trẻ và Ma-ri, mẹ Ngài, họ quỳ xuống thờ lạy Ngài,*  
 Khi họ thấy đứa trẻ với mẹ Ngài, Ma-ri, họ quỳ xuống, cúi đầu và thờ lạy Ngài.
- 2:11c *rồi mở hộp châu báu dâng lên Ngài các lễ vật: vàng, trầm hương và một được.*  
 Rồi họ lấy các quà tặng đất tiên và dâng lên Ngài vàng, trầm hương và nhựa thơm.

**một được (BDY: nhựa thơm):** Từ được Ma-thi-ơ dùng ở đây chỉ một loại dầu thơm rất đắt tiền làm từ nhựa của một loại cây đặc biệt. Người Do Thái dùng nó như một loại dầu thánh đặc biệt dùng để xức dầu cho người ta (Xuất Ê-díp-tô Ký 30:23-33). Dầu này cũng được dùng để xức xác người chết trước khi chôn. Đây là một trong những loại hương thơm mà môn đệ của Đức Giê-su xức xác Chúa khi chôn Ngài (Giăng 19:39). Từ *một được* (mộc được) được dùng trong cả BDM và BDC là một từ Hán Việt rất cổ. Nó có nghĩa là tẩm dầu thơm vào người để chuẩn bị cho nghi lễ về tôn giáo cũng như là một loại hương thơm. BDY dùng từ “nhựa thơm” để chỉ rõ dầu thơm làm bằng gì.



Không rõ tại sao các nhà thông thái lại chọn những quà này thay vì các thứ quà khác. Một số nhà lãnh đạo Cơ Đốc nghĩ rằng vàng để giúp cho gia đình của Giô-sép, có lẽ là họ nghèo. Trầm hương là dấu hiệu của sự cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và Đức Giê-su là Con của Đức Chúa Trời. Một được là dấu hiệu một người sẽ chết, và 33 năm sau Đức Giê-su đã chết.

2:12 Các nhà thông thái theo đường khác về lại quê nhà

### 2:12a

**Được báo mộng:** Trong khi họ đang ngủ, Đức Chúa Trời bảo họ coi chừng vua Hê-rốt. Họ biết rằng họ không được trở lại với vua Hê-rốt, bởi vì vua muốn họ cho vua biết Đức Cơ Đốc ở đâu, để vua có thể giết Ngài. Lời cảnh cáo này hàm ý là vua Hê-rốt có thể làm hại những nhà thông thái này nữa nếu họ trở lại với vua.

### 2:12b

**nhà thông thái đi đường khác trở về quê hương mình:** Họ trở về quê hương của mình, ở phương đông. Điều này không có nghĩa là tất cả mấy nhà thông thái này đều ở trong cùng một nước. Họ có thể ở các nước khác nhau.

**đi đường khác:** Họ đi đường khác trở về. Không nói rõ là họ đi đường nào nhưng họ không đi qua Giê-ru-sa-lem.

**quê hương:** Từ Hy-lạp dùng ở đây có thể nói đến một vùng rộng lớn, có lẽ hơn là một quốc gia.

## Tiểu Đoạn 2:13-18 Gia đình Đức Giê-su trốn sang Ai-cập

Đây là một phần khác của câu chuyện về Đức Giê-su khi Ngài còn nhỏ. Ma-thi-ơ cho thấy là Vua Hê-rốt quy hoạch để giết Đức Giê-su. Vua Hê-rốt không muốn ai chiếm ngôi của mình, ngay cả Đấng từ Đức Chúa Trời sai đến. Vậy nên Đức Chúa Trời sai thiên sứ đến với Giô-sép bảo ông phải đem Ma-ri và Đức Giê-su qua Ai-cập. Họ ở lại đó cho đến khi vua Hê-rốt chết (hãy xem 2:15,19,20).

Ai-cập là một nước ở miền tây nam của xứ Giu-đê. Trước thời Đức Giê-su rất lâu người Do Thái đã ở Ai-cập trong 430 năm (Xuất Ê-díp-tô Ký 12:40). Hầu hết khoảng thời gian đó họ làm nô lệ. Sau đó Môi-se dẫn dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập. Trong sách tiên tri Ô-sê 11:1, Đức Chúa Trời phán:

“Khi Y-sơ-ra-ên còn thơ ấu, ta yêu dấu nó; ta gọi con trai ta ra khỏi Ai-cập.”

Ô-sê được sinh ra sau khi Môi-se đã chết rất lâu, và Ô-sê chết trước khi Đức Giê-su sinh ra rất lâu. Vậy lời tiên tri này hồi xưa đề cập đến thời Đức Chúa Trời gọi dân Do Thái ra khỏi Ai-cập (Xuất Ê-díp-tô Ký 12:41,42). Đôi khi Đức Chúa Trời gọi nước Do Thái là con trai của Ngài. Lời tiên tri này cũng nói trước lúc mà Đức Chúa Trời gọi Con Trai Ngài ra khỏi Ai-cập (Ma-thi-ơ 2:15).

Hê-rốt khiến cho rất nhiều trẻ em tại Bết-lê-hem phải chết (2:16-18) bởi vì vua cố gắng giết Đức Cơ Đốc, và vua không biết rõ đứa trẻ đó là ai. Vua không biết Đức Cơ Đốc đã chạy qua Ai-cập với gia đình của Ngài.

2:13-15 Giô-sép Ma-ri và Đức Giê-su trốn qua Ai-cập

### 2:13a

**Khi các nhà thông thái đi rồi:** Ngay sau khi các nhà thông thái đi khỏi đó, thiên sứ hiện đến với Giô-sép ngay, có lẽ cùng trong đêm đó.

**một thiên sứ của Chúa hiện ra cùng Giô-sép trong giấc mộng:** Đây có thể là cùng một thiên sứ ở trong 1:20, nhưng chúng tôi không biết chắc. Bạn cũng có thể chuyển ngữ là: “Chúa sai thiên sứ hiện đến cùng Giô-sép”

**trong giấc mộng:** Thiên sứ đã hiện ra trong khi Giô-sép nằm mơ. Hãy xem 1:20, 2:12,19,22.

### 2:13b

**Hãy thức dậy:** Có thể trong một số ngôn ngữ nói: “Giô-sép, thức dậy!” nghe có vẻ tự nhiên hơn.

**lánh:** Thiên sứ bảo Giô-sép đi trốn, mau lánh khỏi những người toan làm hại họ.

**Ai Cập:** Ai Cập là một xứ ở phía tây nam của xứ Giu-đê phải đi bộ nhiều ngày mới tới (hãy xem phần giới thiệu của Tiểu Đoạn).

- 2:12a *Được báo mộng không nên trở lại với vua Hê-rốt,  
Nhưng [Đức Chúa Trời] báo mộng cho họ rằng họ không nên trở lại chỗ vua Hê-rốt.*
- 2:12b *các nhà thông thái đi đường khác trở về quê hương mình.  
Vậy họ đi đường khác để trở về quê hương mình.*

**Tiểu Đoạn 2:13-18 Gia đình Đức Giê-su trốn sang Ai Cập**

- 2:13a *Khi các nhà thông thái đi rồi, một thiên sứ của Chúa hiện ra cùng Giô-sép trong giấc mộng  
Khi các nhà thông thái đã đi rồi, một thiên sứ của Chúa hiện đến với Giô-sép trong một giấc mơ.  
-HAY-  
Giô-sép nằm mơ thấy một thiên sứ của Chúa nói với ông.*
- 2:13b *và bảo: “Hãy thức dậy, đem con trẻ cùng mẹ Ngài lánh qua Ai Cập.  
Thiên sứ bảo: “Hãy thức dậy, và đem đứa trẻ cùng với mẹ Ngài đi qua xứ Ai-cập nhanh lên!*
- 2:13c *và ở đó cho đến khi có lệnh ta, vì vua Hê-rốt sắp tìm giết Ngài.”  
Cứ ở lại đó cho đến khi Ta bảo người [trở lại], bởi vì lính của vua Hê-rốt sắp tìm giết đứa trẻ!”*
- 2:14 *Đang đêm, Giô-sép thức dậy đem con trẻ cùng mẹ Ngài lánh qua Ai Cập  
Vậy Giô-sép thức dậy ngay đêm ấy đem đứa trẻ và mẹ Ngài chạy sang Ai-cập.*
- 2:15a *và ở đó cho đến khi vua Hê-rốt băng hà,  
Họ đến Ai-cập và ở lại đó cho đến khi vua Hê-rốt qua đời.*
- 2:15b *để được ứng nghiệm lời Chúa phán qua một nhà tiên tri rằng:  
Điều này đã xảy ra để ứng nghiệm lời Chúa đã phán qua tiên tri [Ô-sê hồi xưa]:  
-HAY-  
Điều Chúa đã hứa cho tiên tri [Ô-sê] nói [hồi xưa] đã thực sự xảy ra:*

**2:13c**

**vua Hê-rốt sắp tìm giết Ngài:** Chính vua Hê-rốt không đi tìm Đức Cơ Đốc hay giết các trẻ em ở Bết-lê-hem. Vua ra lệnh cho các quân lính làm việc đó. Hãy xem 2:16.

**2:14**

**Đang đêm:** Họ rời khỏi nơi đó ngay đêm Giô-sép được báo mộng.

**2:15a**

Câu 15 nói về các việc xảy ra sau khi Hê-rốt chết. Nhưng câu 16 nói về điều xảy ra trước khi Hê-rốt chết.

**ở đó cho đến khi vua Hê-rốt băng hà:** Giô-sép, Ma-ri và Đức Giê-su tới Ai-cập và sống ở đó cho tới khi Đại Đế Hê-rốt chết. Không ai biết họ ở Ai-cập bao nhiêu lâu, nhưng họ trở lại Do Thái ngay sau khi Hê-rốt chết một ít lâu.

**2:15b**

**được ứng nghiệm:** Điều tiên tri nói thật sự xảy ra.

**lời Chúa phán qua một nhà tiên tri:** Tiên tri ở đây là tiên tri Ô-sê (11:1). Hãy xem phân giới thiệu của Tiểu Đoạn. Mặc dù Ô-sê đã nói những lời này và viết xuống từ nhiều

năm trước đó, ông chỉ nói điều Chúa phán với ông. Hãy xem Lời Giải Nghĩa và PKTCD của 1:22.

### 2:15c

**“Ta đã gọi Con Ta ra khỏi Ai Cập.”:** Đây là lời của Chúa (ở trong Ô-sê 11:1). Chúa đang nói về Đức Giê-su Cơ Đốc, con Ngài (hãy xem phần giới thiệu của Tiểu Đoạn). Điều này trở nên sự thật khi Đức Giê-su rời Ai-cập với gia đình của Ngài và trở lại Do Thái (2:21).

Trong đa số ngôn ngữ một lời tiên tri nghe có vẻ tiên tri hơn nếu lời nói ở trong thì tương lai. Lý do trong bản Hy-bá-lai và Hy-lạp các lời tiên tri lại ở thì quá khứ là vì để cho thấy như là việc đã xảy ra theo như lời Đức Chúa Trời nói chắc là sẽ xảy ra. Các lời tiên tri khác, giống như lời tiên tri này trong sách Ô-sê, muốn nói đến cả thì quá khứ lẫn tương lai. Tiên tri Ô-sê đang nghĩ đến một việc đã xảy ra trước thời của ông. Ông muốn nói đến quan hệ trong quá khứ của nước Do Thái (đôi khi được Đức Chúa Trời gọi là Con trai của Ngài). Nhưng Ma-thi-ơ đang nói tới một việc sẽ xảy ra sau thời Ô-sê. Ma-thi-ơ muốn nói đến Con Đức Chúa Trời, Đức Cơ Đốc. Hãy quyết định xem nên chuyển ngữ sát nghĩa (dùng thì quá khứ) hay chuyển ngữ trong thì tương lai, cân nhắc xem dùng thì nào tốt hơn trong ngôn ngữ của bạn.

2:16-18 Các quân lính của Hê-rốt giết các em bé trai ở Bết-lê-hem

Bản dịch của bạn phải cho thấy rõ là biến cố ở trong 2:16-18 xảy ra sau khi Giô-sép, Ma-ri và Đức Giê-su đã lánh qua Ai-cập. Xem PKTCD.

### 2:16

Có thể chia câu hơi dài này ra làm nhiều câu ngắn thì nghe có vẻ tự nhiên hơn trong bản dịch của bạn. Mỗi ngôn ngữ có một chiều dài tự nhiên cho một câu. Khi bạn chuyển ngữ xong và đọc lớn hay để ý nghe câu dài này xem có tự nhiên hay không.

### 2:16a

**Bấy giờ Hê-rốt thấy mình bị các nhà thông thái đánh lừa:** Có thể chuyển ngữ là :”Khi Hê-rốt thấy....”

Các nhà thông thái đánh lừa vua Hê-rốt. Hê-rốt chờ đợi các nhà thông thái trở lại để cho vua biết Đức Cơ Đốc ở đâu, nhưng họ đã theo đường khác trở về quê hương. Họ không trở lại Giê-ru-sa-lem để bảo cho vua biết. Vua biết rằng họ đã nhận ra vua lừa gạt họ (2:8) và họ cũng gạt lại vua. Họ vâng lời Đức Chúa Trời vì Ngài đã cảnh cáo họ không nên trở lại với vua Hê-rốt (hãy xem 2:12).

### 2:16b

**liên hạ lệnh tàn sát tất cả trẻ em từ hai tuổi trở xuống:** Hê-rốt ra lệnh cho các quân lính giết tất cả các em bé trai trong khu vực Bết-lê-hem, và đó là điều mà họ đã làm.

**từ hai tuổi trở xuống:** Đây bao gồm tất cả các trẻ em trai, từ mới sanh cho đến hai tuổi.

**tại Bết-lê-hem và các vùng phụ cận:** Ma-thi-ơ nói đến thành phố Bết-lê-hem và các làng lân cận.

### 2:16c

**theo như thời gian các nhà thông thái cho biết:** Điều Hê-rốt đã làm quan hệ đến lúc mà các nhà thông thái mới phát hiện ngôi sao. Đây là một dấu hiệu của một vị vua đã được sinh ra. Các nhà thông thái có thể đã phát hiện ra ngôi sao này một năm hay một năm rưỡi trước đó. Nếu vậy, lúc bây giờ Đức Giê-su có thể gần được hai tuổi. Nhưng Hê-rốt muốn cho chắc là các quân lính giết em bé Giê-su nên ông ra lệnh cho quân lính giết những đứa bé trai tới hai tuổi.

### 2:17

**Như thế, để ứng nghiệm lời tiên tri Giê-rê-mi loan báo:** Điều tiên tri Giê-rê-mi nói từ trước đã thật sự vừa xảy ra.

### 2:18

Lời tiên tri này nói đến hai điều giống nhau. Lời tiên tri trong CƯ nói về việc dân Do Thái bị lưu đày. Ra-chên là vợ của Gia-cóp, còn ông có tên là Y-sơ-ra-ên. Người Do Thái đôi khi gọi bà Ra-chên là tổ mẫu của họ. Vậy nên trong câu này khi nói về bà khóc cho con cái mình, đó là hình ảnh người Do Thái khóc lóc vì họ bị lưu đày.



- 2:15c *“Ta đã gọi Con Ta ra khỏi Ai Cập.”*  
 “Ta gọi con Ta ra khỏi Ai-cập.”
- 2:16A-B (ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:)
- 2:16a *Bấy giờ, vua Hê-rốt thấy mình bị các nhà thông thái đánh lừa, nên tức giận vô cùng,*  
 Sau khi Giô-sép và gia đình đi đã đến Ai-cập, vua Hê-rốt thấy mình đã bị các nhà thông thái lừa gạt. Vua rất giận dữ.
- 2:16b *liên hạ lệnh tàn sát tất cả trẻ em từ hai tuổi trở xuống, tại Bết-lê-hem và các vùng phụ cận,*  
 Vậy vua Hê-rốt sai [quân lính] đến Bết-lê-hem và các làng lân cận giết hết các em trai từ hai tuổi trở xuống.
- 2:16c *theo như thời gian các nhà thông thái cho biết.*  
 Vua nhớ các nhà thông thái đã nói cho vua biết khi [họ mới phát hiện ra ngôi sao, đó là dấu hiệu lúc Đấng Cứu Thế ra đời].
- 2:17 *như thế, để ứng nghiệm lời tiên tri Giê-rê-mi loan báo:*  
 Vậy nên điều [Chúa] đã nói qua tiên tri Giê-rê-mi đã trở thành sự thật:
- 2:18a *“Người ta nghe tiếng ai oán tại Ra-ma,*  
 “Tiếng kêu khóc vang lên từ tỉnh Ra-ma.
- 2:18b *Là tiếng khóc thương, than vãn thảm thiết;*  
 Người ta than khóc thảm thiết.

Nhưng Ma-thi-ơ cho thấy ý nghĩa thứ nhì của lời tiên tri này. Gia-cốp đã chôn Ra-chên ở một chỗ sau này người ta gọi là “Bết-lê-hem” (Sáng Thế Ký 35:19). Vậy nên những đứa trẻ bị Hê-rốt giết cũng là con cái của bà nữa, vì chúng cũng là một phần của dân sự Do Thái. Vậy nên Ra-chên khóc giống như người Do Thái khóc các con trẻ đã chết ở Bết-lê-hem. Ma-thi-ơ 2:18 dùng lời ở trong Giê-rê-mi 31:15. Khi quân lính của Hê-rốt giết các trẻ em trai tại Bết-lê-hem, đây là một phần của lời tiên tri đã trở thành sự thật.

Một số phần ở trong CƯ, giống như Giê-rê-mi 31:15, nói cùng một việc trong hai lần, hay dùng các lời khác nhưng có cùng một ý nghĩa tương tự. Đây là cách người Do Thái viết các lời tiên tri và bài hát hay tục ngữ của họ.

Bạn có thể muốn để các chi tiết về bối cảnh này bằng một lời chú thích ở trong bản dịch của bạn.

### 2:18a

**Ra-ma:** Ra-ma là một tỉnh ở cách Giê-ru-sa-lem khoảng 8 cây số về phía bắc, ở biên giới của nước Giu-đa và Y-sơ-ra-ên trong thời CƯ. Người Giu-đa đi ngang qua tỉnh này khi bị bắt lưu đày qua Ba-by-lôn và họ vừa đi vừa khóc. Ra-ma không phải là Bết-lê-hem nhưng ở trong cùng một địa bàn.

### 2:18b

**khóc thương, than vãn thảm thiết:** Đây là cách người ta than khóc tại các đám tang, khi người ta sắp chôn người thân đã chết.

**2:18c**

**Ra-chên:** Đây là một trong những người vợ của Gia-cốp. Tên khác của ông là Y-sơ-ra-ên (Sáng Thế Ký 30:1). Vậy nên dòng dõi của *Ra-chên* cũng là dòng dõi người Do Thái. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:18.

**2:18d**

**và không chịu ai an ủi:** Bà không để cho ai ngăn bà khỏi khóc. Bà có một sự đau buồn lớn, một nỗi buồn khó quên.

**chúng nó không còn nữa:** Trong CU chỉ về những người Do Thái đã đi lưu đày ở Ba-by-lôn. Trong thời TỰ nói về các đứa bé trai tại Bết-lê-hem đã chết (ngoại trừ Đức Giê-su, người đi tị nạn tại Ai-cập).

**Tiểu Đoạn 2:19-23 Gia đình Đức Giê-su từ Ai-cập trở về**

Khi vua Hê-rốt qua đời, một thiên sứ hiện ra với Giô-sép trong một giấc mơ bảo ông có thể đem gia đình ông trở lại nước Do Thái. Vậy nên họ trở lại Do Thái. Nhưng khi họ phát hiện là con vua Hê-rốt A-khê-lau làm vua xứ Giu-đê và là một vua gian ác, họ sợ không dám về đó vì sợ A-khê-lau sẽ giết Đức Giê-su. Sau khi thiên sứ lại hiện đến báo mộng cho Giô-sép, ông đem gia đình về ở xứ Ga-li-lê, và họ ở trong tỉnh Na-xa-rét. Ma-thi-ơ chép: “Giô-sép về trú ngụ tại thành Na-xa-rét” (2:23).

2:19-21 Gia đình Đức Giê-su trở lại xứ Do Thái

2:22-23 Gia đình Đức Giê-su đến sống ở Na-xa-rét

**2:19**

**Hê-rốt băng hà:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:15.

**một thiên sứ của Chúa:** Không rõ đây có phải là cùng một thiên sứ xuất hiện ở 1:20 và 2:13 hay là một thiên sứ khác. Nhưng đây là thiên sứ của Chúa sai đến với Giô-sép. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:20 và 2:13.

**2:20a**

**về Do Thái:** Đây bao gồm các xứ Giu-đê, Sa-ma-ri và Ga-li-lê.

**2:20b**

**những người tìm giết con trẻ đã chết:** Đây có lẽ nói về vua Hê-rốt, vì ông là người duy nhất mà Ma-thi-ơ nói là đã chết. Ông có thể nói đến những người đưa ý kiến giết Đức Giê-su với vua Hê-rốt. Nhưng vào lúc đó chỉ có một Hê-rốt cố gắng giết Đức Giê-su và đã qua đời.

**2:22a**

**A-khê-lau:** Đây là con vua Hê-rốt. *A-khê-lau* là thống đốc của xứ Giu-đê và Sa-ma-ri, nhưng không cai trị vùng Ga-li-lê.

**nơi ngôi Hê-rốt:** *A-khê-lau* lên nối ngôi vua Hê-rốt sau khi vua chết.

**2:22b**

**ông sợ:** Giô-sép sợ *A-khê-lau* có thể cố gắng để giết Đức Giê-su giống như vua cha vậy.

**không dám về đó:** Giô-sép, Ma-ri và Đức Giê-su đã trở lại xứ Do Thái, và có lẽ Giu-đê, vì Giu-đê ở giữa Ai-cập và Ga-li-lê. Vậy nên bạn có thể chuyển ngữ là “ở lại đó.”

**2:22c**

**được báo mộng:** Đức Chúa Trời gửi đến cho Giô-sép một sứ điệp. Chúng ta không biết Đức Chúa Trời nói gì, nhưng có lẽ Ngài bảo Giô-sép ở tại Ga-li-lê vì sợ *A-khê-lau*. Thật khó cho Giô-sép quyết định, vì *A-thi-pha* một con trai khác của vua Hê-rốt cai trị xứ Ga-li-lê. Nhưng có lẽ *A-thi-pha* không muốn giết Đức Giê-su. Có lẽ Đức Chúa Trời bảo Giô-sép là đến ở Ga-li-lê sẽ được an toàn. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:12.

- 2:18c *Ra-chên than khóc con cái nàng*  
Con cháu Ra-chên than khóc con cái mình.
- 2:18d *và không chịu ai an ủi, Vì chúng nó không còn nữa.”*  
Không ai có thể lấy đi sự buồn rầu của họ, bởi vì con cái họ đã chết.”

**Tiểu đoạn 2:19-23 Gia đình Đức Giê-su từ Ai Cập trở về**

- 2:19 *Sau khi Hê-rốt băng hà, có một thiên sứ của Chúa hiện ra cùng Giô-sép trong giấc mộng tại Ai Cập*  
Sau khi vua Hê-rốt qua đời. Trong lúc Giô-sép đang ở Ai-cập, ông nằm mơ thấy một thiên sứ của Chúa.
- 2:20a *và bảo: “Hãy dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài trở về Do Thái,*  
Thiên sứ bảo ông: “Hãy thức dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài trở lại nước Do Thái,
- 2:20b *vì những người tìm giết con trẻ đã chết.”*  
bởi vì [người] muốn giết đứa trẻ đã chết.”
- 2:21 *Ông thức dậy đem con trẻ và mẹ Ngài trở về Do Thái.*  
Vậy Giô-sép thức dậy và đem đứa trẻ với mẹ Ngài trở lại Do Thái.
- 2:22a *nhưng khi nghe tin A-khê-lau nối ngôi Hê-rốt làm vua tại Giu-đê,*  
Nhưng Giô-sép nghe nói rằng con trai vua Hê-rốt A-khê-lau kế vị làm vua tại Giu-đê.
- 2:22b *ông sợ không dám về đó,*  
Nên ông sợ không dám về đó.
- 2:22c *và được báo mộng, ông đi qua xứ Ga-li-lê.*  
Vậy nên [Đức Chúa Trời] báo mộng cho ông [không được về Giu-đê]. Họ đi đến xứ Ga-li-lê [vì nơi này an toàn hơn].
- 2:23a *Giô-sép về trú ngụ tại thành Na-xa-rét.*  
Họ ở trong tỉnh Na-xa-rét.
- 2:23b *như thế để được ứng nghiệm lời tiên tri rằng:*  
Như vậy lời mà các tiên tri nói [hồi xưa về Đấng Cứu Thế] đã trở thành sự thật:

*xứ:* Từ xứ nói đến một phần của một nước.  
Trong câu này muốn nói đến một phần của nước Do Thái gọi là Ga-li-lê.

**2:23a**

**thành Na-xa-rét:** Đây là một tỉnh ở trong xứ Ga-li-lê nơi Giô-sép và Ma-ri đã sống trước khi Đức Giê-su giáng sinh (Lu-ca 1:26, 27, 2:4).

**2:23b**

**được ứng nghiệm lời tiên tri:** Lời tiên tri được ứng nghiệm. Ma-thi-ơ dùng nhóm từ này bốn lần ở chương 1 và 2 (1:22, 2:15, 17, 23). Đây cho thấy là có rất nhiều lời tiên tri đã được ứng nghiệm trong đời sống của Đấng Cứu Thế, ngay cả khi Ngài còn là một con trẻ.

**2:23c**

*Ngài sẽ được gọi là người Na-xa-rét:* Không có câu KT nào trong CU nói những lời này. Ma-thi-ơ có thể muốn nói là một vài

tiên tri trong CU đã nói rằng Đấng Cứu Thế sẽ lớn lên ở một chỗ mà các nhà lãnh đạo tôn giáo không thích. Na-xa-rét là loại chỗ như vậy (Giăng 1:46).

### Phân Đoạn 3:1-4:11 Các sự việc chuẩn bị cho chức vụ của Đức Giê-su

Trong những câu này, Ma-thi-ơ cho biết cách Đức Chúa Trời chuẩn bị Đức Giê-su bắt đầu chức vụ. Trước hết, Giăng Báp-tít bắt đầu giảng dạy để chuẩn bị cho Chúa đến. Sau đó, Giăng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su. Rồi Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan cám dỗ Đức Giê-su.

Tốt hơn khi bắt đầu một phân đoạn mới nên nhìn lại dàn bài của sách Ma-thi-ơ ở phần giới thiệu để ôn lại các đơn vị chính trong Phúc Âm. Điều này giúp đỡ cho bạn thấy toàn diện ngữ cảnh và có thể giúp bản dịch của bạn nối kết với nhau rõ ràng và tự nhiên hơn.

### Tiểu Đoạn 3:1-12 Chức vụ của Giăng Báp-tít

Có thể dùng một chủ đề khác cho Tiểu Đoạn này là “Giăng làm phép báp-tem cho dân chúng” hay “Giăng Báp-tít dạy người ta phải ăn năn và đầu phục sự cai trị của Đức Chúa Trời.”

Các việc xảy ra trong chương 2 và chương 3 cách nhau khoảng 28 năm. Ma-thi-ơ không nói việc gì đã xảy ra trong những năm ấy khi Đức Giê-su lớn lên. Nhưng ông có nói về những việc quan trọng trong đời sống của Đức Giê-su. Trong những câu này, ông nói về cách Giăng Báp-tít chuẩn bị cho chức vụ của Đức Giê-su.

Giăng Báp-tít là tiên tri cuối cùng trước thời của Đức Giê-su. Câu chuyện về việc Giăng sinh ra được chép ở trong Lu-ca chương 1. Ông là vị tiên tri mà Ê-sai nói là sẽ đến (Ma-thi-ơ 3:3). Giăng mặc loại quần áo mà các tiên tri thường mặc (Ma-thi-ơ 3:4). Ông làm phép Báp-tem cho những người xưng nhận mình đã phạm tội. Nhưng ông biết một số nhà lãnh đạo tôn giáo người Do Thái chưa sẵn sàng để xưng nhận rằng họ đã phạm tội (Ma-thi-ơ 3:7,8). Giăng giảng rằng Đức Giê-su còn vĩ đại hơn Giăng nữa (Ma-thi-ơ 3:11).

**Chú ý:** Hãy đọc BDM, BDC và BDY trước khi bắt đầu chuyển ngữ. Cũng hãy đọc các Lời Giải Nghĩa của các Tiểu Đoạn này trước khi bắt đầu chuyển ngữ.

3:1-3 Giăng bảo người ta phải thay đổi tấm lòng

**3:1a**

**Lúc ấy:** Có nghĩa là “trong thời gian Đức Giê-su sống tại Na-xa-rét.”

**Giăng Báp-tít:** Đây là Giăng con trai của Xa-cha-ri (Lu-ca chương 1). Ông là anh em bà con với Đức Giê-su và được sinh ra trước Ngài sáu tháng. Người ta gọi ông là “Giăng Báp-tít” bởi vì tên ông là Giăng và ông làm phép báp-tem cho người ta. Ông không phải là thuộc viên của một nhà thờ Báp-tít, bởi vì lúc đó chưa có các giáo phái như chúng ta có bây giờ. Có hai cách khác để chuyển ngữ *Giăng Báp-tít* đó là “Giăng người làm phép

báp-tem cho người ta” hay “Giăng người làm phép báp-tem.”

**đến (BDC):** Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp câu 1a sẽ như sau “Trong những ngày đó Giăng Báp-tít đến giảng trong đồng hoang.” Không rõ động từ “đến” này muốn nói gì và nó đã được chuyển ngữ nhiều cách khác nhau. BDM không chuyển ngữ nó vậy nên trong PKTCD trích dẫn BDC. Một số người đặt *đến* với *trong đồng hoang* chuyển ngữ là “Giăng Báp-tít đến đồng hoang và giảng.” Đây là cách BDC giải thích nhóm từ này. Một cách khác để giải thích là *đến* có cùng một nghĩa như là “bắt đầu.” Đây là cách BDY giải thích: Giăng Báp-tít bắt đầu giảng dạy.” Bạn có thể chuyển ngữ cách nào cũng được.

2:23c “Ngài sẽ được gọi là người Na-xa-rét.”  
 “Người ta sẽ gọi Ngài là người Na-xa-rét.”  
 –HAY–  
 “Người ta sẽ nói về Ngài: ‘Ngài quê ở Na-xa-rét.’”

### Tiểu đoạn 3:1-12 Chức vụ của Giăng Báp-tít

3.1a *Lúc ấy, Giăng Báp-tít*  
*(BDC) Lúc ấy, Giăng Báp-tít đến*  
 Sau đó rất lâu Giăng, người làm phép báp-tem cho người ta, bắt đầu công việc của mình.

3:1b *truyền giảng trong đồng hoang Giu-đê.*  
 [Ông giảng Phúc Âm] trong sa mạc của xứ Giu-đê.

3.2a *ông kêu gọi: “Hãy ăn năn,*  
 Ông nói: “Mọi người phải thay đổi cách sống của mình,  
 –HAY–  
 Ông nói: “Mọi người phải quay khỏi lối sống gian ác,

3:2b *vì Nước Thiên Đàng đã đến gần.”*  
 bởi vì lúc Đức Chúa Trời làm vua cai trị sắp đến rồi!”  
 –HAY–  
 bởi vì sắp đến lúc Đức Chúa Trời cai trị như là vua!”

#### 3:1b

**truyền giảng:** Ông đang rao giảng sứ điệp: Phúc Âm về Đức Cơ Đốc, Ngài sắp đến.

**đồng hoang Giu-đê:** Người ta gọi chỗ đồng khô ở vùng đồi núi Giu-đê phía tây của Biển Chết là *Đồng hoang Giu-đê*. Tại đây có lẽ đất quá khô cho cây cối và rau, chỉ có đủ cỏ để cho chiên ăn. Chỉ có một số ít người sống ở đó, nhưng có nhiều người ra đồng hoang để nghe Giăng giảng. Một cách khác để chuyển ngữ là: “khu đồng hoang ở Giu-đê là nơi có một số ít người ở.”

#### 3:2a

**Hãy ăn năn:** Đây có nghĩa là một người ngừng phạm tội và bắt đầu vâng lời Đức Chúa Trời. Trong bản Hy-lạp dùng từ *metanoō*, có nghĩa là “suy nghĩ một cách khác.” Đây có nghĩa là: “thay đổi lối sống của bạn.” Hàm ý một người từ khước ma quỷ và chấp nhận Đức Chúa Trời. Bạn có thể dùng một lời chú thích để giải thích điều này.

#### 3:2b

**Nước Thiên Đàng:** Đây cùng một nghĩa với nhóm từ “Nước Đức Chúa Trời” hay “vương quốc của Đức Chúa Trời.” Hãy so sánh câu “Hãy ăn năn vì nước thiên đàng đã đến gần” với Mác 1:15 “Nước Đức Chúa Trời đã đến gần, hãy ăn năn và tin nhận Phúc Âm.”

Nhiều lần Ma-thi-ơ dùng từ “Nước Thiên Đàng” thay vì “Đức Chúa Trời” theo như phong tục của người Do Thái. Họ muốn bày tỏ lòng kính trọng bằng cách không dùng tên của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ dùng “thiên đàng” thay cho tên của Ngài. Hãy suy nghĩ đến việc để một lời chú thích ở cuối trang ở đây để giải thích điều này. Cũng hãy xem Lời Giải Nghĩa của 13:1-52.

Ý nghĩa của nhóm từ *Nước Thiên Đàng* là “lúc Đức Chúa Trời lên làm vua (hay cai trị) mọi người.” Vào lúc này, Đức Chúa Trời cai trị mọi người theo cách thuộc linh, không phải chính trị. *Nước Thiên Đàng* bao gồm nhiều tư tưởng: cách Đức Chúa Trời cai trị người ta như là vua, sự cai trị của Đức Chúa Trời trên những người để Ngài làm

vua, và loại người được Đức Chúa Trời cai trị như là vua. Đây là lần đầu tiên Ma-thi-ơ dùng nhóm từ *Nước Thiên Đàng* trong sách Phúc Âm của ông. Vậy phải biết chắc là ý nghĩa của nhóm từ này được hiểu rõ ở đây. Ý tưởng Đức Chúa Trời cai trị mọi người bao gồm cả việc Đức Chúa Trời bảo vệ dân của Ngài, chăm sóc và hướng dẫn họ và cũng hàm ý một số người sẵn lòng đầu phục Đức Chúa Trời như là vua của họ

**Nước Thiên Đàng đã đến gần:** Sự điệp chính của Giăng Báp-tít (3:2) và Đức Giê-su (4:17) là “Hãy ăn năn, bởi vì Nước Đức Chúa Trời đã đến gần.” Nhóm từ *Nước Thiên Đàng đã đến gần* không có nghĩa là vương quốc của Đức Chúa Trời dời đổi từ chỗ này qua chỗ khác. Có thể giải thích nhóm từ này theo hai cách:

- (1) Đức Chúa Trời ở đó để cai trị. Chức vụ của Đức Giê-su sắp sửa khởi đầu nhưng giống như là đã được bắt đầu rồi vậy. Bạn có thể chuyển ngữ là: “Thời gian để Đức Chúa Trời làm vua đã đến.”
- (2) Lúc mà Đức Chúa Trời cai trị đã gần. Bạn có thể chuyển ngữ là “Sắp đến lúc Đức Chúa Trời sẽ cai trị anh chị em.”

Nhóm từ *Nước Thiên Đàng đã đến gần* có vẻ như hàm ý cả hai ý nghĩa này.

### 3:3

Câu này nói về một người đi báo trước cho mọi người biết là vua sắp đến. Khi người Do Thái biết rằng một vị vua sắp đi qua làng của họ, họ sẽ sửa soạn làng xóm cho đẹp đẽ. Giăng đang bảo mọi người phải chuẩn bị tấm lòng của họ, bởi vì Đấng Cứu Thế sắp đến.

### 3:3a

**đây là người mà lời tiên tri Ê-sai phán rằng:** Giăng Báp-tít này là người mà nhiều năm trước đó tiên tri Ê-sai đã nói đến. Các lời tiên tri Ê-sai nói được chép ở trong Ê-sai 40:3.

### 3:3b

**Có tiếng kêu vang:** Tốt hơn là nên chuyển ngữ như là một câu đầy đủ “Một người từ đồng hoang kêu lên và nói: “Lời của Ê-sai nói giống như là có người kêu lớn tiếng cùng một lúc ông viết những lời đó. Nhưng

các tiên tri thường nói đến những việc sẽ xảy đến trong tương lai như là đã xảy ra rồi. Vậy nên bạn có thể chuyển ngữ “một người sẽ kêu lên” hay “một người sẽ kêu gọi.”

**kêu vang:** Đây muốn nói đến một người kêu lớn tiếng lên. Khi một người nói với đám đông người ấy phải nói lớn tiếng để cho mọi người có thể nghe được.

### 3:3c

**Hãy sửa soạn đường Chúa:** Ông nói: “Hãy làm đường cho Chúa đến. Hãy sửa soạn mọi sự để cho Chúa đến.” Đây muốn nói đến một người đi trước để xem dân chúng đã làm đường hay sửa đường mà vua sẽ đi hay chưa. Nhưng ý nghĩa thuộc linh là: “Hãy chuẩn bị tấm lòng anh chị em sẵn sàng để Chúa đến và làm vua.” Bạn có thể dùng một lời chú thích ở cuối trang để giải thích ý nghĩa này.

### 3:3d

**Đáp thẳng các lối Ngài:** Đây nói về một người dọn lòng ngay thẳng (tốt đẹp) để Chúa đến và làm vua trong đời sống người đó. Đây cũng cùng nghĩa với ăn năn (3:2). Nhóm từ “Hãy sửa soạn đường cho Chúa” và “đáp thẳng các lối Ngài” gần như có ý nghĩa tương tự như nhau. Đây cũng là cách mà người Do Thái viết nhiều bài hát và bài thơ của họ, diễn tả cùng một ý nghĩa bằng hai cách khác nhau.

Hãy nhớ đọc BDM, BDC và BDY trước khi bạn chuyển ngữ.

3:4-6 Giăng làm phép báp-tem cho mọi người

Tư tưởng chính ở trong 3:1-6 là người ta ngừng thôi không phạm tội khi họ nghe Giăng Báp-tít giảng. 3:4 nói về quần áo và thức ăn của Giăng, nhưng không nói về ý nghĩa chính trong những câu này. Vậy bạn có thể đặt 3:4 vào phần cuối của 3:1. Nếu bạn làm như vậy, đoạn đầu của Tiểu Đoạn này sẽ là 3:1-4, và đoạn thứ nhì là 3:5,6.

### 3:4a

**Giăng mặc áo lông lạc đà:** Giăng là một tiên tri. Nhiều tiên tri mặc quần áo khác với quần áo của nhiều người mặc (2 Các vua 1:8, Xa-cha-ri 13:4, Ma-thi-ơ 11:8).

3:3a Vì đây là người mà lời tiên tri Ê-sai phán rằng:  
Giăng là người mà [ngày xưa] tiên tri Ê-sai đã nói đến.

3:3b “Có tiếng kêu vang trong đồng hoang,  
Ê-sai nói: “Một người từ sa mạc gọi [người ta đến nghe mình].

3:3c ‘Hãy sửa soạn đường Chúa,  
Ông ta nói: ‘Hãy dọn đường cho Chúa đến.

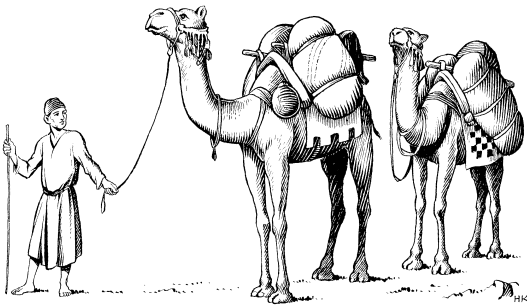
3:3d ‘Đắp thẳng các lối Ngài.’ ”  
Đắp thẳng lối đi cho Ngài.”

3:4a Giăng mặc áo lông lạc đà,  
Giăng mặc áo làm bằng lông lạc đà.

3:4b thắt lưng da,  
Ông đeo giày thắt lưng làm bằng da của thú vật.

3:4c ăn châu chấu và mật ong rừng.  
Thức ăn chính của ông là châu chấu và mật ong.  
-HAY-  
Ông chỉ ăn châu chấu và mật ong.

**lông lạc đà:** Lạc đà là một con vật lớn được dùng để chở người ta và đồ đạc bằng qua sa mạc. Khi lạc đà chết, người ta dùng lông để làm một loại vải thô. Họ không dùng da, chỉ lấy lông thôi. Loại quần áo này rất bền khi dùng ở các vùng sa mạc. Có thể dùng một lời chú thích ở cuối trang ở đây. Dưới đây là hình của một con lạc đà.



### 3:4b

**thắt lưng da:** Đây là một cái dây nịt lưng làm bằng da súc vật.

### 3:4c

**châu chấu:** Châu chấu là một loại côn trùng mà người ở trong sa mạc dùng làm thức ăn. Dưới đây là hình của một con châu chấu.



**mật ong rừng:** Loại mật ong này được tìm thấy ở trong sa mạc phía dưới những hòn đá hay ở kẽ nứt của đá. (Các Quan Xét 14:8-18, 1 Sa-mu-ên 14:25-29). Nếu “mật ong rừng” là loại mật ong duy nhất trong văn hoá của bạn, thì bạn có thể dùng từ “mật ong” ở đây. ngoại trừ trong ngôn ngữ của bạn có một từ khác để chỉ mật ong hoang (mật ong rừng). Có lẽ Giăng ăn các loại thức ăn khác nữa. Giăng ăn thức ăn và mặc quần áo giản dị cho thấy sứ điệp của ông quan trọng hơn là thức ăn hay quần áo.

**3:5**

**cả vùng châu thổ sông Giô-đanh:** Người ở cả hai bên sông Giô-đanh đều đến để gặp Giăng Báp-tít.

**3:6**

**xung tội:** Họ thú nhận những điều họ làm mà Đức Chúa Trời cho là sai lầm. Họ buồn rầu về tội lỗi của mình và quyết định không phạm tội nữa. Đây không có nghĩa là tất cả mọi người nghe Giăng đều xưng tội. Chỉ có một số người làm như vậy.

**họ được ông làm phép báp-tem:** Giăng làm phép báp-tem cho những người xưng nhận tội lỗi họ đã vấp phạm.

**làm phép báp-tem:** Trong tiếng Hy-lạp chữ *báp-tem* (*baptizō*) có nghĩa là “nhận chìm trong nước.” Đây có nghĩa là biểu tượng bằng lòng rửa sạch tấm lòng theo ý nghĩa thuộc linh. Khi Giăng làm phép báp-tem cho một người, có nghĩa là người đó bằng lòng ăn năn và mong muốn Đức Chúa Trời sẽ tha thứ tội lỗi của người ấy.

Các giáo phái khác nhau giải thích từ *báp-tem* theo nhiều cách khác nhau. Một số nói là đây chỉ nói đến việc nhận chìm tất cả người dưới nước. Một số người khác nói là có thể có nghĩa là nhận chìm người dưới nước hoặc chỉ vẩy nước hay đổ nước lên đầu như một nghi lễ tôn giáo. Tránh chuyển ngữ cách nào mà chỉ đề cập đến một cách làm phép báp-tem và loại bỏ các cách làm báp-tem khác. Thay vào đó, nếu bạn chuyển ngữ ý nghĩa của từ *báp-tem*, bạn nên chuyển ngữ một cách tổng quát để bất cứ cách giải thích nào ở phần trên cũng có thể đúng cả.

**dưới sông Giô-đanh:** Giăng giảng và làm phép báp-tem cho người ta ở chỗ sông Giô-đanh chảy từ Biển Hồ Ga-li-lê ở phía bắc xuống Biển Chết ở phía nam.

3:7-10 Giăng cảnh cáo các nhà lãnh đạo Do Thái Giáo rằng họ phải thật sự ăn năn.

Giăng nói rất mạnh để chống lại người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê, hai nhóm người tôn giáo. Người Pha-ri-si thêm rất nhiều luật lệ vào CƯ. Họ nói người ta phải vâng theo những luật lệ này, mặc dù ngay cả người Pha-ri-si cũng không vâng theo rất nhiều

luật lệ của chính họ. Họ nghĩ là họ công chính hơn những người Do Thái khác. Nhiều người Sa-đu-sê thuộc về các gia đình giàu có và là lãnh đạo của người Do Thái. Một số là thuộc viên của Tối Cao Pháp Viện. Hầu hết người Sa-đu-sê là thầy tế lễ, nhưng họ không tin có sự sống lại sau khi chết. Họ cũng không tin là có thiên sứ hay thần linh. Giăng biết rằng hầu hết người Pha-ri-si và Sa-đu-sê chưa sẵn sàng để ăn năn. Chỉ có một tiên tri thật của Đức Chúa Trời mới nói một cách mạnh mẽ như Giăng nói với các nhà lãnh đạo Do Thái giáo.

Bạn có thể để một lời chú thích ở cuối trang để giải thích người Pha-ri-si và Sa-đu-sê là gì.

**3:7b**

**Hỡi nòi rắn độc!:** Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp là “con cái của rắn độc.” Giăng đang nói với những người này như là một nhóm rắn độc. Các con rắn ở trong đồng hoang rất là quý quái. Đôi khi trông chúng giống như là một cành cây khô. Nếu có người nào đến gần là nó cắn liền. Giăng nói là người Pha-ri-si và Sa-đu-sê giống như những con rắn này. Họ lừa gạt làm cho người ta tưởng rằng họ là người tốt trong khi họ là người gian ác.

Nếu người ở trong địa bàn của bạn không nghĩ rắn độc là ác, bạn có thể phải bỏ không nói đến rắn ở trong 3:7 và chỉ chuyển ngữ theo ý nghĩa. Thí dụ: “Các người là người gian ác.”

**3:7c**

**Ai đã báo cho các người tránh cơn thịnh nộ sắp tới?:** Đây là một câu hỏi tu từ, không phải là một câu hỏi thật. Giăng không hỏi là ai cảnh cáo họ. Ông chỉ muốn nói “Tôi ngạc nhiên thấy các người cố gắng tránh cơn giận của Đức Chúa Trời.” Trước đó những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê không hề ăn năn, và Giăng nói bây giờ họ cũng không thật lòng ăn năn nữa. Không ai có thể tránh khỏi cơn giận của Đức Chúa Trời bằng cách giả bộ ăn năn. Họ phải thật lòng muốn thay đổi cách hành xử và suy nghĩ.

**tránh:** *Tránh* có nghĩa là trốn chạy.

**cơn thịnh nộ sắp tới?:** Nhóm từ *cơn thịnh nộ* có nghĩa là “cơn giận.” Ở đây muốn nói đến cơn giận của Đức Chúa Trời.



- 3:5 *Dân chúng từ Giê-ru-sa-lem, khắp vùng Giu-đê và cả vùng châu thổ sông Giô-đanh đều đến với ông.*  
Nhiều người từ Giê-ru-sa-lem, khắp xứ Giu-đê, và từ hai bờ sông Giô-đanh đến với ông. [Họ đến sa mạc để nghe Giảng giảng].
- 3.6 *Sau khi xưng tội, họ được ông làm phép báp-tem dưới sông Giô-đanh.*  
Họ công khai xưng tội, và được Giảng làm phép báp-tem ở dưới sông Giô-đanh.
- 3.7a *Nhưng khi thấy người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến xin nhận phép báp-tem,*  
Giăng thấy có nhiều người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến để ông làm phép báp-tem [cho họ].
- 3:7b *Giăng bảo họ: “Hỡi nòi rắn độc!*  
Ông nói với họ: “Các người gian ác, giống như rắn độc!
- 3:7c *Ai đã báo cho các người tránh cơn thịnh nộ sắp tới?*  
Các người không tránh khỏi sự trừng phạt sắp đến của Đức Chúa Trời [bằng cách chỉ giả vờ ăn năn].  
-HAY-  
Các người chỉ giả vờ ăn năn thì không tránh khỏi sự trừng phạt sắp đến của Đức Chúa Trời.
- 3.8 *Vậy hãy kết quả cho xứng đáng với sự ăn năn.*  
[Nếu các người thật sự muốn tôi làm phép báp-tem cho,] trước hết các người phải làm điều đúng để cho thấy rằng các người đã từ bỏ tội lỗi.  
-HAY-  
[Nếu các người thật sự muốn tôi làm phép báp-tem cho,] trước hết các người phải chứng tỏ rằng các người thật sự ăn năn.
- 3.9a *Đừng tự hào:*  
Đừng nghĩ Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận các người chỉ vì các người nói rằng
- 3:9b *‘Áp-ra-ham là tổ tiên chúng tôi.’*  
‘Chúng tôi là công chính bởi vì chúng tôi là dòng dõi Áp-ra-ham.’ [Không! Điều này không làm cho các người trở thành công chính.]

Thật sự có nghĩa là khi Đức Chúa Trời tức giận con người Ngài sẽ trừng phạt họ. Vậy nên bạn có thể chuyển ngữ “sự trừng phạt của Đức Chúa Trời sẽ/sắp đến.”

### 3:8

***Vậy hãy kết quả cho xứng đáng với sự ăn năn:*** Đây là cách nói tượng hình về cách hành xử của một người. Nhóm từ “hãy kết quả cho xứng đáng với sự ăn năn” có nghĩa là “Hãy làm những việc cho thấy là các người thật sự thay đổi cách suy nghĩ và hành xử.” Vậy Giảng muốn nói là: “Hãy hành xử

thế nào để cho thấy là các người thật sự ăn năn tội.”

***sự ăn năn:*** Đây muốn nói đến một người thay đổi cách suy nghĩ về tội lỗi. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 3:2a.

### 3:9a

***đừng tự hào:*** Ông muốn nói là Đức Chúa Trời không cho một người là công chính chỉ vì người ấy là dòng dõi của Áp-ra-ham.

### 3:9b

***Áp-ra-ham là tổ tiên chúng tôi:*** Có một hàm ý ở đây. Người Pha-ri-si và Sa-đu-sê

suy nghĩ: “Chúng ta là công chính, bởi vì Áp-ra-ham là tổ tiên của chúng ta,” hay “Đức Chúa Trời sẽ không trừng phạt chúng ta bởi vì chúng ta là dòng dõi của Áp-ra-ham.” Áp-ra-ham là tổ tiên của họ, nhưng điều này không làm cho họ trở nên công chính hay ngăn ngừa Đức Chúa Trời thời không trừng phạt họ. Hãy chú ý hàng chữ hàm ý ở trong PKTCD của 3:9c.

### 3:9c

**Đức Chúa Trời có thể biến những viên đá này thành con cháu Áp-ra-ham:** Đây có thể có hai ý nghĩa:

- (1) “Đức Chúa Trời có thể biến đá trở nên người Do Thái!” Đây có nghĩa là con cháu tự nhiên theo phần thể xác của Áp-ra-ham tức là người Do Thái. Ý nghĩa khác có thể là:
- (2) “Đức Chúa Trời có thể khiến đá trở nên con cháu thật sự về phần thuộc linh của Áp-ra-ham.”

Ý nghĩa đầu tiên có vẻ thích hợp với câu này hơn. Thật là dễ dàng cho Đức Chúa Trời làm ra người Do Thái.

Nên đặt một lời chú thích ở cuối trang hay cuối sách ở phần cuối của 3:9 để làm cho rõ nghĩa của 3:9-10. Lời chú thích có thể ghi: “Đức Chúa Trời không chấp nhận một người chỉ vì người đó là con cháu của Áp-ra-ham. Ngài chấp thuận người nào làm những việc đúng.”

### 3:10a

**Lưỡi búa đã đặt kẻ gốc cây:** Đây tượng trưng cho một người đặt búa ở gốc cây. Có nghĩa là người ấy sẵn sàng để đốn cây xuống.

### 3:10b

**bất cứ cây nào không sinh trái tốt sẽ bị chặt:** Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẵn sàng để xét đoán người làm điều gian ác thay vì điều tốt. Đây không phải chỉ nói về việc cắt các nhánh không có trái. Đây nói về việc chặt cả cây xuống ở gốc cây (hãy xem Giê-rê-mi 46:22).

### 3:10c

**ném vào lửa:** Người này sẽ không chỉ chặt cây không sanh ra trái. Người ấy còn ném nó vào lửa. Đây là cách nói tượng hình về sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi. Nếu chuyển ngữ “lửa” là “địa ngục” ở đây thì quá mạnh. Nhưng có thể nói ở cuối của 3:10, “Đây hàm ý là Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những người không làm điều tốt.”

3:11-12 Đức Giê-su là vĩ đại hơn Giăng, và sẽ xét đoán mọi người

Giăng vẫn còn đang nói. Có vẻ như ông nói với đám đông ở đây trong 3:11-12, không phải chỉ cho người Pha-ri-si và Sa-đu-sê. Ông không nói là ông làm phép báp-tem cho người Pha-ri-si và Sa-đu-sê. Ông chỉ làm phép báp-tem cho người thay đổi tấm lòng. Đứng đến sau Giăng là Đức Giê-su.

### 3:11a

**Ta làm phép báp-tem cho các người bằng nước để ăn năn tội:** Có hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Giăng đang nói là: “Tôi làm phép báp-tem cho các người bằng nước cho thấy là các người đã từ bỏ tội lỗi.” Hãy xem 3:8. Một số người đã chuyển ngữ là “Ta làm phép báp-tem cho các người bằng nước như là một dấu hiệu của sự ăn năn của các người” hay “Ta làm phép báp-tem bằng nước cho những người ăn năn tội.”
- (2) Giăng đang nói: “Ta làm phép báp-tem cho các người ăn năn.” Đây là cách giải thích tổng quát hơn. Có vẻ hàm ý như là phép báp-tem có thể khuyến khích và dẫn đến sự ăn năn trọn vẹn và thay đổi cách sống. Một số bản dịch tiếng Anh và các bản dịch tiếng Việt theo ý nghĩa này.

Trong ngữ cảnh này ý nghĩa (1) được ưa thích hơn vì trong 3:8 Giăng nói rõ là ông sẽ không làm phép báp-tem cho bất cứ ai không chịu ăn năn trước nhưng ý nghĩa nào cũng đúng cả. Nếu người đọc hiểu rõ ý thì chuyển ngữ từng từ cũng chấp nhận được ở đây.

- 3:9c *Vì ta phán cùng các người: ‘Đức Chúa Trời có thể biến những viên đá này thành con cháu Áp-ra-ham.’*  
[Nếu muốn] Đức Chúa Trời có thể biến những hòn đá này thành con cháu Áp-ra-ham.
- 3:10a *Lưỡi búa đã đặt kẻ gốc cây;*  
[Đức Chúa Trời giống như một người] sẵn sàng đốn cây xuống.
- 3:10b *vì thế, bất cứ cây nào không sinh trái tốt sẽ bị chặt*  
Người ấy sẽ đốn bất cứ cây nào không có trái tốt xuống
- 3:10c *và ném vào lửa.”*  
và ném chúng vào trong lửa. [Đức Chúa Trời cũng sẽ trừng phạt những người phạm tội như vậy.]”  
3:11a-c(sắp đặt lại thứ tự:)
- 3:11a *‘Ta làm phép báp-tem cho các người bằng nước để ăn năn tội.*  
Rồi Giăng nói với mọi người: “Tôi làm phép báp-tem cho các người bằng nước, cho thấy là các người đã ăn năn tội lỗi.
- 3:11b *Nhưng Đấng khác đến sau ta, sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa.*  
Nhưng có một Đấng đến sau tôi sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa.

**3:11b**

**Nhưng Đấng khác đến sau ta:** Đây muốn nói đến một thời gian sau, chứ không phải ngay ở đằng sau lưng. Chức vụ của Giăng đã bắt đầu. Đức Giê-su sắp khởi sự chức vụ của Ngài, trong khi Giăng vẫn giảng và làm phép báp-tem cho người ta (Giăng 3:22-24).

**Đấng:** Từ này là một nan đề cho việc chuyển ngữ. Tiếng Việt có một hệ thống về đại từ phân biệt theo ngôi thứ, tuổi tác, địa vị ...v.v... mà các ngôn ngữ khác không có. Thí dụ trong bản Hy-lạp từ *autos* được dùng để chỉ ngôi thứ ba số ít và là đàn ông, nếu chuyển ngữ sang tiếng Anh thì là “he.” Nhưng trong tiếng Việt *autos* có thể chuyển ngữ bằng nhiều đại từ khác nhau tùy theo ngữ cảnh: Ngài, Đấng, bác, chú, ông, em, cháu, nó, kẻ ấy v.v. Mỗi một đại từ này hàm ý một số thông tin về địa vị của người ấy mà trong bản Hy-lạp không có. Trong văn hoá của người Việt tiếng đại từ dùng diễn tả địa vị của người đó nên trong ngữ cảnh này đại từ dùng phải hàm ý chỉ Đức Giê-su. *Đấng* được dùng theo như văn hoá và ngôn ngữ

của người Việt chứ không phản chiếu điều Giăng nói. Trong bản Hy-lạp cùng một đại từ ấy có thể được dùng cho một người, một thần linh, một thần hay một vua. Không phải văn hoá và tiếng Hy-lạp kém lễ phép kính trọng Đức Giê-su, họ bày tỏ sự lễ phép và kính trọng bằng những cách khác. Vì tiếng Việt phải phân biệt rõ nên dùng từ này nhưng không phải là từ ông Giăng dùng.

*Đấng* là một đại từ dùng trong tiếng Việt để chỉ các nhân vật có thần tính quan trọng như một thần, một tiên tri hay một anh hùng. Giăng không nói tới Đấng sẽ *đến sau ta* là một người có thần tánh ông chỉ nói đến như một người. Khi chuyển ngữ từ này bạn nên cẩn thận chọn một đại từ nghe tự nhiên trong ngôn ngữ và văn hoá của bạn. Cố gắng chuyển ngữ từng từ một theo như tiếng Việt có thể không thích hợp.

**sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Đức Thánh Linh:** Giăng làm phép báp-tem cho người ta bằng nước, nhưng Đức Giê-su làm phép báp-tem cho người ta bằng Đức Thánh Linh. Giăng làm phép báp-tem bằng

nước chỉ là một biểu tượng người ta bằng lòng ăn năn tội lỗi. Khi Đức Giê-su Cơ Đốc làm phép báp-tem cho người ta bằng Đức Thánh Linh, có nghĩa là họ sẽ nhận được quyền năng từ Đức Chúa Trời để sống đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời (hãy xem Công Vụ 1:8).

**và bằng lúa:** Đây có thể có một hay nhiều hơn trong những ý nghĩa sau đây: 1) Đức Giê-su sẽ báp-tem các con dân như Ngài đã làm với các lưỡi lửa trong Lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:3). 2) Đức Giê-su sẽ xét đoán các con dân Chúa (Ma-thi-ơ 3:10,12). 3) Đức Giê-su sẽ thanh tẩy con dân Chúa qua sự đau khổ (Mác 10:39). Vì ý nghĩa đây đủ không rõ ràng, có thể chuyển ngữ từng từ một như các bản tiếng Việt đã làm.

### 3:11c

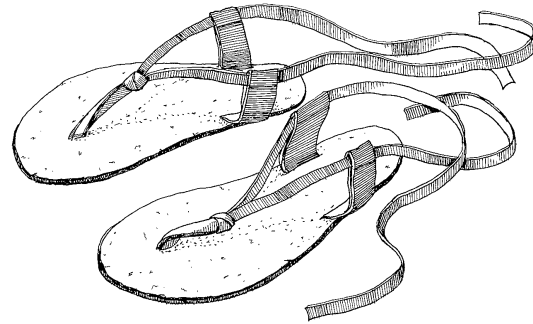
**Ngài vĩ đại hơn ta:** Người này vĩ đại hơn Giăng. Ngài là Đấng có quyền hơn Giăng, và quan trọng hơn Giăng.

**Ngài:** Như đã diễn tả bằng *Đấng* trong 3:11b ở trên, *Ngài* được dùng để cho thích hợp với văn hoá và ngôn ngữ Việt-nam. Đại từ được Giăng dùng ở đây cũng là một đại từ tổng quát nói về một người đàn ông.

**ta không đáng xách dép cho Ngài:** Trong bản Hy-lạp từ được chuyển ngữ là *xách* hàm ý cởi một cái gì ra và mang nó đi. Giăng không nói là “Ta không quan trọng.” Ông cũng không nói là ông đã làm một việc gì xấu. Ông nói rằng Đức Giê-su vĩ đại hơn ông nhiều đến nỗi ông cảm thấy không xứng đáng để làm nô lệ cho Ngài. Một trong những việc người nô lệ phải làm là cởi dép của chủ, lột ra khỏi chân và rửa chân cho chủ. Sau đó có lẽ người nô lệ phải đem dép để vào chỗ mà người chủ có thể lấy để dành khi cần. Một cách chuyển ngữ theo ý nghĩa là:

Ngài sẽ là một nhà lãnh đạo vĩ đại, và ta không quan trọng chút nào hết nếu so sánh với Ngài.

**dép:** Đây là loại dép làm bằng da thú vật. Người ta dùng dây để buộc dép vào chân. Dưới đây là hình của kiểu dép mà người ta mang trong thời Đức Giê-su.



### 3:12

Trong câu này, Giăng Báp-tít đã dùng một ẩn dụ về một người rế lúa mì. Trong thời Đức Giê-su họ thấy lúa lên trời và gió sẽ thổi vỏ trấu đi, vì vỏ trấu nhẹ hơn hạt lúa (phần dùng để làm bánh mì). Người nông dân giữ lấy hạt lúa và đốt vỏ trấu đi. Ý nghĩa phía sau của ẩn dụ mà Đức Giê-su dùng là Ngài đang chuẩn bị để phân tách người tốt ra khỏi người xấu. Ngài sẽ cứu người tốt và trừng phạt người tội lỗi. Hãy chú ý là hàng chữ hàm ý ở PKTCD nói rõ ẩn ý này của ẩn dụ.

### 3:12a

**Tay Ngài cầm chìa rế sạch sân đập lúa mình:** Trong bản Hy-lạp động từ này không được rõ ràng lắm. Từ về canh nông trong văn hoá của ông Giăng được dùng nên khó mà chuyển ngữ. Một số chuyển ngữ là “Ngài sẽ cầm chìa rế sạch sân đập lúa.” Những người khác giải thích là: “Ngài cầm chìa và Ngài sẽ rế lúa của mình.” BDM cố gắng chuyển ngữ từng từ một theo từ của người Do Thái nhưng ý nghĩa hơi khó hiểu. BDY dùng hình ảnh về canh nông nhưng không dùng từ của Do Thái nên dễ hiểu hơn: “Người sẽ sảy lúa thật sạch.” CDN dùng một vài cách chuyển ngữ khác.

**Ngài:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 3:11b và c.

- 3:11c *Ngài vĩ đại hơn ta, ta không đáng xách dép cho Ngài.*  
 Ngài vĩ đại hơn tôi. Ngài vĩ đại đến nỗi so sánh với Ngài tôi chỉ như là một tên nô lệ.  
 –HAY–  
 Ngài vĩ đại đến nỗi so sánh với Ngài tôi chỉ như là một tên nô lệ không đáng xách dép cho Ngài.
- 3.12a *Tay Ngài cầm chĩa rê sạch sân đập lúa mình,*  
 (BDY) *Người sẽ sảy lúa thật sạch,*  
 Ngài sẽ giống như một người nông dân sảy lúa mì.
- 3:12b *chứa lúa vào kho, nhưng thiêu đốt trấu trong lửa không hề tắt.”*  
 Ngài sẽ cất lúa vào kho, nhưng đốt trấu trong lửa không hề tắt. [Cũng như vậy, Đấng đến sau tôi sẽ phân rẽ người tốt ra khỏi người xấu. Ngài sẽ ban phước cho người công chính và trừng phạt người gian ác.]”

**chĩa rê:** Đây là một dụng cụ người ta dùng để ném lúa lên trời. Hãy xem hình ở phía dưới đây. Nếu văn hoá của bạn không dùng chĩa rê để rê lúa có thể chuyển ngữ bằng hai cách:

- 1) Dùng dụng cụ mà căn hoá của bạn dùng để rê lúa.
- 2) Dùng từ “chĩa” và cũng dùng hình rê lúa bằng chĩa trong bản dịch.



**rê:** Rê có nghĩa là ném lúa lên trời để cho gió thổi trấu tách ra khỏi hạt lúa.

**sạch sân đập lúa mình:** Người nông phu lấy lúa để riêng khỏi vỏ trấu sau khi gió đã tách vỏ ra khỏi lúa. Đây là cách nói tượng hình

về việc Đức Giê-su sẽ phân chia người tốt ra khỏi người xấu.

**sân đập lúa mình:** Đây là chỗ mà người ta để thú vật đập lên lúa hay kéo một vật gì nặng qua đống lúa để cho vỏ trấu rời ra khỏi hạt lúa.

### 3:12b

**chứa lúa vào kho:** Người nông dân đem lúa bỏ vào kho. Đây là cách nói tượng hình về việc Đức Giê-su cứu những người tin Ngài.

**nhưng thiêu đốt trấu trong lửa:** Nhóm từ này nói đến việc đốt vỏ trấu phân không ăn được trong lửa. Nhóm từ này muốn nói đến việc Đức Giê-su trừng phạt những người tội lỗi.

**không hề tắt:** Lửa không hề tắt là một ngọn lửa mà người ta không dập tắt được, một ngọn lửa không bao giờ ngưng cháy. Cách nói tượng hình này tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời trừng phạt những người không thật lòng ăn năn. Nếu khó mà chuyển ngữ ẩn dụ, có thể chỉ cần chuyển ngữ theo ý nghĩa mà không cần dùng ẩn dụ.

## Tiểu Đoạn 3:13-17 Giảng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su

Đức Giê-su đến để Giảng Báp-tít làm phép báp-tem cho Ngài. Giảng nghĩ rằng Đức Giê-su là Đấng vĩ đại nên làm phép báp-tem cho người kém vĩ đại là Giảng. Đây là lý do lúc đầu Giảng

không chịu làm phép báp-tem cho Đức Giê-su, vì Ngài vĩ đại hơn Giăng. Nhưng Đức Giê-su nói đó là một điều tốt cần phải làm nên Giăng làm phép báp-tem cho Ngài.

3:13-14 Đức Giê-su muốn Giăng làm phép báp-tem cho Ngài

### 3:13a

**Thế rồi:** Đây là lúc mà Giăng làm phép báp-tem cho người ta. Có thể là cùng một ngày mà Giăng nói chuyện với những người Phari-si và Sa-đu-sê (3:7-12) hay sau đó một thời gian lâu.

**Ga-li-lê:** Đức Giê-su đến từ xứ Ga-li-lê, nơi Ngài sống và lớn lên từ nhỏ.

**sông Giô-đanh:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 3:6.

### 3:13b

**để nhận phép báp-tem:** Đây là lý do Đức Giê-su đến với Giăng. Ngài muốn Giăng làm phép báp-tem cho Ngài.

### 3:14a

**Nhưng Giăng từ chối:** Giăng không muốn làm phép báp-tem cho Đức Giê-su. Ông biết rằng Đức Giê-su vĩ đại hơn ông. Ông cũng biết rằng Đức Giê-su là người không có tội nên không cần phải ăn năn. Vậy nên Giăng cảm thấy ông không cần phải làm phép báp-tem cho Chúa.

### 3:14b-c

**Chính tôi mới cần Ngài làm phép báp-tem:** Giăng biết ông là một người có tội. Có thể là chưa có ai làm phép báp-tem cho ông. Ông nghĩ là Chúa làm phép báp-tem cho ông thì đúng hơn là ông làm phép báp-tem cho Chúa.

Giăng cũng biết rằng Đức Giê-su là Con Đức Chúa Trời. Giăng đã nói rằng Đức Giê-su sẽ làm phép báp-tem lớn hơn là phép báp-tem của Giăng làm (3:11). Giăng muốn nhận phép báp-tem đó cũng như là phép báp-tem bằng nước. Viết cách nào để các từ “tôi” và “Ngài” được nhấn mạnh trong câu này. Hãy xem những lời được gạch dưới ở trong PKTCD của 3:14c.

**Thế sao Ngài lại đến với tôi?:** Giăng không phải muốn hỏi Chúa: “Ngài đến với tôi sao?” Ông muốn nói: “Ngài không phải đến để tôi làm phép báp-tem.” hay “Ngài đến để tôi làm phép báp-tem là không hợp lý.” Hay “Tại sao Ngài lại đến để tôi làm phép báp-tem?” Câu nói này cho thấy là Giăng ngạc nhiên. Ông nghĩ rằng Chúa làm phép báp-tem cho ông mới đúng.

3:15 Đức Giê-su bảo Giăng lý do tại sao ông phải làm phép báp-tem cho Ngài

### 3:15a

**Đức Giê-su đáp:** Trong 3:15 Đức Giê-su cho Giăng biết lý do tại sao ông nên làm phép báp-tem cho Ngài.

**Bây giờ hãy cứ làm đi:** Bạn cũng có thể chuyển ngữ câu này là: “Đây là lúc để chúng ta làm như vậy.” Đức Giê-su hàm ý rằng sau này Ngài sẽ ban phước cho Giăng một cách lớn lao hơn. Đức Giê-su đặt mình dưới Giăng khi ông làm phép báp-tem cho Ngài, nhưng sau đó Ngài là Chúa của tất cả mọi người.

### 3:15b

**để chúng ta làm trọn mọi quy lệ công chính:** Đây không có nghĩa chỉ làm phép báp-tem là Đức Giê-su đã làm trọn các điều Đức Chúa Trời muốn Ngài làm. Còn có các điều khác mà Đức Chúa Trời muốn Đức Giê-su làm. Nhóm từ *làm trọn mọi quy lệ công chính* có thể có nghĩa là Đức Giê-su làm phép báp-tem để cho thấy là Đức Chúa Trời chấp thuận công việc Giăng làm phép báp-tem cho người ta. Có thể Giăng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su vì đó là một cách đúng để bắt đầu chức vụ của Đấng Cứu Thế. Chúng ta không biết được hết điều Đức Giê-su muốn nói ở trong 3:15. Nhưng chúng ta biết điều Giăng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su là hợp lý.

**Tiểu đoạn 3:13-17 Giảng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su**

- 3:13a *Thế rồi Đức Giê-su từ Ga-li-lê đến cùng Giảng tại sông Giô-đanh*  
Vào lúc đó Đức Giê-su từ xứ Ga-li-lê đi đến sông Giô-đanh.
- 3:13b *để nhận phép báp-tem.*  
Ngài đến để cho Giảng làm phép báp-tem.
- 3:14a *Nhưng Giảng từ chối, nói rằng:*  
Nhưng Giảng không vâng theo lời Chúa Giê-su và nói với Ngài:
- 3:14b *“Chính tôi mới cần Ngài làm phép báp-tem.*  
[Ngài vĩ đại hơn tôi]. Ngài làm phép báp-tem cho tôi thì tốt hơn!”  
-HAY-  
[Ngài quan trọng hơn tôi nhiều]. Chính tôi cần Ngài làm phép báp-tem cho tôi!”
- 3:14c *Thế sao Ngài lại đến với tôi?”*  
“Tôi làm phép báp-tem cho Ngài không hợp lý tí nào!  
-HAY-  
“Ngài không cần tôi làm phép báp-tem cho!
- 3:15a *Đức Giê-su đáp: “Bây giờ hãy cứ làm đi,*  
[Nhưng] Đức Giê-su nói với ông: “Bây giờ tốt hơn là ông làm phép báp-tem cho tôi.
- 3:15b *để chúng ta làm trọn mọi quy lệ công chính, vì như thế là hợp lẽ.”*  
Chúng ta muốn làm mọi điều Đức Chúa Trời bảo chúng ta làm, [và đây là một trong những điều đó].”
- 3:15c *Giăng vâng lời Ngài.*  
[Khi Giảng nghe điều này,] ông đồng ý làm phép báp-tem cho Đức Giê-su.
- 3:16a *Vừa khi chịu phép báp-tem xong, Đức Giê-su liền bước lên khỏi nước.*  
Vậy Giảng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su. Ngay khi Đức Giê-su bước lên khỏi nước,

*vì như thế là hợp lẽ:* Có thể nói một cách khác “Ông làm phép báp-tem cho Ta là đúng” hay “Đây là một điều đúng nên làm.”

3:16-17 Giảng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su, Con của Đức Chúa Trời

Giăng làm phép báp-tem cho người ta vì họ ăn năn. Nhưng Đức Chúa Trời để Giảng làm phép báp-tem cho Con Ngài để cho thấy là Đức Chúa Trời ban phước cho Đức Giê-su trước khi Ngài bắt đầu chức vụ.

**3:16a**

*Vừa khi chịu phép báp-tem xong:* Giảng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su. Không rõ ông báp-tem Chúa bằng cách nào. Một số nhà lãnh đạo Cơ Đốc nói rằng ông nhận chìm Chúa xuống nước. Đây có thể là sự thật nhưng trong câu này không nói rõ.

*Vừa khi:* Đây có nghĩa là: “ngay lập tức.” Sau khi Giảng làm phép báp-tem xong Đức Giê-su bước lên khỏi nước.

*Đức Giê-su liền bước lên khỏi nước:* Đức Giê-su bước lên khỏi sông để lên bờ đất khô.

Bạn có thể chuyển ngữ là “bước lên” hay “đi lên.” Nhưng phải đồng nhất với các câu khác về thứ tự của các việc xảy ra.

### 3:16b-c

**Kìa:** Từ này được chuyển ngữ từ *idou* “Hãy nhìn.” Ý ở đây muốn nói là trời đột nhiên mở ra và mọi người đều thấy là Đức Chúa Trời chấp nhận con của Ngài.

**bầu trời mở ra:** Đây có nghĩa là: “trời mở ra cho Ngài.” Đây có thể muốn nói đến thiên đàng (nơi Đức Chúa Trời ngự) hay là bầu trời (nơi có các đám mây). Bạn có thể chuyển ngữ là “thiên đàng mở ra” hay “trời mở ra” hay “Đức Chúa Trời mở trời ra.”

**Ngài thấy:** Đức Giê-su thấy điều này, nhưng Giăng cũng thấy nữa (Giăng 1:31-34).

**Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời:** Nhóm từ này muốn nói đến Đức Thánh Linh. Có vẻ như trời mở ra để cho Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời giáng xuống từ thiên đàng là nơi Đức Chúa Trời ngự.

**giáng xuống:** Đức Thánh Linh giáng xuống như là một con bồ câu bay xuống. Đây có nghĩa là Đức Thánh Linh lấy hình con chim bồ câu và bay xuống chỗ Đức Giê-su. (Lu-ca 3:22). Đây là lý do tại sao người ta hay lấy hình chim bồ câu tượng trưng cho Đức Thánh Linh.

**chim bồ câu:** Thánh Linh của Đức Chúa Trời giáng xuống trong hình thức của một con chim trắng như *chim bồ câu*. Nếu trong địa bàn của bạn không có chim bồ câu, dùng tên loài chim trắng nào tương tự.

**đậu trên Ngài:** Đức Thánh Linh hiện xuống dưới hình của chim bồ câu và đậu ở trên Ngài. Chim có thể đậu trên vai hay trên đầu của Ngài. Đây là dấu hiệu để bày tỏ là Đức Chúa Trời rất hài lòng Con của Ngài.

### 3:17a

**túc thì:** (BDC) Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:9. BDM không chuyển ngữ từ *idou* này.

**Có tiếng từ trời:** Đức Chúa Cha phán từ trên trời nên mọi người đều có thể nghe được. Ma-thi-ơ thường dùng từ *trời* để chỉ Đức Chúa Trời, bởi vì người Do Thái nghĩ rằng tên của Đức Chúa Trời quá thánh khiết để nói đến thường xuyên.

### 3:17b

**Đây là Con yêu dấu của Ta:** Đức Chúa Cha đang nói về Con Trai độc nhất của Ngài.

**đẹp lòng Ta hoàn toàn:** Đức Chúa Trời chấp nhận Con Ngài.

## Tiểu Đoạn 4:1-11 Quý vương căm dỗ Đức Giê-su

Tại sao Đức Chúa Trời để cho quý vương căm dỗ Đức Giê-su ngay khi Ngài bắt đầu chức vụ? Có vẻ như Ngài muốn cho Con Ngài thấy ba điều khác nhau khi Ngài thắng hơn sự căm dỗ này: 1) Đức Giê-su sẽ không làm đẹp lòng Đức Chúa Trời nếu Ngài dùng quyền năng của mình để cung cấp các nhu cầu cho Ngài (sự căm dỗ thứ nhất). 2) Ngài sẽ không thể làm công việc Đức Chúa Trời sai Ngài đến để làm nếu Ngài dùng phép lạ để thuyết phục người ta theo Ngài (sự căm dỗ thứ nhì). 3) Ngài sẽ không làm đẹp lòng Đức Chúa Trời nếu Ngài ký hợp đồng với ma quỷ (sự căm dỗ thứ ba).

Mặc dù quý vương căm dỗ Đức Giê-su bằng ba cách, Đức Giê-su không phạm tội. Sa-tan đã mở đường để cho Đức Giê-su phạm tội nếu Ngài muốn. Nhưng Đức Giê-su đã dùng lời Chúa ở trong Phục Truyền để thắng hơn căm dỗ của quý vương. Điều này cũng chuẩn bị cho Ngài chiến thắng rất nhiều sự căm dỗ trong những ngày còn lại trên đất. Đức Giê-su chiến thắng cùng một căm dỗ mà A-đam và Ê-va đã phạm tội (Sáng Thế Ký 3:1-6) và cùng một căm dỗ dẫn con dân Chúa đến chỗ phạm tội ngày hôm nay.



- 3:16b *Kìa, bầu trời mở ra, Ngài thấy Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời giáng xuống trời mở ra và Đức Giê-su thấy Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống.*
- 3:16c *như chim bồ câu đậu trên Ngài.*  
Ngài giáng xuống trong hình thức như chim bồ câu và đậu lên Ngài.
- 3:17a *Có tiếng từ trời phán rằng:*  
Rồi Đức Chúa Trời từ trời phán rằng:
- 3:17b *“Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta hoàn toàn.”*  
*“Đây là Con của ta. Ta yêu mến Con. Ta rất vui lòng về Con.”*

### Tiểu Đoạn 4:1-11 Quỷ vương cám dỗ Đức Giê-su

- 4:1 *Sau đó, Đức Thánh Linh đưa Đức Giê-su vào trong đồng hoang để chịu quỷ vương cám dỗ.*  
Sau đó, Đức Thánh Linh hướng dẫn Đức Giê-su vào sa mạc để quỷ vương cám dỗ Ngài.

Câu chuyện quỷ vương cám dỗ Đức Giê-su cũng được chép ở trong Mác 1:12,13 và Lu-ca 4:1-13. Nhưng hãy cẩn thận chỉ chuyển ngữ ý nghĩa nói ở trong Ma-thi-ơ 4:1-11 thôi.

Đức Giê-su có câu trả lời cho mỗi một cám dỗ. 4:1-11 có ba đoạn, mỗi đoạn nói về một cám dỗ: 1-4, 5-7, 8-11. Mỗi Tiểu Đoạn của Lời Giải Nghĩa được bắt đầu bằng một câu tuyên bố tóm tắt điều Sa-tan nói và Đức Giê-su trả lời.

#### 4:1-4 Cám dỗ thứ nhất

Đại ý:

**Sa-tan:** Hãy dùng quyền năng của ông mà làm ra bánh để ăn

**Đức Giê-su:** Đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời không phải chỉ có thức ăn

#### 4:1

Câu đầu tiên này giới thiệu cả một Tiểu Đoạn.

**Sau đó:** Việc này xảy ra sau khi Đức Giê-su được Giăng làm phép báp-tem. Ngay sau khi Đức Thánh Linh giáng xuống trên Đức Giê-su khi Ngài chịu phép báp-tem xong, Đức Thánh Linh dẫn Ngài vào trong sa mạc. Không rõ là hai việc này có xảy ra cùng trong một ngày hay không.

**Đức Thánh Linh đưa Đức Giê-su:** Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời dẫn Đức

Giê-su. Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *đưa* có nghĩa là “dẫn lên.” Đây không phải là một giấc mơ hay khái tượng. Việc này thật sự xảy ra.

**đồng hoang:** Đây có lẽ là đồng hoang của xứ Giu-đê (3:1). Nhưng đây là phần đồng hoang không có người ở. Đức Giê-su ở đó một mình.

**để chịu quỷ vương cám dỗ:** Đức Chúa Trời muốn cho quỷ vương và mọi người biết rằng con dân Chúa có quyền năng để chiến thắng cám dỗ ngay cả cám dỗ mạnh nhất. Đức Thánh Linh dẫn Đức Giê-su vào một chỗ để Sa-tan cám dỗ Ngài và Đức Giê-su sẽ chiến thắng. Đức Giê-su chiến thắng cám dỗ và ban cho các con dân Chúa quyền năng để chiến thắng ma quỷ.

**quỷ vương:** Đây là Sa-tan, cầm đầu các quỷ. Bạn có thể để một lời chú thích ở cuối trang về điều này trong bản dịch của bạn. Từ *quỷ vương* đến từ một từ trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là ‘người vu cáo’ hay ‘người buộc tội sai.’ Tên Do Thái của quỷ vương là ‘Sa-tan,’ có nghĩa là ‘chống nghịch’ hay ‘kẻ thù.’ Người ta cũng gọi hắn là Bê-ên-xê-bun. Hồi xưa, quỷ vương là thiên sứ của Đức Chúa Trời, nhưng hắn phản loạn lại với Đức Chúa Trời. Nên Đức Chúa Trời đuổi nó ra khỏi thiên đàng và nó trở thành lãnh đạo của các tà linh phản loạn với Chúa (Ma-thi-ơ 13:38-40, Lu-ca 11:15, Giu-đe 6).

**cám dỗ:** Từ Hy-lạp *peirazō* có nghĩa là “thử nghiệm” hay “cám dỗ.” Trong 1 Phi-e-rơ 4:12 và Khải thị 3:10 từ này là “thử thách.” Những đoạn đó nói đến thời gian khó khăn thử nghiệm xem người ta có vâng lời Đức Chúa Trời hay không. Nhưng ở đây trong Ma-thi-ơ 4:1 cùng một từ Hy-lạp có nghĩa là “cám dỗ.” Ma quỷ không muốn biết rằng Đức Giê-su sẽ vâng lời Đức Chúa Trời hay không. Nó cố gắng làm cho Đức Giê-su không vâng lời Đức Chúa Trời. Vậy nên *peirazō* ở đây có nghĩa là cám dỗ, cố gắng làm cho một người phạm tội.

#### 4:2

**Sau khi kiêng ăn:** Cụm từ “kiêng ăn” ở đây có nghĩa là không ăn uống vì lý do tôn giáo. Từ *Sau khi* có nghĩa là Đức Giê-su đã nhịn ăn, rồi ma quỷ đến cám dỗ Ngài. Có lẽ có rất nhiều tư tưởng cám dỗ Đức Giê-su trong lúc Ngài nhịn ăn. Nhưng sau cùng, chính quỷ vương đến và cám dỗ Ngài.

Bạn có thể để lời chú thích này trong bản dịch của bạn: “Kiêng ăn” trong KT có nghĩa là nhịn ăn một số thức ăn trong một thời gian. Đôi khi có nghĩa là hoàn toàn nhịn ăn trong một thời gian nào đó. Người Do Thái nhịn ăn vì nhiều lý do: để tôn kính Đức Chúa Trời, để đến với Chúa trong sự cầu nguyện một cách khiêm nhường, cho thấy sự buồn rầu về tội lỗi, để tang một người, hay kính trọng Ngày Lễ Chuộc Tội và các thiên tai trên toàn quốc. Người ta kiêng ăn để chỉ chú trọng đến Đức Chúa Trời trong khi cầu nguyện.

**suốt bốn mươi ngày bốn mươi đêm:** Đây có nghĩa là trọn bốn mươi ngày. Môi-se cũng nhịn ăn trong bốn mươi ngày. Ông Môi-se

cũng như Đức Giê-su có một thời gian quan trọng để ra để cầu nguyện với Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô ký 24:18). Chắc chắn trong khoảng thời gian này Đức Giê-su cầu nguyện với Cha Ngài luôn luôn.

**Ngài đói lả:** Đức Giê-su rất đói. Sau bốn mươi ngày nhịn ăn, thân thể Ngài rất cần ăn một cái gì đó. Nhưng thời gian cầu nguyện này làm cho tinh thần Chúa mạnh mẽ để làm điều đúng chứ không phải điều sai.

#### 4:3a

**Kẻ cám dỗ:** Cụm từ *kẻ cám dỗ* là một tước vị khác của Sa-tan. KT gọi Sa-tan *kẻ cám dỗ* ở trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:5. Gọi như vậy vì việc làm chính của Sa-tan là để cho người ta phạm tội.

**đến nói với Ngài:** Sa-tan đến nơi Đức Giê-su ở. Không rõ là Sa-tan xuất hiện để Đức Giê-su có thể thấy nó bằng mắt thường hay không, vì Sa-tan là một tà linh. Nhưng Đức Giê-su biết nó là ai và sẵn sàng chờ đợi nó.

**Nếu ông là Con Đức Chúa Trời:** Đây có vẻ như là Sa-tan không biết Đức Giê-su có phải là con Đức Chúa Trời hay không. Trong bản Hy-lạp từ “nếu” được dùng là *ei*. Từ này thường được dùng dù người nói biết mình đang nói sự thật. Có hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Vì chính ông là Con Đức Chúa Trời thì hãy làm phép lạ để có đồ ăn đi. Đây hàm ý rằng Sa-tan biết Đức Giê-su là Con Đức Chúa Trời và nó muốn cám dỗ Đức Giê-su dùng chính quyền năng của mình để làm ra đồ ăn.
- (2) Nếu ông là Con Đức Chúa Trời, hãy chứng tỏ bằng cách làm một phép lạ. Điều này hàm ý rằng Sa-tan muốn Đức Giê-su bày tỏ xem có phải Ngài là Con Đức Chúa Trời hay không.

Khi Giảng làm phép báp-tem cho Đức Giê-su (3:17), Đức Chúa Trời nói rằng Đức Giê-su là con của Ngài. Và vì các quỷ của Sa-tan biết Đức Giê-su là Con của Đức Chúa Trời thì chắc chắn Sa-tan phải biết. Đức Giê-su biết Sa-tan biết điều này. Vậy nên cả Đức Giê-su và Sa-tan đều hiểu rõ là Sa-tan muốn nói “vì” ở đây, mặc dù nó nói “nếu.” Vậy nên cách giải thích (1) được ưa thích hơn, mặc dù cách giải thích nào cũng đúng cả.

- 4:2 Sau khi kiêng ăn suốt bốn mươi ngày bốn mươi đêm, Ngài đói lả.  
Đức Giê-su nhịn ăn trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, nên Ngài rất đói.
- 4:3a Kể cảm dỗ đến nói với Ngài: “Nếu ông là Con Đức Chúa Trời  
Chúa Trời,
- 4:3b hãy truyền bảo đá này biến thành bánh đi!”  
hãy bảo đá này biến ra bánh đi!”
- 4:4a Ngài trả lời: “Thánh Kinh chép:  
Đức Giê-su trả lời quỷ vương: “[Không, bởi vì Kinh Thánh] đã chép:  
-HAY-  
[Nhưng] Đức Giê-su đáp: “Lời của Đức Chúa Trời chép:
- 4:4b ‘Con người sống không phải chỉ nhờ bánh, nhưng cũng nhờ mọi lời phán của Đức  
Chúa Trời!’”  
‘Người ta không phải chỉ nhờ thức ăn mà sống, nhưng cũng nhờ vào mọi lời Đức  
Chúa Trời phán.’”

Trong Ma-thi-ơ 4 ma quỷ cố gắng để lừa gạt Đức Giê-su, có lẽ làm cho Chúa nghĩ rằng nó không biết Ngài là ai. Nhưng Đức Giê-su biết là ma quỷ lừa gạt Ngài.

#### 4:3b

**hãy truyền bảo đá này biến thành bánh đi!:** Nói một cách khác là: “hãy ra lệnh cho các hòn đá này biến thành bánh” hay “hãy biến đá này thành bánh.” Đây là một cám dỗ rất mạnh. Đức Giê-su rất đói bụng. Một số hòn đá nằm quanh đó trong giống như ổ bánh mì của người Do Thái ăn. Đức Giê-su có quyền năng để làm điều đó. Nhưng Đức Chúa Trời không bảo Ngài làm như vậy. Đức Chúa Trời sẽ ban thức ăn cho Ngài một cách khác (4:11). Có lẽ quỷ vương cố gắng làm điều này: nó muốn Đức Giê-su không tin rằng Đức Chúa Trời sẽ cung cấp cho nhu cầu của Ngài. Đây là việc dân Do Thái đã làm trong Xuất 16:2-3. Dân chúng phàn nàn vì họ cảm thấy là Chúa không chăm sóc họ. Quỷ vương muốn Đức Giê-su điều khiển hoàn cảnh và dùng quyền năng làm phép lạ để tự cung cấp các nhu cầu của Chúa như quỷ vương đã đề nghị. Làm như vậy là phạm tội. Nhưng Đức Giê-su chống lại với sự cám dỗ này và không phạm tội.

**bánh:** Quỷ vương muốn nói đến ổ bánh mì ở đây. Bánh mì là thức ăn chính của người Do Thái.

#### 4:4

Câu này vẫn còn nói về sự cám dỗ thứ nhất. Nhưng người nói là Đức Giê-su. Vậy nên tốt hơn là bắt đầu một đoạn mới ở 4:4.

#### 4:4a

**Ngài trả lời:** Đức Giê-su trả lời quỷ vương. Quỷ vương không đặt câu hỏi, nhưng nó biết Ngài sẽ nói một cái gì đó.

**Thánh Kinh chép:** Nhóm từ *Thánh Kinh chép* nói đến KT của người Do Thái tức là CU. Đức Giê-su trích dẫn Phục Truyền 8:3. Đức Giê-su trích dẫn KT để trả lời cho cả ba cám dỗ của Sa-tan.

#### 4:4b

**Con người sống không phải chỉ nhờ bánh:** Trong bản Hy-lạp từ “bành” được dùng để nói về thức ăn một cách tổng quát. Người ta cần nhiều thứ hơn để sống chứ không phải chỉ thức ăn. Thức ăn không đủ để giữ cho một người sống. Đức Giê-su đang bảo quỷ vương điều mà Đức Chúa Trời làm cho dân Y-sơ-ra-ên khi Ngài giáng Ma-na xuống cho họ ăn (Phục Truyền 8:3). Ngài để cho họ đói, rồi mới cho họ Ma-na. Họ ăn Ma-na, nhưng họ không vâng lời Đức Chúa Trời. Vậy nên họ chết trong sa mạc (Hê-bơ-rơ 3:17).

*nhưng cũng nhờ mọi lời phán của Đức Chúa Trời:* Người ta sẽ có một đời sống tốt đẹp khi họ nhờ cậy nơi Đức Chúa Trời và vâng theo mọi điều Đức Chúa Trời muốn họ làm. Nếu người Do Thái trong sa mạc đã vâng lời Chúa, họ đã sống một đời sống sung mãn. Nhưng họ không vâng lời Ngài. Nếu Đức Giê-su làm phép lạ để lấy thức ăn cho mình ăn, Ngài đã theo ý của Sa-tan và làm điều mà Đức Chúa Trời không muốn. Nhưng Ngài nhờ cậy Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài. Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ cung cấp thức ăn Ngài cần.

#### 4:5-7 Sự cám dỗ thứ nhì

Đại ý:

**Sa-tan:** Hãy làm phép lạ để người ta đi theo ông

**Đức Giê-su:** Đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời người

#### 4:5a

**Rô-i:** Quý vương lại cám dỗ Đức Giê-su, có lẽ ngay sau lần cám dỗ thứ nhất.

**dem Ngài:** Quý vương hướng dẫn Đức Giê-su đi chứ không bắt buộc Ngài. Đức Giê-su bằng lòng đi theo quý vương dù đó là điều Ngài không muốn làm. Không rõ là Đức Giê-su đi theo bằng thân xác hay chỉ bằng tâm trí và tinh thần.

**thành phố thánh:** Đây nói đến Giê-ru-sa-lem. Người Do Thái cho Giê-su-sa-lem là ‘thành phố thánh’ bởi vì có đền thờ ở đó. Đền thờ là biểu tượng của sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

#### 4:5b

**đặt Ngài đứng trên nóc đền thờ:** Đây là chỗ cao nhất trên nóc đền thờ. Chỗ này rất cao đến nỗi nếu ai té xuống đó thì sẽ chết. Có nhiều người ở chung quanh và phía trước đền thờ. Nếu có ai làm một phép lạ gì thì mọi người sẽ thấy. Chỗ cao nhất của đền thờ này có thể là phần trông qua thung lũng Két-rôn, có rất nhiều tảng đá nhọn.

**đền thờ:** Đền thờ là cái nhà chính mà người Do Thái thờ phượng Đức Chúa Trời. Chỉ có một đền thờ ở xứ Do Thái, đó là ở tại thành phố Giê-ru-sa-lem.

#### 4:6a

**Nếu ông là Con Đức Chúa Trời:** Nhóm từ này có cùng một ý nghĩa với 4:3a.

**hãy lao mình xuống đi:** Quý vương đang bảo Đức Giê-su từ chỗ cao nhảy xuống. Quý vương muốn Đức Giê-su bắt buộc Đức Chúa Trời phải cứu Ngài. Nó muốn Đức Giê-su nghĩ rằng sẽ có nhiều người Do Thái thấy phép lạ này, thì họ sẽ tin rằng Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế, và Ngài sẽ không phải chịu đau khổ và chết. Đây là điều quý vương muốn Đức Giê-su tin.

#### 4:6b

**vì:** Từ vì hàm ý “Ông sẽ không bị thương.” Quý vương không phải chỉ nói: “Hãy nhảy xuống bởi vì KT nói thiên sứ của Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ ông.” Nó nói: “Hãy nhảy xuống. Ông sẽ không bị thương bởi vì KT nói thiên sứ của Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ ông.”

**Thánh Kinh chép:** Lần này quý vương trích dẫn KT để thuyết phục Đức Giê-su làm. Nó trích dẫn gần hết Thi Thiên 91:11,12. Nhưng hãy chú ý là nó bỏ phần thứ nhì của 91:11 ra. Thi Thiên 91:10 cho thấy rõ là Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ con dân của Ngài khi nguy hiểm đến với họ. Đoạn này không nói đến con dân Chúa tự tạo tình trạng nguy hiểm cho mình! Quý vương cố tình làm cho Đức Giê-su phạm tội bằng cách bắt buộc Đức Chúa Trời phải chứng tỏ rằng Chúa yêu Đức Giê-su nên cứu Ngài khỏi chết. Điều này là một cám dỗ cho Đức Giê-su vì có rất nhiều người đang ở đền thờ và họ sẽ tin Ngài ngay nếu Ngài nhảy xuống đó mà không chết.

**ngươi:** Từ *ngươi* chỉ bất cứ ai đã trú ẩn nơi Đức Chúa Trời, kể cả Đức Giê-su.

#### 4:6c

**đỡ ngươi trên tay:** Nói một cách khác là: “Các thiên sứ sẽ chụm ngươi, sẽ đỡ ngươi.” Đây có nghĩa là các thiên sứ sẽ giữ Ngài để Ngài rớt xuống từ từ. Tức là giữ cho Ngài khỏi bị thương. Bạn có thể làm cho rõ nghĩa mà không cần đến các từ *trên tay*.

**kéo chân ngươi vấp phải đá chăng:** Đây là lời trích của Thi Thiên 91:12 nói về một người vấp phải đá. Ý nghĩa ở trong Thi Thiên là thiên sứ của Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ con dân Chúa không phạm tội và bị rắc

- 4:5a *Rồi quý đem Ngài vào thành phố thánh,  
Rồi quý vương dẫn Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem, thành phố thánh.*
- 4:5b *đặt Ngài đứng trên nóc đền thờ  
Nó đem Đức Giê-su đứng lên nóc cao nhất của đền thờ.*
- 4:6a *và nói: “Nếu ông là Con Đức Chúa Trời, hãy lao mình xuống đi,  
Rồi quý vương nói với Đức Giê-su: “Nếu ông là Con của Đức Chúa Trời, hãy  
nhảy xuống đi!*
- 4:6b *vì Thánh Kinh chép: ‘Ngài sẽ truyền cho các thiên sứ bảo vệ người,  
[Ông sẽ không bị thương], bởi vì Kinh Thánh chép: ‘Đức Chúa Trời sẽ sai thiên sứ  
của Ngài bảo vệ ông.*
- 4:6c *đỡ người trên tay, kéo chân người vấp phải đá chằng.’ ”  
Các thiên sứ sẽ đỡ ông lên để ông không rớt vào đá [và chết]!”*
- 4:7 *Đức Giê-su trả lời: ‘Thánh Kinh cũng chép: ‘Đừng thách thức Chúa là Đức Chúa  
Trời của người.’ ”  
Đức Giê-su nói với quý vương: “[Không, ta sẽ không nhảy, bởi vì làm như vậy là  
thử Đức Chúa Trời người.] Kinh Thánh chép: ‘Đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời  
người.’”*
- 4:8a *Quý lại đem Ngài lên một ngọn núi rất cao,  
Sau đó quý vương lại đem Đức Giê-su lên đỉnh một ngọn núi rất cao.*

rối. Nhưng ở đây trong Ma-thi-ơ 4:6 diễn  
dịch là “vậy nên người sẽ không rớt xuống  
đá và chết.”

#### 4:7

**Thánh Kinh cũng chép:** Một lần nữa Đức  
Giê-su dùng lời KT để trả lời (hãy xem 4:4).  
Lần này Chúa trích dẫn từ Phục Truyền  
6:16.

**Đừng thách thức Chúa là Đức Chúa Trời  
của người:** Đức Chúa Trời bảo vệ con dân  
của Ngài khi họ làm theo ý muốn của Ngài.  
Nhưng họ không thể mong chờ Chúa giữ họ  
khỏi bị hại khi tự họ đi tìm sự nguy hiểm  
cho mình. Từ *người* ở đây muốn nói đến  
người Do Thái. Đây là một câu KT trích dẫn  
nói đến người ta một cách tổng quát. Trong  
bản dịch phải để cho rõ. Hãy xem Lời Giải  
Nghĩa của 4:10.

Có thể đặt nhóm từ *Đừng thách thức  
Chúa là Đức Chúa Trời người* một cách  
khác là:

Đừng đòi Chúa Đức Chúa Trời của  
người phải làm phép lạ chỉ để chứng tỏ  
là Ngài chăm sóc người.

-HAY-

Đừng làm một việc điên rồ không ở  
trong ý muốn của Đức Chúa Trời rồi đòi  
hỏi Ngài cứu người.

#### 4:8-11 Cám dỗ thứ ba

Đại ý:

Sa-tan: Hãy thờ phượng ta.

Đức Giê-su: Chỉ thờ phượng Chúa là Đức  
Chúa Trời người.

#### 4:8a

**Quý lại đem:** Đây không có nghĩa là quý  
vương dùng cùng một sự cám dỗ mà có  
nghĩa là quý vương lại cám dỗ Đức Giê-su  
bằng một cách khác.

**lên một ngọn núi rất cao:** Có lẽ đây không  
phải là một ngọn núi thật. Vì không có núi  
nào cao đủ để cho một người có thể thấy  
được tất cả các nước trên thế giới. Đây có lẽ

là một khái tượng Sa-tan đem đến trong tâm trí Đức Giê-su, một hình ảnh ở trong đầu Ngài. Nhưng hình ảnh này rõ ràng như là Chúa đứng trên một đỉnh núi.

#### 4:8b

**Chỉ cho Ngài xem tất cả các vương quốc trên thế giới:** Quý vương cho Đức Giê-su thấy tất cả các nước trên thế giới. Đây là các nước trong thời của Đức Giê-su. Không rõ là Ngài có thấy được những quốc gia có bây giờ không. Nhưng đoạn kinh văn cho thấy rõ là Đức Giê-su thấy rõ ràng các nước trong thời của Ngài.

**với sự huy hoàng của chúng:** Quý vương cho Đức Giê-su thấy vinh quang của các nước, vĩ đại, tốt đẹp và uy nghi. Nó làm hình ảnh này hấp dẫn để Đức Giê-su muốn làm Chúa của tất cả các quốc gia đó.

#### 4:9

Có một ẩn ý trong câu này. Quý vương suy nghĩ “Ta sở hữu và điều khiển tất cả các quốc gia này.” Đó là lý do nó có thể nói với Đức Giê-su: “Ta sẽ cho ông tất cả các nước này.” Một người không thể cho ai một điều gì mà chính người ấy không có hay không có quyền điều khiển. Sa-tan muốn Đức Giê-su tin rằng nó điều khiển tất cả các quốc gia này. Điều này cũng đúng một phần (hãy xem 1 Giăng 5:19). Nhưng chỉ có Đức Chúa Trời là hoàn toàn sở hữu và điều khiển thế giới. Quý vương chỉ được điều khiển những gì Đức Chúa Trời và con người cho phép nó điều khiển. Bạn có thể nói rõ trong bản dịch của bạn ẩn ý ở phần đầu của 4:9 là:

Quý vương nghĩ: “Ta điều khiển tất cả các quốc gia này.”

**Nếu ông quỳ xuống thờ lạy ta:** Đây là phong tục của người Do Thái, họ quỳ và sấp mặt xuống đất khi họ thờ phượng. Đây là điều Sa-tan muốn Đức Giê-su làm. Nó muốn Đức Giê-su thờ phượng nó và nói rằng nó là Chúa của Ngài. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:11b.

**ta sẽ ban cho ông tất cả:** Quý vương nói: “Ta sẽ cho ông các quốc gia này.” Nó đang cố gắng ký hợp đồng với Đức Giê-su. Nó muốn Đức Giê-su tin rằng Ngài sẽ được có quyền điều khiển các quốc gia này. Nó cũng

muốn Đức Giê-su tin rằng tất cả các quốc gia trên thế giới sẽ vâng lời Ngài. Quý vương nói: “Ta sẽ để ông điều khiển tất cả các quốc gia này nếu ông thờ lạy ta.” Nhưng hãy nhớ quý vương là một kẻ nói dối (Giăng 8:44). Nó không thật sự sở hữu bất cứ quốc gia nào và nó không có quyền cho ai điều khiển cả. Sa-tan cố gắng lừa gạt Đức Giê-su nghĩ rằng Ngài có thể cai trị trên tất cả thế giới ngay lập tức mà không phải chết trên thập tự giá.

#### 4:10a

**Hỡi Sa-tan, hãy lui ra khỏi Ta:** Bạn có thể nói “Hãy lui ra, Sa-tan!” Đây là lần đầu tiên Đức Giê-su dùng tên *Sa-tan* trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ. *Sa-tan* có nghĩa là “kẻ chống nghịch lại.” Đức Giê-su giận dữ. Ngài ra lệnh cho Sa-tan rời khỏi Ngài. Đức Giê-su cho thấy là Ngài có quyền trên Sa-tan vì nó phải vâng lời Ngài. (4:11). Sa-tan đã tận sức để cám dỗ Đức Giê-su. Đức Giê-su đã quyết định chấm dứt thời gian bị cám dỗ. Ngài nói “Không” về hợp đồng mà Sa-tan muốn làm với Ngài.

**Sa-tan:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa về “quý vương” trong 4:1.

#### 4:10b

**Vì Thánh Kinh chép:** Hãy xem 4:4 và Lời Giải Nghĩa ở đây. Đức Giê-su trích dẫn Phục Truyền 6:13.

#### 4:10c

**Hãy thờ lạy Chúa là Đức Chúa Trời:** KT nói: “Hãy thờ lạy Chúa là Đức Chúa Trời người.” Trong Phục Truyền 6:13 là một mệnh lệnh cho mỗi một người Do Thái. Nhưng Chúa không bảo Sa-tan thờ lạy Đức Chúa Trời. Đức Giê-su biết Sa-tan không thể thờ lạy Đức Chúa Trời. Nó đã lựa chọn như vậy từ hồi xưa. Đức Giê-su bảo Sa-tan chỉ có một Đấng mà con người phải thờ lạy: Chúa là Đức Chúa Trời. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 4:7.

**Chỉ phụng sự một mình Ngài mà thôi:** Đây có nghĩa là “Chỉ phục vụ một mình Ngài mà thôi.” Người ta không được thờ lạy ai khác hơn là Chúa.

- 4:8b *chỉ cho Ngài xem tất cả các vương quốc trên thế giới với sự huy hoàng của chúng*  
Nó chỉ cho Đức Giê-su tất cả các nước trên thế giới và sự vĩ đại của chúng.
- 4:9a *và nói:*  
Quý vương nói với Đức Giê-su:
- 4:9b *“Nếu ông quỳ xuống thờ lạy ta, ta sẽ ban cho ông tất cả.”*  
“Nếu ông cúi xuống và thờ lạy ta, ta sẽ cho phép ông cai trị tất cả các quốc gia này.”
- 4:10a *Đức Giê-su trả lời: “Hỡi Sa-tan, hãy lui ra khỏi Ta!*  
[Nhưng] Đức Giê-su nói với nó: “Hãy lui khỏi ta, Sa-tan!
- 4:10b *Vì Thánh Kinh chép:*  
[Ta sẽ không bao giờ thờ lạy người] bởi vì Kinh Thánh chép:
- 4:10c *‘Hãy thờ lạy Chúa là Đức Chúa Trời người và chỉ phụng sự một mình Ngài mà thôi.’ ”*  
‘Các người phải thờ lạy Chúa, là Đức Chúa Trời người, và chỉ vâng lời Ngài mà thôi.’ ”  
**-HAY-**  
‘Chúa Đức Chúa Trời của người là Đấng các người phải thờ lạy. Ngài là Đấng duy nhất mà các người nên phụng sự.’ ”
- 4:11 *Rời quý vương bỏ đi và các thiên sứ đến phục vụ Ngài.*  
Rời quý vương bỏ đi. Các thiên sứ của Đức Chúa Trời đến và giúp đỡ Đức Giê-su.

**phụng sự:** Làm những việc đi cùng với sự thờ phượng thật. Nói một cách khác là “vâng lời.”

**liên:** (BDC) Các thiên sứ đến ngay lập tức. BDM không chuyển ngữ từ này. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:20b.

#### 4:11

**Rời quý vương bỏ đi:** Quý vương bỏ Đức Giê-su một mình. Nó rời khỏi Đức Giê-su và thôi không quấy rầy Ngài một thời gian.

**các thiên sứ đến phục vụ Ngài:** Các thiên sứ của Đức Chúa Trời đến và giúp đỡ Đức Giê-su. Có lẽ họ đem cho Ngài thức ăn và đồ uống. Có lẽ họ cũng thêm sức cho Ngài để làm các công việc đang chờ đợi.

### Phân đoạn phụ 4:12-25 Đức Giê-su bắt đầu chức vụ

Trước đó, Đức Giê-su đi từ Ga-li-lê qua Giu-đê (3:13). Rồi Ngài lại trở lại bắt đầu chức vụ tại Ga-li-lê (4:12). Đức Giê-su rời khỏi xứ Giu-đê vì vua Hê-rốt đã bỏ tù Ngài (Ma-thi-ơ 4:12, Mác 6:17). Các nhà lãnh đạo Do Thái đã nghe rằng có nhiều người đi theo Đức Giê-su hơn là theo Ngài nữa. Các nhà lãnh đạo này ghen tị, bởi vì họ muốn người Do Thái đi theo họ. Có lẽ nếu Đức Giê-su ở lại Giu-đê chắc họ đã tìm cách giết Ngài. Nhưng thời điểm mà Đức Chúa Trời định cho Đức Giê-su phải chết chưa tới. Vậy nên Đức Giê-su đi về Ga-li-lê.

Các việc xảy ra trong Giảng 1:35-4:42 phải xảy ra sau các biến cố được chép ở trong Ma-thi-ơ chương 3 và trước các biến cố ở trong Ma-thi-ơ 4:12. Vậy nên giữa lúc Đức Giê-su làm phép báp-tem và khi Ngài trở lại Ga-li-lê cách nhau nhiều tháng (France, Hendriksen).

Đức Giê-su gọi bốn môn đệ đầu tiên theo Ngài (4:18-22). Ngài dạy dỗ, giảng dạy và chữa bệnh khắp xứ Ga-li-lê (4:23,24). Nhiều người bắt đầu theo Ngài (4:25).

### Tiểu Đoạn 4:12-17 Đức Giê-su bắt đầu giảng tại Ga-li-lê

Quê của Đức Giê-su ở Na-xa-rét (2:23). Nhưng khi Ngài trở lại Ga-li-lê, Ngài ở tại tỉnh Ca-pha-na-um (4:12,13). Một lần nữa Ma-thi-ơ cho thấy những lời tiên tri về Đức Giê-su đã trở thành sự thật (4:14-16). Tiểu Đoạn này cho thấy trong lúc bắt đầu chức vụ điều chính mà Đức Giê-su giảng là: “Hãy ăn năn tội, vì Nước Trời đã đến.”

4:12-16 Đức Giê-su sống ở Ca-pha-na-um để làm lời tiên tri được ứng nghiệm

#### 4:12a

**Giăng bị bắt:** Các quân lính của Hê-rốt đã bắt Giăng bỏ vào tù. Giăng không hề phạm pháp. Vua Hê-rốt An-ti-pha bắt Giăng bỏ vào tù vì ông đã chỉ trích các việc xấu mà vua làm. Xem Lời Giải Nghĩa của 14:3-12 để biết thêm chi tiết.

#### 4:12b

**trở về miền Ga-li-lê:** Đức Giê-su trở lại xứ Ga-li-lê. Mặc dù Chúa Giê-su biết rằng Hê-rốt cai trị cả xứ Giu-đê lẫn Ga-li-lê, nhưng tin Ngài sẽ được an toàn trong một thời gian.

#### 4:13

**Rời bỏ Na-xa-rét:** Ngài rời tỉnh Na-xa-rét. Bạn nên để hàm ý này vào trong bản dịch: “Ngài đã đến tỉnh Na-xa-rét, và sau đó Ngài rời khỏi Na-xa-rét.” Không ai biết Chúa ở lại đó bao lâu hoặc người ta đối xử với Chúa như thế nào. Có lẽ Chúa chỉ về thăm gia đình một thời gian ngắn.

**Ngài đến cư ngụ tại Ca-pha-na-um:** Ngài ở tại tỉnh Ca-pha-na-um.

**bên bờ biển:** Đây nói đến biển hồ Ga-li-lê. Các bản tiếng Việt dùng “biển” thay vì “hồ.” Đây là hồ nước ngọt trong thời Đức Giê-su và vẫn còn cho đến ngày nay. Họ gọi là “biển” bởi vì nó là một cái hồ rất lớn, nhưng không có nước mặn. Bạn có thể để vào lời chú thích ở cuối trang trong bản dịch của bạn: Biển hồ Ga-li-lê rất sâu và dài 20 cây số, rộng 13 cây số.

Bạn có thể để một bức hình ở đây, thí dụ một bản đồ xứ Do Thái cho thấy các

vùng, các tỉnh khác nhau, nhất là quanh biển hồ Ga-li-lê. Mỗi bản phiên dịch cần phải quyết định xem sẽ dùng những bản đồ nào. Một số người để bản đồ ở cuối cùng để dễ lật ra khi cần. Những người khác lại để trong bản dịch ở những chỗ cần có. Một số người khác vừa để ở cuối sách vừa để ở trong sách.

**trong vùng Sa-bu-lôn và Nép-ta-li:** Sa-bu-lôn và Nép-ta-li là tên của hai chi tộc người Do Thái. Đất đai của họ ở trong vùng Ga-li-lê, ở phía bắc và tây của biển hồ Ga-li-lê.

#### 4:14

**Vậy để ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai đã loan báo:** Đức Giê-su làm như vậy để làm ứng nghiệm lời Đức Chúa Trời đã phán. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:22 và 2:15b. Đức Chúa Trời bảo Ê-sai nói và chép những lời này. Tiên tri Ê-sai sống độ bảy tám trăm năm trước khi Đức Giê-su được sinh ra. 4:15-16 trích dẫn từ Ê-sai 9:1-2.

#### 4:15

Có hai cách để giải thích câu này:

- 1) Đây nói về 5 vùng đất khác nhau: Sa-bu-lôn, Nép-ta-li, vùng đất phía biển, vùng đất bên kia sông Giô-đanh, và Ga-li-lê.
- 2) Đây nói về vị trí của vùng Sa-bu-lôn và Nép-ta-li: nó ở về phía biển gần sông Giô-đanh. Nó là vùng của người ngoại quốc. (Các bản tiếng Việt)

Có lẽ Ê-sai nghĩ tới đất của chi tộc, nhưng Ma-thi-ơ nghĩ tới xứ Ga-li-lê như ở thời Đức Giê-su. Dù bạn giải thích cách nào đi nữa, ý chính là Đấng Cứu Thế sẽ đến xứ tăm tối này để đem sự sáng của Đức Chúa Trời.



**Phần đoạn phụ 4:12-25 Đức Giê-su bắt đầu chức vụ**

**Tiểu đoạn 4:12-17 Đức Giê-su bắt đầu giảng tại Ga-li-lê**

- 4:12a *Khi nghe tin Giăng bị bắt, Đức Giê-su*  
Có người nói với Đức Giê-su rằng Giăng Báp-tít bị tù.  
-HAY-  
Đức Giê-su nghe nói rằng Giăng Báp-tít đã bị bắt giam.
- 4:12b *trở về miền Ga-li-lê.*  
Nên Ngài trở lại xứ Ga-li-lê,
- 4:13 *Rời bỏ Na-xa-rét, Ngài đến cư ngụ tại Ca-pha-na-um bên bờ biển, trong vùng Sa-bu-lôn và Nép-ta-li.*  
[đến tỉnh Na-xa-rét]. Sau đó Ngài rời Na-xa-rét và đến ở tại Ca-pha-na-um, một tỉnh gần biển hồ Ga-li-lê và trong vùng thuộc về dòng dõi của Sa-bu-lôn và Nép-ta-li.
- 4:14 *Vậy để ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai đã loan báo:*  
[Đức Giê-su làm như vậy] để cho thấy điều tiên tri Ê-sai nói đã xảy ra. Trước đây rất lâu Đức Chúa Trời đã bảo tiên tri Ê-sai nói những lời này:
- 4:15a *“Xứ Sa-bu-lôn và Nép-ta-li,*  
“[Sẽ có một sứ điệp cho những người ở ] xứ Sa-bu-lôn và Nép-ta-li,
- 4:15b *con đường ra biển, bên kia sông Giô-đanh,*  
gần biển hồ Ga-li-lê, bên kia sông Giô-đanh,
- 4:15c *là Ga-li-lê của người ngoại quốc.*  
đa số người ở xứ Ga-li-lê không phải là người Do Thái.

**4:15a**

**Xứ Sa-bu-lôn:** Đây là vùng đất ở phía tây của biển hồ Ga-li-lê thuộc về chi tộc Sa-bu-lôn. Sa-bu-lôn là một trong mười hai người con trai của Y-sơ-ra-ên (Gia-cốp).

**Nép-ta-li:** Đây là vùng đất phía bắc và phía tây của biển hồ Ga-li-lê thuộc chi tộc Nép-ta-li. Nép-ta-li là một con trai khác của Y-sơ-ra-ên.

**4:15b**

**con đường ra biển:** Một số học giả KT nói rằng đây là biển Địa Trung Hải. Nhưng đa số nói đây là biển hồ Ga-li-lê. Vậy nên bạn có thể chuyển ngữ là “trên đường ra biển hồ” hay “về phía Biển Hồ Ga-li-lê.”

**bên kia sông Giô-đanh:** Đây là vùng bên kia sông Giô-đanh. Một số học giả KT cho rằng đây nói đến bờ phía tây của sông Giô-đanh, nhưng đa số nói rằng đây là bờ phía đông. Vậy nên nó có thể là vùng đất bên cạnh của vùng Sa-bu-lôn và Nép-ta-li.

**4:15c**

**là Ga-li-lê của người ngoại quốc:** Có lẽ Ê-sai muốn dùng một thành ngữ khác: *Ga-li-lê của người ngoại quốc*, để nói đến cùng một địa bàn: vùng Sa-bu-lôn và Nép-ta-li. Có lẽ Ma-thi-ơ đang nói đến tất cả xứ Ga-li-lê trong thời của Đức Giê-su. Đây là vùng đất phía bắc của Sa-ma-ri và phía tây sông Giô-đanh. Nhiều người ngoại quốc (không phải là người Do Thái) sống trong vùng này, vậy

nên người Do Thái gọi vùng này là “Ga-li-lê của người ngoại quốc.”

#### 4:16

Điều các tiên tri nói đến giống như là đã xảy ra, ngay cả trước khi việc ấy xảy ra. Thí dụ: (BDC): “đã thấy ánh sáng rực rỡ.” Đây là vì điều Đức Chúa Trời nói chắc chắn sẽ xảy ra nên các tiên tri nói như là việc ấy đã xảy ra vậy. Điều Ê-sai nói ở trong Ê-sai 9:1,2 không xảy ra cho tới thời của Đức Giê-su, độ bảy tám trăm năm sau thời của Ê-sai. Vậy bạn có thể chuyển ngữ là “Dân tộc sống trong bóng tối sẽ thấy ánh sáng rực rỡ.” Phần thứ hai của 4:16 hầu như nói về cùng một việc ở trong phần đầu tiên của 4:16, nhưng khác hơn một chút. Đây là hình thức thơ của người Do Thái được nhiều tác giả dùng để viết. Câu này nói một cách tượng hình về việc Đấng Cứu Thế sẽ đến như ánh sáng (Ê-sai 9:6, 7).

#### 4:16a

***Dân tộc đắm chìm trong bóng tối, đã thấy ánh sáng rực rỡ:*** Người ta *thấy ánh sáng* là ẩn dụ về tội nhân nhận biết Đấng Cứu Thế là Đấng mà Đức Chúa Trời sai đến. Ngài sẽ đem đến lẽ thật của Đức Chúa Trời và cho họ thấy Đức Chúa Trời có thể cứu họ khỏi tội lỗi. Đây nói về người ở Ga-li-lê.

***bóng tối:*** Khi người ta không biết lẽ thật của Đức Chúa Trời, khi người ta hành xử một cách tội lỗi, khi họ không có hy vọng, họ giống như người ở trong bóng tối. Đã lâu những người sống trong vùng này chấp nhận các tín ngưỡng và lối sống vô đạo đức của những người ngoại giáo sống chung quanh họ. Vậy nên họ sống trong sự tối tăm về thuộc linh.

***ánh sáng rực rỡ:*** Nhóm từ *ánh sáng rực rỡ* có lẽ muốn nói đến Đấng Cứu Thế, hay Phúc Âm về Đức Chúa Trời muốn cứu

người ta và muốn cho họ đời sống thuộc linh và sự vui mừng.

#### 4:16b

***ánh sáng đã chiếu rọi trên:*** Đây không nói đến ánh sáng mặt trời hay ánh đèn. Đây tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời sai Con của Ngài Đấng Cứu Thế đến mang lẽ thật đến cho con người, và để cứu rỗi họ. Sự đến của Đấng Cứu Thế như bình minh của một ngày. Đây là phần cuối của lời trích dẫn trong sách Ê-sai.

***những kẻ ở trong vùng đất chết tối tăm:*** Đây có lẽ muốn nói đến những người không có đời sống thuộc linh mà Đức Chúa Trời ban cho những người tin.

#### 4:17 Đức Giê-su giảng sứ điệp

#### 4:17a

***Từ lúc ấy:*** Đây có lẽ là vào lúc Đức Giê-su bắt đầu sống ở Ga-li-lê (4:12,13).

***Đức Giê-su bắt đầu truyền giảng:*** Trước đó Đức Giê-su đã dạy dỗ người ta (hãy xem phần giới thiệu của 4:12-25). Nhưng đây (4:17) có lẽ là lúc mà Ngài bắt đầu giảng sứ điệp về người ta cần phải thay đổi tấm lòng của họ vì nước thiên đàng đã đến gần. Sứ điệp của Đức Giê-su có cùng một ý chính với sứ điệp của Giảng Báp-tít (3:2). Nhưng Đức Giê-su dạy về ý nghĩa của nước thiên đàng nhiều hơn.

#### 4:17b-c

***Hãy ăn năn, vì Nước Thiên Đàng đã đến gần:*** Đây là cùng một lời mà Giảng Báp-tít đã giảng. Hãy xem Lời Giải Nghĩa ở trong 3:2.

#### Tiểu Đoạn 4:18-22 Đức Giê-su chọn bốn người đánh cá

Câu chuyện về Đức Giê-su gặp các môn đệ đầu tiên như thế nào được chép ở trong Giảng 1:35-51. Có thể họ đã biết Đức Giê-su khoảng một năm trước khi Ngài kêu gọi họ theo Ngài. Cùng một câu chuyện được ghi chép ở trong Mác 1:16-20. Bốn người đánh cá ở trong 4:18-22 là: Phi-e-rơ và em ông An-rê, Gia-cơ và em ông là Giăng. Bốn người này ở trong số mười hai môn đệ luôn luôn đi theo Chúa.

- 4:16a *Dân tộc đắm chìm trong bóng tối, đã thấy ánh sáng rực rỡ;*  
 Những người đang sống trong tối tăm [không có Đức Chúa Trời] sẽ thấy ánh sáng lớn,
- 4:16b *và ánh sáng đã chiếu rọi trên những kẻ ở trong vùng đất chết tối tăm.”*  
 ánh sáng [của Đức Chúa Trời] sẽ hiện ra giống như mặt trời mọc buổi sáng cho [những người không có sự sống của Đức Chúa Trời].”
- 4:17a *Từ lúc ấy, Đức Giê-su bắt đầu truyền giảng:*  
 Vào lúc đó Đức Giê-su bắt đầu giảng sứ điệp này cho mọi người:
- 4:17b *“Hãy ăn năn,*  
 “Các con phải thay đổi cách hành xử của mình,  
 –HAY–  
 “Hãy ăn năn xoay khỏi con đường ác,
- 4:17c *vì Nước Thiên Đàng đã đến gần.”*  
 bởi vì lúc Đức Chúa Trời cai trị đã đến!”  
 –HAY–  
 bởi vì sắp đến lúc Đức Chúa Trời trở nên vua của các con!”

#### Tiểu đoạn 4:18-22 Đức Giê-su chọn bốn người đánh cá

- 4:18a *Đang đi dọc theo bờ biển Ga-li-lê, Đức Giê-su thấy hai anh em*  
 Trong khi Đức Giê-su đang đi dọc theo biển hồ Ga-li-lê, Ngài thấy hai anh em.
- 4:18b *Si-môn, cũng gọi là Phê-rô và An-rê, em người, đang đánh cá dưới biển,*  
 Si-môn (còn có tên là Phê-rô) và An-rê đang quăng chài xuống hồ để đánh cá.

Bốn người này là người đánh cá. Họ đánh cá và bán cá để sinh sống. Những người đánh cá ở biển hồ Ga-li-lê thường dùng lưới để đánh cá. Điều này cho thấy Đức Giê-su gọi những người làm việc tâm thường theo Ngài.

4:18-20 Đức Giê-su kêu gọi Phê-rô và An-rê

Đức Giê-su mời Phê-rô và An-rê trở nên môn đệ của Ngài.

#### 4:18a

**bờ biển Ga-li-lê:** Đây nói đến biển hồ Ga-li-lê. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 4:13.

**hai anh em:** Hai anh em là Si-môn và An-rê. Đây không phải là anh em của Đức Giê-su.

#### 4:18b

**Si-môn, cũng gọi là Phê-rô:** Si-môn còn có tên là Phê-rô (có nghĩa là “đá”).

**An-rê, em người:** Đây là em của Si-môn, An-rê. Trong bản Hy-lạp không rõ là An-rê trẻ hay già hơn Si-môn vì người Hy-lạp dùng một từ để chỉ “anh” và “em.” Theo phong tục Do Thái tên của anh được để trước và trong Ma-thi-ơ 4:18 và 10:2 tên ông Phê-rô được để trước. Nhưng có thể là vì tác giả cho là ông quan trọng hơn chứ không phải Si-môn lớn tuổi hơn An-rê. Trong Giăng 1:40, 44 để tên An-rê trước.

**đang đánh cá dưới biển:** Họ đang dùng lưới để đánh cá. Đây là một cái lưới nhỏ mà người ta ném xuống nước có hình một vòng tròn tiếng Việt gọi là cái chài. Chung quanh lưới có chì nặng làm cho lưới chìm xuống nước và khi người ta kéo lên thì cá kẹt vào phần giữa của lưới. Lưới nhỏ đủ để chỉ cần một người kéo. Hình ảnh một người đang lưới cá như vậy sẽ giúp ích cho bản dịch của bạn.



#### 4:18c

**vì họ làm nghề đánh cá:** Họ ném lưới xuống hồ vì đó là nghề của họ. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 4:18-22.

#### 4:19a-b

**Hãy theo Ta:** Đức Giê-su muốn nói: “Hãy đến với Ta và làm môn đệ của Ta. Hãy học theo sự dạy dỗ của Ta và sống giống như Ta.” Ngài đang kêu gọi những người này trở thành môn đệ của Ngài chứ không phải chỉ đi theo sau lưng Ngài mà thôi.

**Ta sẽ khiến các người trở nên tay đánh lưới cứu người:** Nói một cách khác là: “Giống như các người bắt cá cho mình, bây giờ Ta sẽ giúp các người đem người ta đến với Ta.” Chúa không nói đến việc lừa bắt để làm hại người ta. Chúa muốn nói:

Công việc của các người là đánh cá.  
Bây giờ Ta muốn các người làm việc để  
mang người ta đến theo Ta.

#### 4:20

**liền:** Có nghĩa là “ngay lập tức.” Họ không chờ đợi.

**bỏ chài lưới:** Họ bỏ công việc đánh cá đi theo Đức Giê-su và ở với Ngài. Thỉnh thoảng họ vẫn đánh cá (Giăng 21:1-3).

**đi theo Ngài:** Đây cũng có cùng một ý nghĩa như 4:19.

4:21-22 Đức Giê-su kêu gọi Gia-cơ và Giăng

#### 4:21

Hàm ý ở đây là: Gia-cơ và Giăng cũng là người đánh cá.

#### 4:21a

**Đi một quãng nữa:** Đức Giê-su đi thêm một đoạn đường nữa sau khi gặp Si-môn và An-rê. Họ cùng đi với Ngài.

**hai anh em khác:** Đây là hai anh em khác. Họ không phải là anh em của Si-môn, An-rê hay Đức Giê-su.

#### 4:21b

**Gia-Cơ, con Xê-bê-đê:** Trong thời TU người ta không dùng họ. Vậy nên họ dùng tên của cha như là họ vậy. Xê-bê-đê là cha của Gia-cơ và Giăng.

**Giăng, em người:** Giăng là em của Gia-cơ.

#### 4:21c

**đang vá lưới:** Trong bản Hy-lạp dùng động từ *katapizō* có nghĩa là “sửa soạn.” Họ đang sửa soạn lưới để đánh cá. Đây cũng hàm ý là vá các chỗ rách của lưới lại.

**thuyền:** Đây là một thuyền đánh cá nhỏ. Có lẽ thuyền được gác lên bờ.

**với cha mình:** Bản Hy-lạp lại dùng tên Xê-bê-đê ở đây. Có thể chỉ dùng tên Xê-bê-đê một lần nghe tự nhiên hơn. Nhưng trong bản dịch phải nói rõ ông là cha của Gia-cơ và Giăng.

#### 4:21d

**Ngài cũng kêu gọi họ:** Đức Giê-su kêu gọi Gia-cơ và Giăng đi theo Ngài. Có lẽ Ngài nói tương tự như ở trong 4:19.

#### 4:22

**bỏ thuyền và từ giã cha mình:** Họ bỏ thuyền và từ giã cha mình. Đây có nghĩa là họ từ bỏ nghề đánh cá mà họ vẫn làm với cha mình để họ có thể đi theo Đức Giê-su. Hãy xem 4:20.

- 4:18c *vì họ làm nghề đánh cá.*  
Họ sống bằng nghề đánh cá.
- 4:19a *Ngài bảo: “Hãy theo Ta,*
- 4:19b *Ta sẽ khiến các người trở nên tay đánh lưới cứu người.”*  
[Các người đánh cá, nhưng] Ta sẽ dạy các người tụ họp mọi người đến với Ta.”  
-HAY-  
Ta sẽ dạy các người kéo người ta lại với Ta [giống như các người kéo cá cho mình vậy].
- 4:20 *Họ liền bỏ chài lưới, đi theo Ngài.*  
Si-môn và An-rê lập tức bỏ lưới đi theo Đức Giê-su.  
-HAY-  
Lập tức họ bỏ công việc chài lưới và trở nên môn đệ của Ngài.
- 4:21a *Đi một quãng nữa, Ngài thấy hai anh em khác*  
Đức Giê-su đi dọc theo bờ hồ Ngài thấy hai [người đánh cá] khác.
- 4:21b *là Gia-Cơ con Xê-bê-đê, và Giăng em người,*  
Họ là Gia-cơ và em người Giăng, hai con trai của Xê-bê-đê.  
-HAY-  
Hai anh em, Gia-cơ và Giăng, cha họ là ông Xê-bê-đê.
- 4:21c *cả hai đang vá lưới trong thuyền với cha mình.*  
Họ đang ở trong thuyền với cha mình, đang vá lưới để chuẩn bị đánh cá.
- 4:21d *Ngài cũng kêu gọi họ.*  
Đức Giê-su cũng gọi họ theo Ngài.
- 4:22 *Hai người lập tức bỏ thuyền và từ giã cha mình, đi theo Ngài.*  
Lập tức họ bỏ thuyền và từ giã cha mình để đi theo Đức Giê-su.

**đi theo Ngài:** Đây cùng một ý như ở trong 4:19-20.

### **Tiểu Đoạn 4:23-25 Đức Giê-su, giảng dạy và chữa bệnh cho dân chúng**

Trước lúc này, không có nhiều người biết Đức Giê-su. Nhưng khi dân chúng nghe nói Chúa chữa lành bệnh cho nhiều người, người ta đến để nghe và mang người đau đến cho Chúa chữa. Chẳng bao lâu, người ở khắp nơi đều biết Đức Giê-su.

4:23-25 giới thiệu về những việc xảy ra ở trong chương 5 tới chương 9. Chương 5 tới chương 7 nói về các điều Đức Giê-su dạy dỗ, và chương 8-9 nói về việc Chúa chữa bệnh.

**4:23a**

**dạy dỗ trong các hội đường:** Đức Giê-su đã dạy các người Do Thái ở trong nhà thờ của họ.

**dạy dỗ:** Đức Giê-su giải thích về Phúc Âm. Chúa giảng về ý nghĩa của lời Đức Chúa Trời.

**các hội đường:** Cụm từ *các hội đường* chỉ nhà thờ Do Thái. Đây là nơi các người Do Thái nhóm họp mỗi ngày thứ bảy, ngày thánh của họ. Họ cầu nguyện và đọc KT CU, và một người sẽ dạy họ về Đức Chúa Trời. Trong thời Đức Giê-su, có nhiều hội đường ở trong xứ Do Thái.

Hãy chắc chắn là bạn chuyển ngữ ‘hội đường’ khác với cách bạn chuyển ngữ ‘đền thờ’ (4:5) và ‘đền tạm’ (12:4). Chỉ có một đền thờ ở nước Do Thái, đó là đền thờ ở Giê-ru-sa-lem. Đền thờ là một ngôi nhà bằng đá rất lớn là nơi các thầy tế lễ dâng tế lễ và cầu nguyện với Đức Chúa Trời.

**4:23b**

**truyền giảng:** Chúa giảng dạy cho mọi người. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 4:17a.

**truyền giảng Phúc Âm Nước Thiên Đàng:** Đây nói đến Phúc Âm về vương quốc của Đức Chúa Trời (cùng nghĩa với “nước thiên đàng.” Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 3:2b). Đức Giê-su đang nói với người ta điều mà họ rất vui để nghe. Đức Chúa Trời muốn cứu những người bằng lòng để Chúa làm vua của họ. Đây là lần đầu tiên Ma-thi-ơ dùng cụm từ “Phúc Âm.”

**4:23c**

**chữa lành tất cả bệnh hoạn, tật nguyên trong dân chúng:** Đức Giê-su chữa lành đủ mọi thứ bệnh. Một số ngôn ngữ không thể nói là “chữa bệnh.” Họ phải nói: “chữa người đau.” Câu này muốn nói là có rất nhiều người bệnh. Đây là một cách nói đôi, nói cùng về mỗi thứ bằng hai cách khác nhau.

**bệnh hoạn:** Ý nghĩa của từ Hy-lạp là “đau.”

**tật nguyên:** BDM dùng “bệnh hoạn, tật nguyên” để chỉ tất cả mọi thứ bệnh. Bạn nên chuyển ngữ bằng cách nào có nghĩa là tất cả mọi thứ bệnh.

**4:24a**

**Danh tiếng Ngài đồn khắp vùng Sy-ri:** Dân chúng ở khắp mọi nơi trong xứ Sy-ri đều nghe về Đức Giê-su. Người ta thấy Chúa làm phép lạ và nghe Chúa dạy dỗ rồi đi đồn ra với người khác.

**Sy-ri:** Đây là một nước lớn ở phía bắc của Ga-li-lê. Trong những chỗ khác của TỰ, đôi khi tên **Sy-ri** bao gồm cả nước Do Thái (hãy xem Lu-ca 2:2).

**4:24b**

**tất cả những người đau yếu:** Đức Giê-su đi đến đâu người ta đem cho Ngài những người đau yếu ở các làng chung quanh để Chúa chữa lành. Đây không có nghĩa là tất cả những người đau yếu ở Sy-ri. Trong bản Hy-lạp chỉ nói chung là “đau yếu” chứ không nói rõ là bệnh gì.

**mắc nhiều thứ bệnh tật:** Những người này có các bệnh khác, nhưng không rõ là bệnh gì. Có thể nói trong bản dịch: “Người ta mang đến cho Ngài các người mắc nhiều bệnh khác nhau.” Trong phần còn lại của câu, Ma-thi-ơ đề cập đến tên của bốn thứ bệnh.

**4:24c**

**như bị quỷ ám:** Những người này bị tà linh điều khiển.

**4:24e**

**Ngài đều chữa lành cho họ cả:** Đức Giê-su chữa lành cho họ, Chúa chữa lành cho tất cả những người đau đến với Ngài.

**4:25a**

**Nhiều đoàn người:** Có nhiều người đi theo Đức Giê-su nhưng không phải là môn đệ thật của Ngài. Phần còn lại của câu cho biết những người này đến từ đâu.

**Ga-li-lê:** *Ga-li-lê* là xứ mà Đức Giê-su ở.

**Đê-ca-bô-li:** *Đê-ca-bô-li* có nghĩa là “mười tỉnh.” Chín tỉnh này ở phía đông sông Giô-đanh. Nhiều người không phải là người Do Thái ở trong những tỉnh này.

**4:25c**

**vùng bên kia sông Giô-đanh:** Đây là vùng đất phía đông của sông Giô-đanh. Có lẽ bao gồm cả những vùng khác ngoài mười tỉnh

**Tiểu đoạn 4:23-25 Đức Giê-su giảng dạy và chữa bệnh cho dân chúng**

- 4:23a *Đức Giê-su đi khắp miền Ga-li-lê, dạy dỗ trong các hội đường,*  
Đức Giê-su đi khắp xứ Ga-li-lê và dạy dỗ trong các nhà thờ của người Do Thái.
- 4:23b *truyền giảng Phúc Âm Nước Thiên Đàng*  
Ngài giảng Phúc Âm về vương quốc của Đức Chúa Trời.  
-HAY-  
Ngài giảng Phúc Âm về cách Đức Chúa Trời cai trị [con người].
- 4:23c *và chữa lành tất cả bệnh hoạn, tật nguyền trong dân chúng.*  
Ngài chữa lành những người đau ốm và yếu đuối.
- 4:24a *Danh tiếng Ngài đồn khắp vùng Sy-ri.*  
Người ta ở khắp vùng Sy-ri đều nghe danh tiếng Ngài.
- 4:24b *Người ta đem đến cho Ngài tất cả những người đau yếu, mắc nhiều thứ bệnh tật*  
Họ đem cho Ngài những người đau ốm, mắc nhiều thứ bệnh.  
-HAY-  
Họ đem đến cho Ngài những bệnh nhân, là những người mắc các bệnh sau đây.
- 4:24c *như bị quỷ ám,*  
Một số người bị tà linh điều khiển.
- 4:24d *động kinh,*  
Một số bị bệnh khiến cho họ té xuống và run rẩy.
- 4:24đ *bại liệt,*  
Những người khác thì không thể cử động tay hay chân,
- 4:24e *Ngài đều chữa lành cho họ cả.*  
Ngài chữa lành cho họ.  
-HAY-  
[Nhưng] Đức Giê-su chữa lành cho tất cả bệnh nhân.
- 4:25a *Nhiều đoàn người từ Ga-li-lê, Đê-ca-bô-li, Giê-ru-sa-lem, Giu-đê*  
[Kết quả là] có một số người người đến từ xứ Ga-li-lê, và những người khác đến từ Giê-ru-sa-lem
- 4:25b *và vùng bên kia sông Giô-đanh*  
và các vùng khác trong xứ Giu-đê
- 4:25c *đến theo Ngài.*  
[các người đó] đi theo Ngài.

nói trên. Tốt hơn là nên chuyển ngữ là cả hai vùng đều ở phía đông của sông Giô-đanh (hãy xem PKTCD). Thí dụ:

“...từ mười tỉnh và các vùng khác bên kia sông Giô-đanh....”

### Phân đoạn 5:1-7:29 Bài Giảng Trên Núi của Đức Giê-su

Bài Giảng Trên Núi là một trong năm bài giảng chính ở trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ (hãy xem Dàn Bài trong phần giới thiệu sách Ma-thi-ơ). Trong bài giảng này Đức Giê-su dạy về ba điều: 1) loại người được Đức Chúa Trời ban phước (5:1-12), 2) cách sống đúng và sai (5:13-20, 6:1-7:23), và 3) sự dạy dỗ của Đức Giê-su khác với sự dạy dỗ của các nhà lãnh đạo Do Thái giáo (5:21-48). Đức Giê-su chấm dứt bài giảng bằng một câu chuyện (7:24-27). Cũng hãy xem Lu-ca 6:17-49.

Có thể đặt một tên khác cho Bài Giảng Trên Núi là “Phúc Âm của Nước Trời.” Có ba phần chính trong bài giảng này: 1) Những người thuộc về Nước Trời (5:3-16), 2) Cách sống của những người thuộc về Nước Trời (5:17-7:23), và 3) Sự kêu gọi để vâng lời Vua (7:24-27).

Một số các nhà lãnh đạo Cơ Đốc nói rằng chương 5-7 là một loạt dạy dỗ mà Đức Giê-su đã dạy trong nhiều lúc khác nhau. Nhưng trong 5:2 Ma-thi-ơ dùng cách của người Do Thái để giới thiệu một bài thuyết giảng dài và quan trọng (Ngài bắt đầu dạy dỗ họ). Trong 7:28 (“Khi Đức Giê-su dứt lời...”) cũng hàm ý rằng Ma-thi-ơ cho thấy đó là phần kết luận của bài giảng. Điều quan trọng nhất là những sự dạy dỗ này do chính Đức Giê-su dạy dỗ trong một lúc hay là trong nhiều lần khác nhau.

Đức Giê-su dạy những điều này cho các môn đệ (5:1,2) và những người đến nghe Ngài (7:28,29). Những người không tin và không vâng lời Chúa khó mà làm theo những sự dạy dỗ này. Đức Giê-su biết rằng chỉ bởi quyền năng của Đức Chúa Trời người ta mới có thể làm theo những sự dạy dỗ trong ba chương này.

Chương 5 có thể có hai phần chính: phần một từ 1-16 và phần hai từ 17-48. Phần đầu của chương 5 (5:1-16) nói về loại người được Đức Chúa Trời ban phước và cách họ phải sống. Trong 5:17-48 nói về luật pháp của Đức Chúa Trời quan trọng hơn luật pháp của con người.

#### 5:1a

Giê-su thấy có nhiều người đến với Ngài. Một số nhà phê bình nói rằng Ngài đi lên sườn đồi để xa lánh đám đông. Người khác nói rằng Chúa đi lên đó để có thể nói cho một đám đông người nghe rõ hơn (hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:2). Những môn đệ ngồi gần với Ngài và đám đông ngồi xa hơn.

**đám đông:** Cụm từ *đám đông* nói đến những người đến từ những nơi khác nhau (4:25). Một số người tin là Đức Giê-su nói về chân lý, nhưng nhiều người không biết chắc. Một số người muốn nghe Chúa dạy dỗ, một số người muốn Ngài làm phép lạ. Một số người muốn cả hai.

**đi lên núi:** Đây có lẽ là một cái đồi gần tỉnh Ca-pha-na-um và biển hồ Ga-li-lê. Một số người gọi là núi một số người gọi là đồi. Đồi này cao khoảng 30-60 thước.

#### 5:1b

**đã ngồi xuống:** Theo phong tục, một giáo sư Do Thái thường ngồi xuống khi dạy dỗ.

**các môn đệ:** Từ Hy-lạp *mathētai* có nghĩa là “Những người học.” *Các môn đệ* của Đức Giê-su là người học và làm theo sự dạy dỗ của Ngài. Đây là một nhóm nhỏ hơn là đám đông đang nghe Chúa giảng nhưng đông người hơn là đám môn đệ thân cận với Chúa. Đoạn KT tương tự được chép ở trong Lu-ca 6:17 cho thấy là một đám đông các môn đệ của Ngài ở đó. Nhiều người đi theo Đức Giê-su, nhưng bạn chỉ dùng *các môn đệ* để chỉ những người thật sự theo lời dạy dỗ của Ngài.

#### 5:2

**Ngài bắt đầu dạy dỗ họ:** Thành ngữ “mở miệng” dùng trong bản Hy-lạp hàm ý một người bắt đầu dạy một điều gì quan trọng hay sẽ mất nhiều thì giờ.



## Phân đoạn phụ 5:1--7:29 Bài Giảng Trên Núi của Đức Giê-su

### Tiểu đoạn 5:1-2 Đức Giê-su chuẩn bị để dạy dỗ

- 5:1a *Thấy đám đông, Đức Giê-su đi lên núi.*  
 Khi Đức Giê-su thấy nhiều người [tụ tập gần Ngài], Chúa đi lên sườn đồi,  
 -HAY-  
 Khi Đức Giê-su thấy người ta [tụ tập quanh Ngài], Ngài đi lên đồi,
- 5:1b *Khi Ngài đã ngồi xuống, các môn đệ đến gần,*  
 và Ngài ngồi xuống [để dạy dỗ]. Những người đến học các sự dạy dỗ của Ngài tới gần,
- 5:2 *Ngài bắt đầu dạy dỗ họ:*  
 và đây là điều Ngài dạy họ:

### Tiểu đoạn 5:3-12 Những người được Đức Chúa Trời ban phước

- 5:3a *“Phước cho người nghèo khổ trong tâm linh,*  
 Những người biết là họ cần Đức Chúa Trời sẽ được phước,  
 -HAY-  
 “Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho những người [nhờ cậy Chúa] trong mọi sự,

### Tiểu Đoạn 5:3-12 Những người được Đức Chúa Trời ban phước

Các nhà lãnh đạo Cơ Đốc gọi những câu này là “Các phước hạnh.” Khi Đức Chúa Trời ban phước cho người nào, Ngài sẽ khiến cho những việc tốt lành xảy ra cho người đó để họ được vui sướng. Cũng hãy xem Lu-ca 6:20-23.

Có tám phước hạnh trong 5:3-12. Những câu này cho thấy những cách hành xử khác nhau mà con dân Chúa nên có. Những người không tin Chúa nghĩ rằng muốn làm đẹp lòng Chúa sẽ khiến cho một người buồn rầu. Nhưng Chúa Giê-su nói Ngài sẽ khiến cho những người làm đẹp lòng Chúa được vui sướng- đó là loại người được nói đến trong 5:3-12.

Phước hạnh đầu tiên (5:3) và phước hạnh cuối cùng (5:10) đều chấm dứt với “nước thiên đàng thuộc về họ.”

Đức Giê-su nói trực tiếp với đám đông. Vậy nên trong bản dịch của bạn có thể nói: “Phước cho các con là người nghèo thiếu về tâm linh.”

#### 5:3

Mỗi một phước hạnh trong tám phước hạnh này đều dùng cùng một số từ ở trong phước hạnh đầu tiên (5:3). Các phước hạnh này đều bắt đầu bởi “Phước cho....” Những phước hạnh này cho thấy loại người được Đức Chúa Trời ban phước, và tại sao họ nên vui sướng.

#### 5:3a

**Phước:** Từ Hy-lạp *makarios* “(người) được Đức Chúa Trời ban ơn.” Trong các câu 3-12 từ này có nghĩa nhiều hơn là “hạnh phúc, sung sướng.” Nó có nghĩa là Đức Chúa Trời chấp nhận loại người này. Ngài sẽ ban ơn và chăm sóc họ. Điều này sẽ làm cho họ được hạnh phúc.

**nghèo khổ trong tâm linh:** Ma-thi-ơ muốn nói đến những người biết rằng mình cần được người khác giúp đỡ, nhất là Đức Chúa Trời, những người này là người *nghèo khổ trong tâm linh*. Họ không phải là những người kiêu hãnh.

### 5:3b

**vì:** Trong mỗi câu, các lời đến sau từ “vì” cho biết tại sao Đức Chúa Trời ban phước cho loại người này.

**Nước Thiên Đàng thuộc về họ:** Một người khiêm nhường sẽ biết rằng họ cần có Đức Chúa Trời để được thuộc về *Nước Thiên Đàng*. Một cách khác để hiểu câu này là những người để Đức Chúa Trời làm vua trong lòng họ là những người được Đức Chúa Trời ban phước. Có thể chuyển ngữ 5:3b theo hai cách:

... bởi vì họ thuộc về Nước Đức Chúa Trời.

-HAY-

... bởi vì nước thiên đàng thuộc về họ.

### 5:4

**người than khóc:** Đây muốn nói những người khóc lóc và buồn rầu bởi vì một việc gì xấu đã xảy ra. Ma-thi-ơ không nói họ than khóc về điều gì. Than khóc có thể nói đến bất cứ điều gì làm cho người ta đau khổ. Có thể là than khóc về tội lỗi hay vì một người đã chết, vì một người bệnh hay bị bắt bớ. Trong ngữ cảnh này, có vẻ ý muốn nói là Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho người buồn rầu về tội lỗi của mình hay của người khác, hay những người buồn cho những người khác. Hàm ý ở đây là: những người vâng lời Đức Chúa Trời là những người than khóc.

**sẽ được an ủi:** Đức Chúa Trời sẽ an ủi những người *than khóc*. Đây có nghĩa là Ngài sẽ làm cho họ cảm thấy dễ chịu hơn và giúp đỡ họ.

### 5:5

**người khiêm nhu:** Từ Hy-lạp ở đây *praus* có nghĩa là “dịu dàng,” hay “khiêm nhường.” Một người *khiêm nhu* là người nhận biết rằng Đức Chúa Trời có đầy uy

quyền hơn họ. Người đó không cố làm cho mình có vẻ quan trọng. Một người *khiêm nhu* kính sợ Đức Chúa Trời và biết rằng Đức Chúa Trời điều khiển mọi việc. Người ấy cũng là người tin cậy Đức Chúa Trời chứ không phải tin cậy chính mình.

**sẽ được thừa hưởng đất:** Có hai cách để giải thích nhóm từ *sẽ được thừa hưởng đất*:

- (1) Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ trái đất và mọi vật ở trên đất. Trái đất thuộc về họ vì họ là dân của Đức Chúa Trời (Thi Thiên 37:11). Một số người nghĩ rằng đây nói đến đất là một phần của trời mới và đất mới. Đất mới sẽ là đất thuộc về những người nhờ cậy Đức Giê-su. Nhưng Đức Giê-su không giải thích điều này có nghĩa gì và khi nào thì nó sẽ xảy ra.
- (2) Đây đề cập đến phần của các con dân Chúa ở trong Nước Đức Chúa Trời khi Chúa sẽ làm vua cai trị đất này. Các con dân Chúa sẽ cai trị thế giới với Đức Cơ Đốc.

Cách giải thích (1) được ưa thích hơn nhưng không ảnh hưởng gì đến bản dịch vì Đức Giê-su chỉ nói một cách tổng quát ở đây.

### 5:6

**người đói khát sự công chính:** Đây muốn nói đến những người rất muốn làm theo điều mà Đức Chúa Trời cho là công chính và muốn người khác làm theo điều đúng.

**đói khát:** Cụm từ *đói khát* trong ngữ cảnh này nói đến những người rất muốn một điều gì đó, giống như là thân thể họ đói khát đồ ăn, đồ uống vậy.

**sự công chính:** Từ Hy-lạp *dikaiousunē* có nghĩa là “điều gì đúng.” *Sự công chính* nói đến những điều mà Đức Chúa Trời cho là đúng và tốt.

**sẽ được no đủ:** Đức Chúa Trời sẽ cho họ *sự công chính* mà họ rất muốn. Chúa sẽ thoả mãn họ, giống như thức ăn, đồ uống làm thoả mãn một người đói khát.

- 5:3b *vì Nước Thiên Đàng thuộc về họ.*  
bởi vì họ là những người ở trong vương quốc của Ngài.  
-HAY-  
bởi vì Đức Chúa Trời nhận họ làm dân sự của Ngài.
- 5:4 *Phước cho người than khóc, vì sẽ được an ủi.*  
Những người than khóc bây giờ sẽ được phước về sau này, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ khuyến khích họ.  
-HAY-  
Nhưng người buồn bã sẽ được phước, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ an ủi họ.
- 5:5 *Phước cho người khiêm nhu, vì sẽ được thừa hưởng đất.*  
Những người khiêm nhường sẽ được phước, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ thế giới.
- 5:6 *Phước cho người đói khát sự công chính, vì sẽ được no đủ.*  
Những người thật lòng muốn làm điều [Đức Chúa Trời] cho là công chính sẽ được phước, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ làm cho họ được thỏa mãn.”
- 5:7 *Phước cho người đầy lòng thương, vì sẽ được thương xót.*  
[Đức Giê-su phán:] “Những người thương xót [người khác] sẽ được phước, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ thương xót họ.
- 5:8 *Phước cho người có lòng trong sạch, vì sẽ thấy Đức Chúa Trời.*  
Những người thật sự yêu mến Đức Chúa Trời sẽ được phước, bởi vì họ sẽ được thấy Đức Chúa Trời.  
-HAY-  
Những người tận hiến cho Đức Chúa Trời sẽ được phước, bởi vì họ sẽ được gặp Đức Chúa Trời.

**5:7**

**người đầy lòng thương:** Đây là những người tỏ lòng thương đối với những người khác. Đây bao gồm cả việc tha thứ cho những người sai lầm.

**sẽ được thương xót:** Đức Chúa Trời sẽ tỏ lòng thương xót họ. (Đây cũng có nghĩa là những người khác sẽ thương xót họ). Đức Chúa Trời sẽ tha thứ và giúp đỡ họ.

**5:8**

**người có lòng trong sạch:** Người có lòng trong sạch là những người thật lòng yêu mến Đức Chúa Trời, những người muốn biết Chúa và vâng lời Ngài. Đây cũng có nghĩa là không yêu mến một cái gì khác nhiều hơn Chúa và không theo một thần nào khác (Thi Thiên 24:3,4). Những người này không giả bộ là yêu mến Đức Chúa Trời, họ thật lòng yêu mến Ngài.

Đối với người Do Thái, lòng nói đến cảm xúc của một con người. Nó biểu tượng cho chính người đó. Nhưng trong các ngôn ngữ khác, có thể một bộ phận khác (thí dụ như gan và tim) có thể tượng trưng cho tình cảm và ý tưởng của con người. Vậy nên hãy dùng thành ngữ nghe có vẻ tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Đừng chuyển ngữ theo từng từ một theo tiếng Việt nếu từ ấy không có cùng một ý nghĩa trong ngôn ngữ của bạn.

**sẽ thấy Đức Chúa Trời:** Họ sẽ nhìn thấy Đức Chúa Trời với mắt của họ. Có lẽ đây nói đến sau khi chết. Nhưng đây có vẻ có nghĩa nhiều hơn là chỉ ở với Đức Chúa Trời trên thiên đàng. Nó cũng có nghĩa là biết Đức Chúa Trời một cách cá nhân trong khi đang ở trên đất này.

**5:9**

**người hòa giải:** *Người hòa giải* là những người làm cho người hoà thuận. Câu này cũng hàm ý về những người giúp người khác hoà thuận lại với Đức Chúa Trời, tức là, giúp cho người ta ăn năn tội và quay trở lại với Đức Chúa Trời. Nếu có thể, bản dịch của bạn nên diễn tả cả hai ý.

**5:10a**

**người vì sự công chính mà bị bắt bớ:** Đây nói đến những người vâng lời Đức Chúa Trời, và vì vậy mà bị người khác ngược đãi.

**sự công chính:** Đây muốn nói đến những người sống đúng theo đường lối của Đức Chúa Trời, Có thể Đức Giê-su nói rằng tất cả những điều mà con dân Chúa làm ở trong 5:3-9 là *công chính*. Đây là lý do mà những người khác đối xử không tốt đối với con dân Chúa vì không hiểu hay không đồng ý với họ.

**bị bắt bớ:** Bắt bớ một người có nghĩa là làm tổn thương hay làm cho một người bị thiệt hại cả về vật chất lẫn tinh thần.

**5:10b**

**Nước Thiên Đàng thuộc về họ:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:3b.

**5:11**

5:11-12 giải thích thêm về điều Đức Giê-su đã nói ở trong 5:10. Đức Giê-su nói về dân của Đức Chúa Trời nên dùng “họ” trong 5:3-10. Nhưng trong 5:11-12 Chúa nói với họ nên dùng “các con.”

**5:11a**

**ngược đãi:** Đây cũng tương tự như *bị bắt bớ* trong 5:10.

**5:11b**

**và vu cáo đủ điều ác:** Người ta nói vu oan, thêm chuyện đặc điều để hại người khác.

**vì có Ta:** Đây là lý do tại sao người ta làm các điều gian ác cho các môn đệ: bởi vì họ

đi theo Đức Giê-su, thuộc về Ngài, và là dân của Ngài.

**5:12a-b**

Đức Giê-su không bảo các môn đệ của Ngài vui mừng vì có những người khác bắt bớ họ nhưng vui mừng vì phần thưởng Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ là rất lớn. PKTCD sắp đặt lại thứ tự của các từ để dễ hiểu hơn, và cho thấy sự nối kết giữa 5: 12 và 5:11.

**Người ta:** Người ta làm những điều xấu cho các tiên tri trong thời CU (5:12) trước khi con cháu họ (5:11) làm những điều gian ác cho các môn đệ của Đức Giê-su. Đây nói đến hai nhóm người khác nhau.

**đã bắt bớ:** Đây có cùng một ý nghĩa với 5:10.

**tiên tri:** Đây là những người nói lời của Đức Chúa Trời phán cho người ta.

**trước các con:** Những tiên tri này đã sống trước thời các môn đệ của Đức Giê-su rất lâu.

**Cho nên hãy hân hoan, mừng rỡ:** Đây có nghĩa là vui mừng, trái ngược lại với buồn bã khi người khác làm điều xấu cho mình.

**vì:** Có một hàm ý ở đây (được gạch dưới): “Đức Chúa Trời sẽ ban cho các con phần thưởng lớn trong nước của Ngài bởi vì Ngài đã cho các tiên tri phần thưởng lớn.” Người ta bắt bớ các môn đệ của Đức Giê-su cũng như người ta đã bắt bớ các tiên tri sống trước thời Đức Giê-su.

**sẽ được trọng thưởng:** Đây là điều tốt đẹp mà Đức Chúa Trời ban cho dân của Ngài để bày tỏ là Ngài ưa thích việc họ tiếp tục theo Ngài, ngay cả khi bị bắt bớ.

Tiểu Đoạn này chấm dứt ở đây. Hãy nghĩ đến một cách tự nhiên để chấm dứt Tiểu Đoạn này.

- 5:9 *Phước cho người hòa giải, vì sẽ được gọi là con cái Đức Chúa Trời.*  
 Những người làm cho người khác hoà thuận sẽ được phước, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ gọi họ là con cái của Ngài.”
- 5:10a *Phước cho người vì sự công chính mà bị bắt bớ,*  
 Đức Giê-su phán: “Những người bị người khác bắt bớ vì họ làm điều đúng sẽ được phước,
- 5:10b *vì Nước Thiên Đàng thuộc về họ.*  
 bởi vì họ là người sẽ ở trong vương quốc của Chúa.  
 –HAY–  
 bởi vì Đức Chúa Trời chấp nhận họ làm con dân của Ngài.
- 5:11a *Phước cho các con khi bị người ta mắng nhiếc, ngược đãi*  
 Phước cho các con nếu các con bị người ta làm tổn thương và hãm hại
- 5:11b *và vu cáo đủ điều ác vì có Ta.*  
 và vu cáo mọi điều ác cho các con vì các con theo Ta.
- 5:12a-b (sắp đặt lại:)
- 5:12a *Người ta cũng đã bắt bớ các tiên tri của Chúa trước các con như thế,*  
 [Người ta cũng sẽ ngược đãi các con] giống như họ ngược đãi các tiên tri hồi xưa.
- 5:12b *Cho nên hãy hân hoan, mừng rỡ, vì các con sẽ được trọng thưởng ở trên trời.*  
 Nhưng Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho các con ở trên thiên đàng [giống như Ngài đã ban thưởng cho các tiên tri]. Vậy các con nên vui mừng.”

### Tiểu đoạn 5:13-16 Con dân Chúa giống như muối và ánh sáng

- 5:13a *“Các con là muối của đất,*  
 [Đức Giê-su tiếp tục nói:] “Các con giống như muối cho mọi người.  
 –HAY–  
 “Giống như muối thêm vị cho thức ăn các con cũng phải có ảnh hưởng tốt trên người ở thế gian này.

### Tiểu Đoạn 5:13-16 Con dân Chúa giống như muối và ánh sáng

Đức Giê-su vẫn giảng từ trên núi. Bạn có thể để ở phần bắt đầu của mỗi Tiểu Đoạn trong Bài Giảng Trên Núi (5:3-7:27) rằng Đức Giê-su tiếp tục nói. Nhiều bản dịch làm như vậy để những người không đọc bài giảng từ đầu biết rằng Đức Giê-su vẫn đang nói và Ngài đang nói với ai. Hãy xem thí dụ trong PKTCD.

5:12 cho thấy cách một số người không tin Chúa đối xử với các con dân Chúa. 5:13-16 cho thấy cách các con dân Chúa phải hành xử đối với những người không tin Chúa. Các câu này cho thấy cách các con dân Chúa nên ảnh hưởng trên những người không tin Chúa. Chúng ta phải ảnh hưởng họ một cách tốt để giúp họ trở nên người được Đức Chúa Trời chấp nhận.

5:13 Đức Giê-su so sánh các con dân Chúa với muối

### 5:13a

**Các con là muối của đất:** Các môn đệ của Đức Giê-su giống như là muối của đất.

**Các con:** Đức Giê-su vẫn đang dạy các môn đệ.

**muối của đất:** Họ giống như muối cho người của thế gian. Giống như *muối* tượng trưng cho các con dân Chúa, *đất* tượng trưng cho người của thế gian.

**muối:** Làm thế nào các con dân Chúa giống như muối? Trong bản Hy-lạp không nói nhưng các học giả có hai cách giải thích:

- 1) Các con dân Chúa nên cải tiến xã hội giống như muối cải tiến hương vị của thức ăn. Các con dân Chúa nên ăn ở đúng theo lời Chúa dạy để để ảnh hưởng xã hội tốt đẹp hơn giống như muối giúp cho hương vị của thức ăn.
- 2) Các con dân Chúa nên bảo tồn nhân loại giống như muối bảo tồn thức ăn.

Tốt nhất nên kèm theo một lời chú thích ở cuối trang để giải thích ý nghĩa.

Đa số mọi người không biết tất cả những điều Đức Giê-su hàm ý trong 5:13a. Một cách để làm cho rõ nghĩa là để hàm ý trong bản dịch hay một lời chú thích ở cuối trang. Sau đây là một cách chuyển ngữ dùng ẩn dụ:

Giống như muối cải tiến mùi vị của thức ăn, các con phải có ảnh hưởng tốt đối với những người ở trên thế gian.

### 5:13b

**nếu muối mất chất mặn đi:** Đây muốn nói đến ý tưởng muối có thể mất mặn đi. Có thể hiểu theo hai cách:

- 1) Muối có thể mất mặn, và các con dân Chúa có thể phạm tội và trở nên vô dụng cho Đức Chúa Trời và nước của Ngài.
- 2) Muối không thể mất mặn được, và người con dân thật của Chúa không mất sự làm chứng tốt cho những người ở thế gian này.

Bất kể bạn chọn cách giải thích nào, sứ điệp của Đức Giê-su cho các môn đệ vẫn là: “Hãy tiếp tục vâng lời Ta, và như thế sẽ làm chứng tốt cho người khác.”

**lấy gì làm cho mặn lại?:** Đây là một câu hỏi tu từ, bởi vì Đức Giê-su không chờ một câu trả lời. Các môn đệ biết rằng nếu muối có thể mất mặn, thì nó không có thể trở nên mặn lại. Vậy nên Đức Giê-su nói rất mạnh ở đây. Nếu các đồng hương của bạn hiểu đây là một câu hỏi tu từ và biết rõ câu trả lời, tốt hơn là nên chuyển ngữ như một câu hỏi tu từ. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 3:7c.

### 5:13c

**chỉ còn bỏ đi và bị người ta giẫm dưới chân:** Đây mô tả người ta đổ muối ra ngoài đường và bị mọi người đạp lên. Đức Giê-su muốn nói rằng khi một con dân Chúa từ bỏ Đức Chúa Trời và không còn vâng lời Ngài nữa thì người ấy không còn ích lợi gì cho nước của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ đoán xét người đó. Đây không chú ý vào việc người ta đạp lên muối nhưng để ý vào việc muối trở nên vô dụng, không còn dùng được nữa.

**người ta giẫm dưới chân:** Động từ *giẫm* ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là đạp lên một vật gì.

5:14-16 Đức Giê-su so sánh các con dân Chúa với ánh sáng

### 5:14a

**Các con là ánh sáng của thế gian:** Nói một cách khác là: “Các con là ánh sáng cho thế gian.” Đây cùng một ý với 5:13, ngoại trừ Đức Giê-su dùng *ánh sáng* ở đây thay cho “muối.” Đây là cách nói hay viết của người Do Thái lặp lại cùng một ý với văn và ẩn dụ khác.

**ánh sáng:** Cụm từ *ánh sáng* tượng trưng cho các môn đệ dạy Phúc Âm cho dân chúng và ăn ở một cách công chính trước mặt mọi người để hướng dẫn họ đến với Đức Chúa Trời.

**thế gian:** Cụm từ *thế gian* ở đây nói đến tất cả mọi người.

### 5:14b

**Một thành xây trên ngọn đồi sẽ không bị che khuất:** Người ta không thể che dấu một thành phố xây trên một ngọn đồi. Đức Giê-su so sánh ý này với việc dấu một ngọn đèn: “Và người ta cũng không dấu một cái đèn.”

- 5:13b *nhưng nếu muối mất chất mặn đi, thì lấy gì làm cho mặn lại?*  
Nhưng nếu muối mất mặn, thì nó không thể trở nên mặn lại được.
- 5:13c *Muối ấy thành vô vị, chỉ còn bỏ đi và bị người ta giẫm dưới chân.*  
Người ta sẽ không dùng nó để làm gì được nữa, [cho nên] bị ném ra ngoài cho mọi người đạp lên.”
- 5:14a *Các con là ánh sáng của thế gian.*  
Đức Giê-su phán: “các con [giống như là] ánh sáng cho mọi người.  
-HAY-  
Giống như ánh sáng soi đường, các con cũng phải chỉ cho người ta cách tìm đến Đức Chúa Trời.
- 5:14b *Một thành xây trên ngọn đồi sẽ không bị che khuất.*  
Người ta không thể giấu một cái thành xây ở trên đồi, [ai cũng thấy cả].
- 5:15a *Không ai thắp đèn rồi đặt trong thùng*  
Cũng như vậy, người ta không thắp đèn rồi lấy thùng đậy lại.
- 5:15b *nhưng đặt trên chân đèn để soi sáng mọi người trong nhà.*  
Họ đặt đèn lên kệ để soi sáng khắp nhà.  
-HAY-  
Họ đặt đèn lên một chỗ cao để chiếu sáng khắp nhà.
- 5:16a *Vậy, hãy chiếu ánh sáng của các con trước mặt thiên hạ như thế,*  
Vậy, hãy hành xử như là một gương mẫu cho người khác thấy

**5:15a*****Không ai thắp đèn rồi đặt trong thùng:***

Cũng như vậy, người ta không để một ngọn đèn ở dưới chậu sau khi đã thắp.

**đèn:** Đèn mà Đức Giê-su nói đến là một cái bình nhỏ đựng dầu và người ta để một tim đèn vào để khi đốt lên sẽ thắp sáng. Đèn này được dùng trong nhà vào ban đêm. Hãy dùng cùng một loại đèn mà những người đọc bản dịch của bạn sẽ dùng để họ hiểu được điều Đức Giê-su nói nhưng đừng dùng đèn điện. Nhưng phải cẩn thận để cho phù hợp với ngữ cảnh ở đây.

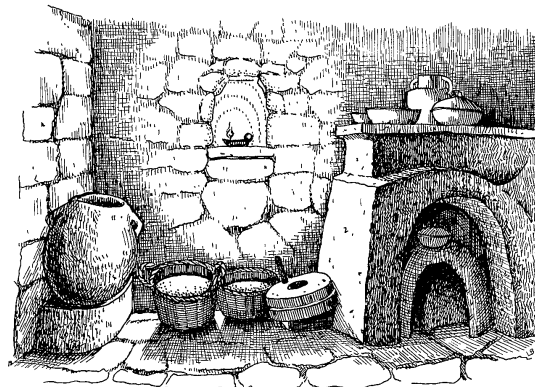
**thùng:** Đây là một cái rổ lớn mà người ta dùng để đựng thóc. Thùng lớn đủ để úp lên ngọn đèn. BDM dùng nhóm từ *đặt trong thùng* nhưng ý Chúa muốn nói ở đây là “dùng một cái chậu để che cái đèn” hay “đấu cái đèn dưới chậu.”

**5:15b**

**đặt trên chân đèn:** Người Do Thái sẽ đặt đèn lên một cái kệ (chân đèn) để nó chiếu sáng khắp nhà hơn là che lại.

***chân đèn:*** Chân đèn là một cái kệ bằng

đá hay gỗ mà người ta để đèn lên trên để chiếu sáng khắp nhà. Hãy xem hình dưới đây. Nếu khó chuyển ngữ *chân đèn* bạn có thể chuyển ngữ là: “đặt nó ở một chỗ để có thể chiếu sáng.”

**5:16a**

**Vậy:** Giống như một cái đèn chiếu sáng cho người ta ở trong nhà, các môn đệ của Đức Giê-su là ánh sáng cho mọi người.

***hãy chiếu ánh sáng của các con trước mặt thiên hạ như thế:*** Đức Giê-su bảo các môn đệ của Ngài đừng âm thầm làm môn đệ của Chúa. Khi các môn đệ của Đức Giê-su sống một đời sống ngay thẳng trước mặt mọi người, có hai việc sẽ xảy ra: 1) người ta thấy việc làm tốt của họ và 2) người ta ngợi khen Đức Chúa Trời.

#### 5:16b

***để họ thấy các công việc tốt đẹp của các con:*** Các môn đệ của Đức Giê-su nên làm điều này để người ta sẽ thấy các công việc tốt đẹp họ làm.

***mà tôn vinh Cha các con ở trên trời:*** Kết quả là người ta sẽ khen ngợi Đức Chúa Trời, là Cha của những người tin Ngài. Đây kể cả Đức Giê-su là người đang nói điều này. Vì vậy nên bạn có thể dịch là “cha của chúng ta.” Hãy xem PKTCD.

***tôn vinh:*** Từ Hy-lạp *doxazō* có nghĩa là tôn kính và khen ngợi một người.

Ý ở đây không phải là “để họ sẽ thấy việc tốt của các con và khen ngợi các con.” Đức

Giê-su không muốn các môn đệ phô trương các việc làm tốt của họ trước mặt mọi người. Chúa muốn các con dân Chúa vâng lời Ngài để dân chúng thấy và ngợi Đức Chúa Trời, chứ không phải các con dân Chúa. Các phần của 5:16 đi sát với nhau. Vậy nên bạn có thể chuyển ngữ theo ý nghĩa như sau:

Hãy chiếu ánh sáng của các con trước mặt người ta như vậy. Khi họ thấy các việc tốt đẹp của các con làm, họ sẽ khen ngợi Cha các con ở trên trời...

Một cách khác để chuyển ngữ mà không cần dùng ẩn dụ là:

Cũng như vậy, cách hầu việc Chúa của con phải làm gương cho mọi người thấy rõ để họ sẽ thấy các việc công chính mà các con làm và khen ngợi Cha các con ở trên thiên đàng.

### Tiểu Đoạn 5:17-20 Luật pháp của Đức Chúa Trời là quan trọng

Đức Giê-su vẫn còn tiếp tục giảng dạy. Hãy nhớ để các lời Chúa nói ở trong ngoặc kép (“). 5:17-20 cho thấy không có phần nào trong luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ biến mất. Luật pháp của Chúa rất là quan trọng (hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:17a). Tiểu Đoạn này là phần đầu của 5:17-48. Ý tưởng chính trong 5:17-48 là dân của Đức Chúa Trời phải hiểu rằng luật pháp của Đức Chúa Trời được làm ra để cho họ tuân theo. Người ta thường vâng theo luật pháp của loài người để khỏi bị các nhà cầm quyền trừng phạt. Nhưng Đức Chúa Trời ban Luật Pháp của Ngài bởi vì Ngài yêu mến chúng ta. Chúa muốn các con dân Chúa vâng theo luật pháp của Ngài vì họ yêu mến Chúa chứ không phải bị bắt buộc. Đức Giê-su chấm dứt phần này của Bài Giảng Trên Núi bằng cách nói (trong 5:48) rằng các môn đệ nên cố gắng vâng lời Ngài.

Trong phần kinh văn (5:21-48) tiếp theo Tiểu Đoạn này, mỗi đoạn đều bắt đầu bằng “Các con đã nghe dạy rằng.” Điều này cho thấy mỗi phần này nói ý nghĩa thật về một phần của luật pháp của Chúa mà các con dân Chúa phải hiểu và vâng theo. Các nhà lãnh đạo Do Thái vẫn dạy theo quan niệm riêng của họ chứ không phải theo quan niệm của Đức Chúa Trời.

5:20 và 5:48 nói rằng môn đệ của Đức Giê-su phải đi theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời theo cách của Chúa chứ không phải cách của con người dạy. 5:20 là lời giới thiệu cho phần còn lại của chương 5 cũng như là 6:1-18.

#### 5:17a

***Đừng nghĩ rằng Ta đến để hủy bỏ Kinh Luật và Kinh Tiên Tri:*** Đức Giê-su nói như vậy bởi vì người Do Thái đã thấy Ngài chống lại một số luật lệ tôn giáo của họ. Thí dụ, Chúa chữa bệnh cho người đau trong

ngày Sa-bát. Họ giải thích luật pháp của Đức Chúa Trời là Chúa không được chữa bệnh cho ai cả vì như vậy là làm việc. Luật pháp của Đức Chúa Trời cấm làm việc trong ngày Sa-bát. Đức Giê-su không rửa tay trước khi ăn như người ta phải làm trước khi ăn. Ngài



5:16b để họ thấy các công việc tốt đẹp của các con mà tôn vinh Cha các con ở trên trời. để khi họ thấy các việc tốt các con làm, họ sẽ ngợi khen Cha chúng ta ở trên trời.”

**Tiểu đoạn 5:17-20 Luật pháp của Đức Chúa Trời là quan trọng**

5:17a “Đừng nghĩ rằng Ta đến để hủy bỏ Kinh Luật và Kinh Tiên Tri;  
Đức Giê-su phán: “Các con không nên nghĩ rằng Ta đến thế gian để phá bỏ các luật lệ của Môi-se hay các sự dạy dỗ của các tiên tri. Không.

–HAY–

Đức Giê-su phán: “Đừng nghĩ rằng Ta đến thế gian để phá bỏ luật lệ của Môi-se và các sự dạy dỗ của các tiên tri.

5:17b Ta đến không phải để hủy bỏ mà để hoàn thành.  
Ta đến không phải để huỷ bỏ. Ta đến để bày tỏ trọn vẹn ý nghĩa của chúng.

5:18a Vì thật, Ta bảo các con: Cho đến khi trời đất qua đi  
Ta đảm bảo với các con, hễ còn trời còn đất,

làm một số việc khác mà họ không chấp nhận. Đức Giê-su đang cố gắng cho họ thấy là Ngài không phạm vào luật pháp của Đức Chúa Trời.

**hủy bỏ:** Đây có nghĩa là bỏ qua một bên, vất đi, phá hủy, chấm dứt.

**Kinh Luật và Kinh Tiên Tri:** Nhóm từ này nói đến KT của người Do Thái, ngày nay các con dân Chúa gọi là CƯ. Một số tác giả KT gọi CƯ là “luật pháp.” Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:18b.

**Kinh Luật:** Đức Giê-su không phải chỉ nói về một luật lệ. Chúa muốn nói đến Luật Pháp Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se để cho người Do Thái làm theo. Các luật pháp này được chép ở trong năm sách đầu tiên của CƯ. Một số bản dịch gọi các luật pháp này là “Kinh Luật.” Đây là một vài cách để chuyển ngữ nhóm từ này: “Luật pháp Đức Chúa Trời ban cho Môi-se” hay “Luật Pháp của Đức Chúa Trời” hay “Kinh Luật của Môi-se.”

**Kinh Tiên Tri:** Đức Giê-su đang nói đến các điều mà các tiên tri đã dạy và các sách họ viết. Đây có lẽ là phần còn lại của CƯ ngoại trừ các sách của Môi-se. Bạn có thể phải để một lời chú thích ở cuối trang. Sau đây là một đề nghị: “Nhóm từ ‘Kinh Luật và Kinh Tiên Tri’ có lẽ muốn nói đến cả CƯ, tức là KT của người Do Thái.”

**5:17b**

**để hoàn thành:** Có lẽ sắp đặt lại thứ tự như sau thì nghe tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn:

Ta đến để hoàn thành Kinh Luật, chứ không phải để phá hủy chúng.

Một số học giả KT nghĩ rằng hoàn thành là khiến cho một số việc mà Môi-se và các tiên tri đã nói sẽ xảy ra. Đây là lý do bản Hy-lạp dùng động từ “ứng nghiệm” ở các chỗ khác trong sách Ma-thi-ơ (Thí dụ: 1:22, 2:15, 17, 23). *Hoàn thành* có cùng một ý nghĩa. Tuy nhiên, một số nghĩ rằng có nghĩa là: “hoàn tất chúng” hay “chấm dứt liệt kê chúng,” và họ nghĩ rằng đây là điều Đức Giê-su làm ở trong 5:21-48. Đó cũng là ý nghĩa của CĐN.

**5:18a**

**Vì thật, Tao bảo các con:** Đây không phải hàm ý là những chỗ khác Đức Giê-su không nói sự thật. Chúa dùng cụm từ này để cho thấy là Chúa sắp nói một điều quan trọng. Có thể nói một cách khác là:

Ta đảm bảo với các con

**trời:** Đây muốn nói đến bầu trời là nơi có các vì sao chứ không phải chỗ Đức Chúa Trời ở.

**đến khi trời đất qua đi:** Nhóm từ này có hai nghĩa:

- (1) Ngày nào trời đất còn tồn tại thì tất cả các luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ tồn tại.
- (2) đòi đòi.

Ý nghĩa (1) được ưa thích hơn.

### 5:18b

**thì một chấm, một nét trong Kinh Luật cũng không qua đi:** Không có phần nào trong Kinh Luật sẽ bị huỷ bỏ hay thay đổi, dù là phần nhỏ nhất. Tất cả mọi phần sẽ xảy ra như Đức Chúa Trời đã quy hoạch.

**một chấm, một nét:** Đức Giê-su dùng tên của một chữ cái nhỏ nhất của Hy-lạp *iōta* (giống như chữ “i”) và tên của nét nhỏ dùng trong cách viết Hy-bá-lai. để nhấn mạnh là dù phần nhỏ nhất của Kinh Luật cũng sẽ không thay đổi. BDM dùng từ để chỉ phần nhỏ nhất của tiếng Việt. Nếu trong ngôn ngữ của bạn chuyển ngữ như vậy không được rõ bạn có thể chuyển ngữ như BDY: “một chi tiết nào.” Cũng hãy xem CĐN thứ nhì.

**Kinh Luật:** Đây có ý nghĩa rộng hơn là *Kinh Luật* ở trong 5:17a. Đây nói đến CU (hãy xem Lu-ca 10:26, Giăng 7:49). Đây là toàn bộ KT của người Do Thái vào thời Đức Giê-su.

**cũng không qua đi:** Đây nói đến không có gì thay đổi hay biến mất trong Kinh Luật.

Bạn có thể chuyển ngữ phần này của câu (5:18a-b) như sau:

Ta bảo đảm với các con, hễ trời đất còn thì sẽ không có một điều gì trong Luật Pháp của Đức Chúa Trời biến đi. Ngay cả chữ nhỏ nhất cũng không biến đi nữa.

### 5:18c

**cho đến chừng tất cả được thành tựu:** Đây có nghĩa là: “cho tới khi mọi việc xảy ra theo như Đức Chúa Trời đã định.”

Trong một số ngôn ngữ có thể chuyển ngữ 5:18b như sau nghe tự nhiên hơn:

Mọi luật lệ trong Luật Pháp của Đức Chúa Trời, ngay cả chi tiết nhỏ nhất sẽ vẫn còn có hiệu lực cho tới khi các việc Đức Chúa Trời muốn được hoàn tất.

### 5:19

Trước đây rất lâu, một số nhà lãnh đạo Do Thái giáo dạy rằng Phục Truyền 22:6 là “điều răn nhẹ nhất” trong Luật Pháp. Họ cho đó là điều răn kém quan trọng nhất trong năm sách của Môi-se. Nhưng Đức Giê-su nói rằng chúng ta phải làm theo tất cả các điều răn của Đức Chúa Trời, ngay cả điều răn chúng ta cho là không quan trọng. 5:21-48 nói về các điều răn mà Đức Giê-su đang nghĩ đến. Tất cả các điều răn này đều chép ở trong năm sách của Môi-se.

### 5:19a

**hủy bỏ:** Đây có nghĩa là “không làm theo,” hay “bỏ qua.”

**một điều nhỏ nhất trong các điều răn này:** Đây là các điều răn mà các nhà lãnh đạo Do Thái cho là không quan trọng.

**nhỏ nhất:** Có nghĩa là kém quan trọng nhất.

**dạy người ta làm như thế:** Đây có nghĩa là dạy người ta không làm theo những điều răn họ nghĩ là không quan trọng.

### 5:19b

**người ấy sẽ là nhỏ nhất:** Đức Chúa Trời sẽ coi người đó là ít quan trọng nhất.

**trong Nước Thiên Đàng:** Người ấy sẽ kém quan trọng hơn những người khác trong nước của Đức Chúa Trời.

### 5:19c

**làm theo:** Đây có nghĩa là vâng lời.

### 5:19d

**sẽ được kể là lớn:** Đức Chúa Trời sẽ cho người ấy là lớn và rất quan trọng.

### 5:20

Người Do Thái cho những chuyên gia Kinh Luật và các người Pha-ri-si là những người công chính nhất. Nhưng Đức Chúa Trời không cho các chuyên gia Kinh Luật và các người Pha-ri-si là thật sự công chính. Vậy điều Đức Giê-su nói làm cho những người nghe ngạc nhiên.

- 5:18b *thì một chấm, một nét trong Kinh Luật cũng không qua đi*  
thì không một luật lệ nào của Đức Chúa Trời bị bỏ đi, ngay cả một chữ hay một nét nhỏ nhất.  
-HAY-  
Tất cả mọi điều trong Kinh Luật đều tồn tại, ngay cả những phần mà một số người nói là không quan trọng.
- 5:18c *cho đến chừng tất cả được thành tựu.*  
[Không có luật lệ nào của Đức Chúa Trời sẽ bị bỏ qua] cho tới khi việc mà Luật Pháp của Đức Chúa Trời đã định được hoàn tất.  
-HAY-  
Tất cả mọi luật lệ của Đức Chúa Trời sẽ còn hiệu lực cho đến khi tất cả mọi lời tiên tri thật sự xảy ra.
- 5:19a *Vì thế nếu ai hủy bỏ một điều nhỏ nhất trong các điều răn này và dạy người ta làm như thế,*  
Nếu có ai không vâng theo một trong những luật lệ này--ngay cả điều mà người ấy nghĩ là kém quan trọng nhất--và dạy người khác không tuân theo luật lệ nữa,
- 5:19b *người ấy sẽ là nhỏ nhất trong Nước Thiên Đàng.*  
[thì Đức Chúa Trời] sẽ nói người đó không quan trọng trong vương quốc của Ngài.  
-HAY-  
[thì Đức Chúa Trời] sẽ cho người đó là ít quan trọng nhất trong vòng những người Ngài cai trị.
- 5:19c *Nhưng hễ ai làm theo những điều răn ấy và dạy người khác làm nữa,*  
Nhưng hễ ai làm theo các điều răn này và dạy người khác làm theo,
- 5:19d *sẽ được kể là lớn trong Nước Thiên Đàng.*  
[Đức Chúa Trời] sẽ nói người đó là quan trọng trong vương quốc của Ngài.  
-HAY-  
[Đức Chúa Trời] sẽ coi người đó là quan trọng hơn hết trong những người Chúa cai trị.
- 5:20a *Vì Ta nói cho các con biết: Nếu sự công chính của các con không hơn các chuyên gia kinh luật và người Pha-ri-si,*  
Ta cho các con biết: các con phải công chính hơn những người Pha-ri-si và các chuyên gia kinh luật.

**5:20a**

**Vì Ta nói:** Đức Giê-su dùng nhóm từ này cho các môn đệ thấy là điều Ngài sắp nói rất là quan trọng. Từ *Vì* cũng có nghĩa là các lời ở trong 5:20 vẫn còn quan hệ đến tư tưởng ở trong 5:17-19.

**Nếu sự công chính của các con không hơn các chuyên gia kinh luật và người Pha-ri-si...** : Các môn đệ của Đức Giê-su phải hành xử công chính hơn là những người Pha-ri-si

hay các chuyên gia Kinh Luật. Nhưng họ phải thật sự công chính để đẹp lòng Đức Chúa Trời, không phải để đẹp lòng người ta. Các người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật không thật sự công chính.

**sự công chính:** Đây nói đến vâng lời Đức Chúa Trời trong mọi việc. Đức Giê-su nói về hai cách để hiểu *sự công chính*: theo cách của loài người và của Đức Chúa Trời. Các người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật cho họ là công chính bởi vì họ làm theo

các luật lệ tôn giáo của con người. Nhưng Đức Giê-su nói rằng các môn đệ phải vâng theo ý nghĩa thật sự của luật pháp của Đức Chúa Trời. (Hãy xem phần giới thiệu của 5:17-20)

**các chuyên gia kinh luật:** Đây là những người nghiên cứu năm sách của Mô-ise. Họ cũng nghiên cứu các sách khác giải thích các sách của Mô-ise. Họ dạy những điều này cho người ta. Hãy xem lời chú thích của 2:4a.

**người Pha-ri-si:** Người Pha-ri-si là các nhà lãnh đạo tôn giáo. Họ không phải là thầy tế lễ. Hãy xem phần giới thiệu của Tiểu Đoạn 3:7-10.

### 5:20b

**thì các con không thể vào Nước Thiên Đàng được:** Nếu các môn đệ của Đức Giê-

su không công chính hơn các người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật thì họ sẽ không thuộc về những người ở trong nước thiên đàng. Hàm ý là các người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật không là một phần của nước thiên đàng bởi vì Đức Chúa Trời không cho họ là thật sự công chính. Đức Giê-su cũng nói là các môn đệ sẽ không được vào Nước Trời nếu họ không công chính theo cách tốt hơn và khác hơn những người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật.

**Nước Thiên Đàng:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 3:2b.

## Tiểu Đoạn 5:21-26 Đức Giê-su dạy về sự giận dữ

Trong Tiểu Đoạn này Đức Giê-su dùng thí dụ đầu tiên để dạy các môn đệ phải vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời như thế nào. Ngài bắt đầu với điều răn thứ sáu: “Đừng giết người” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:13). Ngài dạy rằng giết người là sai. Nhưng Ngài cũng dạy rằng nếu tiếp tục giữ cơn giận đối với một người cũng là sai.

Hãy nhớ rằng bắt đầu mỗi một Tiểu Đoạn, bạn cần phải cho thấy là ai đang nói và nói với ai. Hãy xem PKTCD của 5:21.

5:21-22 Đừng giận dữ với anh em mình

### 5:21a

**Các con nghe lời dạy cho người xưa rằng:** Trong Ma-thi-ơ 5:21, 27, 31, 33, 38 và 43, Đức Giê-su trích dẫn trong năm sách của Mô-ise. Vì người ta không có KT riêng nên các nhà lãnh đạo Do Thái đọc KT cho dân chúng. Đây là lý do Đức Giê-su dùng *Các con nghe lời dạy cho người xưa rằng*. Theo Sách Giải Nghĩa, nhóm từ “như đã nói” luôn luôn được dùng để giới thiệu một điều mà Đức Chúa Trời đã nói hay một người trích dẫn một điều gì trong KT.

**cho người xưa:** Những người đầu tiên nghe điều răn này là các tổ tiên của người Do Thái sống trước thời Đức Giê-su rất lâu.

**Chớ giết người:** Đây có nghĩa là không được giết người (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:13) nhưng không phải lúc nào giết người cũng là

tội. Điều răn này không kể đến việc hành quyết những tử tội hay giết kẻ thù trong chiến tranh. Đây nói về cố ý giết người. Bạn cần phải chuyển ngữ cẩn thận để phân biệt “giết người” và “sát nhân” rõ ràng. Một số ngôn ngữ khác đã dùng “giết người vì giận dữ” hay “cố ý giết người.”

### 5:21b

**Ai giết người thì bị trừng phạt:** Một số người sẽ đoán xét người chống lại với luật pháp và giết người khác (Phục truyền 17:8,9). Hàm ý người ta sẽ trừng phạt người đó.

### 5:22

Trong phần còn lại của chương 5, Đức Giê-su dùng một kiểu dạy phổ thông của thời đó. Trước hết Ngài trích dẫn một đoạn từ lời của Đức Chúa Trời, rồi Ngài giải thích ý nghĩa sâu xa hơn của những lời ấy.

Câu này nói về ba loại hình phạt. Loại thứ nhì nặng hơn loại thứ nhất, và loại thứ ba

5:20b *thì các con không thể vào Nước Thiên Đàng được.*  
Nếu không, các con chắc chắn không ở trong số những người mà Đức Chúa Trời cai trị [và chăm sóc].”

### Tiểu đoạn 5:21-26 Đức Giê-su dạy về sự giận dữ

5:21a *[Đức Giê-su tiếp tục dạy dỗ:] “Các con nghe lời dạy cho người xưa rằng: ‘Chớ giết người.’*

“Các con đã nghe điều răn của các tổ phụ con hồi xưa rằng: ‘Đừng giết người.’

5:21b *Ai giết người thì bị trừng phạt.’*

‘Ai giết người sẽ phải ra tòa [và bị trừng phạt].

5:22a *nhưng Ta bảo các con: ‘Ai giận anh em mình thì đáng bị trừng phạt.*

Nhưng Ta bảo các con nếu các con giận dữ với ai [mà không có lý do], thì Đức Chúa Trời [sẽ giận dữ với các con và] sẽ đoán xét các con.

5:22b *Ai mắng anh em mình là ngu xuẩn thì đáng bị đưa ra tòa.*

Nếu các con làm tổn thương một người [bởi vì các con giận dữ với người đó], [Đức Chúa Trời] sẽ trừng phạt các con.

nặng hơn loại thứ nhì. Nhưng đây nói về cùng một tội: giận dữ. Điều này cho thấy rằng khi một người giận dữ một người khác có thể dẫn đến sự hình phạt lớn lao của Đức Chúa Trời.

#### 5:22a

**nhưng:** Đức Giê-su không chống lại luật pháp của Môi-se. Chúa giải thích toàn thể ý nghĩa của luật pháp Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se. Chúa dạy các môn đệ cách vâng theo luật pháp này.

**Ta bảo các con:** Đức Giê-su muốn nói: “Ta giải thích nhiều hơn là điều Môi-se và các nhà lãnh đạo Do Thái đã nói. Ta bảo các con rằng điều mà các con nghĩ có thể là sai lầm cũng như việc làm của các con vậy.” Trong văn phạm Hy-lạp từ *Ta* được nhấn mạnh ở đây và ở trong 5:28, 32, 34, 39, 44. Các bản dịch tiếng Việt không diễn tả điều này. UBS Handbook đề nghị nhấn mạnh *Ta* bằng cách chuyển ngữ bằng nhóm từ “Nhưng bây giờ Ta bảo các con.” Dùng bất cứ cách nào nghe cho có vẻ tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

**giận:** Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là giữ sự giận dữ. Điều này có thể dẫn đến sự thù ghét (I Giăng 3:15).

**anh em mình:** Từ *anh em mình* dùng trong bản Hy-lạp ở ngữ cảnh này có nghĩa là một người khác chứ không phải chỉ là anh em trong Chúa hay trong gia đình.

**đáng bị trừng phạt:** “Đức Chúa Trời sẽ đoán xét người giận dữ đối với anh em mình.” Một quan tòa thường không trừng phạt người ta chỉ vì họ giận dữ. Đây có ý nghĩa sâu xa hơn là ở trong 5:21.

#### 5:22b

**ngu xuẩn:** Từ *raka* có nghĩa là “người có đầu óc rỗng tuếch, ngu đần.” Đây muốn nói đến một người sỉ nhục người khác vì họ giận dữ người đó.

Đức Giê-su đang nói về một người dùng lời lẽ để làm tổn thương người khác. Hãy xem CDN.

**đáng bị đưa ra tòa:** Người đó phải ra Tối Cao Pháp Viện của người Do Thái. Đây hàm ý là một tòa án khác với tòa án ở trên thế gian này. Một quan tòa thường không xử phạt một người chỉ vì họ đã sỉ nhục một người khác. Đây có nghĩa là “Người ấy phải ra tòa án của Đức Chúa Trời,” hay “Đức Chúa Trời sẽ đoán xét người đó.”

**5:22c**

**điên khùng:** Trong bản Hy-lạp đây là từ người ta dùng khi muốn làm sỉ nhục một người khác thật nhiều. Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *ngu xuẩn* trong 22b sỉ nhục một người về phân trí tuệ. Từ này được dùng để sỉ nhục một người chống lại với Đức Chúa Trời và đây nặng hơn là ngu xuẩn. Giông như nói là “Đức Chúa Trời rửa sả người!” Người nói từ này thù ghét người mà mình nói với.

**đáng bị ném vào lửa hoả ngục:** Người ấy trên đường đi đến hoả ngục. Nếu một người giữ lòng căm giận anh em mình, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người giận dữ ấy ở trong hoả ngục.

5:23-24 Giải hoà với anh em mình

**5:23a**

**Cho nên:** Từ này nối ý nghĩa của đoạn này với ý nghĩa của đoạn trước. Có nghĩa là “Điều Ta đã vừa nói là lý do cho những gì Ta sẽ nói ra đây.”

**con:** Đại từ chỉ số ít. Đức Giê-su đang nói với các môn đệ ở đây (5:23-26) như là nói với một người. Sự dạy dỗ này áp dụng cho mỗi một môn đệ. Tuy nhiên, trong một số ngôn ngữ phải dùng đại từ số nhiều để chuyển ngữ vì Đức Giê-su đang nói với nhiều người.

**lễ vật:** Đây có thể nói đến một người thờ phượng Đức Chúa Trời vì bất cứ một lý do nào. Nhưng nó có thể là một của tế lễ chuộc tội dâng cho Đức Chúa Trời (hãy xem Lời Giải Nghĩa của 6:12-15). Người ta đem tế lễ đến và thầy tế lễ dâng lên cho Chúa.

**bàn thờ:** Bàn thờ là chỗ mà thầy tế lễ thiêu các tế lễ ở phía trước của đền thờ ở tại Giê-ru-sa-lem thay cho dân chúng đến thờ phượng Đức Chúa Trời. Bạn có thể in hình của bàn thờ hay hình của đền thờ với bàn thờ.

**5:23b**

**mà nhớ lại rằng một anh em con có điều gì bất bình cùng con:** Trong bản Hy-lạp hàm ý người mang tế lễ lên dâng có làm cho một người giận dữ. Bạn có thể nói là:

Con nhớ lại rằng có một người giận con vì con có lỗi với người đó.

**5:24**

**hãy để lễ vật ở trước bàn thờ:** Đừng dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời vội. Có một điều phải làm trước, đó là về giải hoà với anh em mình.

**đi giải hoà cùng anh em mình trước đã:** Trước khi thờ phượng Đức Chúa Trời, hãy đi và giải hoà với anh em mình. Đây có thể nói đến việc xin người đó tha thứ cho mình.

**rời hãy trở lại dâng lễ vật:** Sau khi các người giải hoà với anh em mình, thì hãy trở lại và dâng của tế lễ cho Đức Chúa Trời.

5:25-26 Thoả thuận với người chống lại mình

5:25-26 nói về một người đem người khác ra toà. Đây là bởi vì người ấy giận dữ vì một lý do nào đó. Cả Tiểu Đoạn (5:21-26) nói về điều có thể xảy ra khi người ta giận nhau. Cũng hãy xem Lu-ca 12:58-59.

**5:25a**

**Hãy sớm thỏa thuận với đối phương ngay:** Trong bản Hy-lạp mô tả tình trạng một người tố cáo bạn làm lỗi và muốn đem bạn ra toà để kiện.

**Hãy sớm thỏa thuận:** Đây có nghĩa là giải quyết sự bất đồng ý kiến nhanh chóng trước khi họ đem ra toà.

**với đối phương:** Từ Hy-lạp ở đây là *antidikos*, có nghĩa là “người chống đối lại bạn ở toà án.” Đây là người nói với quan toà rằng bạn có lỗi.

- 5:22c *Ai mắng anh em mình là điên khùng thì đáng bị ném vào lửa hỏa ngục.*  
Nếu con [ghét ai] mà nói rằng ‘[Đức Chúa Trời] sẽ trừng phạt anh!’ thì các con đang trên đường xuống địa ngục!”
- 5:23a *“Cho nên khi con dâng lễ vật trên bàn thờ*  
Vậy nên khi nào các con đi lên đền thờ để dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời  
-HAY-  
“Khi nào các con sắp dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời, hãy suy nghĩ về [các bạn hữu của mình]
- 5:23b *mà nhớ lại rằng một anh em con có điều gì bất bình cùng con,*  
và các con nhớ rằng có người đang giận con [bởi vì con làm một điều gì đó],
- 5:24 *hãy để lễ vật ở trước bàn thờ, đi giải hòa cùng anh em mình trước đã, rồi hãy trở lại dâng lễ vật.*  
hãy để lễ vật ở trước bàn thờ. Trước hết hãy đi tới người đó mà làm hoà với người. Rồi sau đó hãy trở lại thờ phượng Đức Chúa Trời.”
- 5:25a *“Hãy sớm thỏa thuận với đối phương*  
[Đức Giê-su cũng nói:] “Nếu có một người nói con có lỗi với họ và đem con ra tòa, hãy làm hoà với họ ngay.
- 5:25b *ngay khi còn trên đường đi với họ,*  
Hãy giải quyết vấn đề trước khi đến tòa án.
- 5:25c *kẻo đối phương nộp con trước tòa,*  
Nếu không, người ấy sẽ làm chứng chống lại con trước quan tòa.
- 5:25d *quan tòa trao cho người dưới quyền tống giam con.*  
Quan tòa sẽ cho cảnh sát bắt con bỏ vào tù.

**5:25b**

***khi còn trên đường đi với họ:*** Hãy hoà giải với họ ngay cả trên đường đi ra tòa, khi bạn còn có thể giải hoà được trước khi tòa án bắt đầu.

**5:25c**

***kẻo đối phương nộp con trước tòa:*** Nếu không làm, người ấy có thể nộp bạn cho quan tòa. Người ấy có thể thắng kiện, và quan tòa có quyền trừng phạt bạn.

**5:25d**

***người dưới quyền:*** Đây là người cảnh sát làm theo lệnh quan tòa. Người cảnh sát vâng theo án lệnh của tòa trừng phạt người bị thua kiện.

**5:26**

***Thật:*** Đây có cùng một ý nghĩa ở trong 5:18.

***đến khi trả hết đồng bạc cuối cùng:*** Bạn có thể giải thích theo hai cách:

- (1) Cho tới khi người ấy trả tiền phạt tòa định. Bạn có thể chuyển ngữ “cho tới khi con trả hết tiền tòa phạt.”
- (2) Cho tới khi người ấy trả hết nợ với người kia. Có lẽ một người vay nợ của một người khác rồi không trả nên bị thua kiện ở tòa.

Cách giải thích nào cũng khả dĩ cả.

***hết đồng bạc cuối cùng:*** Đây là một cách nói nhấn mạnh rằng người ấy sẽ phải trả đến đồng bạc cuối cùng.

***đồng bạc:*** Từ Hy-lạp được dịch là *đồng bạc* là một đồng bạc các trị giá một phần

sáu mươi tư của tiền lương một ngày của một người. Nếu bạn chuyển ngữ là bạc các

hãy dùng đồng bạc các có giá trị nhỏ nhất.

### Tiểu Đoạn 5:27-30 Đức Giê-su dạy về tội ngoại tình

Một lần nữa Đức Giê-su lại định nghĩa tội lỗi. Chúa bắt đầu với điều răn thứ bảy: “Đừng phạm tội tà dâm” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:17). Nhưng sau đó Ngài giải thích rằng ao ước một điều xấu cũng là phạm tội. Các con dân Chúa không phải chỉ thay đổi hành động nhưng cả thái độ nữa. Nếu các con dân Chúa bỏ các sự ao ước tội lỗi, thì sẽ giúp họ không phạm tội ngoại tình.

#### 5:27a

**Các con đã nghe lời dạy rằng:** Đây có cùng một ý ở trong 5:21. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:21b-5:22a và lời giới thiệu của 5:21-26.

#### 5:27b

**Chó ngoại tình:** Những lời này ở trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:14. Luật pháp của người Do Thái nói: “Đừng giao hợp với vợ của một người khác.” Đây là ý nghĩa của “ngoại tình” trong câu này. Một đoạn kinh văn tương tự được chép ở trong Lu-ca 16:18. Khi bạn chuyển ngữ hãy cẩn thận chọn từ cho lịch sự và đừng làm cho người đọc phải ngỡ ngàng. Nhiều ngôn ngữ dùng mỹ từ để nói về quan hệ tình dục. Thí dụ trong tiếng Anh người ta nói: “đừng ngủ với vợ của người khác.”

#### 5:28a

**Còn Ta dạy các con rằng:** Như ở trong 5:22a Đức Giê-su nhấn mạnh *Ta* ở đây: “Ta bảo các con.” Chúa cho thấy là các nhà lãnh đạo Do Thái không giải thích luật pháp một cách đầy đủ. Họ không dạy rằng sự ao ước dẫn đến ngoại tình cũng là tội.

**Hễ ai nhìn đàn bà với lòng tham muốn:** Đây nói đến bất cứ ai nhìn một người đàn bà không phải vợ của mình và muốn ngủ với người ấy. Vậy nên điều răn của Đức Giê-su dạy là ngay cả muốn ngoại tình cũng là phạm tội rồi.

#### 5:28b

**thì đã phạm tội trong lòng rồi:** Người ấy đã phạm tội rồi. Đức Chúa Trời đã nói sự suy nghĩ như vậy là có tội. Điều răn thứ mười nói: “Đừng tham muốn vợ của người khác” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:17).

**ngoại tình:** Ở đây Đức Giê-su cho thấy từ này có nghĩa rộng hơn là ở trong điều răn

thứ bảy. Đây, Ma-thi-ơ nói đến bất cứ điều gì có thể coi như là tội ngoại tình.

#### 5:29

Đức Giê-su dùng một ẩn dụ để nói đến một bài học quan trọng. 5:29-30 không nói là mỗi con dân Chúa phải móc mắt hay chặt tay mình đi. Chúa muốn bảo các môn đệ phải vứt bỏ hết mọi sự có thể làm cho mình phạm tội. Đây có thể nói đến một thói quen. Có thể là một người bạn hay một điều gì đó cám dỗ người ta phạm tội. Nhưng ngay cả điều đó quan trọng đến mấy cũng phải từ bỏ. Đây có nghĩa là nếu một người không kiềm chế được điều làm cho mình phạm tội thì người ấy phải từ bỏ điều ấy trước khi bị hủy diệt hoàn toàn.

#### 5:29a

**Nếu con mắt bên phải gây cho con phạm tội:** Nói một cách khác là “nếu con phạm tội với con mắt bên phải” hay “nếu điều mắt con nhìn làm cho con phạm tội.” Nguyên nhân của tội không phải là con mắt nhưng là con người để cho mình nhìn vào và bắt đầu tham muốn điều mình không nên tham muốn. Đây vẫn còn ở trong ngữ cảnh nói về một người đàn ông nhìn người đàn bà một cách tham muốn.

**con:** Đức Giê-su nói với các môn đệ như nói với một người. Ngài đang dạy dỗ mỗi người, không phải chỉ như một nhóm. Nhưng hãy dùng đại từ nào nghe cho có vẻ tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

#### 5:29b

**vi thù một phần thân thể bị hủy hoại hơn là cả thân thể bị ném xuống hỏa ngục:** Toàn thể câu này so sánh ý tưởng này với ý tưởng khác. Có nghĩa là bạn sẽ phải chịu đau đớn để từ bỏ một điều mà bạn yêu thích nhưng nó làm cho bạn phạm tội. Nhưng nếu



5:26 *Thật, Ta bảo con, con không ra khỏi ngục cho đến khi trả hết đồng bạc cuối cùng.  
Con sẽ không ra được khỏi tù cho tới khi con trả hết mọi thứ con nợ.”*

**Tiểu đoạn 5:27-30 Đức Giê-su dạy về tội ngoại tình**

5:27a *“Các con đã nghe lời dạy rằng:  
Đức Giê-su phán: “Các con đã nghe điều răn:*

5:27b *‘Chớ ngoại tình.’  
‘Đừng giao hợp với người đàn bà có chồng.’  
-HAY-  
‘Đừng giao hợp với vợ người khác.’*

5:28a *Còn Ta dạy các con rằng: ‘Hễ ai nhỡn đàn bà với lòng tham muốn người ấy,  
Nhưng Ta bảo các con, một người đàn ông không được nhìn người đàn bà khác [không phải là vợ mình] và muốn giao hợp với người.  
-HAY-  
Nhưng Ta bảo các con, một người đàn ông không được nghĩ đến việc giao hợp với bất cứ người đàn bà nào khác.*

5:28b *thì đã ngoại tình trong lòng rồi.  
Nếu một người đàn ông nghĩ trong lòng như vậy, [thì cũng giống như ] đã ngoại tình với người đàn bà ấy.*

5:29a *Nếu con mắt bên phải gây cho con phạm tội, hãy móc mắt ấy ném xa khỏi con,  
[Nếu có một cái gì trong đời sống làm cho con phạm tội, hãy bỏ nó đi, dù là làm cho con đau đớn nhiều. Giống như ] móc một con mắt ra bởi vì nó khiến cho con nhìn và thích những điều gian ác.*

5:29b *vì thà một phần thân thể bị hủy hoại hơn là cả thân thể bị ném xuống hỏa ngục.  
Tốt hơn là mất một phần thân thể [bây giờ] còn hơn là để Đức Chúa Trời ném cả thân thể của con vào địa ngục [sau này].*

5:30a *Nếu tay phải gây cho con phạm tội, hãy chặt bỏ đi,  
[Hay giống như là] chặt bỏ bàn tay bởi vì nó làm cho con phạm tội.*

5:30b *vì thà một phần thân thể bị hủy hoại còn hơn là toàn thân đi vào hỏa ngục.  
Tốt hơn là chặt bỏ một phần thân thể còn hơn là mất cả thân thể trong địa ngục.”*

bạn tiếp tục phạm tội thì sẽ tổn thương nhiều hơn nữa vì bạn sẽ phải đi địa ngục. Tốt hơn là bạn mù mắt mà không phạm tội còn hơn là có mắt mà cứ tiếp tục phạm tội rồi phải đi địa ngục.

**bị ném xuống hỏa ngục:** Đức Chúa Trời và các thiên sứ của Ngài là người sẽ ném người ta xuống địa ngục. Hãy xem PKTCD.

**hỏa ngục:** Từ Hy-lạp *geenna* dùng ở đây muốn nói đến một chỗ trừng phạt trong đời sau (hãy xem 5:22).

**5:30**

Câu này và 5:29 có cùng một ý nghĩa nhưng có vài sự khác nhau. Một sự khác nhau đó là Đức Giê-su dùng một ẩn dụ khác. Thay vì “con mắt phải” Chúa dùng “bàn tay phải.”

Thay vì “móc ra” Chúa nói “chặt đi.” Và thay vì “bị ném vào địa ngục” Ngài nói: “đi địa ngục.” Sự khác biệt khác là con mắt tượng trưng cho cảm xúc hay sự ao ước, tham muốn hay suy nghĩ về một điều gì đó. Nhưng bàn tay tượng trưng cho hành động, làm một việc gì đó.

Đây là phong tục của người Do Thái nói hay viết về một điều bằng hai cách khác nhau gọi là “nói song đôi.” Nói hay viết như vậy làm cho rõ nghĩa và cho thấy là sự dạy dỗ là quan trọng. Nhưng có thể dùng hai ba cách khác nhau để nói cùng về một thứ nghe không được tự nhiên trong ngôn ngữ của

bạn. Sau đây là một cách khác để chuyển ngữ 5:29-30:

Nếu trong đời sống của con có một điều gì làm cho con phạm tội, hãy bỏ nó đi, mặc dù là bỏ nó đi làm cho con đau đớn lắm. Giống như là móc đi một con mắt bởi vì nó khiến cho con nhìn những điều tội lỗi và tham muốn chúng. Hay giống như là cắt đi một bàn tay bởi vì nó khiến cho con làm điều tội lỗi. Tốt hơn là mất một phần thân thể còn hơn là để Đức Chúa Trời ném cả thân thể vào địa ngục. Tốt hơn là nên bỏ một phần của đời sống để làm đẹp lòng Chúa còn hơn là mất cả đời sống trong hoả ngục

### Tiểu Đoạn 5:31-32 Đức Giê-su dạy về sự ly dị

Một chủ đề khác cho Tiểu Đoạn này là “Không được ly dị.”

#### 5:31a

**Cũng có lời dạy:** Có thể nói là: “Các người khác đã dạy,” hay “Các giáo sư Do Thái đã nói.” Đức Giê-su trích dẫn ở trong Phục Truyền 24:1 trong câu này, nhưng tất cả lời ở trong Ma-thi-ơ không giống y như ở trong Phục Truyền. Đây có cùng một ý nghĩa giống như trong 5:21: “...lời dạy cho người xưa rằng....” Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:21.

#### 5:31b

**Ai muốn bỏ vợ:** Theo phong tục Do Thái, chỉ có người chồng ly dị vợ. Người vợ không được ly dị chồng.

**bỏ vợ:** Từ Hy-lạp *apoluō* có nghĩa là “đuổi đi.” Trong câu này, có nghĩa là người chồng đuổi người vợ đi. Đời sống vợ chồng đã xong. Hai người được tự do.

**hãy cho nàng một giấy ly dị:** Người chồng phải cho người vợ một tờ giấy ly dị trước mặt hai nhân chứng. Giấy này nói rằng người đàn bà không còn kết hôn với người đàn ông nữa. (Hãy xem Ma-thi-ơ 19:3-9.) Giấy ly dị này làm cho người đàn bà được quyền lấy chồng khác.

#### 5:32a

**Nhưng Ta bảo các con:** Sự dạy dỗ của Đức Giê-su đi xa hơn là sự dạy dỗ của các giáo sư Do Thái. Những nhà lãnh đạo Do Thái

làm cho người đàn ông dễ ly dị vợ họ. Nhưng Đức Giê-su cho họ biết Đức Chúa Trời nghĩ gì về ly dị (hãy xem Ma-la-chi 2:16).

**Ngoại trừ trường hợp gian dâm:** Chỉ có một lý do Đức Chúa Trời cho phép người đàn ông ly dị vợ đó là nếu người đàn bà ngủ với một người đàn ông khác đang khi có chồng. Trong trường hợp đó Đức Giê-su nói người đàn ông có thể ly dị vợ, nhưng Ngài không nói là người ấy phải ly dị vợ.

#### 5:32b

**ai bỏ vợ là làm cho nàng trở nên người ngoại tình:** Khi người đàn ông ly dị vợ, điều này khiến cho người đàn bà muốn lấy chồng khác. Nếu bà lấy chồng khác trong khi chồng mình còn sống, cũng giống như bà ngoại tình vậy, vì đối với Đức Chúa Trời bà vẫn còn kết hôn với người chồng trước. (Hãy xem La-mã 7:2,3). Nếu người đàn ông ly dị vợ để lấy một người đàn bà khác, thì cũng giống như phạm tội ngoại tình. (Hãy xem Ma-thi-ơ 19:9.) Đức Chúa Trời muốn hai vợ chồng ở với nhau cho đến khi họ chết. Chúa coi hôn nhân là thánh khiết.

#### 5:32c

**còn ai cưới người bị ly dị, thì cũng phạm tội ngoại tình:** Đây muốn nói đến bất cứ người nào lấy một người đàn bà bị chồng ly dị.

### Tiểu đoạn 5:31-32 Đức Giê-su dạy về sự ly dị

- 5:31a *Cũng có lời dạy:*  
Đức Giê-su cũng nói: “Có người nói là
- 5:31b *‘Ai muốn bỏ vợ hãy cho nàng một giấy ly dị.’*  
‘Nếu một người muốn ly dị vợ mình, người ấy phải cho vợ một giấy ly dị tuyên bố rằng hai người không còn là vợ chồng nữa.’
- 5:32a *Nhưng Ta bảo các con: ‘Ngoại trừ trường hợp gian dâm,*  
Nhưng Ta bảo các con, [một người chỉ có thể ly dị vợ mình] nếu người ấy giao hợp với một người đàn ông khác.
- (Hàm ý:) [Người ấy không nên ly dị vợ mình về bất cứ lý do gì.]*
- 5:32b *ai bỏ vợ là làm cho nàng trở nên người ngoại tình;*  
Nếu người ấy [ly dị vợ vì bất cứ lý do gì], người ấy làm cho nàng phạm tội ngoại tình [nếu nàng lấy một người đàn ông khác.]
- 5:32c *còn ai cưới người bị ly dị, thì cũng phạm tội ngoại tình.*  
Nếu một người đàn ông lấy một người đàn bà bị chồng ly dị, [Đức Chúa Trời coi] người đàn ông ấy như là phạm tội ngoại tình.”

**phạm tội ngoại tình:** Đức Chúa Trời coi việc lấy một người đàn bà ly dị cũng giống

như người đàn ông ngủ với vợ của một người khác.

### Tiểu Đoạn 5:33-37 Đức Giê-su dạy về thể nguyện

Tiểu Đoạn này nói về một người thề để thuyết phục người khác tin là mình sẽ làm điều đã hứa. Khi người này thề họ thề trên tên của một đấng lớn hơn mình. Ru-tơ 1:17 cho thấy một thí dụ về lời thề: “Vị bầy có sự chi khác hơn sự chết phân cách tôi khỏi mẹ, nguyện Đức Giê-hô-va giáng hoạ cho tôi.” Lời thề để bảo đảm lời hứa. Trong CU dạy rằng người ta phải làm điều mình đã hứa. (Hãy xem Lê-vi-ký 19:12, Dân số 30:2, và Phục Truyền 23:21.)

Các chuyên gia Kinh Luật Do Thái nói có hai loại thề. Nếu một người dùng tên của Đức Chúa Trời mà thề thì phải giữ lời hứa. Nhưng nếu dùng tên của trời hay đất hay Giê-ru-sa-lem hoặc bất cứ một tên nào khác thì không phải giữ lời hứa. Nhưng Đức Giê-su dạy chúng ta không được thề.

Trong Ma-thi-ơ 5:33-37, điều chính Đức Giê-su nói đến là nói sự thật. Người ta hay nói dối quá đến nỗi người khác không tin mình nữa. Vậy nên khi muốn người ta biết chắc là mình nói sự thật người này thề. Nhưng Đức Giê-su nói rằng con dân Chúa lúc nào cũng phải nói sự thật. Vậy thì không cần phải thề nữa. Nếu chúng ta muốn nói “Có,” chúng ta chỉ cần nói “Có.” Nếu chúng ta muốn nói “Không,” chúng ta chỉ cần nói “Không.”

#### 5:33

Trong câu này Đức Giê-su cho thấy cách các nhà lãnh đạo Do Thái giải thích Kinh Luật của Môi-se. Nhóm từ “đừng bội lời thề” có lẽ muốn nói đến Lê-vi-ký 19:12. Nhóm từ

“Hãy hoàn thành lời hứa nguyện của con với Chúa” có lẽ muốn nói đến Dân số 30:2 và Phục Truyền 23:21. (Đức Giê-su giải thích ý nghĩa của những đoạn này, Ngài không trích dẫn từng từ một.) Nhưng các nhà lãnh đạo

Do Thái bỏ qua một phần của Dân số 30:3 nói: “Hoặc phát thẻ buộc lấy lòng mình phải giữ một sự gì, thì chớ nên thất tín.” Họ bỏ phần này đi để họ có thể bội lời thẻ.

### 5:33a

**Các con cũng nghe lời dạy cho người xưa rằng:** Đây có cùng một ý nghĩa với 5:21.

### 5:33b

**Đừng bội lời thẻ:** Có hai phần trong ý nghĩa của nhóm từ *Đừng bội lời thẻ*. a) Một người không nên hứa điều gì nếu họ không giữ được. Và b) Phải giữ lời hứa. Các chuyên gia Kinh Luật dùng nhóm từ “chỉ danh Ta” (Trong nhóm từ “Các người chớ chỉ danh ta mà thẻ đối” ở trong Lê-vi-ký 19:12). Họ dạy dỗ một cách sai lầm rằng một người chỉ phải giữ lời thẻ nếu người ấy dùng danh Chúa mà thẻ, còn nếu không dùng danh Chúa thì không phải giữ lời thẻ.

**lời thẻ:** Khi một người dùng danh Đức Chúa Trời mà thẻ, người ấy nói rằng Đức Chúa Trời làm chứng cho họ sẽ làm một việc gì hay đang nói sự thật. Hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ phạt họ nếu họ bội lời thẻ hay nói dối. Mục đích của lời thẻ là làm cho người ta tin tưởng rằng người ấy sẽ làm điều họ hứa.

### 5:33c

**hãy hoàn thành lời hứa nguyện của con với Chúa:** Đây có nghĩa là một người hứa, rồi họ thẻ trước mặt Chúa rằng họ sẽ làm điều đã hứa. Bởi vì có nhiều người hay nói dối quá nên đôi khi cần phải thẻ để cho người ta tin. Ngay cả khi Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham và dùng lời thẻ để cho thấy là chắc chắn điều đó sẽ xảy đến (Hê-bơ-rơ 6:13-17). Đức Chúa Trời không bao giờ nói dối. Nhưng Ngài thẻ để cho dân sự của Ngài tin.

### 5:34a

**nhưng Ta bảo các con:** Một lần nữa Đức Giê-su giải thích Kinh Luật đầy đủ hơn là các nhà lãnh đạo Do Thái. (Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:22.) Đức Chúa Trời muốn người ta luôn luôn nói thật, để họ không phải thẻ.

**Đừng thẻ gì cả:** Đây không nói là người ta không nên hứa hẹn gì. Đức Chúa Trời muốn

chúng ta hứa. Nhưng Ngài không muốn chúng ta phải thẻ. Chúng ta nên luôn luôn nói sự thật. Như vậy người ta sẽ biết nếu chúng ta có giữ lời hứa hay không. Nếu những người khác biết một người luôn luôn nói sự thật, người đó không phải thẻ trước mặt Đức Chúa Trời để bảo đảm rằng mình nói sự thật.

### 5:34b

**Đừng chỉ trời mà thẻ:** Đừng dùng từ “trời” mà thẻ. Một thí dụ về dùng trời mà thẻ “Nếu tôi mà không giúp anh thì trời sập!” Vì người ta không có ảnh hưởng gì trên trời và đất giống như người ta thẻ cả nên không nên dùng trời, đất mà thẻ.

**vì là ngai của Đức Chúa Trời:** Trời là nơi Đức Chúa Trời cai trị. Nếu một người chỉ trời mà thẻ cũng chẳng khác gì như dùng danh Chúa mà thẻ vì Đức Chúa Trời ngự ở trên trời và làm vua của thiên đàng.

### 5:35a

**Đừng chỉ đất mà thẻ:** “Đừng dùng tên ‘đất’ mà thẻ. Thí dụ: “Nếu tôi không làm điều tôi nói thì đất sập luôn.”

**vì là bệ chân của Ngài:** Cụm từ *bệ chân* tượng trưng cho đất là chỗ Đức Chúa Trời để chân khi Ngài ngồi trên ngai của Ngài ở trên thiên đàng. Theo quan niệm của người Trung Đông khi vua ngồi, đó là lúc vua cai trị. Vậy nên hàm ý là Đức Chúa Trời điều khiển trái đất. Nếu ai lấy đất mà thẻ cũng chẳng khác gì dùng danh Chúa mà thẻ.

### 5:35b

**đừng chỉ Giê-ru-sa-lem mà thẻ:** Đức Giê-su muốn nói: Đừng đứng quay mặt về Giê-ru-sa-lem rồi dùng tên ấy mà thẻ. Đừng dùng tên *Giê-ru-sa-lem* thay cho tên Chúa.

**vì là kinh thành của Vua lớn:** Tỉnh Giê-ru-sa-lem thuộc về Đức Chúa Trời, Vua Lớn. Nếu dùng tên Giê-ru-sa-lem mà thẻ thì cũng như dùng danh Chúa.

### 5:36a

**đừng chỉ đầu con mà thẻ:** Đừng chỉ ngay cả đầu mình mà thẻ. Một số người hay thẻ: “Tôi mà nói láo thì chặt đầu tôi đi.” Đây cũng giống như dùng mạng sống mình mà thẻ.

**Tiểu đoạn 5:33-37 Đức Giê-su dạy dỗ về sự thề nguyện**

- 5:33a *“Các con cũng nghe lời dạy cho người xưa rằng:  
[Đức Giê-su tiếp tục:] “Các con đã nghe một điều răn khác mà tổ tiên các con đã  
được dạy ngày xưa.*
- 5:33b *‘Đừng bội lời thề,  
‘Đừng quên lời thề.*
- 5:33c *nhưng hãy hoàn thành lời hứa nguyện của con với Chúa.’  
Thay vào đó, phải làm xong điều con đã hứa với Đức Chúa Trời là sẽ làm.’*
- 5:34a *nhưng Ta bảo các con: Đừng thề gì cả.  
Nhưng ta bảo các con: Đừng thề gì cả.*
- 5:34b *Đừng chỉ trời mà thề, vì là ngai của Đức Chúa Trời.  
Đừng dùng trời mà thề, bởi vì đó là nơi Đức Chúa Trời làm vua cai trị.*
- 5:35a *Đừng chỉ đất mà thề, vì là bệ chân của Ngài,  
Đừng dùng tên đất mà thề, bởi vì Đức Chúa Trời điều khiển trái đất.*
- 5:35b *đừng chỉ Giê-ru-sa-lem mà thề, vì là kinh thành của Vua lớn  
Đừng dùng tên Giê-ru-sa-lem mà thề, bởi vì đó là thành thuộc về Đức Chúa Trời,  
Đại Đế.*
- 5:36a *đừng chỉ đầu con mà thề,  
Đừng chỉ đầu con mà thề,*
- 5:36b *vì con không thể làm cho một sợi tóc thành trắng hay đen được.  
bởi vì con không thể đổi màu tóc ra thành trắng hay đen được.  
-HAY-  
bởi vì con không thể khiến cho mình trẻ hơn hay già đi được. [Đức Chúa Trời là  
Đấng điều khiển đời sống của con].*
- 5: 37a *nhưng phải thì nói phải, không thì nói không,  
Nếu các con nói ‘Phải,’ là ‘Phải.’ Nếu các con nói ‘Không,’ là ‘Không.’  
-HAY-  
Hãy nói thật.*

**5:36b**

***vì con không thể làm cho một sợi tóc thành trắng hay đen được:*** Chúng ta không có thể làm cho tóc chúng ta đổi màu được. Đây không có nghĩa là bạn không được nhuộm tóc. Có nghĩa là chính chúng ta không thể làm cho mình trẻ ra hay già đi được. Chỉ có Đức Chúa Trời quyết định bạn sống bao nhiêu lâu. Đầu, tóc, và mạng sống của bạn tùy thuộc Đức Chúa Trời.

**5:37a**

***phải thì nói phải:*** Khi muốn nói “Phải/có,” thì nói “Phải/có.” Đừng thề. Đừng thề để cho người ta tin rằng mình nói thật. Nếu họ hỏi bạn một câu và câu trả lời là “Phải/có,” thì chỉ nói “Phải/có.” Nếu bạn hứa một điều gì, chỉ cần nói “Được, tôi sẽ làm điều ấy.”

***không thì nói không:*** Khi bạn muốn nói “Không,” thì chỉ cần nói “Không.” Đừng

thê. Nếu người ta hỏi bạn một câu hỏi và câu trả lời là “Không,” thì chỉ cần trả lời “Không.”

### 5:37b

**thêm bất cứ điều gì đều từ quỷ mà đến:** Tất cả những điều thêm vào khác hơn là “có” hay “không” đến từ ma quỷ. Đây thường có nghĩa là những người này không hay nói thật. Ma quỷ là “cha của nói dối” (Giăng 8:44). Nó là kẻ cám dỗ người ta nói

đối. Đây là lý do nhiều người thê để cho người khác nghĩ là mình không nói dối. Đây không có nghĩa là việc thê trước tòa án là sai. Trong 5:33-37 Ngài nói với các môn đệ rằng họ không được thê trong khi nói chuyện thường ngày. Các con dân Chúa không được nhờ cậy vào lời thê để thuyết phục người nghe tin mình nói sự thật. Khi luật pháp của quốc gia đòi hỏi người ta phải thê một cách kính cẩn. Một cơ đốc nhân phải chắc chắn rằng điều mình nói là thật.

## Tiểu Đoạn 5:38-42 Đức Giê-su dạy không nên trả thù

Đức Giê-su dạy ở đây rằng con dân Chúa không nên trả thù. Khi có người phạm lỗi với mình phải bỏ qua. Ngay cả nếu một người đòi hỏi điều gì một cách vô lý, nên làm cho họ điều họ đòi hỏi (một cách có lý). Kết quả là người đó sẽ thấy cái tốt của con dân Chúa và thay đổi từ người xấu trở nên người tốt. Như vậy người đó sẽ không còn lý do gì để tiếp tục làm phiền con dân Chúa nữa. (Cũng hãy xem La-mã 12:19-21)

### 5:38a

**Các con nghe lời dạy rằng:** Cùng một ý nghĩa như của 5:27.

### 5:38b

**Mắt đền mắt, răng đền răng:** Đây là lời trích từ Xuất Ê-díp-tô ký 21:23-24 (“người sẽ lấy mạng thường mạng, lấy mắt thường mắt, lấy răng thường răng”). Đây có nghĩa là nhà cầm quyền phải trừng phạt một người thích đáng với điều người ấy làm cho người khác. Luật pháp này ngăn người ta trả thù cả gia đình hay cả làng khi chỉ có một người làm tổn thương. Đây là luật hướng dẫn các thẩm phán về cách trừng phạt người phạm lỗi, không phải là luật cho phép cá nhân làm như vậy cho bất cứ ai.

### 5:39

5:39-42 nói về bốn loại hành động khác nhau. Bắt đầu bằng một người đánh một người khác (39), rồi một người đem người ra kiện trước tòa (40). Rồi một nhà cầm quyền bắt ép một người làm một việc (41). Và sau cùng là một người xin một điều gì đó (42). Đức Giê-su dạy cách con dân Chúa phải đáp ứng khi một người làm những điều này cho mình.

### 5:39a

**nhưng Ta bảo các con:** Đây có cùng một ý nghĩa với 5:22, 28, 32, 34.

**Đừng chống cự kẻ ác:** Đừng chống trả lại với người phạm lỗi với mình. Đừng cố gắng trả thù. Hàm ý ở trong 5:39-42 có vẻ là một số người này phạm lỗi. Nhưng chúng ta không nên giận dữ hay nói “Không” với họ. Thay vào đó, chúng ta phải yêu mến và giúp đỡ họ. Việc trừng phạt người phạm lỗi với chúng ta là việc của luật pháp chứ không phải việc của con dân Chúa. Ý tưởng này được bày tỏ trong suốt 5:43-48. Châm ngôn 20:22 cũng dạy dỗ như vậy. “Đừng nói ‘Tôi sẽ trả thù anh’ Hãy chờ Chúa. Ngài sẽ xử.”

### 5:39b

**Nếu ai vả má bên phải:** Đây nói đến một người vả vào má bên phải của một người khác để sỉ nhục người. Theo phong tục Do Thái đây là một sự sỉ nhục lớn. Người bị đánh rất là nhục nhã ngay cả khi họ không có lỗi gì. Vậy nên Đức Giê-su muốn nói: “Nếu có người sỉ nhục con.”

**hãy đưa luôn má bên kia cho họ:** Hãy để họ đánh má bên kia luôn. Hãy để cho họ sỉ nhục nữa. Đừng làm nhục họ lại.

### 5:40a

**Nếu ai muốn kiện con để lấy áo ngắn:** Đây giống như là một người nói bạn có lỗi với họ

5:37b *thêm bớt bất cứ điều gì đều từ quỷ mà đến.*  
Nói thêm bớt đến từ ma quỷ.”

**Tiểu đoạn 5:38-42 Đức Giê-su dạy không nên trả thù**

5:38a *“Các con nghe lời dạy rằng:*  
Rồi Đức Giê-su phán: “Các con cũng nghe về điều răn:

5:38b *‘Mắt đền mắt, răng đền răng.’*  
‘Nếu ai làm hại răng hay mắt của người khác, thì người ấy phải đền bằng răng hay mắt của mình.’

5:39a *nhưng Ta bảo các con: ‘Đừng chống cự kẻ ác.*  
Nhưng Ta bảo các con đừng trả ác cho người làm ác cho con.

5:39b *Nếu ai vả má bên phải, hãy đưa luôn má bên kia cho họ.*  
Nếu có ai vả lên má [con, đừng vả má họ lại]. Hãy để cho họ vả má bên kia.

5:40a *Nếu ai muốn kiện con để lấy áo ngắn,*  
Nếu có người kiện con để lấy áo trong

5:40b *hãy để họ lấy luôn áo dài.*  
hãy cho họ áo ngoài luôn.

5:41 *Nếu ai bắt con đi một dặm, hãy đi với họ hai dặm.*  
Nếu ai bắt con vác một vật gì đi một cây số, [hãy vác vật đó] và đi hai cây số.

5:42a *Ai xin hãy cho;*  
Hãy cho người xin con giúp đỡ.

và xin quan toà bắt bạn phải trả cho ông ta một cái gì đó. Người ấy cố gắng bắt bạn trả để đền bù lại lỗi lầm.

**kiện:** *Kiện* xin toà phạt người làm lỗi.

**lấy áo ngắn:** Người ấy muốn lột áo của bạn để nộp phạt.

**áo ngắn:** Từ Hy-lạp *chiton* có nghĩa là “áo trong.” Đây là loại quần áo đàn ông và đàn bà mặc sát vào người.

**5:40b**

**hãy để họ lấy luôn áo dài:** Cho họ cả áo trong lẫn áo choàng ngoài. Đây là làm ngược lại với việc đi thưa kiện hay chống lại với người kiện mình. Tức là cho người ta nhiều hơn là họ đòi. Làm như vậy cũng có thể làm cho người ta nguôi giận và bạn sẽ không phải ra toà.

**áo dài:** Từ Hy-lạp *himation* có nghĩa là “áo choàng, áo ngoài.” Người nghèo dùng áo ngoài làm chân đạp vào ban đêm. Luật pháp định là nếu ai lấy áo ngoài của một người phải trả lại cho họ trước khi trời tối (Xuất Ê-díp-tô ký 22:26,27). Bản tiếng Việt dùng *áo dài* nhưng từ Hy-lạp có nghĩa là áo choàng người ta mặc ra ngoài cho ấm. Hãy xem CĐN.

**5:41**

**Nếu ai bắt con đi một dặm:** Đây muốn nói đến một người lính hay một người có quyền bắt một người khác giúp mình, có lẽ là mang vác một vật gì đó.

**dặm:** Đây là một đơn vị dùng để đo khoảng cách hồi xưa ở Việt Nam. Bạn có thể chuyển ngữ là “ki-lô-mét” hay “cây số.” Ý



chính ở đây là bạn vui lòng đi xa gấp đôi khoảng cách người kia đòi hỏi.

**hãy đi với họ hai dặm:** Đi xa hơn là người ấy đòi hỏi để giúp cho họ. Có nghĩa là vui lòng giúp đỡ, vì là con dân Chúa, ngay cả khi người đó không tử tế với mình.

### Tiểu Đoạn 5:43-48 Các tín hữu của nên yêu mến kẻ thù của mình

Tiểu Đoạn này tiếp tục chủ đề các con dân Chúa nên làm việc tốt cho người làm điều xấu cho mình. Các con dân Chúa phải yêu mến người ghét và cố gắng hại mình.

#### 5:43

**Các con có nghe lời dạy:** Đây có cùng một ý với 5:27, 38.

**Hãy thương người láng giềng:** Cụm từ *người láng giềng* thường hàm ý là một người Do Thái bởi vì Môi-se ban điều răn này cho người Do Thái. Bạn có thể diễn tả nhóm từ *Hãy thương người láng giềng* bằng nhiều cách. Thí dụ:

Hãy yêu mến đồng bào.

-HAY-

Hãy yêu mến bạn của mình, người sống gần với mình.

-HAY-

Yêu mến dân tộc của mình.

**thương:** Từ Hy-lạp *agapaō* có nghĩa là “yêu mến một người,” để “tỏ lòng tốt với một người.” Đây là từ Hy-lạp dùng cho loại tình yêu cao quý nhất. Có nghĩa là yêu một người ngay cả khi người ấy không tốt với mình. Đức Giê-su đang nói đến điều các giáo sư Do Thái dạy ở trong Lê-vi-ký. Lời Môi-se chép ở trong Lê-vi-ký 19:18 “Hãy yêu kẻ lân cận như mình.” Nhưng các giáo sư bỏ “như mình” ra. Vậy nên sự dạy dỗ của họ không mạnh như lời dạy của Môi-se.

**ghét kẻ thù địch:** Đây có nghĩa là ghét người chống lại và làm hại mình. Đây là điều các giáo sư Do Thái dạy. Nhưng những lời này không phải là lời được trích từ trong Cựu. Đây là tóm tắt của một đoạn như ở trong Thi Thiên 139:19-22.

#### 5:44a

**nhưng Ta bảo các con:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:22.

#### 5:42b

**ai muốn mượn gì:** Một người muốn mượn bạn một cái gì hay tiền bạc.

**dùng từ chối:** Dùng từ chối và nói “Không” với họ.

**Hãy yêu kẻ thù:** Hãy yêu những người chống lại mình. Hãy yêu người ghét mình. Mặc dù BDM đổi từ động từ “thương” qua “yêu” Đức Giê-su dùng cùng một từ Hy-lạp *agapaō* như ở trong 5:43. Bạn nên dùng cùng một động từ ở đây và 5:43.

Đức Giê-su không nói rằng các con dân Chúa phải yêu mến kẻ thù giống như là yêu bạn hữu hay gia đình. Nhưng các con dân Chúa nên đáp ứng với kẻ thù tử tế giống như cách Đức Chúa Trời yêu họ vậy. (Hãy xem La-mã 5:8)

#### 5:44b

**cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các con:** Cầu nguyện xin Đức Chúa Trời giúp đỡ người ta, ngay cả khi họ cố gắng hại mình. Xin Đức Chúa Trời ban phước cho kẻ làm điều xấu cho bạn. Đây là cùng một từ được dùng cho *bắt bớ* ở trong 5:10-12. Cũng hãy xem Sách Giải Nghĩa Cho Người Dịch của Lu-ca 6:27-28.

#### 5:45a

**các con trở nên con cái của Cha các con trên trời:** Điều này sẽ cho thấy một người thật sự thuộc về Đức Chúa Trời. “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của mình” (Giăng 3:16). Đức Giê-su yêu mến người làm hại Ngài. Nếu các con dân Chúa yêu người ghét mình, điều này cho thấy họ thật thuộc về Cha ở trên thiên đàng. Loại tình yêu thương này chỉ đến từ Đức Chúa Trời.

**Cha các con ở trên trời:** Vì Đức Giê-su đang nói, nên có thể dùng “Cha chúng ta ở trên trời.” Hãy xem PKTCD.



5:42b *ai muốn mượn gì, đừng từ chối.*  
Đừng nói ‘Không’ với những người muốn mượn đồ của con.”

**Tiểu Đoạn 5:43-48 Các tín hữu của nên yêu mến kẻ thù của mình**

5:43 *“Các con có nghe lời dạy: ‘Hãy thương người láng giềng và ghét kẻ thù địch.’*  
Đức Giê-su tiếp tục: “Các con đã nghe điều răn: ‘Hãy yêu mến bạn hữu và ghét kẻ thù.’

5:44a *nhưng Ta bảo các con: Hãy yêu kẻ thù*  
Nhưng Ta bảo các con: Hãy yêu kẻ thù

5:44b *và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các con*  
và cầu nguyện cho người làm tổn thương con.

5:45a *để các con trở nên con cái của Cha các con trên trời,*  
Nếu các con làm điều này sẽ cho thấy các con thật là con cái của Đức Chúa Trời, Cha của chúng ta trên thiên đàng.

5:45b *vì Ngài cho mặt trời soi trên kẻ ác cũng như người thiện và ban mưa cho người công chính cũng như kẻ bất chính.*  
Bởi vì Chúa khiến cho mặt trời soi sáng và trời mưa trên người ác cũng như người thiện.

*(Hàm ý:) [Chúa ban phước cho người phạm tội cũng như người làm điều phải.]*

*-HAY-*

*(Hàm ý:) [Chúa ban phước cho người làm điều ác cũng như làm điều thiện.]*

5:46a *Nếu các con chỉ thương người thương mình thì có gì đáng thưởng đâu.*  
Nếu các con chỉ yêu những người yêu các con, thì các con không được phần thưởng.  
*-HAY-*  
Nếu các con chỉ yêu người yêu các con, Đức Chúa Trời sẽ không ban thưởng cho các con.

**5:45b**

***Ngài cho mặt trời soi trên kẻ ác cũng như người thiện:*** Đức Chúa Trời khiến cho mặt trời soi sáng cả người ác lẫn người thiện. Đây muốn nói Đức Chúa Trời tử tế với tất cả mọi người. Nếu các con dân Chúa sẽ hành động giống như Cha của họ ở trên trời, thì họ cũng phải tử tế với người xấu cũng như người tốt.

***ban mưa cho người công chính cũng như kẻ bất chính:*** Đức Chúa Trời cũng ban mưa cho người công chính và trên người bất

chính. Đây là một ẩn dụ khác để nói Đức Chúa Trời ban phước cho tất cả mọi người. Chúa muốn con cái của Ngài cũng hành xử như vậy.

Bạn không cần phải theo đúng thứ tự của BDM. Bạn có thể nói “người thiện...người ác, người công chính...kẻ bất chính” mà ý nghĩa không thay đổi.

**5:46b**

**Ngay cả người thu thuế cũng chẳng làm như thế sao?:** Đây không phải là một câu hỏi thật. Đức Giê-su muốn nói: “Ngay cả người thu thuế cũng làm như vậy.” Ngay cả người bị gọi là gian ác và ích kỷ cũng yêu người yêu mình.

**người thu thuế:** Đây là những người đàn ông, thường là người Do Thái, thu thuế của người Do Thái và nạp cho các nhà cầm quyền La-mã. Họ thường thu thuế nhiều hơn là luật pháp đòi hỏi và giữ phần dư đó cho mình. Vì những lý do này các người Do Thái khác ghét người thu thuế. Trong đầu óc của người Do Thái những người thu thuế là những người xấu xa. Nếu nói ‘người thu thuế’ không làm cho rõ ý trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói là “các người thu thuế gian ác” hay “người gian ác.” Nếu bạn dùng ‘người thu thuế’ trong bản dịch của bạn, bạn có thể để lời chú thích ở cuối trang:

Người Do Thái thù ghét những người thu thuế và coi họ là phản quốc, và có lẽ là tội nhân tệ nhất. Họ thu thuế của người Do Thái cho người La-mã là những người cai trị họ lúc bấy giờ. Họ bắt buộc người Do Thái phải đóng thuế dù là trả thuế cho người ngoại quốc là trái với luật lệ của người Do Thái. Nhiều người thu thuế cũng không lương thiện và thường thu nhiều hơn là người La-mã đòi hỏi để có thể giữ số tiền thặng dư cho mình. Công việc của họ phải tiếp xúc với người không phải là người Do Thái, nên các người Do Thái cho họ là không hợp lệ để thờ phượng.

**5:47a**

**anh em mình:** Trong ngữ cảnh này nhóm từ *anh em mình* có nghĩa là “đồng bào Do Thái” hay “đồng hương.” Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:22, 24.

**thì có gì hơn ai đâu:** Những người nói tử tế với bạn hữu của mình không nên nghĩ rằng mình làm như vậy là người tốt. Tất cả mọi người ai cũng đều làm như vậy.

**5:47b**

**những người ngoại đạo cũng chẳng làm như thế sao?:** Đây cũng là một câu hỏi tu từ. Đức Giê-su hỏi để làm cho người nghe suy nghĩ. Chúa muốn nói: “Ngay cả những

người không biết Đức Chúa Trời cũng tử tế với bạn của mình.”

**người ngoại đạo:** Đây muốn nói đến những người không tin Chúa.

**5:48**

Câu này nối kết chủ đề từ 5:17 đến 5:47. Tất cả mọi điều Đức Giê-su nói trong những câu này cho thấy các con dân Chúa không nên hành động như những người không tin vào Đức Chúa Trời. Họ phải giống như Cha ở trên trời. (Hãy xem phần giới thiệu của Tiểu Đoạn 5:17-20.)

Trong bản Hy-lạp từ *humeis* “các con” được đặt ở đầu câu để nhấn mạnh. Đây là một cách nói mạnh mẽ về việc các môn đệ của Đức Giê-su phải khác hơn các chuyên gia Kinh Luật. “Chính các con phải toàn hảo.” Có thể trong ngôn ngữ của bạn có cách để diễn tả sự nhấn mạnh này.

**5:48**

**Thế thì:** Có nghĩa là: “bởi vì những điều Ta vừa nói là thật, các con phải hành động như sau.”

**toàn hảo:** Từ Hy-lạp *teleios* có nghĩa là “trọn vẹn” hay “lớn đầy đủ.” Trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là nhất trí (để biết hoặc làm một điều đúng). Một người là “teleios” nếu người ấy hoàn tất mục đích mà Đức Chúa Trời sáng tạo ra người đó. Các con dân Chúa không nên vâng lời hay cố gắng giống như Chúa một cách nửa vời. Mặc dù không ai có thể toàn hảo trong cuộc đời ở trên đất này, các con dân Chúa nên đặt mục tiêu là trở nên giống như Đức Chúa Giê-su: có cá tính toàn hảo. Đây là cơ bản của sự cứu rỗi của các con dân Chúa. Đó là vấn đề những người đã được cứu vâng lời Chúa.

Trong ngữ cảnh của Ma-thi-ơ chương 5, câu 48 hàm ý rằng chúng ta nên yêu người khác một cách toàn hảo như Chúa đã làm. Chúng ta không nên suy nghĩ như trẻ con. Chúng ta cũng không nên hành động như người Do Thái chỉ vâng theo một luật lệ chứ không vâng lời Đấng ban luật lệ ấy. Chúng ta nên hết lòng yêu mến và vâng lời Đức Chúa Trời.

**như Cha các con ở trên trời là Đấng toàn hảo:** Đức Chúa Trời là toàn hảo trong

- 5:46b *Ngay cả người thu thuế cũng chẳng làm như thế sao?*  
Ngay cả những người thu thuế cũng yêu những người yêu họ.
- 5:47a *Nếu các con chỉ chào đón anh em mình mà thôi, thì có gì hơn ai đâu,*  
Nếu các con chỉ tử tế với bạn hữu của mình, các con có tốt gì hơn người khác đâu.
- 5:47b *những người ngoại đạo cũng chẳng làm như thế sao?*  
Ngay cả những người không thuộc về Đức Chúa Trời cũng tử tế với bạn hữu của mình.
- 5:48 *Thế thì, các con hãy toàn hảo, như Cha các con ở trên trời là Đấng toàn hảo.*  
Vậy nên chính các con phải toàn hảo như Cha các con ở trên trời là toàn hảo.  
-HAY-  
Vậy nên chính các con phải hoàn toàn công chính giống như Chúa Cha vậy.

việc của Ngài làm. Đức Chúa Trời biết chúng ta sẽ không toàn hảo trong đời này. Nhưng mục tiêu của sự suy nghĩ và cách sống của chúng ta phải là trở nên giống như Cha ở trên trời.

**Cha các con:** Đức Giê-su đang nói và kể cả chính Ngài nên có thể chuyển ngữ là

“cha của chúng ta ở trên trời.” Hãy xem PKTCD. Câu này tóm tắt ý chính của 5:17-47. Chúng ta nên suy nghĩ và đối xử với người khác một cách thánh khiết và yêu thương như Cha thiên thượng đã làm vậy.

### 6:1-18

Phần đầu của chương 6 (câu 1-18) nói về phần thưởng. Đức Giê-su dạy các môn đệ suy nghĩ về lý do họ làm mọi công việc. Lý do họ nên làm là bởi vì họ yêu mến Đức Chúa Trời và con người, chứ không phải để cho người ta khen thưởng họ. Trong 6:1-18 Đức Giê-su dạy về ba điều tốt rất quan trọng cho các nhà lãnh đạo Do Thái. Đó là: 1) bố thí cho người nghèo 2) cầu nguyện và 3) kiêng ăn. Đây là những công việc làm tốt, nhưng Đức Giê-su giải thích có một số người làm những việc tốt này với lý do sai lầm. Chúa nói đến và giải nghĩa về lý do tốt mà họ nên có.

Trong phần thứ nhì của chương 6 (các câu 19-34) Đức Giê-su nói về phương cách đúng để có những vật họ cần. Họ nên nhờ cậy Đức Chúa Trời. Tiền bạc không thể ban cho họ tất cả những thứ họ cần. Những người khác lo tìm kiếm và có được những thứ họ cần (6:32). Nhưng các môn đệ không được nghĩ đến việc tích trữ của cải (6:19) để có những điều họ cần ở trong tương lai. Họ phải tin cậy Đức Chúa Trời giúp đỡ cho họ có những thứ cần dùng hằng ngày (6:11) trong khi họ tìm kiếm vương quốc và sự công chính của Ngài (6:33).

### Tiểu Đoạn 6:1-4 Bố thí cho người nghèo

Trong 6:1 Đức Giê-su giới thiệu chủ đề về sự ban thưởng mà Chúa nói đến ở trong 6:2-18. Nhưng trong 6:2-4 Ngài nói đến cách các môn đệ nên hành xử khi họ bố thí cho người nghèo, và phần thưởng mà họ nên mong đợi. Chúng ta không nên bố thí cho người nghèo để chứng tỏ mình là người tốt. Chúng ta nên làm một cách kín đáo. Phần thưởng của chúng ta cho việc bố thí phải đến từ Đức Chúa Trời chứ không phải từ con người.

**6:1** Đừng làm việc thiện để phô trương cho người ta thấy

Câu này không nói rằng chúng ta không nên làm việc thiện, nhưng chúng ta không nên làm vì lý do không đúng. Hãy xem Lời Giải Nghĩa ở trong 5:16.

### 6:1a

**Các con hãy thận trọng ...:** Hãy cẩn thận để chúng ta không hành xử như vậy. Đức Giê-su đang cảnh cáo các môn đệ về thái độ không tốt. Họ phải cẩn thận để không làm như vậy.

**việc công đức của mình:** Đây muốn nói đến bốn phận tôn giáo của họ, những việc họ làm vì tôn giáo. Cũng có thể gọi những việc này là “việc thiện.” Những công việc này có thể công chính dưới mắt loài người, nhưng không công chính trước mắt Đức Chúa Trời.

**đừng phô trương cho người ta thấy:** Làm việc thiện chỉ để người ta khen là công chính là một động cơ sai lầm.

### 6:1b

**nếu không:** Đây có nghĩa là: “Nếu các con làm các việc thiện để cho người ta thấy ....”

**các con sẽ không được Cha các con ở trên trời ban thưởng:** Bạn sẽ không được phần thưởng gì từ Đức Chúa Trời, Cha của chúng ta ở trên trời.

**Cha các con:** Hãy xem PKTCD và Lời Giải Nghĩa của 5:48a.

**6:2-4** Hãy bố thí cho người nghèo cách kín đáo

### 6:2a

**Vì thế:** Cụm từ này nối kết ý tưởng ở trong 6:1 và 6:2. Bạn có thể chuyển ngữ *Vì thế* là “Thí dụ.”

**khi con làm việc từ thiện:** Đức Giê-su muốn nói đến người ta cho tiền hay vật gì đó để giúp đỡ những người nghèo. Điều Ngài nói áp dụng cho việc bố thí cho người nghèo.

**con:** Điều Đức Giê-su đang nói áp dụng cho tất cả mọi người. Bạn phải quyết định xem nên dùng “con (số ít)” hay “các con (số nhiều)” để làm rõ ý trong ngôn ngữ của bạn.

### 6:2b

**đừng thổi kèn trước mặt thiên hạ:** Đức Giê-su không nói là người ta thật sự thổi kèn khi người ta bố thí cho người nghèo. Nghĩa chính ở đây là: “Đừng làm như vậy để trình diễn.” Đừng bảo người ta phải nhìn xem mình làm việc thiện. Các con dân Chúa không được làm như vậy “để được người ta tôn trọng” (hãy xem phần dưới đây).

### 6:2c

**như phường đạo đức giả thường làm:** Họ không được hành xử như những người giả bộ là công chính nhưng thật ra họ rất là xấu. Một số người Do Thái bố thí cho người nghèo để người ta có thể thấy họ.

**hội đường:** *Hội đường* là các nơi nhóm họp của người Do Thái, chỗ họ thờ phượng Đức Chúa Trời. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 4:23.

**để được người ta khen ngợi:** Khi họ bố thí cho người nghèo, họ không nên làm để người khác sẽ *khen ngợi* và cho là họ tốt.

### 6:2d

**Thật:** Từ này có cùng một ý nghĩa như ở trong 5:18.

**họ đã nhận đủ phần thưởng của mình rồi:** Họ đã nhận được phần thưởng của mình rồi. Những người này nghĩ rằng Đức Chúa Trời và những người khác sẽ khen ngợi họ vì họ bố thí cho người nghèo. Nhưng Đức Chúa Trời biết rằng họ chỉ làm để có tiếng tốt cho họ. Họ không bố thí vì họ yêu mến Chúa hay người nghèo. Phần thưởng của họ chỉ là sự khen ngợi của người ta thôi.

### 6:3

**Nhưng:** Từ này cho thấy là 6:3, 4 có một ý nghĩa khác hay đối lại với 6:1,2. 6:1, 2 cho chúng ta thấy điều mình không nên làm. 6:3, 4 cho thấy điều chúng ta nên làm (bố thí cho người nghèo cách kín đáo).

**con:** Trong bản Hy-lạp từ *con* được đặt ở đầu của câu để nhấn mạnh. Có nghĩa là “Nhưng còn phần con (mỗi môn đệ), khi con bố thí ....”

**đừng cho tay trái biết tay phải làm gì:** Nhóm từ này có nghĩa là khi người ta bố thí cho người nghèo, không nên nói cho ngay cả người bạn thân của mình biết.

*(Hàm ý:) [Các con nên yêu thương mọi người ta như Chúa yêu họ vậy.]*

**Tiểu đoạn 6:1-4 Bối cảnh cho người nghèo**

- 6:1a *“Các con hãy thận trọng về việc công đức của mình, đừng phô trương cho người ta thấy,*  
Đức Giê-su phán: “Khi các con làm các bổn phận tôn giáo của mình, đừng làm chỉ để cho người ta thấy [và tôn trọng mình].  
-HAY-  
Đức Giê-su phán: “Các con không được làm điều thiện để cho người ta biết và khen ngợi mình.
- 6:1b *nếu không, các con sẽ không được Cha các con ở trên trời ban thưởng.*  
Nếu các con làm như vậy, Cha chúng ta ở trên trời sẽ không ban thưởng cho các con.
- 6:2a *“Vì thế, khi con làm việc từ thiện,*  
Thí dụ khi con làm một việc gì giúp người nghèo,
- 6:2b *đừng thổi kèn trước mặt thiên hạ*  
đừng tuyên bố trước mặt mọi người [để tất cả mọi người đều biết].  
-HAY-  
đừng khoe một cách lộ liễu.
- 6:2c *như phường đạo đức giả thường làm trong hội đường và ngoài phố để được người ta khen ngợi.*  
Đừng giống như những người giả bộ yêu mến Đức Chúa Trời. Họ bố thí cho người nghèo ở tại hội đường và trên đường phố để người ta sẽ khen họ.
- 6:2d *Thật, Ta bảo các con, họ đã nhận đủ phần thưởng của mình rồi.*  
Ta bảo đảm với các con, họ đã nhận tất cả phần thưởng của họ rồi.  
-HAY-  
Họ đã nhận được phần thưởng từ người ta, Ta bảo đảm với các con rằng [Đức Chúa Trời sẽ không ban thưởng cho họ].
- 6:3 *Nhưng khi con làm việc từ thiện, đừng cho tay trái biết tay phải làm gì,*  
Nhưng về phần các con, khi các con bố thí cho người nghèo, hãy làm cách kín đáo đến nỗi [ngay cả bạn thân của con cũng không biết].  
-HAY-  
Nhưng khi các con cho [tiền] người nghèo, hãy làm cách [kín đáo].
- 6:4a *để việc từ thiện của con được giữ kín;*  
Như vậy, khi con bố thí không ai biết.  
-HAY-  
Như vậy, người khác sẽ không biết con đã [giúp đỡ người nghèo].

**6:4a**

**để việc từ thiện của con được giữ kín:** Cụm từ *giữ kín* không có nghĩa là điều ấy không

hợp pháp hay có hại. Đây có nghĩa là một việc tốt nhưng làm đừng để cho người ta biết.

**6:4b**

**Cha con... sẽ thưởng cho con:** Nếu bạn bố thí một cách kín đáo, Cha chúng ta ở trên trời, sẽ ban thưởng cho bạn. (Hãy xem 6:1)

**là Đấng thấy trong nơi kín đáo ấy:** Đức Chúa Trời thấy điều bạn làm ngay cả khi người ta không thấy.

**Tiểu Đoạn 6:5-15 Cầu nguyện với Đức Chúa Trời**

Trong những câu này, Đức Giê-su dạy các môn đệ cách họ nên cầu nguyện. Họ không nên cầu nguyện để cho người ta thấy và khen họ. Họ nên cầu nguyện trong buồng riêng. Họ không nên cầu nguyện dài và lặp đi lặp lại. Đức Giê-su cho họ biết điều họ nên cầu nguyện. Đây gọi là “Bài cầu nguyện chung” (6:9-13). Sau hết, Đức Giê-su dạy rằng khi các con dân Chúa xin Đức Chúa Trời tha thứ cho họ, họ phải tha thứ cho người khác.

**6:5-6 Cầu nguyện riêng với Chúa**
**6:5a**

**Khi các con cầu nguyện:** Đây muốn nói đến khi các con dân Chúa cầu nguyện với Đức Chúa Trời.

**đừng như bọn đạo đức giả:** Đừng cầu nguyện giống như những người cầu nguyện để làm cho người khác khâm phục cách mình hầu việc Chúa (hãy xem 6:2).

**6:5b-c**

**vì họ thích đứng cầu nguyện... cho người ta thấy:** Họ thích cho người khác thấy họ cầu nguyện. Họ cầu nguyện nơi đông người để được khen ngợi.

**đứng cầu nguyện trong hội đường:** Người Do Thái thường cầu nguyện đứng, giơ tay lên và cúi đầu xuống. Họ đứng cầu nguyện trong nhà thờ trong các buổi nhóm. Đôi khi có người đứng ngay ở thêm cửa để cho người đi qua thấy họ cầu nguyện.

**hay nơi quảng trường:** Họ cũng thích cầu nguyện ở ngã tư đông người qua lại. Người Do Thái thường cầu nguyện vào lúc 9 giờ sáng, 12 giờ trưa và 3 giờ chiều. Một số người họ phải biết chắc rằng có người thấy họ cầu nguyện vào những giờ trên.

**6:5d**

**Thật, Ta bảo các con, họ đã nhận đầy đủ phần thưởng của mình rồi:** Đây có cùng một ý nghĩa với 6:2.

**6:6a**

**Riêng phần con:** Từ *con* được nhấn mạnh ở đây cũng như ở trong 6:3. Có nghĩa là “Nhưng

còn *con*, khi *con* cầu nguyện.” Đức Giê-su muốn các môn đệ của Ngài cầu nguyện khác hơn là những người đạo đức giả.

**hãy vào phòng riêng đóng cửa lại:** Đây không có nghĩa là người ta chỉ cầu nguyện ở trong phòng riêng. Nhưng Chúa muốn nói là họ nên cầu nguyện riêng tư hơn là trước mặt mọi người.

**phòng riêng:** Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là một phòng ở phía trong giống như nhà kho. Thường đây là phòng duy nhất trong nhà có cửa có thể đóng lại được. Nếu phòng ở trong nhà ở địa bàn của bạn không có cửa, bạn có thể nói: “hãy đi vào trong nhà mà cầu nguyện một mình.”

**6:6b**

**cầu nguyện với Cha con:** Cầu nguyện với Đức Chúa Trời là Cha ở trên trời.

**Đấng trong nơi kín đáo:** Trong bản Hy-lạp dùng “Đấng ở trong nơi kín đáo.” Có thể giải thích cụm từ này theo hai cách:

- (1) Đấng ở trong nơi kín đáo (BDM, BDC)
- (2) Cách kín đáo, riêng tư (BDY)
- (3) Đấng người ta không thấy được

Cách giải thích thứ nhất phù hợp với văn phạm Hy-lạp và ngữ cảnh nhất.

**6:6c**

**Đấng thấy trong nơi kín đáo:** Đức Chúa Trời thấy điều người ta làm khi những người khác không thấy.

**6:6d**

**sẽ thưởng cho con:** Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho người cầu nguyện như vậy bởi vì họ không tìm sự khen ngợi cho chính mình.

6:4b và Cha con là Đấng thấy trong nơi kín đáo ấy, sẽ thưởng cho con.  
Thì Cha [các] con ở trên thiên đàng sẽ ban thưởng cho các con, bởi vì Ngài thấy việc con làm ngay cả khi người khác không thấy.”

**Tiểu đoạn 6:5-15 Cầu nguyện với Đức Chúa Trời**

6:5a “Khi các con cầu nguyện, đừng như bọn đạo đức giả,  
Đức Giê-su phán: “Khi các con cầu nguyện [với Đức Chúa Trời], đừng cầu nguyện giống như những người giả bộ hầu việc Chúa.

6:5b vì họ thích đứng cầu nguyện trong hội đường hay nơi quảng trường  
Họ thích đứng và cầu nguyện trong các hội thánh của người Do Thái và ở ngã tư, [là chỗ đông người].

6:5c cho người ta thấy.  
Họ cầu nguyện trước mặt người ta để cho người ta sẽ thấy và khen ngợi họ.

6:5d Thật, Ta bảo các con, họ đã nhận đầy đủ phần thưởng của mình rồi.  
Ta đảm bảo với các con, họ đã nhận được phần thưởng của họ rồi.  
-HAY-  
Họ đã nhận được phần thưởng của con người, [Đức Chúa Trời sẽ không ban thưởng cho họ.]

6:6a Riêng phần con, khi cầu nguyện, hãy vào phòng riêng đóng cửa lại,  
Nhưng khi các con cầu nguyện, hãy đi vào phòng và đóng cửa lại.

6:6b cầu nguyện với Cha con, là Đấng ở trong nơi kín đáo  
Hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời, Cha chúng ta là Đấng ở trong chỗ kín đáo.

6:6c và Cha con, là Đấng thấy trong nơi kín đáo ấy  
Ngài thấy việc các con đang làm khi những người khác không thấy.

6:6d sẽ thưởng cho con.  
Ngài sẽ ban thưởng cho các con [và trả lời sự cầu nguyện của các con].”

6:7a Khi cầu nguyện đừng lập đi lập lại  
[Đức Giê-su phán:] Khi các con cầu nguyện, đừng lập đi lập lại không suy nghĩ về điều mình đang cầu nguyện.  
-HAY-  
Khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời đừng dùng những lời vô nghĩa.

6:7-8 Đừng cầu nguyện như những người không biết Đức Chúa Trời

*battalogeō* dùng ở đây có nghĩa là “dùng nhiều lời.” Đây hàm ý nói mà không suy nghĩ.

**6:7a**

**đừng lập đi lập lại:** Đừng lập đi lập lại lời cầu nguyện mà không biết mình nói gì. Từ Hy-lạp

**6:7b**

**người ngoại:** Đây là những người không thờ phượng Đức Chúa Trời.

**6:7c**

**vì họ tưởng cầu nhiều lời:** Họ nghĩ rằng thân của họ sẽ nghe bởi vì họ cầu nguyện dài. Đây cũng hàm ý là lập đi lập lại cùng một lời nói.

**sẽ được nhậm:** Họ làm như vậy vì nghĩ rằng Đức Chúa Trời (hay thân của họ) thích lời cầu nguyện như vậy. Không rõ ai là người nghe lời cầu nguyện của họ:

- (1) Thân linh mà họ đang thờ lạy
- (2) Đức Chúa Trời

Dường như ý nghĩa (1) đúng hơn vì Đức Giê-su nói họ là những người không biết và không thờ lạy Đức Chúa Trời.

**6:8**

**đừng bắt chước họ:** Đừng cầu nguyện giống như họ (hãy xem 6:5)

**vì Cha biết các con cần gì:** Đức Chúa Trời biết các điều chúng ta cần. Bạn không cần phải cầu nguyện như những người ngoại để Ngài nghe chúng ta. Chúa đã biết rồi.

**trước khi các con cầu xin:** Đức Chúa Trời biết điều bạn cần trước khi bạn cầu nguyện xin Ngài.

**6:9-13 Bài cầu nguyện chung**

Có bảy phần trong bài cầu nguyện ở Ma-thi-ơ 6:9-13. Phần mở đầu (9a), và sáu điều cầu xin (9b,10a,10b, 11,12,13). Trong một vài bản thảo cổ, bài cầu nguyện có lời chấm dứt. BDM không có lời kết luận nhưng BDC để vào trong ngoặc vuông “Vì nước, quyền, vinh-hiến đều thuộc về Cha đời đời. Amen.” Bài cầu nguyện ở trong 6:9-13 được gọi là “Bài cầu nguyện chung” hay “Bài cầu nguyện của Chúa.”

**6:9a**

**Các con hãy cầu nguyện như thế này:** Đây là một thí dụ về cách các môn đệ nên cầu nguyện. Đức Giê-su không nói rằng phải cầu nguyện bằng lời giống y như vậy, nhưng Ngài cho các môn đệ một bài cầu nguyện mẫu mà Chúa đẹp lòng. Có thể bài cầu nguyện chung đã được chuyển ngữ qua ngôn ngữ của bạn

rồi. Bạn nên nói chuyện với những người khác để xem có nên thay đổi, hoặc thay đổi bao nhiêu.

**6:9b**

**Lạy Cha chúng con ở trên trời:** Đây có nghĩa là: “Đức Chúa Trời Cha chúng con ở trên trời.” Đức Giê-su bắt đầu bài cầu nguyện bằng những lời này. Chúa dạy các môn đệ cách họ nên cầu nguyện.

**Danh Cha được tôn thánh:** Trong KT danh của một người là biểu hiệu của chính người đó. Trong ngữ cảnh này Đức Giê-su đang cầu nguyện cho Đức Chúa Trời *được tôn thánh*.

**được tôn thánh:** Cụm từ này được chuyển ngữ từ *hagiazō* trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “được coi là thánh khiết.” Động từ này cũng có thể chuyển ngữ là “kính sợ” hay “tôn trọng.” Động từ trong bản Hy-lạp cũng hàm ý rằng Đức Chúa Trời đáng được tôn trọng bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời, tức là Đức Chúa Trời thánh khiết. Vậy nên có thể giải thích nhóm từ này là “Đức Chúa Trời *được tôn thánh* bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời thánh khiết.” Nếu trong ngôn ngữ của bạn khó mà chuyển ngữ từ “thánh khiết” bạn có thể dùng: Nguyện xin Cha nhận sự tôn kính vì Cha là Đức Chúa Trời.

Nhóm từ này không nói ai nên tôn thánh danh của Đức Chúa Trời nhưng có thể có nghĩa là “chúng ta,” tức là những người đang cầu nguyện, hay “tất cả mọi người.” Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải có một chủ từ bạn có thể chuyển ngữ như sau:

Nguyện xin mọi người tôn trọng Cha vì Cha là Đức Chúa Trời thánh khiết

-HAY-

Nguyện xin chúng con tôn kính Cha bởi vì Cha là Đức Chúa Trời.

**6:10a**

**Nước Cha được đến:** Có nghĩa là: “Xin thời gian mà Chúa cai trị mau đến.” Đây không nói về việc Đức Chúa Trời hay nước của Ngài di chuyển. Có nghĩa là chúng ta nên cầu nguyện để Chúa sẽ làm vua và thiết lập nước Ngài trên đất.

**6:10b**

**Ý Cha được nên:** Ý Cha nói đến điều Chúa muốn làm hay muốn cho xảy ra. *Được nên* là



- 6:7b *như người ngoại,*  
Những người không biết Chúa cầu nguyện [lập đi lập lại]
- 6:7c *vì họ tưởng cầu nhiều lời sẽ được nhậm.*  
bởi vì họ tưởng làm như vậy [thì thần linh] của họ thích nghe.  
-HAY-  
bởi vì họ nghĩ thần linh sẽ cho điều họ cầu xin vì họ nói nhiều trong khi cầu nguyện.
- 6:8 *Vậy, đừng bắt chước họ, vì Cha biết các con cần gì trước khi các con cầu xin.*  
Đừng cầu nguyện giống như họ vậy, bởi vì Đức Chúa Trời Cha của các con đã biết điều các con cần trước khi các con cầu xin.”
- 6:9a *Các con hãy cầu nguyện như thế này:*  
Đức Giê-su tiếp tục phán: “Các con nên cầu nguyện như thế này:
- 6:9b *‘Lạy Cha chúng con ở trên trời, Danh Cha được tôn thánh,*  
‘Lạy Cha chúng con ở trên trời, nguyện xin người ta tôn vinh Cha là thánh.  
-HAY-  
‘Lạy Cha chúng con ở trên trời, xin chúng con tôn kính Cha vì Cha là thánh.
- 6:10a *Nước Cha được đến,*  
Xin Cha làm vua của [tất cả mọi người].  
-HAY-  
Xin Cha cai trị như là vua của [chúng con].
- 6:10b *Ý Cha được nên, ở đất như ở trời.*  
Xin cho chúng con những người ở trên đất làm theo ý Cha giống như những người ở trên trời vậy.  
-HAY-  
Các thiên sứ làm theo ý Cha ở trên trời, xin cho chúng con làm theo ý Cha ở trên đất.  
-HAY-  
Xin khiến cho người ta vâng lời Cha giống như các thiên sứ vâng lời vậy.
- 6:11 *Xin cho chúng con hôm nay thức ăn đủ ngày.*  
Xin cho chúng con thức ăn cần có cho ngày hôm nay.  
-HAY-  
Xin cung cấp cho chúng con thức ăn chúng con cần mỗi ngày.

một động từ thụ động nên không rõ ai là người làm cho ý Đức Chúa Trời được *nên*. Hàm ý người cầu nguyện xin Đức Chúa Trời khiến cho hay giúp cho người ta vâng lời Chúa để ý muốn của Chúa được hoàn thành. Người cầu nguyện cũng hàm ý xin Chúa cho mình làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

**ở đất như ở trời:** Nhóm từ này có nghĩa là các thiên sứ [sống ở trên thiên đàng] làm

mọi việc mà Đức Chúa muốn [những người ở dưới đất] này cũng làm.

### 6:11

***Xin cho chúng con hôm nay thức ăn đủ ngày:*** Đây không có nghĩa là con người không phải làm việc để kiếm thức ăn. Điều này có nghĩa là người ta nên xin Đức Chúa Trời giúp mình có điều mình cần mỗi ngày.

**6:12b**

**như chính chúng con cũng tha kẻ mắc tội với chúng con:** Đức Giê-su muốn nói: “Hãy tha thứ cho chúng con giống như chúng con tha thứ những người làm lỗi với chúng con. Hãy xem 6:14,15.

**kẻ mắc tội:** Đây muốn nói đến những người có lỗi với người khác.

Trong 6:14-15, Đức Giê-su dạy nhiều hơn về tha thứ cho nhau.

**6:13a**

**Xin đừng để chúng con sa vào chước cám dỗ:** BDC dùng: “Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ.” Đức Giê-su đang dạy họ xin Đức Chúa Trời đừng để họ ở trong hoàn cảnh quá khó khăn khiến họ phải phạm tội.

Đức Giê-su đang dạy các môn đệ cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ không cho phép một điều gì hay một ai thử thách họ quá sức hoặc cám dỗ họ phạm tội. Chính Đức Chúa Trời không bao giờ cám dỗ ai phạm tội. Gia-cơ 1:13 nói rõ về điều này. Nhưng đôi khi các môn đệ cần phải bị thử thách để kinh nghiệm được quyền năng của Đức Chúa Trời giúp đỡ họ. Chính Đức Giê-su và môn đệ của Ngài cũng bị thử thách (Lu-ca 4:1-12). Đức Giê-su ra lệnh cho những môn đệ của Ngài cầu nguyện để Đức Chúa Trời không để họ ở trong những hoàn cảnh bị cám dỗ phạm tội.

**chước cám dỗ:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của “cám dỗ” (4:1).

**6:13b**

**nhưng:** Phần thứ nhì của câu này có ý nghĩa gần giống như phần đầu của câu, chỉ nói bằng cách khác nhau. “Xin đừng để chúng con sa vào chước cám dỗ, *nhưng* cứu chúng con khỏi kẻ ác.”

**cứu chúng con khỏi Kẻ ác:** Giải cứu chúng ta khỏi kẻ ác muốn cho chúng ta phạm tội.

**Kẻ ác:** Đây muốn nói đến Sa-tan, quỷ vương, Kẻ Cám Dỗ.

**a-men:** Xin hãy xảy ra như vậy. Mặc dù đa số các bản dịch không có chữ “a-men” tốt hơn nên có ở đây để cho thấy là lời cầu nguyện đã chấm dứt.

Một số bản thảo Hy-lạp thêm vào 6:13. Cả hai BDM và BDY không chuyển ngữ phần này. BDC để ở trong ngoặc vuông. Nếu bạn muốn chuyển ngữ có thể dùng: “vì nước, quyền, vinh hiển thuộc về Cha đời đời. A-men.” Một cách dịch khác là “vì Cha là Vua Toàn Năng Vinh hiển đời đời. A-men.”

## 6:14-15 Tha thứ cho người khác

**6:14a**

**(BDC) Vả:** Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu với từ mà BDC chuyển ngữ là *Vả*. Đức Giê-su muốn giải thích tại sao họ nên tha thứ nên có thể dùng “vì.” Cả BDM và BDY không chuyển ngữ từ này.

**6:14b**

**thì Cha các con ở trên trời cũng sẽ tha cho các con:** Đức Chúa Trời, Cha trên trời, cũng sẽ tha thứ chúng ta khi chúng ta làm lỗi.

**6:15a**

**(BDY) Nhưng:** Câu 15a ngược lại với 6:14. Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu bằng một từ có thể chuyển ngữ là “tuy nhiên” hay “nhưng.” BDM không chuyển ngữ từ này. BDC dùng “song” cũng có nghĩa là “nhưng.”

**6:15b**

**Cha:** Đức Chúa Trời, Cha ở trên trời. Cùng nghĩa với 6:14.

**Tiểu Đoạn 6:16-18 Vấn đề Kiêng Ăn**

Người Đông Phương và nhất là người Do Thái thường kiêng ăn trong một thời gian. Thí dụ, người Do Thái sẽ không ăn uống gì giữa lúc người thân trong nhà chết cho tới khi chôn cất xong. Họ kiêng ăn từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn trong những ngày đặc biệt, như Ngày Chuộc Tội. Một số người Do Thái đôi khi không ăn bất cứ thức ăn đặc biệt nào trong một thời gian lâu. Họ làm như vậy để cho thấy là họ hối hận về tội lỗi hay than khóc cho một điều gì. Thường người ta kiêng ăn một thời gian để sẵn sàng nghe lời Đức Chúa Trời phán với họ (hãy xem Đa-ni-ên 9:3,

- 6:12a *Xin tha tội cho chúng con,  
Hãy tha thứ cho chúng con các tội chúng con đã làm.*
- 6:12b *như chính chúng con cũng tha kẻ mắc tội với chúng con.  
Hãy tha thứ cho chúng con như chúng con tha thứ những người phạm tội với chúng con.*
- 6:13a *Xin đừng để chúng con sa vào chước cám dỗ  
Xin đừng dẫn chúng con vào điều cám dỗ chúng con phạm tội.  
-HAY-  
Xin đừng để chúng con đi đến chỗ bị cám dỗ phạm tội.*
- 6:13b *nhưng cứu chúng con khỏi Kẻ Ác.’  
nhưng xin cứu chúng con khỏi kẻ ác. A-men.”  
-HAY-  
nhưng giúp cho chúng con chiến thắng kẻ ác. A-men.”*
- 6:14a *“Nếu các con tha tội cho người ta,  
[Ta nói điều này] bởi vì nếu các con tha thứ cho người có lỗi với các con,*
- 6:14b *thì Cha các con ở trên trời cũng sẽ tha cho các con.  
thì Cha các con ở trên trời cũng sẽ tha thứ cho các con khi các con phạm tội.*
- 6:15a *Nếu các con không tha tội cho người ta,  
Nhưng nếu các con không tha thứ cho người có lỗi với các con,*
- 6:15b *Cha các con cũng sẽ không tha tội các con.  
thì Cha các con ở trên trời cũng sẽ không tha thứ cho các con khi các con phạm tội.”*

### Tiểu đoạn 6:16-18 Vấn đề kiêng ăn

- 6:16a *“Khi các con kiêng ăn, đừng để mặt mày bơ phờ như phường đạo đức giả,  
Đức Giê-su phán: “Khi các con kiêng ăn, đừng có vẻ buồn giống như những người giả bộ công chính.  
-HAY-  
Đức Giê-su phán: “Khi các con kiêng ăn, đừng có vẻ mặt buồn rầu như những người giả bộ làm.*

Ma-thi-ơ 4:2). Cầu nguyện và kiêng ăn thường đi đôi với nhau (hãy xem 1 Sa-mu-ên 17:5, Công vụ 13:2).

Trong 6:16-18 Đức Giê-su không nói kiêng ăn là sai. Chúa bảo các con dân Chúa không nên làm bộ kiêu ăn để chứng tỏ mình là thánh khiết. Nhưng Đức Giê-su cũng dạy cách kiêng ăn đẹp lòng Đức Chúa Trời (6:17,18).

#### 6:16a

**kiêng ăn:** Đây có nghĩa là nhịn ăn, không ăn một số thức ăn trong một thời gian vì lý do tôn giáo (hãy xem 4:2).

**đừng để mặt mày bơ phờ:** Có thể chuyển ngữ là “Đừng làm vẻ buồn” hay “Đừng lộ vẻ buồn trên mặt.”

**phường đạo đức giả:** Là những người giả bộ sùng đạo để gây ấn tượng với người khác. Hãy xem 6:2.

#### 6:16b

**họ làm mặt buồn:** Nhóm từ Hy-lạp dùng ở đây là “họ biến đổi khuôn mặt.” Thường người Do Thái đang kiêng ăn không chải đầu, cạo râu. Họ sẽ bôi tro hay một loại bột trắng lên mặt để những người khác có thể thấy là họ đang chịu khổ.

#### 6:16c

**để người ta thấy họ kiêng ăn:** Họ làm như vậy để cho người ta có thể thấy và biết là họ đang kiêng ăn. Họ làm bộ như là họ đau khổ nhiều hơn sự thật họ đang chịu.

#### 6:17

**Nhưng khi kiêng ăn:** Có thể nói là “Nhưng còn con (số ít), khi con kiêng ăn...” Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 6:3.

**hãy xúc dầu trên đầu, rửa mặt:** Khi Đức Giê-su nói *hãy xúc dầu trên đầu, rửa mặt* Chúa muốn nói đến điều người đàn ông Do Thái thường làm trong khi sửa soạn cho chính họ. Trong ngữ cảnh này *xúc dầu trên đầu* có nghĩa là xúc dầu thơm lên tóc và chải đầu. Trong ngôn ngữ của bạn có thể nói là “chải đầu và rửa mặt” nghe tự nhiên hơn.

#### 6:18b-c

**chỉ riêng Cha con:** Chỉ Đức Chúa Trời biết là bạn đang kiêng ăn.

### Tiểu Đoạn 6:19-24 Sự giàu có trên thiên đàng

Đức Giê-su dạy ở đây là các con dân Chúa không nên tích trữ tiền bạc và của cải nhiều hơn là họ cần. Các vật trên đất này sẽ hư hao và mất giá trị. Thay vào đó, người ta nên nghĩ đến chuyện giúp đỡ người khác và hầu việc Chúa. Đây gọi là: “dự trữ của cải ở trên thiên đàng” (hãy xem Ma-thi-ơ 19:21). Nếu một người ưa thích tiền bạc, vật chất thì giống như người ấy phục vụ tiền bạc chứ không phải Đức Chúa Trời. Chủ đề tổng quát của Tiểu Đoạn này là: Hãy yêu mến Đức Chúa Trời chứ không phải tiền bạc. Có thể nói một cách khác là: Hãy yêu mến những điều thuộc về Đức Chúa Trời, không phải những điều thuộc về thế gian.

6:19-21 Hãy tích trữ của cải ở trên thiên đàng, chứ không phải ở dưới đất

#### 6:19a

**dùng tích trữ:** Đây hàm ý các môn đệ của Đức Giê-su không nên tồn trữ nhiều hơn điều họ cần.

**của cải dưới đất:** Đây là những thứ người ta cho là có giá trị, thí dụ quần áo, tiền bạc, nữ trang, rượu, lúa, dầu và nhà cửa.

**của cải:** Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là những thứ quý báu và có giá trị.

#### 6:19b

**mối mọt:** Từ Hy-lạp dùng ở đây là loại mối ăn vải. Nếu trong địa bàn của bạn không có loại mối này, có thể dùng mọt mà thôi.

**gỉ sét:** Từ Hy-lạp dùng ở đây cho “gỉ sét” là *brōsis*. Có nghĩa là “ăn mòn.” Đây muốn nói đến diễn tiến của một vật bị hư hoại— chuột ăn

thóc, ten rét làm hư, và sâu ăn thức ăn. Thường được chuyển ngữ là “gỉ sét.”

#### 6:19c

**khoét vách:** Cụm từ *khoét vách* có nghĩa là đào qua (tường nhà). Một số nhà được làm bằng vách đất nên kẻ trộm có thể đào lỗ qua tường để vào nhà.

#### 6:20a

**Hãy tích trữ của cải các con ở trên trời:** Đây không nói đến tiền bạc hay nữ trang. Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm những điều Ngài cho là quan trọng hay có giá trị. Những việc như là giúp đỡ người khác vì danh Chúa, vâng lời Đức Chúa Trời, yêu mến Đức Chúa Trời. Chúa sẽ ban thưởng cho con dân Chúa với các phước hạnh thuộc linh, đời đời. Ý để chuyển ngữ: “Hãy làm những việc mà Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho các con đời đời.” Đây là những “của cải ở trên thiên đàng.”

- 6:16b *vì họ làm mặt buồn*  
Họ làm mặt buồn rầu
- 6:16c *để người ta thấy họ kiêng ăn.*  
để cho người ta thấy là họ kiêng ăn [để người ta sẽ khen ngợi họ].  
-HAY-  
để cho người ta biết và [sẽ nghĩ rằng họ là công chính.]
- 6:16e *Thật, Ta bảo các con, họ đã nhận đủ phần thưởng của mình rồi.*  
Ta đảm bảo với các con, họ đã nhận được các phần thưởng của họ rồi.  
-HAY-  
Ta đảm bảo với các con họ đã nhận được phần thưởng từ con người, Đức Chúa Trời sẽ không ban thưởng cho họ nữa].
- 6:17 *Nhưng khi kiêng ăn, hãy xúc dầu trên đầu, rửa mặt,*  
Nhưng khi các con kiêng ăn, hãy rửa soạn như bình thường.
- 6:18a *để không ai biết con đang kiêng ăn*  
Để người ta không biết là con đang kiêng ăn.
- 6:18b *chỉ riêng Cha con, là Đấng ở trong nơi kín đáo*  
[Hãy kiêng ăn cách kín đáo để] chỉ Cha các con ở trên trời, ở trong chỗ kín đáo, sẽ biết đến.  
-HAY-  
[Hãy kiêng ăn để] chỉ có Đức Chúa Trời, là Đấng không thấy được, biết rằng các con đang kiêng ăn.
- 6:18c *và Cha con thấy trong nơi kín đáo sẽ thưởng cho con.*  
Cha các con sẽ thấy điều các con làm mà những người khác không thấy và sẽ ban thưởng cho con.”  
-HAY-  
Thì Đức Chúa Trời Cha các con là Đấng thấy điều con làm cách kín đáo sẽ ban thưởng cho con.

### Tiểu đoạn 6:19-24 Giàu có trên thiên đàng

- 6:19a *“Các con đừng tích trữ của cải dưới đất*  
Đức Giê-su phán: “Đừng tích trữ các vật mà người ta cho là quý báu [nhưng Đức Chúa Trời thì không].
- 6:19b *là nơi mối mọt và gỉ sét làm hủy hoại*  
Mối mọt và những vật khác sẽ hủy hoại các thứ mà các con để dành trên đất.
- 6:19c *và kẻ trộm khoét vách lấy đi.*  
[Đôi khi] người ta vào nhà và ăn trộm chúng.
- 6:20a *Nhưng hãy tích trữ của cải các con ở trên trời,*  
Nhưng hãy tích trữ các vật có giá trị ở trên thiên đàng.  
-HAY-  
Nhưng hãy tận hiến để làm các việc mà Đức Chúa Trời cho là quan trọng [và sẽ ban thưởng cho con.]

**6:20b-c**

***là nơi mỗi một không thể hủy hoại và kẻ trộm cũng không khoét vách lấy được:*** Những việc chúng ta làm cho Chúa mang đến phần thưởng thuộc linh không bao giờ hư mất. Chúng sẽ còn lại đời đời.

**6:21**

***của cải các con ở đâu:*** Đây nói về nơi chứa các của cải mà chúng ta cho là quan trọng nhất (ở đất hay ở trên trời).

***của cải:*** Đây muốn nói đến những vật mà một người cho là có giá trị nhất.

***lòng các con cũng ở đó:*** Lòng đây muốn nói đến sự tận hiến, tức là, cảm nghĩ khiến cho người ta làm hay suy nghĩ một việc gì.

6:22-23 Hãy rộng rãi, giống như sự sáng, đừng tham lam, giống như bóng tối

Một chủ đề khác cho phần này là: những người rộng rãi yêu mến Đức Chúa Trời chứ không phải thế gian.

Trong 6:22-23 Đức Giê-su không những chỉ nói về mắt, sự sáng và sự tối tăm. Chúa đang dùng một ẩn dụ. Mắt giúp người ta nhìn thấy ánh sáng. Đây Đức Giê-su muốn nói đến “con mắt thuộc linh,” tức là cách người ta hiểu biết Đức Chúa Trời. Sự tối tăm đại diện cho việc không hiểu biết lẽ thật thuộc linh. Điều này thích hợp với chủ đề của đoạn này. Mặc dù Đức Giê-su không giải nghĩa ẩn dụ, ý nghĩa của 6:22-23 được hàm ý ở phần kinh văn trước đó (6:19-21) và phần tiếp theo sau (6:24).

**6:22a**

***Mắt là đèn của thân thể:*** Đây là một ẩn dụ hỗn hợp. Con mắt giống như đèn, bởi vì qua mắt con người nhìn thấy ánh sáng. Con mắt tượng trưng cho “con mắt thuộc linh,” hay nói một cách khác là những phương tiện để người ta nhận biết những điều thuộc linh. Thân thể tượng trưng cho sự suy nghĩ và cảm xúc của một người. Từ “tắm lòng” thường được dùng trong ngữ cảnh giống như thế này.

**6:22b**

***nếu mắt con tốt:*** Đây có thể chuyển ngữ là: “Nếu mắt con tốt...” hay “Nếu mắt con không có gì hư hỏng.”

***thì cả thân thể sẽ sáng láng:*** “Ánh sáng” ở đây là sự hiểu biết Đức Chúa Trời, phục vụ và tìm kiếm sự công chính của Ngài (6:33) nhưng ý nghĩa không rõ ràng và trong CĐN chỉ dùng “hiểu biết chính xác.”

**6:23a**

***Nếu mắt con xấu:*** Nói một cách khác là: “Nếu mắt con không tốt...” hay “Nếu mắt con bị bệnh...” hay “Nếu lòng con ích kỷ và ham muốn sai lầm...”

***cả thân thể sẽ tối tăm:*** Người ta sẽ không hiểu đúng bởi vì họ không thể nhận biết đường lối của Chúa một cách rõ ràng. Người ta sẽ nhìn sai về Chúa.

**6:23b**

***Vậy nếu ánh sáng ở trong con chỉ là tối tăm:*** Nói một cách khác là: “Nếu mắt con không nhận thấy ánh sáng...” hay “Nếu ánh sáng ở trong con đã đi ra...” hay “Nếu lòng con là gian ác...” hay “Nếu lòng con chỉ ao ước những sự của đất này chứ không phải của Đức Chúa Trời...” Lòng của một người là cách duy nhất mà sự sáng của Đức Chúa Trời có thể vào trong đời sống của người đó.

***thì sự tối tăm ấy còn lớn là dường nào:*** Người như vậy không hiểu biết Đức Chúa Trời một chút nào cả. Người ấy không biết làm điều tốt cho mình cũng như người ở trong bóng tối không thấy đường đi.

6:24 Các con không thể phục vụ cả Đức Chúa Trời lẫn tiền bạc

**6:24a**

***Không ai có thể làm tôi hai chủ:*** Không ai có thể làm nô lệ cho hai chủ. Trong thời của KT, người chủ sở hữu nô lệ như sở hữu súc vật, có thể làm cho người nô lệ bất cứ điều gì người ấy muốn. Người nô lệ phải làm điều chủ muốn. Vậy nên một người nô lệ không thể cùng một lúc vâng lời hai chủ.

- 6:20b *là nơi mới một không thể hủy hoại*  
 Không có vật gì có thể hủy hoại các vật các con tích trữ ở trên thiên đàng  
 -HAY-  
 Không có côn trùng hay rỉ sét nào trên thiên đàng để phá hoại các vật tích trữ ở trên ấy
- 6:20c *và kẻ trộm cũng không khoét vách lấy được.*  
 người ta cũng không thể vào ăn trộm được.  
 -HAY-  
 và ở đó không có kẻ trộm để ăn cắp chúng.  
 -HAY-  
 và không có những thứ để kẻ ăn trộm có thể lấy được.
- 6:21 *Vì của cải các con ở đâu, lòng các con cũng ở đó.*  
 Của cải các con ở đâu thì lòng các con ở đó.  
 -HAY-  
 Các con sẽ tận hiến cho điều mình cho là quý giá.
- 6:22a *“Mắt là đèn của thân thể.*  
 [Đức Giê-su phán] “Mắt các con cho thân thể ánh sáng giống như ngọn đèn thấp sáng một căn phòng.  
 -HAY-  
 Lòng của con giống như một ngọn đèn hướng dẫn con.
- 6:22b *Vì thế, nếu mắt con tốt, thì cả thân thể sẽ sáng láng.*  
 Nếu mắt con tốt thì cả thân thể sẽ thấy ánh sáng.  
 -HAY-  
 Nếu lòng con rộng rãi, con sẽ nhận biết cách chính xác.
- 6:23a *Nếu mắt con xấu, cả thân thể sẽ tối tăm.*  
 Nhưng nếu mắt con yếu, thì cả thân thể sẽ ở trong tối tăm.  
 -HAY-  
 Nếu lòng con gian ác, thì con sẽ nhận biết cách sai lầm.
- 6:23b *Vậy nếu ánh sáng ở trong con chỉ là tối tăm, thì sự tối tăm ấy còn lớn là dường nào!*  
 Nếu con bị mù, con hoàn toàn ở trong chỗ tối tăm!”  
 -HAY-  
 Nếu con không nhận biết lẽ thật con giống như người ở trong chỗ tối tăm không biết đường đi.”
- 6:24a *“Không ai có thể làm tôi hai chủ,*  
 Đức Giê-su phán: “Không ai được phục vụ hai chủ.
- 6:24b *vì sẽ ghét chủ này mà thương chủ kia,*  
 Vì sẽ ghét người chủ thứ nhất và thương người chủ thứ nhì.

**6:24b**

***vì sẽ ghét chủ này mà thương chủ kia:*** Nếu có thể phục vụ hai chủ, người nô lệ sẽ phải lựa chọn phục vụ người nào. Nếu người ấy chọn

phục vụ chủ này thì sẽ bị chủ kia ghét. Đức Giê-su mô tả như là ghét người chủ này và yêu người chủ kia.

**6:24c**

**hoặc...:** Đức Giê-su nói chỉ có thể có một cách, chứ không phải cả hai.

**sẽ trọng chủ này mà khinh chủ kia:** Trong 24b “yêu” trái ngược lại với “ghét.” Trong 24c Đức Giê-su dùng hai từ tương tự để nhấn mạnh điều Ngài muốn nói: *trọng* và *khinh*.

**trọng:** Từ Hy-lạp dùng ở đây cũng có nghĩa là trung thành với một người.

**khinh:** Từ Hy-lạp dùng ở đây có một nghĩa khác nữa là *ghét*.

**6:24d**

**Các con không thể phục vụ vừa Đức Chúa Trời lẫn tiền tài:** Đức Giê-su gọi tên “hai

người chủ”: Đức Chúa Trời và tiền tài. Đức Giê-su nói đến tiền như là một con người. Đây là lý do BDC dùng từ “Ma-môn” để nhân cách hoá tiền tài. BDM làm cho rõ ý muốn nói. Cả Chúa lẫn tiền bạc đều có thể cai trị con người. Nhưng người ta phải chọn phục vụ một người không thể phục vụ cả hai.

**tiền tài:** Từ Hy-lạp *mamōnas* “sự giàu có, lợi lộc, của cải, tài sản.” Đây muốn nói đến những cái làm cho một người trở nên giàu có. Có của cải không có gì sai. Nhưng Đức Giê-su muốn nói rằng yêu mến của cải là sai lầm vì không còn chỗ để yêu mến Đức Chúa Trời. Ham muốn được giàu có ngăn cản chúng ta để Chúa làm chủ.

**Tiểu Đoạn 6:25-34 Hãy nhờ cậy Đức Chúa Trời và đừng lo lắng**

Đức Giê-su dùng từ “lo lắng” sáu lần trong những câu này. Ngài nói: “Đừng lo lắng” ba lần. Ý chính ở đây là các môn đệ của Đức Giê-su không nên lo lắng là họ sẽ có những thứ mình cần hay không. Đức Giê-su nói rằng nếu họ tìm kiếm cách để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời trên hết mọi sự thì Chúa sẽ cung cấp cho họ điều họ cần.

6:25 Đừng lo lắng về những vật con cần

Một cách để chuyển ngữ chung 6:25a-c là:

Vậy nên Ta nói với các con, đừng lo lắng là mình có đủ thức ăn, nước uống hay quần áo hay không.

**6:25a**

**Vì thế:** Nhóm từ này nối Tiểu Đoạn này (6:25-34) với điều Đức Giê-su phán trong 6:24. “các con không thể phục vụ cả Đức Chúa Trời lẫn tiền bạc, vậy nên Ta bảo các con, hãy phục vụ Đức Chúa Trời và đừng lo lắng....”

**6:25b**

**đừng lo lắng cho cuộc sống:** Đừng lo lắng về chúng ta sẽ có những thứ cần để sống hay không. Chúng ta phải suy nghĩ về những điều này, nhưng chúng ta không phải lo lắng về chúng.

**lo mình sẽ ăn gì, uống gì:** Đây là những điều mà người ta cần để sống.

**6:25c**

**hay thân thể mình sẽ mặc gì:** Đây muốn nói đến quần áo. Điều quan tâm chính ở đây không phải là môn đệ của Đức Giê-su nên mặc quần áo gì, nhưng mà là họ có quần áo cần để mặc không.

**6:25d**

**Mạng sống chẳng quý hơn đồ ăn và thân thể chẳng quý hơn quần áo sao?:** Đây không phải là một câu hỏi thật. Đức Giê-su cố gắng làm cho các môn đệ phải suy nghĩ. Câu trả lời rõ ràng cho câu hỏi của Đức Giê-su là “Có.” Có những điều quan trọng cho đời sống hơn là đồ ăn. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không thể hỏi câu hỏi như vậy có thể đổi thành một câu tuyên bố. Hãy xem PKTCD.

**Mạng sống:** Từ Hy-lạp dùng ở đây tương tự như ý nghĩa của từ *thân thể*, có nghĩa là cả con người.

**và thân thể chẳng quý hơn quần áo?:** Có những điều quan trọng với thân thể hơn là quần áo.

6:26-27 Đừng lo lắng về đồ ăn

**6:26a**

**Hãy xem loài chim trời:** Có lẽ gần chỗ Chúa dạy có một vài con chim nên Chúa



6:24c *hoặc sẽ trọng chủ này mà khinh chủ kia.*  
Hoặc người ấy sẽ trung thành với người chủ thứ nhất và khinh người chủ thứ nhì.

6:24d *Các con không thể phục vụ vừa Đức Chúa Trời lẫn tiền tài.*  
Các con không thể phục vụ cả Đức Chúa Trời lẫn tiền của.”  
-HAY-  
Các con không thể phục vụ Đức Chúa Trời nếu tiền bạc là quan trọng hơn cho các con, và các con không thể yêu tiền bạc nếu Đức Chúa Trời quan trọng hơn cho các con.”

**Tiểu đoạn 6:25-34 Hãy nhờ cậy Đức Chúa Trời và đừng lo lắng**

6:25a *‘Vì thế Ta bảo các con:*  
Đức Giê-su phán: “Vậy nên Ta bảo các con:

6:25b *đừng lo lắng cho cuộc sống, lo mình sẽ ăn gì, uống gì,*  
đừng lo lắng cho cuộc sống và nói ‘Tôi sẽ ăn gì, uống gì?’  
-HAY-  
đừng lo lắng sẽ ăn gì?’

6:25c *hay thân thể mình sẽ mặc gì.*  
và đừng lo lắng về thân thể và nói: ‘Tôi sẽ mặc gì?’  
-HAY-  
và đừng lo lắng về việc có quần áo mặc hay không.

6:25d *Mạng sống chẳng quý hơn đồ ăn và thân thể chẳng quý hơn quần áo sao?*  
Có những điều quý giá cho đời sống hơn là thức ăn, có những thứ quan trọng cho thân thể hơn là quần áo.”

6:26a *Hãy xem loài chim trời,*  
Đức Giê-su phán: “Hãy nhìn các loài chim.

6:26b *chúng chẳng gieo, chẳng gặt, cũng chẳng tồn kho tích trữ,*  
Chúng chẳng trồng đồ ăn, chẳng gặt. Chúng không trữ thức ăn trong kho.

6:26c *nhưng Cha các con ở trên trời vẫn nuôi chúng.*  
Nhưng Đức Chúa Trời Cha các con ở trên trời vẫn cung cấp đồ ăn cho chúng.

dùng nó làm thí dụ. Chúa muốn các môn đệ nhớ cách các con chim có thức ăn. Cụm từ *loài chim trời* chỉ là cách của người Do Thái để nói “các loài chim.” Từ *trời* không cần phải chuyển ngữ.

**6:26b**

***chúng chẳng gieo, chẳng gặt:*** Chúng không gieo cũng không gặt đồ ăn.

***cũng chẳng tồn kho tích trữ:*** Lúa sẽ giữ được lâu mà không hư. Nhưng Đức Giê-su nói là các con chim không làm như vậy.

**6:26c**

***nhưng Cha các con ở trên trời vẫn nuôi chúng:*** Các con chim phải làm việc để tìm thức ăn. nhưng Chúa dự trữ sẵn thức ăn cho chim tìm.

**6:26d**

**Các con không quý hơn loài chim sao?** Đây không phải là một câu hỏi thật, Đức Giê-su muốn nói: “Các con là môn đệ Ta có giá trị hơn loài chim rất nhiều.”

**6:27**

**Có ai trong các con nhờ lo lắng mà có thể thêm cho đời mình một khoảnh khắc nào không?** Đây cũng không phải là một câu hỏi thật, Đức Giê-su muốn nói: “Không ai trong các con có thể lo lắng mà thêm được cho đời mình một giờ đồng hồ.”

**Có ai trong các con:** Đây có thể chuyển ngữ là “Có người nào trong các con ...” hay “Có ai ở giữa vòng các môn đệ....”

**một khoảnh khắc nào:** Từ Hy-lạp dùng ở nhóm từ này muốn nói đến một thời gian rất ngắn ngủi.

6:28-30 Đừng lo lắng về quần áo

**6:28a**

**sao các con lo lắng mà làm chi?:** Đây là một câu hỏi tu từ, có nghĩa là: “Các con không nên lo lắng về các con sẽ có quần áo mình cần hay không.”

**6:28b**

**Hãy xem hoa huệ ngoài đồng mọc thế nào:** Từ Hy-lạp dùng ở đây thường được chuyển ngữ là *hoa huệ* mặc dù từ đó có thể dùng chung cho loài hoa dại. Có thể dùng từ để chỉ loại hoa mọc dại trong đồng và trong rừng nơi bạn ở cũng được.

**Chúng không phải làm việc khổ nhọc, cũng chẳng kéo chỉ:** Các loài hoa này không phải dệt vải để làm quần áo mà chúng vẫn đẹp đẽ.

**kéo chỉ:** Từ Hy-lạp *nēthō* “kéo chỉ lớn (để dệt vải) bằng cách quấn các sợi chỉ nhỏ lại với nhau.”

**6:29**

**dâu vua Sa-lô-môn sang trọng đến đâu:** Đây muốn nói đến sự vĩ đại và huy hoàng của vua Sa-lô-môn. Vua Sa-lô-môn là vị vua giàu có nhất của người Do Thái. Vua có quần áo đẹp nhất mà một vị vua có thể có.

**vua Sa-lô-môn:** Con của vua Đa-vít, vị vua rất giàu có và nổi tiếng.

**cũng không thể mặc đẹp bằng một trong các hoa huệ kia:** Quần áo tốt nhất của Sa-lô-môn (do người ta làm) cũng không đẹp bằng loại hoa dại (do Chúa làm).

**6:30a**

**Một loài hoa dại ngoài đồng, nay còn, mai bị ném vào lò lửa:** Trong bản Hy-lạp *một loài hoa dại ngoài đồng* là loại cỏ dại có hoa. Người Do Thái dùng cỏ khô để đốt lò. Bạn có thể nói là:

Đức Chúa Trời làm nên loài cỏ dại rất đẹp, ngay cả khi chúng chỉ sống một thời gian ngắn rồi héo đi bị người ta quăng vào lửa. Vì Đức Chúa Trời làm đẹp cho cả cỏ, chắc chắn Ngài sẽ khiến cho con dân Ngài có quần áo họ cần. Các con ít nhờ cậy Chúa quá.

6:31-34 Đừng lo lắng, hãy đặt Chúa lên trước

**6:31**

Câu này lập lại cùng một ý tưởng ở trong 6:25.

- 6:26d *Các con không quý hơn loài chim sao?*  
 Đối với Đức Chúa Trời các con quan trọng hơn chim nhiều. [Vây chắc chắc Đức Chúa Trời sẽ cung cấp thức ăn các con cần.]
- 6:27 *Có ai trong các con nhờ lo lắng mà có thể thêm cho đời mình một khoảnh khắc nào không?*  
 “Nếu các con lo lắng có làm cho các con sống lâu hơn một chút nào không? [Không, dĩ nhiên là không.]”  
 –HAY–  
 Không có ai trong các con có thể lo lắng mà làm cho mình sống lâu hơn một giây đồng hồ
- 6:28a *Còn việc ăn mặc, sao các con lo lắng mà làm chi?*  
 [Đức Giê-su phán: “Đừng lo lắng về quần áo.
- 6:28b *Hãy xem hoa huệ ngoài đồng mọc thế nào. Chúng không phải làm việc khổ nhọc, cũng chẳng kéo chỉ,*  
 Hãy xem các loài hoa dại lớn lên như thế nào. Chúng không làm việc và dệt quần áo cho mình.
- 6:29 *nhưng Ta phán bảo các con, dầu vua Sô-lô-môn sang trọng đến đâu, cũng không thể mặc đẹp bằng một trong các hoa huệ kia.*  
 Nhưng Ta đảm bảo với các con ngay cả vua Sa-lô-môn, vĩ đại và sang trọng như vậy, cũng không có quần áo đẹp như một trong các loài hoa dại kia.
- 6:30a *Một loài hoa dại ngoài đồng, nay còn, mai bị ném vào lò lửa,*  
 Các loài hoa dại chỉ sống một thời gian ngắn và mau khô, rồi người ta sẽ ném vào lửa.
- 6:30b *mà Đức Chúa Trời mặc cho chúng như thế,*  
 Ngay cả cỏ chỉ sống một thời gian ngắn, Đức Chúa Trời vẫn cho nó các bông hoa đẹp.
- 6:30c *còn các con không quý hơn để Ngài chu cấp quần áo cho sao,*  
 Vì Ngài làm điều này cho các bông hoa, chắc chắn Ngài sẽ cho các con có quần áo các con cần.
- 6:30d *hỡi những kẻ ít đức tin?*  
 Các con tin cậy Ngài ít quá.”
- 6:31a *Vây, đừng lo lắng*  
 Đức Giê-su phán: “Đừng lo lắng.
- 6:31b *mà hỏi rằng chúng ta sẽ ăn gì, uống gì*  
 Đừng nói: ‘Chúng ta sẽ ăn gì, uống gì?’  
 –HAY–  
 Đừng nghĩ: ‘Chúng ta sẽ có đủ ăn, đủ uống không?’
- 6:31c *hay là mặc gì?*  
 và đừng nói: ‘Chúng ta sẽ có quần áo chúng ta cần không?’

**6:32a**

**Vì:** Từ này nối kết 6:32 với 6:31. “Đừng lo lắng ... bởi vì những người ngoại...” “Đừng lo lắng... bởi vì cha các con ở trên trời...”

**tất cả những điều này:** Nhóm từ *tất cả những điều này* nói đến thức ăn, đồ uống và quần áo mà người ta cần.

**người ngoại:** Đây là những người không thờ lạy Đức Chúa Trời như người Do Thái (Hãy xem 5:47).

**tìm kiếm:** Có nghĩa là hết sức quan tâm để tìm một vật gì.

Có một hàm ý được gạch dưới ở trong 6:32. Đức Giê-su phán: “Đừng lo lắng... vì những người ngoại chạy theo những điều này.” Tại sao đây là một lý do để các môn đệ không phải lo lắng? Có lẽ Đức Giê-su muốn nói: “Đừng lo lắng về thức ăn, đồ uống và quần áo, bởi vì Ta muốn các con khác với những người chưa tin Chúa, là người lo lắng về những vấn đề này.” Chúa muốn các môn đệ tin cậy Cha trên trời, và không làm như những người ngoại không tin nơi Đức Chúa Trời.

**6:33a**

**Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm Nước Đức Chúa Trời:** Người ta nên quan tâm về việc vâng lời và phục vụ Đức Chúa Trời hơn bất cứ điều gì khác.

**Nước Đức Chúa Trời:** Đây muốn nói đến cách Đức Chúa Trời cai trị như là vua, hàm ý chúng ta phải vâng lời và hầu việc Ngài.

**sự công chính của Ngài:** Đây muốn nói đến những việc Đức Chúa Trời ra lệnh, hay cách hành xử công chính mà Đức Chúa Trời muốn người ta có. Hãy xem Lời Giải Nghĩa ở trong 5:6, 10, 20a.

**6:33b**

**Ngài sẽ ban thêm các con:** Đức Chúa Trời sẽ ban điều này cho các con.

**thêm:** Đức Chúa Trời sẽ ban thêm những thứ này với nước của Ngài và sự công chính.

**mọi điều ấy:** Tất cả mọi điều người ta cần như thức ăn, đồ uống và quần áo.

**6:34**

Câu này tóm tắt cả Tiểu Đoạn (6:25-33).

**6:34a**

**Thế thì:** Đây có thể chuyển ngữ là “vậy thì” hay “vì lý do này.” Cụm từ này nối ý nghĩa ở trong 6:25-33 với điều Chúa nói ở trong 6:34.

**đừng lo sợ cho ngày mai:** Ngày hôm nay đừng lo lắng mình sẽ có các thứ cần cho ngày mai hay không. Đức Giê-su không nói là: “Đừng làm việc” hay “Đừng quy hoạch.” Chúa mong người ta làm điều họ có thể làm để lo cho họ và gia đình họ có những thứ cần. Nhưng Ngài nói: “Đừng lo lắng về những điều ấy. Hãy nhờ cậy Cha trên trời.”

**6:34b**

**vì ngày mai sẽ lo cho ngày mai:** Nói một cách khác: “Hãy để ngày mai lo cho ngày mai.” Đức Giê-su nói về ngày mai như tự nó có thể lo lắng. Ngài không phải nói theo nghĩa đen nhưng Chúa muốn nói rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp cho dân sự của Ngài có các nhu cầu cho ngày mai. Lo lắng ngày hôm nay chẳng có ích gì.

**6:34c**

**Nỗi lao phiền trong ngày cũng đủ quá rồi:** Nếu chúng ta thêm sự lo lắng về ngày mai vào ngày hôm nay, chúng ta làm cho mình phải lo gấp đôi trong ngày hôm nay và không làm cho nỗi lo lắng của ngày mai nhẹ đi chút nào.

- 6:32a *Vì tất cả những điều này, người ngoại vẫn tìm kiếm*  
Đừng giống như những người ngoại giáo là người chỉ quan tâm đến vật chất.
- 6:32b *và Cha các con ở trên trời biết các con cần tất cả những điều ấy.*  
Cha chúng ta ở trên trời biết điều các con cần.
- 6:33a *Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm Nước Đức Chúa Trời và sự công chính của Ngài,*  
Nhưng trước hết hãy để Đức Chúa Trời làm vua của các con và nên ăn ở một cách công chính như Ngài muốn.  
-HAY-  
Nhưng hãy tận hiến chính mình để vâng lời Đức Chúa Trời như là vua của mình.  
-HAY-  
Nhưng hãy tận hiến cho Đức Chúa Trời và làm những việc Ngài muốn các con làm.
- 6:33b *rồi Ngài sẽ ban thêm cho các con mọi điều ấy nữa.*  
Rồi Ngài sẽ ban cho các con tất cả nhu cầu vật chất các con cần.
- 6:34a *Thế thì, đừng lo sợ cho ngày mai,*  
Vậy nên hôm nay đừng lo sợ về [các con sẽ có các thứ các con cần] ngày mai hay không.
- 6:34b *vì ngày mai sẽ lo cho ngày mai.*  
Các con không thể lo cho ngày mai.  
-HAY-  
Đức Chúa Trời sẽ giúp cho ngày mai của các con.
- 6:34c *Nỗi lao phiền trong ngày cũng đủ quá rồi!”*  
Mỗi ngày có đủ lo phiền của nó rồi.”

### Tiểu Đoạn 7:1-6 Đoán xét người khác

Ở đây Đức Giê-su dạy rằng một người phải sửa đổi chính mình trước khi có thể sửa đổi hay chỉ trích một người khác (7:1-5). Nhưng những ai từ chối không chịu ăn năn và thay đổi đường lối gian ác của mình chắc chắn là sai lầm.

7:1-5 Đừng đoán xét người khác cách sai lầm

#### 7:1b

**đừng lên án ai:** Động từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *lên án* có vẻ hàm ý là hành động theo thói quen, cứ tiếp tục đoán xét

nhiều người khác nhau, hay có thói quen chỉ trích người khác.

Đức Giê-su không bảo các môn đệ đừng bao giờ xác định rằng ai có lỗi. 7:6 cho thấy là một số người sai lầm rõ ràng. BDC dùng từ “đoán xét” nhưng Đức Giê-su không nói về đoán xét như một quan tòa làm ở tòa án. Chúa nói về những người có khuynh hướng chỉ trích người khác.

các con làm như vậy, Đức Chúa Trời và những người khác sẽ lên án các con.

### 7:2a

Vì: 7:2 cho thấy lý do ở trong 7:1.

**các con lên án người khác thế nào, thì sẽ bị lên án thế ấy:** Hễ ai lên án người khác như thế nào, Đức Chúa Trời (hay người khác) sẽ lên án người đó như vậy. Hãy xem PKTCD.

**Các con lường cho người ta mực nào, thì sẽ được lường lại mực ấy:** Nhiều người Do Thái thường hay nói như vậy. Có nghĩa là Đức Chúa Trời (hay người ta) sẽ đối xử cùng một cách và cùng một số lượng mà bạn đối với họ hay họ sẽ hành xử với bạn giống như cách bạn hành xử với họ. Nhưng Đức Giê-su dùng những lời này để nói về việc đoán xét. Thí dụ, nếu chúng ta đoán xét người khác không thương xót, Đức Chúa Trời cũng sẽ đoán xét chúng ta không thương xót. Nếu chúng ta đoán xét người một cách tử tế, Đức Chúa Trời sẽ đoán xét chúng ta một cách tử tế. Đức Giê-su dùng những lời khác để nói về điều Ngài đã nói ở phần đầu của 7:2a.

### 7:3

Trong 7:3-5 Đức Giê-su vẫn còn nói về đoán xét người khác. Nhưng Chúa dùng ẩn dụ về cái dầm và cây xà nhà mà người Do Thái có thể hiểu được.

### 7:3a

**Tại sao...?:** Đức Giê-su không thật sự hỏi “Tại sao?” Ngài nói: “Các con không nên làm điều này nữa.” Ngài hàm ý rõ ràng là một số người nghe Ngài đang làm điều này. Hãy xem PKTCD.

**thấy cái dầm trong mắt anh em:** Đây là ẩn dụ nói về một tội lỗi nhỏ trong đời sống anh em mình.

**cái dầm:** Từ Hy-lạp *karphos* “cái dầm.” Đây là một miếng gỗ, miếng mạt cửa rất nhỏ.

**anh em:** Từ *anh em* ở đây có nghĩa là người lân cận.

### 7:3b

**không nhận ra cây xà nhà trong mắt mình:** Đức Giê-su hàm ý người này đã làm một tội lỗi rất nghiêm trọng. Đây có nghĩa là người này không có thể nhận biết hoặc từ chối nhìn nhận tội lỗi lớn mà mình đã phạm. Vì vậy,

người này không hiểu rõ vấn đề để mà sửa đổi nan đề của người khác. Hãy xem 7:5.

**cây xà nhà:** Từ Hy-lạp *dokos* “cây xà nhà, một cây gỗ lớn.” Đây là một cây gỗ dài, nặng dùng để xây nhà. Đức Giê-su không nói là ai có thể để cây xà nhà trong mắt mình. Chúa chỉ muốn cho thấy là một người không thấy tội lỗi nghiêm trọng mình đã phạm nhưng lại đoán xét người chỉ phạm tội nhỏ là một điều sai.

### 7:4

Câu này lặp lại ý nói ở trong 7:3.

**Làm sao...?:** Đây cũng giống như 7:3, không phải là một câu hỏi thật. Đức Giê-su không muốn biết “cách nào.” Chúa muốn nói: “Các con không nên hành động như vậy.”

**‘Để tôi lấy cái dầm ra khỏi mắt anh’:** Có thể nói một cách khác là: “Hãy để tôi giúp đỡ anh về tội lỗi của anh.”

**trong khi:** Đức Giê-su cảnh cáo người tố cáo người khác phạm tội trong khi mình phạm tội nặng hơn và chưa ăn năn.

**cây xà vẫn ở trong mắt mình:** Cùng một ý nghĩa như 7:3.

### 7:5a

**Hỡi kẻ đạo đức giả:** Trong ngữ cảnh này một kẻ đạo đức giả là một người giả bộ tử tế giúp đỡ anh em mình chiến thắng tội lỗi, nhưng lại bỏ qua tội lỗi nghiêm trọng hơn mà mình làm. Hãy xem 6:2. Có thể dùng nhóm từ *Hỡi kẻ đạo đức giả* mạnh quá trong ngôn ngữ của bạn. Nếu đúng như vậy, bạn có thể dùng đề nghị sau của học giả thánh kinh Matthew E. Carlton:

Nếu các con làm như vậy, các con đang làm điều mà những người đạo đức giả làm!”

Hãy xem CĐN.

### 7:5b

**hãy lấy cây xà ra khỏi mắt mình trước:** Đây có nghĩa là một người phải sửa đổi lỗi lầm hay tội lỗi của chính mình trước khi chỉ trích người khác.

- 7:2a *Vì các con lên án người khác thế nào, thì sẽ bị lên án thế ấy. Các con lường cho người ta mực nào, thì sẽ được lường lại mực ấy.*  
Đức Chúa Trời sẽ đoán xét các con cũng như các con đoán xét người khác.
- 7:3a *Tại sao con thấy cái dằm trong mắt anh em,*  
Đừng giống như người bạn tâm về cái dằm trong mắt anh em mình,  
-HAY-  
Các con không nên để ý đến những lỗi nhỏ của người khác,
- 7:3b *nhưng không nhận ra cây xà nhà trong mắt mình?*  
nhưng không để ý đến cây xà trong mắt mình.  
-HAY-  
nhưng bỏ qua những tội lỗi lớn của mình.
- 7:4 *Làm sao con có thể nói với anh em mình rằng: ‘Để tôi lấy cái dằm ra khỏi mắt anh’, trong khi cây xà vẫn ở trong mắt mình.*  
Có một cây xà che mắt các con. Làm thế nào các con dám nói với người lân cận: “Hãy để tôi lấy cây dằm trong mắt anh ra”?  
-HAY-  
Các con không nên chỉ trích lỗi nhỏ của người khác khi các con phạm những tội lỗi lớn hơn [mà chưa ăn năn, sửa đổi].
- 7:5a *Hỡi kẻ đạo đức giả,*  
Các con là người tội lỗi giả bộ công chính!  
-HAY-  
Khi các con làm điều đó, các con giống như những người đạo đức giả!
- 7:5b *hãy lấy cây xà ra khỏi mắt mình trước,*  
Trước hết, hãy sửa đổi tội lỗi lớn của mình,
- 7:5c *rồi mới thấy rõ để lấy cái dằm ra khỏi mắt anh em mình.*  
rồi các con sẽ biết cách sửa đổi tội lỗi của anh em mình.”

**7:5c**

**thấy rõ:** Đây có nghĩa là hiểu rõ hơn để giúp đỡ anh em mình.

Hãy để ý là CDN giữ ẩn dụ ở trong 7:3-4 nhưng chỉ dùng ý nghĩa ở trong 7:5. Nếu ẩn dụ không thích hợp với phong tục của bạn, hãy chuyển ngữ theo ý nghĩa và đừng dùng ẩn dụ khi chuyển ngữ 7:3-5. CDN thứ nhì không dùng ẩn dụ.

7:6 Đừng cho đồ thánh cho những người ghét hay coi thường chúng

Đức Giê-su dùng ẩn dụ về chó và heo để dạy về con người. Trong 7:1-5 Ngài nói rằng người ta không nên chỉ trích người khác. Nhưng người mà Đức Giê-su mô tả trong 7:6

rõ ràng là gian ác và không muốn thay đổi. Vậy có lẽ Đức Giê-su muốn nói các con dân Chúa không nên cố gắng dạy những người đó các sự việc tốt đẹp và thánh khiết của Đức Chúa Trời là điều mà họ không quý.

Các học giả không đồng ý về ý nghĩa của ẩn dụ Chúa dùng về chó và heo. Tốt nhất là nên giữ ẩn dụ khi chuyển ngữ nếu được. Bạn có thể giải thích các từ này có nghĩa gì đối với văn hoá của người Do Thái trong lời chú thích ở cuối trang.

Đức Giê-su dùng một thể loại văn đối của người Do Thái (chiasmus). Chúa nói đến bốn ý tưởng: (7a) chó, (7b) heo, (7c) đập lên và (7d) xé nát. 7a đi với 7d, và 7b nói đến 7c: Chó xé người ta và heo dầy đập lên đồ vật. Cách nói này thường hay xảy ra ở trong KT.

Cần phải ý thức điều này để trong bản dịch của bạn các ý tưởng đúng quan hệ với nhau. Tất cả các bản tiếng Việt đều giữ nguyên thứ tự theo như bản Hy-lạp, nhưng có thể trong ngôn ngữ của bạn thay đổi thứ tự thì dễ hiểu hơn:

Đừng cho chó vật thánh, nó sẽ quay lại cắn xé các con chó ném châu ngọc cho heo, e rằng chúng sẽ giẫm dưới chân

Hãy xem Lời Giải Nghĩa và PKTCD của 7:6.

### 7:6a

**chó:** Trong văn hóa của người Do Thái “chó” là một từ để chỉ trích một người “không tinh sạch về phân thuộc linh” hay “không công chính” bởi vì họ không tin và vâng lời Đức Chúa Trời. Trong văn hoá của bạn, gọi một người là *chó* có thể có ý nghĩa khác. Tốt hơn nên chuyển ngữ từng từ một và dùng “chó” rồi giải thích ý nghĩa của nó trong văn hoá của người Do Thái bằng một lời chú thích ở cuối trang.

BDY định nghĩa điều Chúa muốn nói khi dùng từ chó. Cụm từ “người truy lạc” có thể không được chính xác vì đó là người phí bỏ đời sống mình trong tội lỗi. Nhưng Đức Giê-su không nói là không nên giảng Phúc Âm cho những người này. Đức Giê-su mô tả loại người mà khi có một người cố gắng giúp đỡ

họ, thì họ không quý sự giúp đỡ từ Chúa mà lại còn quay lại tấn công người giúp nữa.

**vật thánh:** Có lẽ Đức Giê-su đề cập đến loại thịt mà người Do Thái dâng lên cho Đức Chúa Trời trong đền thờ. Loại thịt đó sẽ được coi là thánh. Người Do Thái không bao giờ cho vật thánh như vậy cho một vật dơ dáy như con chó. Cũng như vậy, con dân Chúa không nên cố gắng dạy một người về Chúa nếu người ấy khinh miệt Chúa. Người như vậy sẽ từ khước sứ điệp và tấn công người dạy.

**quay lại cắn xé các con:** Chó dữ sẽ cắn người ta ngay cả khi họ muốn cho nó đồ ăn.

### 7:6c

**châu ngọc:** Ngọc trai rất là có giá trị, không ai nghĩ tới việc cho heo vật quý báu như vậy. Cũng như vậy Phúc Âm rất là quý báu nhưng không phải ai cũng tôn trọng giá trị của nó.

**heo:** Thí dụ về heo rất là có ý nghĩa với người Do Thái, họ tin rằng heo là vật ô uế (Lê-vi Ký 11:7, Phục 14:8). Heo cũng không có trí khôn để biết đồ quý giá, chúng chỉ biết quý đồ ăn được.

**sẽ giẫm dưới chân:** Các con heo thường đạp lên những đồ mà chúng không ăn được bởi vì chúng không biết giá trị của những đồ ấy.

## Tiểu Đoạn 7:7-12 Hãy xin sẽ được

7:7-11 nói về sự cầu nguyện. Nhưng 7:12 có cùng một ý nghĩa ở trong 7:2, tức là chúng ta nên đối xử với người khác theo cách mà chúng ta muốn họ (hay Đức Chúa Trời) đối xử với chúng ta.

7:7-11 Hãy cầu nguyện và Đức Chúa Trời sẽ trả lời

### 7:7a

**Hãy xin:** *Hãy xin* Đức Chúa Trời điều bạn cần. Động từ *xin* dùng trong bản Hy-lạp có nghĩa là “tiếp tục cầu xin.”

**sẽ được:** Đức Giê-su hàm ý hãy xin Đức Chúa Trời điều bạn cần. Nếu bạn làm như vậy, Chúa sẽ ban cho bạn điều bạn xin. Đức Giê-su muốn nói một cách tổng quát ở đây. Các môn đệ không nhận được điều họ xin mỗi lần họ cầu xin. Đức Chúa Trời không phải luôn luôn trả lời theo ý họ muốn. Nhưng Đức Giê-su muốn nói một lời hứa tổng quát và để chi tiết

cho Đức Chúa Trời: hãy xin Chúa điều bạn cần và Ngài sẽ ban cho.

### 7:7b

**hãy tìm, sẽ gặp:** Đây hàm ý một lời cầu nguyện khẩn cấp hơn. “Hãy tìm kiếm những thứ bạn cần, và Đức Chúa Trời sẽ giúp bạn gặp được.” Động từ ở trong bản Hy-lạp có nghĩa “tiếp tục tìm kiếm.”

### 7:7c

**hãy gõ, cửa sẽ mở cho các con:** Đây là một ẩn dụ về lời cầu nguyện giống như gõ cửa. Đây hàm ý một lời cầu nguyện khẩn cấp. “Hãy gõ cửa, và Đức Chúa Trời sẽ mở cửa cho bạn.” Một người gõ cửa cho thấy là họ muốn có người mở cửa. Động từ này trong bản Hy-



## 7:6A-C (ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:)

- 7:6a *Đừng cho chó vật thánh, quay lại cắn xé các con.*  
Đừng cho chó những đồ thánh, [chúng sẽ không thích và] chúng sẽ tấn công các con.  
-HAY-  
“Đừng dạy sứ điệp của Đức Chúa Trời cho những người không muốn nghe và khinh thường. Làm như vậy giống như ném vật thánh cho chó, chúng sẽ không biết đến giá trị nhưng lại tấn công các con.
- 7:6b *chó ném châu ngọc cho heo, e rằng chúng sẽ giẫm dưới chân rồi*  
Đừng cho heo [những vật quý giá giống như ] hạt trai bởi vì chúng [không biết giá trị và] sẽ đạp lên.  
-HAY-  
Đừng dạy sứ điệp của Đức Chúa Trời cho những người không tôn trọng nó.

**Tiểu đoạn 7:7-12 Hãy xin sẽ được**

- 7:7a *“Hãy xin, sẽ được;*  
Đức Giê-su phán: “Hãy xin [Đức Chúa Trời điều các con cần], và [Ngài] sẽ ban cho các con.
- 7:7b *hãy tìm, sẽ gặp;*  
Hãy tìm [điều các con cần nơi Đức Chúa Trời], các con sẽ gặp.
- 7:7c *hãy gõ, cửa sẽ mở cho các con.*  
Hãy gõ cửa, và [Đức Chúa Trời] sẽ mở cho các con.  
-HAY-  
Hãy xin [Đức Chúa Trời] sẽ đáp ứng [như một người] mở cửa nhà [hoan nghênh] các con vào.
- 7:8a *Vì ai xin thì được,*  
[Ta phán vậy] bởi vì mọi người cầu xin [Đức Chúa Trời một điều gì] thì sẽ nhận được [điều đó từ Chúa].
- 7:8b *ai tìm thì gặp*  
Người nào tìm [điều mình cần nơi Đức Chúa Trời] thì sẽ gặp.
- 7:8c *và ai gõ, cửa sẽ mở.*  
Ai gõ cửa [Đức Chúa Trời] sẽ mở cửa.

lập có nghĩa là “tiếp tục gõ.” Đức Giê-su dạy cùng một ý tưởng ở trong Lu-ca 11:5-13.

Trong một số văn hoá, người ta không gõ cửa, người ta gọi hay chờ ở cửa. Dùng từ nào để truyền thông ý tưởng rõ nhất trong ngôn ngữ của bạn.

**7:8**

Đây dùng một cách khác để nói về cùng một điều ở trong 7:7. Một lần nữa Đức Giê-su đảm bảo với các con dân Chúa rằng Đức Chúa Trời sẽ trả lời sự cầu nguyện của họ.

**7:9**

**Có ai...?:** Đây không phải là một câu hỏi thật. Câu trả lời thật rõ ràng: không có ai hết. Đức Giê-su đang nói với nhiều người, nhưng thí dụ Ngài dùng giống như là chỉ đang nói cho một người.

**bánh:** Bánh mì là một trong những thức ăn chính của người Do Thái. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không quen dùng *bánh* bạn có thể dùng từ như là “thức ăn” hay dùng loại thức ăn chính của bạn. Hãy xem 6:11.

**lại cho đá:** Không người cha nào lại cho con mình đá thay vì bánh.

**7:10**

Đây dùng các từ khác để nói về cùng một tư tưởng ở trong 7:9.

**cá:** Cá là một thức ăn chính khác của người Do Thái. Nếu bánh và cá không phải là loại thức ăn chính của các người ở trong địa bàn của bạn ăn, bạn có thể thay bằng hai từ chỉ hai loại thức ăn chính trong vùng ở 7:9-10. Bạn có thể dùng một lời chú thích ở cuối trang để giải thích về điều này trong bản dịch của bạn.

**lại cho rắn:** Người Do Thái cho việc ăn rắn là một điều ghê tởm. Luật pháp của người Do Thái (thí dụ Lê-vi Ký 11:42) nói rằng rắn là con vật “ô uế.” Nhưng trong một số nơi người ta ăn rắn. Nếu đúng như vậy bạn có thể dùng tên một loại thú vật gì mà không bao giờ người ta ăn như bò cạp hay nhện lông. Hoặc bạn muốn giữ từ rắn, thì bạn có thể thêm một lời chú thích ở cuối trang rằng rắn là loài vật mà người Do Thái bị cấm không được ăn.

**7:11a**

**các con là người gian ác:** Mặc dù các người cha đang nghe Chúa Giê-su nói là người phạm

tội (giống như tất cả mọi người khác), họ cũng muốn cho con cái của họ đồ tốt.

**quà tốt:** Đây muốn nói đến những thứ trẻ con muốn hay cần, những thứ tốt cho chúng.

**7:11b**

**huống chi ... sao?:** Những người cha tội lỗi còn biết cho con mình điều tốt. Đức Chúa Trời, là Đấng toàn thiện, còn sẵn sàng hơn để cho những người xin Ngài điều tốt.

**Cha các con ở trên trời:** Đây là một cách khác để nói “Đức Chúa Trời.”

7:12 Hãy làm cho người khác điều bạn muốn người ta làm cho bạn

Câu này gọi là “Luật Vàng.” Câu này tóm tắt lại cách mọi người phải đối xử với nhau.

**7:12a**

**bất cứ những gì con muốn người ta làm cho mình, hãy làm điều ấy cho họ:** Nếu tôi muốn người khác đối xử với tôi tốt, thì tôi cũng phải đối xử tốt với họ. Nếu chúng ta làm theo điều này, có nghĩa là chúng ta giúp đỡ người khác, chứ không làm hại họ. Bất cứ khi nào có thể được, chúng ta yêu mến và giúp đỡ đồng loại chứ không phải ghét họ.

**7:12b**

**Đó là Kinh Luật và Kinh Tiên Tri:** BDY nói: “câu này đúc kết luật pháp...” Đây muốn nói đến sự dạy dỗ ở trong CƯ, các việc mà Đức Chúa Trời ra lệnh cho người Do Thái làm. Hãy xem 5:17.

**Tiểu Đoạn 7:13-14 Chuyện ngụ ngôn về hai con đường**

Đức Giê-su chuẩn bị chấm dứt bài giảng trên núi bằng cách đòi hỏi các môn đệ ba điều: 1) Vào Nước Đức Chúa Trời (7:13,14). 2) Coi chừng lời nói và cách người ta nói một cách sai lầm rằng mình ở trong nước của Đức Chúa Trời (7:15-23). 3) Vâng lệnh Đức Giê-su (7:24-27).

Trong bài giảng trên núi này (Ma-thi-ơ chương 5,6,7), Đức Giê-su dạy về những người ở trong nước của Ngài, cách họ quan hệ với Đức Chúa Trời, và cách họ đối xử với nhau. Bây giờ ở trong 7:13-14 Chúa dùng ngụ ngôn hay ẩn dụ để dạy rằng họ phải chọn con đường nào để đi trong đời sống họ.

- 7:9 “Có ai trong vòng các con, khi con mình xin bánh lại cho đá,  
Không ai trong các con lại cho con mình đá khi nó xin bánh!  
-HAY-  
Ta hỏi các con: Nếu con các con xin bánh để ăn, các con có cho nó đá không? Dĩ nhiên là không!
- 7:10 *hay con xin cá, lại cho rắn chằng?*  
Không có người cha nào trong các con lại cho con trai mình rắn khi nó xin cá để ăn!  
-HAY-  
Nếu con của các con xin cá để ăn, các con không cho nó rắn!
- 7:11a *Nếu các con là người gian ác còn biết cho con cái mình quà tốt,*  
Ngay cả các con là người tội lỗi, các con còn biết cho con cái của các con vật tốt.
- 7:11b *huống chi Cha các con ở trên trời lại không ban điều tốt hơn cho những người cầu xin Ngài sao?*  
Cha các con ở trên trời, là người tốt, lại không muốn cho các vật tốt cho những người xin Ngài hay sao?”
- 7:12a *Vậy thì, bất cứ những gì con muốn người ta làm cho mình, hãy làm điều ấy cho họ,*  
“Hãy làm cho người khác điều mà các con muốn họ làm cho mình,  
-HAY-  
“Vậy hãy đối xử với họ giống như cách các con muốn họ đối xử với các con,
- 7:12b *vì đó là Kinh Luật và Kinh Tiên Tri.*  
bởi vì điều này tóm tắt điều Đức Chúa Trời ra lệnh trong KT [cho chúng ta làm theo].”

### Tiểu đoạn 7:13-14 Chuyện ngụ ngôn về hai con đường

- 7:13a “Hãy vào cổng hẹp,  
[Đức Giê-su phán:] “Hãy đi [vào nước của Đức Chúa Trời] qua con đường hẹp.

Có hai con đường. Một con đường dẫn đến sự chết, con đường kia dẫn đến sự sống. Cũng có hai loại cổng: cổng hẹp và cổng rộng. Trong câu chuyện ngụ ngôn không rõ là đường dẫn đến cổng hay cổng dẫn đến đường. Nhưng trong câu 13, Đức Giê-su nói đến *cổng* trước khi nói đến *đường*, đây có vẻ hàm ý rằng người ta phải đi qua cổng trước, rồi mới dẫn đến đường. Điều này áp dụng cho cả hai câu 7:13 và 7:14.

Chủ đề của Tiểu Đoạn này là: Hãy đi theo con đường dẫn đến sự sống.

#### 7:13a

**Hãy vào cổng hẹp:** Nước Đức Chúa Trời được tượng trưng như một thành phố với cổng

thành. Muốn đi qua người ta phải đi qua một *cổng hẹp*. Từ *hẹp* hàm ý rằng cuộc đời Cơ Đốc Nhân sẽ khó khăn.

**7:13b**

***cổng rộng và đường lớn:*** Từ *cổng rộng* và *đường lớn* tượng trưng cho đường dẫn đến địa ngục. *Cổng rộng* dễ đi qua. *Đường lớn* có nhiều chỗ trống đi lại dễ dàng hơn.

***dẫn đến hủy hoại:*** *Hủy hoại* đây không chỉ có nghĩa về sự chết của thân thể nhưng là sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:22.

**7:13c**

***nhiều người đi vào đó:*** Nhiều người đi qua cổng rộng và đi theo đường lớn.

**7:14a**

***Cổng hẹp và đường nhỏ:*** Cổng hẹp không dễ đi qua và đường nhỏ thì khó đi lại. Tượng trưng cho đời sống cơ đốc nhân, đời sống của một môn đệ thật của Đức Cơ Đốc.

***dẫn đến sự sống:*** Cổng hẹp và đường khó đi dẫn đến sự sống thật, đó là sự sống đời đời.

**7:14b**

***chỉ có ít người tìm thấy:*** Chỉ có một số ít người tìm được cổng và đường dẫn đến sự sống. Từ Hy-lạp mà BDM dịch là *tìm thấy* hàm ý rằng người ta tìm thấy cổng hẹp và đường khó đi vì người ta để ý tìm kiếm chúng. Họ không phải tình cờ phát hiện. Chỉ những người tìm kiếm cách khiêm nhường và thành thật sẽ tìm được đường dẫn đến sự sống đời đời.

Có thể chuyển ngữ 7:14 một cách khác:

Nhưng cổng dẫn đến sự sống [đời đời] thì hẹp và đường thì khó đi nên chỉ có một số ít người tìm được.

**Tiểu Đoạn 7:15-23 Hai loại trái cây**

Trong Tiểu Đoạn này Đức Giê-su dạy dỗ về sự khác biệt giữa môn đệ thật và môn đệ giả. Môn đệ thật hành xử cách công chính, giống như một cái cây tốt, khỏe mạnh ra trái lành. Nhưng các môn đệ giả là người tội lỗi, giống như cây xấu ra trái không tốt. Đức Giê-su mô tả những người dạy về Đức Chúa Trời và tuyên bố cách giả mạo rằng họ thuộc về Ngài, nhưng hành động của họ cho thấy họ không thành thật.

7:15-20 Hãy coi chừng các tiên tri giả mạo

**7:15a**

***Hãy đề phòng tiên tri giả:*** Đức Giê-su đang lưu ý người ta đề phòng những người giả bộ là tiên tri.

***tiên tri giả:*** Đây là những người nói dối rằng họ là tiên tri của Đức Chúa Trời. Họ tuyên bố là tiên tri của Đức Chúa Trời nhưng thật sự không phải. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:22.

**7:15b**

***những người đội lột chiên đến với các con, nhưng bên trong là lang sói tham tàn:*** Đức Giê-su dùng thí dụ về chó sói (chó rừng) mặc giả lông chiên, để chúng có thể đến gần để giết và ăn thịt chiên. Chúa cảnh cáo các môn đệ về các tiên tri giả mạo là những người có ý xấu nhưng giả bộ như là con dân tốt của Chúa.

***lang sói tham tàn:*** Đây tượng trưng cho những người dạy các sự sai lầm và lừa gạt những người tin theo họ.

Nếu trong địa bàn của bạn ở không có chiên, bạn có thể dùng tên của một loài thú địa phương được người ta cho là hiền lành, vô hại. Nếu trong địa bàn của bạn không có chó sói bạn có thể dùng tên một con thú dữ ăn thịt các con vật khác.

**7:16a**

***Các con nhận biết người ta nhờ hoa quả của họ:*** Bạn sẽ biết được người ta là loại người nào qua lời nói và các việc làm của họ, cách họ sống.

**7:16b**

***Không ai hái nho nơi bụi gai hay hái vả nơi chà chôm:*** Tất cả người Do Thái đều biết rằng không ai hái nho nơi bụi gai và hái vả nơi chà chôm. Bụi gai chỉ có những cái gai lớn. và chà chôm chỉ có các gai nhỏ bao quanh.

- 7:13b *vì cổng rộng và đường lớn dẫn đến hủy hoại,*  
Bởi vì cổng rộng và đường lớn dẫn đến sự trừng phạt [của Đức Chúa Trời],  
-HAY-  
Bởi vì cửa và đường dẫn đến địa ngục thì rộng rãi và dễ đi,
- 7:13c *nhiều người đi vào đó.*  
nhiều người đi đường đó.
- 7:14a *Cổng hẹp và đường nhỏ dẫn đến sự sống,*  
Nhưng cửa dẫn đến đời sống vĩnh phúc thì hẹp và đường khó đi,
- 7:14b *chỉ có ít người tìm thấy.*  
chỉ có ít người tìm được.”

### Tiểu đoạn 7:15-23 Hai loại trái cây

- 7:15a *“Hãy đề phòng tiên tri giả*  
[Đức Giê-su phán:] “Hãy coi chừng tiên tri giả mạo.  
-HAY-  
[Đức Giê-su] cảnh cáo [các môn đệ của Ngài] về các tiên tri giả mạo. [Ngài phán:]
- 7:15b *là những người đội lốt chiên đến với các con, nhưng bên trong là lang sói tham tàn.*  
Họ đến với các con giả bộ như là chiên, nhưng họ thật là chó sói.  
-HAY-  
Họ giả bộ đến với các con một cách tử tế, nhưng họ định làm hại các con.
- 7:16a *Các con nhận biết người ta nhờ hoa quả của họ.*  
Các con sẽ biết được họ là loại người nào bởi các lời nói và việc làm [gian ác] của họ.
- 7:16b *Không ai hái nho nơi bụi gai hay hái vả nơi chà chôm.*  
Các bụi gai có sanh được trái nho không? Không. Không ai hái vả nơi bụi gai.
- 7:17 *Cũng vậy cây lành sinh quả lành, cây độc sinh quả độc.*  
Những cây tốt sinh trái lành, và cây xấu sinh trái độc.

Nếu trong địa bàn của bạn không có những loại trái và cây này, bạn có thể dùng loại trái cây nào ăn ngon và loại bụi cây nào chỉ mọc gai mà không có trái. Nho và vả là hai loại trái cây chính mà người Do Thái ăn. Bụi gai và chà chôm là nan đề của người nông dân khi thu hoạch mùa màng. Có thể chuyển ngữ như sau:

Người ta không hái các trái cây ngon như nho và vả từ nơi bụi cây xấu như bụi gai và chà chôm.”

### 7:17

Trong 7:16-20 Đức Giê-su dùng ẩn dụ của cây và các loại trái mọc trên cây để dạy về các tiên tri giả mạo. Người ta có thể nhận diện ra một người xấu bằng hành động của người ấy chứ không phải ở điều họ nói về mình. Một người tốt sẽ làm những việc tốt. Loại quả cho biết loại cây, cách một người hành động cho thấy bản chất thật của người ấy.

**cây lành sinh quả lành:** Đây muốn nói đến một cây mạnh khỏe và trái tốt.

**cây độc sinh quả độc:** Nói một cách khác là: “một cây bệnh ... sanh trái không ăn được.”

### 7:18

Câu này nói lại một cách tiêu cực những gì tác giả đã nói ở trong 7:17.

### 7:19

**Cây nào không sinh quả lành sẽ bị đốn và ném vào lửa:** Đây cho thấy điều người chăm sóc vườn sẽ làm. Người ấy sẽ đốn và đốt những cây không sanh trái lành. Điều này tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời trừng phạt những người phạm tội và không làm điều đúng. Đặc biệt Đức Giê-su đang nói về những tiên tri giả mạo ở đây. Hãy xem PKTCD của 7:20.

### 7:20

**các con nhận biết người là nhờ quả của họ:** Cùng một ý như ở trong 7:16.

7:21-23 Những người không thật lòng tin

### 7:21a

**Không phải hề ai...đều sẽ vào:** Nói một cách khác là: “một số người...sẽ không vào...”

**Lạy Chúa, lạy Chúa:** Dùng tên “Chúa” nhiều hơn là một lần cho thấy người đó thật sự tôn kính Chúa Giê-su. Nhưng trong trường hợp của những người này, họ không thật sự tôn trọng Đức Giê-su.

Có lẽ người trong địa bàn của bạn không lập lại “Chúa, Chúa.” Nếu đúng như vậy, hãy dùng bất cứ nhóm từ nào dùng để chỉ sự tôn trọng một cách tự nhiên để nhấn mạnh người ấy đang bày tỏ sự tôn kính người mình đang nói chuyện với.

**sẽ vào Nước Thiên Đàng:** Có thể giải thích nhóm từ này theo hai cách:

- (1) Ở giữa những người mà Đức Chúa Trời làm vua cai trị.
- (2) Đi lên thiên đàng.

Mặc dù ngữ cảnh của 7:22 nói về tương lai, khi Đức Chúa Trời sẽ đoán xét mọi người, ý nghĩa thứ nhất có vẻ thích hợp hơn. Bởi vì Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục cai trị đất và trời, và chúng ta không biết được hết cả mọi chi tiết. Vậy tốt hơn nên dùng ý nghĩa rộng rãi. Về

*Nước Thiên Đàng*, hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:20.

### 7:21b

Ở cuối 7:21 Đức Giê-su hàm ý: “...chỉ những người làm theo ý muốn Cha Ta ở trên trời sẽ được vào nước thiên đàng.”

### 7:22a

**ngày ấy:** Đây muốn nói đến trong tương lai khi Đức Chúa Trời sẽ đoán xét tất cả mọi người. Có hai cách giải thích:

- (1) Một thời gian vô định.
- (2) Thời gian 24 giờ một ngày.

Ý nghĩa nào cũng khả dĩ, nhưng trong KT ngày thường được giải thích như là một thời gian vô định hỗ trợ cho sự giải thích (1).

### 7:22b

**nhân danh Ngài:** Trong bản Hy-lạp nhóm từ này được dùng ba lần ở trong 7:22. Ý nghĩa chính ở đây là những người này nói họ làm những điều đó do thẩm quyền của Đức Giê-su. Họ nói họ nhờ cậy nơi quyền năng của Ngài.

**nói tiên tri:** Cụm từ *nói tiên tri* là nói về một việc được Đức Chúa Trời bày tỏ. Ý chính ở đây không phải chỉ là đoán trước việc sẽ xảy ra trong tương lai.

### 7:22c

**trừ quỷ:** Đây muốn nói đến đuổi quỷ ra khỏi người ta, đuổi quỷ đang điều khiển con người.

**quỷ:** Đây không phải là linh hồn của người chết, nhưng là những tà linh ở dưới quyền của Sa-tan.

**làm nhiều phép lạ:** Không rõ đây là những phép lạ thật hay là những phép lạ người ta giả mạo và nói rằng họ làm nhân danh Đức Giê-su.

### 7:23a

**Ta:** Đức Giê-su sẽ là quan tòa xét xử vào lúc đó.

**họ:** Đây muốn nói đến các người tin giả mạo ở trong 7:22.

### 7:23b

**Ta không biết các người:** Nhóm từ “Ta không biết các người!” được các giáo sư tôn giáo của

- 7:18 *Cây lành không thể sinh quả độc, cây độc cũng không sinh quả lành.*  
Cây lành không thể sinh trái độc, và cây độc cũng không sinh trái lành.
- 7:19a *Cây nào không sinh quả lành sẽ bị đốn và ném vào lửa.*  
Cây không có trái lành sẽ bị người ta chặt và ném vào lửa.  
-HAY-  
[Như người nông dân] chặt cây không sinh trái và ném nó vào lửa [Đức Chúa Trời cũng] sẽ trừng phạt [những tiên tri giả mạo].
- 7:20 *Thế thì, các con nhận biết người là nhờ quả của họ.*  
Vậy thì, các con sẽ biết ai là những tiên tri giả này bởi các việc làm [gian ác] của họ.”  
-HAY-  
Cũng như vậy, các con sẽ biết những tiên tri giả mạo này là ai bởi cách sống [gian ác] của họ.”
- 7:21a *“Không phải hễ ai nói với Ta: ‘Lạy Chúa, lạy Chúa’ đều sẽ vào Nước Thiên Đàng đâu,*  
“Không phải tất cả những người gọi ta là Chúa sẽ được Đức Chúa Trời làm vua của họ.  
-HAY-  
“Một số người nói với Ta ‘Chúa, Chúa’ sẽ không được lên thiên đàng nơi Đức Chúa Trời cai trị.
- 7:21b *nhưng chỉ những người làm theo ý muốn của Cha Ta ở trên trời.*  
Đức Chúa Trời, Cha Ta ở trên trời, sẽ chỉ làm vua những người vâng lời Ngài.
- 7:22a *Vào ngày ấy, nhiều người sẽ nói với Ta rằng:*  
[Vào lúc] Đức Chúa Trời đoán xét [tất cả] mọi người trên thế gian, nhiều người [không làm theo điều Đức Chúa Trời muốn] sẽ nói với Ta,
- 7:22b *‘Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng con đã nhân danh Ngài nói tiên tri,*  
‘Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi nhân danh Chúa đã giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời!  
-HAY-  
‘Lạy Chúa, lạy Chúa [chắc chắn Chúa nhớ chúng con], chúng con đã giảng sứ điệp của Ngài với thẩm quyền của Chúa.’
- 7:22c *nhân danh Ngài trừ quỷ, nhân danh Ngài làm nhiều phép lạ.’*  
Chúng con nhờ cậy quyền năng của Ngài để đuổi quỷ ra khỏi người ta và làm nhiều phép lạ!  
-HAY-  
Chúng con đuổi quỷ ra khỏi người ta và chúng con làm nhiều phép lạ bằng cách nhờ cậy quyền năng của Chúa!
- 7:23a *Nhưng Ta sẽ phán cùng họ rằng:*  
Vậy Ta sẽ nói rõ với những người ấy là:
- 7:23b *‘Ta không biết các người, hỡi những kẻ gian ác hãy lui ra khỏi Ta!’”*  
‘Ta không biết các người. Hãy lui khỏi Ta, những người gian ác.’”  
-HAY-  
‘Các người là người gian ác, các người không phải là môn đệ Ta! Hãy lui khỏi Ta!’”

người Do Thái dùng khi họ muốn đuổi hay không muốn có quan hệ với một người nào. Có nghĩa là “Ta không dính líu gì đến người hết!” Nó không có nghĩa là “Ta không biết người là ai!”

**những kẻ gian ác:** Nói một cách khác: “các người làm điều gian ác.” Đây hàm ý có thói quen làm điều gian ác, mặc dù họ tuyên bố là họ làm việc tốt. Đức Giê-su biết rõ họ là người như thế nào.

### Tiểu Đoạn 7:24-27 Hai người xây nhà

Câu chuyện cuối cùng của Bài Giảng Trên Núi nói về hai người xây nhà, một người khôn và một người dại. Đây tượng trưng cho hai loại người: những người vâng lời Đức Giê-su và những người không vâng lời.

Chủ đề của Tiểu Đoạn này là: Vâng lời Đức Giê-su.

#### 7:24a

**Vậy:** Câu chuyện này tóm tắt những điều Đức Giê-su dạy ở trong 7:13-23. Có hai sự lựa chọn, và mỗi người phải quyết định chọn đường nào.

**lời Ta dạy:** Đức Giê-su đề cập đến tất cả những điều Chúa dạy dỗ ở trong Bài Giảng Trên Núi (các chương 5,6,7). Nhưng đây cũng bao gồm mọi điều Ngài dạy dỗ.

#### 7:24b

**sẽ giống như một người khôn ngoan:** Đây là một người nhạy cảm suy nghĩ trước khi hành động.

**xây nhà mình trên nền đá:** Người này xây nhà của mình trên nền đá vững chắc. Đây tượng trưng cho đời sống của một người dựa trên lời dạy của Đức Giê-su Cơ Đốc.

Có lẽ người trong địa bàn của bạn không xây nhà theo phương pháp này. Nếu điều này làm cho người ta hiểu là họ phải thay đổi cách xây cất nhà, thì tốt hơn nên nói một cách tổng quát như là “...ai xây nhà trên một nền nhà vững chắc.” Trong một số trường hợp, người chuyển ngữ có thể cần phải nói là: “...người xây nhà trên những trụ đóng sâu xuống đất cách vững vàng.” Nhưng hãy nhớ rằng Đức Giê-su đang dùng ẩn dụ ở đây. Ngài không thật sự nói về cách người ta xây nhà nhưng mà là về cách người ta phải sống như thế nào.

#### 7:25

Đây là một ẩn dụ cảnh cáo về thử thách. Thử thách sẽ đến cho đời sống của mỗi người. Người ta có vượt qua được sự thử thách hay

không tùy thuộc vào họ có vâng lời Chúa hay không.

#### 7:25a

**mưa:** Đây nói đến mưa bão lớn.

**nước lụt dâng lên:** Nước dâng tràn lên hai bên bờ sông.

#### 7:25b

**đã được xây trên nền đá:** Người này đã xây nhà trên nền đá.

7:24-25 tượng trưng khi một người vâng theo lời Chúa bị thử thách, họ sẽ vượt qua được.

#### 7:26a

**Còn:** Hai câu kế tiếp trái ngược với các câu 24 và 25 vậy nên từ này cũng có thể chuyển ngữ là “nhưng.”

#### 7:26b

**một người ngu dại:** Một người ngu là một người không hiểu biết, người không suy nghĩ trước khi làm việc.

**xây nhà mình trên cát:** Người này xây nhà mình trên đất cát, không có đá ở bên dưới.

#### 7:27a

**mưa đổ xuống, nước lụt dâng lên, cuồng phong ập đến:** Đây là cùng những từ được dùng ở trong 7:25.

#### 7:27b

**nhà ấy sụp đổ, hư hại nặng nề:** Cả nhà sẽ sụp đổ. Hoàn toàn bị hư hại.



### Tiểu đoạn 7:24-27 Hai người xây nhà

- 7:24a *“Vậy, ai nghe lời Ta dạy và làm theo,*  
Đức Giê-su phán: “Vậy hễ ai nghe những điều mà Ta dạy dỗ và làm theo
- 7:24b *sẽ giống như một người khôn ngoan xây nhà mình trên nền đá.*  
thì giống như người khôn ngoan xây nhà mình trên nền đá  
-HAY-  
thì giống như người khôn ngoan xây nhà mình trên nền vững chắc.
- 7:25a *Khi mưa đổ xuống, nước lụt dâng lên, cuồng phong ập đến,*  
Một cơn mưa lớn đổ xuống, và các sông lụt. Gió thổi mạnh vào nhà đó.
- 7:25b *nhà ấy không sụp đổ vì đã được xây trên nền đá.*  
Nhưng cái nhà không sụp vì đã được xây trên nền bằng đá.  
-HAY-  
Nhưng nhà tiếp tục đứng vững bởi vì đã được dựng trên một nền vững chắc.
- 7:26a *Còn ai nghe lời Ta dạy, nhưng không làm theo*  
Nhưng còn ai nghe lời Ta dạy nhưng không làm theo
- 7:26b *thì giống như một người ngu dại xây nhà mình trên cát.*  
thì giống như người khờ dại xây nhà mình trên cát.  
-HAY-  
thì giống như một người khờ dại xây nhà trên nền không vững.
- 7:27a *Khi mưa đổ xuống, nước lụt dâng lên, cuồng phong ập đến,*  
Một cơn mưa lớn đổ xuống, và các sông bị lụt. Gió lớn thổi vào nhà đó.
- 7:27b *thì nhà ấy sụp đổ, hư hại nặng nề.”*  
Cả cái nhà đổ xuống.”

### Tiểu đoạn 7:28-29 Thẩm quyền của Đức Giê-su

- 7:28a *Khi Đức Giê-su dứt lời,*  
Khi Đức Giê-su phán xong những điều này,

### Tiểu Đoạn 7:28-29 Thẩm quyền của Đức Giê-su

Đức Giê-su chấm dứt Bài Giảng Trên Núi. Những người nghe Ngài biết Ngài nói với một thẩm quyền khác với những giáo sư khác.

#### 7:28a

**Khi Đức Giê-su dứt lời:** Những lời này của Ma-thi-ơ cho thấy Đức Giê-su mới chấm dứt

một bài giảng dài. Nhóm từ này cho thấy Bài Giảng của Đức Giê-su chấm dứt ở đây.

**dứt lời:** Đây nói đến những lời ở trong 5:3-7:27.

**7:28b**

**đoàn dân đông:** Đây cho thấy nhiều người đến và gia nhập vào đám môn đệ của Chúa trong khi Ngài dạy dỗ. Vậy nên ở cuối bài giảng, có nhiều người nghe Ngài dạy dỗ. Hãy xem 4:25, 5:1.

**vô cùng ngạc nhiên:** Họ rất ngạc nhiên về cách dạy của Đức Giê-su mà họ chưa từng kinh nghiệm trước đây.

**vì sự dạy dỗ của Ngài:** Họ kinh ngạc về cách Chúa dạy dỗ nhưng cũng có nghĩa là về “các điều Chúa dạy” nữa.

**7:29**

**vì Ngài dạy dỗ đầy quyền uy:** Chính Đức Giê-su có quyền năng để dạy chân lý. Không ai cho Ngài thẩm quyền ấy cả. Chúa phán

với thẩm quyền của Đức Chúa Cha ban cho Ngài.

**quyền uy:** Từ Hy-lạp *exousia* “khả năng (để làm một việc gì), hay quyền năng, thẩm quyền.” Trong ngữ cảnh này có nghĩa là Đức Giê-su không tùy thuộc vào thẩm quyền của một giáo sư Do Thái nào khác. Hãy xem Lời Giải Nghĩa ở dưới đây.

**chứ không như các chuyên gia kinh luật của họ:** Chúa không dạy dỗ như các chuyên gia kinh luật dạy. Khi họ dạy người ta, họ trích dẫn lời của các giáo sư Do Thái khác. Nhưng Đức Giê-su dùng chính lời của Ngài. Chúa rất ít trích dẫn lời nói của các giáo sư Do Thái khác.

**các chuyên gia kinh luật:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:4a.

**Phân đoạn phụ 8:1-9:34 Đức Giê-su làm nhiều phép lạ**

Trong những đoạn này, hầu hết công việc của Đức Giê-su được làm ở tại xứ Ga-li-lê, đa số ở gần biển hồ Ga-li-lê. Trong các chương 5-7, Đức Giê-su giảng Bài Giảng Trên Núi. Các chương 8 và 9 nói đến việc Đức Giê-su làm phép lạ và kêu gọi người ta làm môn đệ. Ma-thi-ơ 4:23 cho biết Đức Giê-su làm những việc này: “Đức Giê-su đi khắp miền Ga-li-lê, dạy dỗ trong các nhà hội, truyền giảng Phúc Âm nước thiên đàng và chữa lành tất cả bệnh hoạn, tật nguyên trong dân chúng.”

**Tiểu Đoạn 8:1-4 Đức Giê-su chữa lành người phong**

Phép lạ đầu tiên Đức Giê-su làm sau khi giảng xong Bài Giảng Trên Núi là chữa lành một người mắc bệnh ngoài da gọi là bệnh phong.

Có thể trong ngôn ngữ của bạn, nghe tự nhiên hơn nếu bắt đầu đoạn này như là: “Khi Đức Giê-su dạy xong, Ngài xuống núi” hay “Rồi Đức Giê-su đi xuống núi.”

**8:1-2 Một người phong muốn được chữa lành**

Bệnh phong là một bệnh ngoài da rất kinh khủng. Người bị bệnh phong bị coi như là ô uế và không tinh sạch. Có nghĩa là họ sẽ không được sống chung với người khác hay ngay cả thờ phượng Chúa với những người không có bệnh. Bất cứ người nào đụng đến người phong cũng bị coi là ô uế. Những người phong sống chung lại với nhau xa khỏi những người khác. Các luật lệ về người phong được tìm thấy ở trong Lê-vi Ký chương 13 và 14 và ở trong Phục Truyền 24:8.

**8:1**

**núi:** Núi mà Đức Giê-su giảng Bài Giảng Trên Núi.

**có rất đông người:** Có rất nhiều người ở đó (cũng hãy xem 4:25).

**8:2a**

**Kìa:** Trong văn hoá của người Do Thái người ta sẽ ngạc nhiên khi thấy người phong can đảm tiến vào một đám đông. Tuy nhiên, không rõ là từ Hy-lạp được chuyển ngữ là “kìa” ở đây cho thấy sự ngạc nhiên hay là một cách để giới thiệu nhân vật chính vào câu chuyện. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 1:20b và Lời Giải Nghĩa kế tiếp.

- 7:28b *đoàn dân đông vô cùng ngạc nhiên vì sự dạy dỗ của Ngài, đám đông rất ngạc nhiên vì cách và điều Ngài dạy dỗ.*  
**-HAY-**  
 tất cả những người nghe Ngài đều ngạc nhiên về cách và điều Ngài dạy dỗ.
- 7:29 *vì Ngài dạy dỗ đầy quyền uy chứ không như các chuyên gia kinh luật của họ.*  
 Đó là vì Đức Giê-su không dạy như các chuyên gia kinh luật. Ngài dạy như một người có thẩm quyền [từ Đức Chúa Trời].

### Phân Đoạn phụ 8:1-9:34 Đức Giê-su làm nhiều phép lạ

#### Tiểu Đoạn 8:1-4 Đức Giê-su chữa lành một người bị bệnh phong

- 8:1 *Khi Đức Giê-su từ trên núi xuống, có rất đông người đi theo Ngài.*  
 Khi Đức Giê-su từ trên núi xuống, có một đám đông đi theo Ngài.
- 8:2a *Kìa, một người phong đến quỳ gối xin:*  
 Một người phong đến và quỳ gối xuống trước mặt Ngài,
- 8:2b *“Thưa Chúa, nếu Chúa muốn, Ngài có thể chữa lành cho con.”*  
 người ấy nói: “[Thưa] Chúa, [con biết rằng] nếu Chúa muốn, Ngài có thể chữa lành cho con.”

**một người phong:** Đây không rõ là loại bệnh ngoài da gì. Nhưng người bệnh nói với Đức Giê-su: “Chúa có thể chữa lành cho con.” Vì người Do Thái coi bệnh phong làm cho người ta bị ô uế không dự được các nghi lễ tôn giáo, người này không được đi vào nơi thánh khiết. Có lẽ ông ta bị bệnh phong.

#### 8:2b

**Thưa Chúa:** Dường như người phong nói với Chúa một cách kính trọng như một người chứ không phải như là Đức Chúa Trời vì chắc người này chưa biết Đức Giê-su là con Đức Chúa Trời. Trong bản Hy-lạp chỉ dùng từ *Chúa*. BDM thêm *Thưa* cho thích hợp với văn hoá Việt Nam. Bạn có thể cần phải thêm như vậy trong bản dịch của bạn. Bạn nên chuyển ngữ điều người này nói một cách lễ phép và thích hợp để chào một người rất là quan trọng.

Có thể khó mà chuyển ngữ từ ‘Chúa’ vì trong tiếng Hy-lạp nó có thể dùng để gọi Đức Chúa Trời, Đức Giê-su, các thiên sứ và cả con người. Khi người ta gọi Đức Giê-su là ‘Chúa’, không rõ là họ ý thức được Chúa

không phải là một người thường (và vì vậy gọi là Chúa) hay họ chỉ gọi như vậy vì kính trọng.

**nếu Chúa muốn:** Người phong đang cố gắng xin Đức Giê-su chữa lành cho mình một cách rất lễ phép. Có thể nói một cách khác: “nếu Chúa đẹp lòng...” hay “Nếu Chúa vui lòng...” Bạn nên để trong bản dịch của bạn rõ là người phong đang xin Đức Giê-su chữa lành cho mình.

**Ngài có thể chữa lành cho con:** Ý nghĩa lời nói của người phong có thể không được rõ ràng trong bản dịch tiếng Việt. Người phong diễn tả ý là ông ta biết Chúa có khả năng để chữa lành cho ông ta.

**chữa lành cho con:** Trong bản Hy-lạp nhóm từ này là “làm cho con sạch.” Văn hoá Do Thái cho người phong không tinh sạch về mặt tôn giáo. Có nghĩa là người phong không được gần người khác hay đi đến đền thờ để thờ phượng Đức Chúa Trời. Nói một cách khác người phong phải sống xa người ta. Nếu một người phong được lành họ sẽ được coi là “sạch.” Không những người này

chỉ được chữa lành nhưng họ sẽ được chấp nhận sống lại với gia đình. BDC chuyển ngữ nhóm từ này từng từ một, nhưng BDM chuyển ngữ theo ý nghĩa.

8:3-4 Đức Giê-su chữa lành người phung

### 8:3a

**sờ người:** Đức Giê-su đụng đến người bệnh, trên áo hoặc là trên da. Đây là một điều mà người Do Thái nhìn rất ngạc nhiên. Theo luật Môi-se hễ ai đụng vào người ô uest, cũng sẽ trở nên ô uest trong một thời gian. Đây là lý do tại sao người ta sợ không đụng đến người phung. Nhưng Đức Giê-su không sợ đụng đến người phung.

**hãy lành bệnh:** Đức Giê-su ra lệnh: “hãy lành bệnh” hay “Ta đã chữa lành cho con.”

**Lập tức người phung được lành:** Đức Giê-su lập tức chữa lành cho ông ta, ông ta được khỏi bệnh.

### 8:4

**Này, đừng nói với ai cả:** Tại sao trong câu này Đức Giê-su nói với người phung: “Đừng nói với ai cả”? Có lẽ có hai lý do mà Chúa không muốn nhiều người biết là Chúa làm phép lạ. Thứ nhất, nếu có nhiều người nghe về phép lạ của Ngài sớm quá, họ sẽ có thể cố gắng ép Ngài làm vua. Ý muốn của Đức Chúa Trời không phải để Ngài làm vua trên đất này vào lúc đó. Thứ nhì, nhiều thầy tế lễ

ghen tị với Đức Giê-su. Nếu họ nghe Đức Giê-su chữa bệnh cho người này họ có thể từ chối tuyên bố là người đã được khỏi bệnh phung. Đức Giê-su cũng muốn tôn trọng luật Môi-se, tức là người phung phải chờ đến khi thầy tế lễ tuyên bố là lành mới được cho là lành bệnh (Lê-vi Ký chương 14).

### 8:4b

**hãy đi trình diện cùng thầy tế lễ:** Đức Giê-su bảo người này đi trình diện thầy tế lễ để người có thể khám và chứng nhận là người phung đã khỏi bệnh. Hãy xem CDN.

**thầy tế lễ:** Một thầy tế lễ Do Thái có quyền quyết định là một người đã lành bệnh phung hay chưa. Nếu người đã lành bệnh, người được coi là tinh sạch và sẽ có thể dự lễ thờ phượng Chúa với những người khác ở đền thờ hay hội đường.

**dâng lễ vật theo như Môi-se đã dạy:** Trong Lê-vi Ký 14:1-7 Môi-se ghi lại một người phải mang một tế lễ đặc biệt cho thầy tế lễ để dâng lên cho Đức Chúa Trời. Đức Giê-su bảo người phung phải vâng theo điều Môi-se đã ra lệnh.

### 8:4c

**để làm chứng cho họ:** Nếu người phung theo Luật Môi-se và thầy tế lễ tuyên bố là ông ta được lành bệnh thì mọi người sẽ biết chắc là Đức Giê-su chữa lành cho ông ta.

## Tiểu Đoạn 8:5-13 Đức Giê-su chữa lành cho đầy tớ của một sĩ quan La-mã

Câu truyện này cho thấy rằng một sĩ quan La-mã có đức tin lớn hơn nhiều người Do Thái có. Vị sĩ quan tin rằng Đức Giê-su có quyền năng chữa bệnh cho đầy tớ của ông ta, không cần phải tới tận nhà. Đây thật là khác với một số nhà lãnh đạo Do Thái, là những người không tin nơi Đức Giê-su sau khi họ thấy Chúa làm phép lạ. Đức Giê-su ban thưởng cho đức tin của vị sĩ quan La-mã bằng cách chữa lành cho đầy tớ của ông ta.

8:5-7 Một sĩ quan La-mã xin Đức Giê-su giúp đỡ

### 8:5

**Ca-pha-na-um:** Đây là một tỉnh ở gần biển hồ Ga-li-lê.

**đội trưởng:** Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là một người chỉ huy 100 quân lính trong quân đội La-mã và là một tước vị được người ta tôn trọng. Có lẽ tương tự với “đại úy” của quân đội Việt Nam. BDM dùng từ *đội trưởng* có tính cách tổng quát hơn. Có thể chuyển ngữ là:

- 8:3a *Ngài đưa tay ra sờ người ấy và phán: “Ta muốn, hãy lành bệnh!”*  
Đức Giê-su đưa tay ra đụng đến người ấy và phán: “Ta muốn. Con được lành bệnh!”  
-HAY-  
Đức Giê-su đưa tay ra đụng đến người ấy và phán: “Ta chữa lành cho con ngay bây giờ.”
- 8:3b *Lập tức người phung được lành.*  
Lập tức người phung được lành.
- 8:4a *Đức Giê-su dặn người ấy: “Này, đừng nói với ai cả,*  
Rồi Đức Giê-su nói với người ấy: “Con không được nói với ai [về việc xảy ra] cả.
- 8:4b *nhưng hãy đi trình diện cùng thầy tế lễ và dâng lễ vật theo như Môi-se đã dạy*  
Hãy để thầy tế lễ khám con [chứng nhận là con đã hết bệnh] và xin người dâng tế lễ [cho Đức Chúa Trời] như Môi-se đã truyền dạy [cho những người phung làm khi họ được sạch bệnh].
- 8:4c *để làm chứng cho họ.”*  
Làm như vậy cho người ta thấy rằng con đã được khỏi bệnh.”

**Tiểu đoạn 8:5-13 Đức Giê-su chữa bệnh cho đầy tớ của một sĩ quan La-mã**

- 8:5 *Khi Đức Giê-su vào thành Ca-pha-na-um, một đội trưởng đến xin Ngài:*  
Khi Đức Giê-su vào thành Ca-pha-na-um, một sĩ quan La-mã đến với Ngài. Ông ta xin Đức Giê-su giúp đỡ mình.
- 8:6 *“Thưa Thầy, người đầy tớ của tôi bị bệnh bại liệt đang nằm tại nhà đau đớn vô cùng.”*  
Ông nói: “Thưa Chúa, tôi có một người đầy tớ bệnh rất nặng. Nó nằm liệt ở nhà, rất là đau đớn.”

người chỉ huy 100 quân lính trong quân đội La-mã

**đến xin Ngài:** Ông ta xin Đức Giê-su giúp đỡ.

**8:6**

Vị sĩ quan thưa với Chúa về bệnh tình của người đầy tớ bởi vì ông muốn Đức Giê-su chữa lành bệnh cho người đầy tớ. Nhớ nói rõ trong bản dịch của bạn.

**Thưa Thầy:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 8:2.

**bị bệnh bại liệt:** Có lẽ người đầy tớ không di chuyển chân được. Bệnh tật có thể ảnh hưởng trên các phần khác của thân thể anh ta.

**đau đớn vô cùng:** Anh ta luôn luôn đau đớn, nhất là khi cố gắng để vận động thân thể.

**8:8-9 Vị sĩ quan La-mã có đức tin nơi Đức Giê-su**

Điều người sĩ quan La-mã nói trong những câu này cho thấy ông ta tin rằng Đức Giê-su có quyền năng chữa lành cho đầy tớ của ông ta. Là một sĩ quan La-mã, ông chỉ cần ra lệnh là lính và các đầy tớ của ông phải làm theo điều ông nói. Trong 8:9 vị sĩ quan La-mã hàm ý: “Tôi biết Chúa cũng có quyền ra lệnh và đầy tớ tôi sẽ được lành bệnh.”

**8:8a**

**tôi không xứng đáng tiếp Thầy vào nhà:** Các sĩ quan La-mã có quyền trên tất cả các người Do Thái, kể cả Đức Giê-su. Vậy nên đây là một câu tuyên bố đức tin một cách khiêm nhường của vị sĩ quan. Lời tuyên bố này cũng nhắc chúng ta nhớ rằng luật lệ của người Do Thái nói rằng tất cả các nhà của người ngoại quốc đều ô ւế. Vị sĩ quan La-mã biết điều này, và không muốn Đức Giê-su phải phạm luật. Nhưng Đức Giê-su không lo về việc phải vào nhà người ngoại quốc.

**8:8b**

**chỉ truyền một lời, đây tớ tôi sẽ được lành:** Vị sĩ quan La-mã biết rằng Đức Giê-su có thẩm quyền chỉ cần ra lệnh là đây tớ của ông ta sẽ được lành bệnh.

**8:9a**

**Vì tôi ở dưới quyền người khác:** Có những vị sĩ quan cấp trên của ông này mà ông ta phải nghe lời. Vị sĩ quan nói điều này để cho thấy là ông hiểu việc một người chỉ ra lệnh thì người khác phải làm theo.

**cũng có binh sĩ dưới quyền tôi:** Ông ta có quân lính dưới quyền phải nghe lời ông ta.

**8:9b**

**Tôi bảo người này: ‘Hãy đi’, thì nó đi, và bảo người kia: ‘Hãy đến’, thì nó đến:** Ông muốn nói đến lính của ông vâng lệnh của ông.

**8:9c**

**đây tớ của tôi:** Đây có thể là một người nô lệ. Đây có thể là cùng và cũng có thể là khác với người đây tớ ở trong 8:6. Vị sĩ quan La-mã ra lệnh cho quân lính và các đây tớ của ông ta.

**8:9d**

Vị sĩ quan La-mã muốn hàm ý ở cuối câu 8:9: “Lệnh của Ngài cũng có quyền năng.” Có vẻ hàm ý là ông ta biết Đức Giê-su có quyền trên bệnh tật.

8:10-12 Đức tin của vị sĩ quan La-mã lớn hơn đức tin của người Do Thái

**8:10a**

**làm ngạc nhiên:** Đức Giê-su ngạc nhiên. Ngài không ngờ vị sĩ quan này có đức tin lớn như vậy vì ông ta không phải là người Do Thái.

**8:10b**

**Thật, Ta bảo các con:** Đức Giê-su muốn nhấn mạnh vào điều Ngài sắp nói. Hãy xem 5:18 và Lời Giải Nghĩa.

**Ta không thấy ai trong dân Y-sơ-ra-ên có đức tin như thế này:** Theo lẽ thường Đức Giê-su có thể nghĩ rằng dân sự của Đức Chúa Trời, người Do Thái, phải có đức tin.

Nhưng người ngoại quốc này đã có đức tin lớn hơn hết trong những người mà Chúa đã thấy trong vòng người Do Thái. Đây không có nghĩa là Chúa tìm những người có đức tin, nhưng có nghĩa là Chúa chưa gặp người Do Thái nào có đức tin mạnh như vậy.

**8:11a**

**Ta cho các con biết:** Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu bằng một từ có nghĩa là “và.” Có lẽ Đức Giê-su dùng từ này cùng với “Ta cho các con biết” để nói đây là điều quan trọng mà Chúa muốn thêm vào. Bản tiếng Việt không chuyển ngữ từ “và” này.

**Nhiều người từ phương đông, phương tây:** Nhiều người sẽ đến từ các nơi khác nhau của nhiều quốc gia.

**8:11b**

**sẽ đến và ngồi đồng bàn:** Đây mô tả bữa đại tiệc mà người Do Thái tin là sẽ có khi Đấng Cứu Thế trở lại. Họ tin rằng không có người ngoại quốc nào được tham dự bữa đại tiệc ấy. Đối với người Do Thái, bữa tiệc này là một ẩn dụ cho chiến thắng của người Do Thái trên các kẻ thù (người ngoại quốc). Nhưng Đức Giê-su nói rằng người ngoại quốc sẽ đến dự tiệc này bởi vì họ tin rằng Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, có nhiều người Do Thái sẽ không ở trong bữa tiệc đó bởi vì họ không tin Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế.

- 8:7 *Ngài phán: “Ta sẽ đến chữa lành cho nó.”*  
Đức Giê-su bảo ông: “Ta sẽ đến chữa lành cho nó.”
- 8:8a *nhưng viên đội trưởng đáp: “Thưa Thầy, tôi không xứng đáng tiếp Thầy vào nhà.*  
Người sĩ quan nói với Đức Giê-su: “Thưa thầy, tôi không quan trọng đủ để tiếp thầy vào nhà.
- 8:8b *Xin Thầy chỉ truyền một lời, đây tớ tôi sẽ được lành.*  
Thầy chỉ cần truyền lệnh là đây tớ tôi sẽ hết bệnh.
- 8:9a *Vì tôi ở dưới quyền người khác, cũng có binh sĩ dưới quyền tôi.*  
Tôi cũng ở dưới quyền người khác và cũng có binh sĩ ở dưới quyền tôi.  
-HAY-  
Tôi phải vâng lời cấp trên và tôi cũng ra lệnh cho binh sĩ vâng lời tôi.
- 8:9b *Tôi bảo người này: ‘Hãy đi’, thì nó đi, và bảo người kia: ‘Hãy đến’, thì nó đến;*  
Tôi bảo lính: ‘Đi,’ thì nó đi. Và bảo người kia ‘Đến đây,’ thì nó đến.  
-HAY-  
Tôi ra lệnh cho lính đi thì nó đi. Tôi ra lệnh cho một người lính khác đến thì nó đến.
- 8:9c *hoặc bảo đây tớ của tôi: ‘Hãy làm việc này’, thì nó làm.”*  
Hoặc tôi nói với đây tớ của tôi: ‘Hãy làm việc này,’ thì nó vâng lời tôi.  
-HAY-  
Hoặc tôi bảo đây tớ của tôi làm gì thì nó làm điều đó.  
  
**(Hàm ý:)** *[Mệnh lệnh của Chúa cũng có quyền năng như vậy].*  
-HAY-  
**(Hàm ý:)** *[Chúa cũng có quyền ra lệnh cho bệnh tật thì nó cũng vâng lời Chúa như vậy].*  
-HAY-  
**(Hàm ý:)** *[Xin Chúa truyền lệnh ở đây thôi, thì đây tớ tôi sẽ được lành.]*
- 8:10a *Nghe vậy, Đức Giê-su lấy làm ngạc nhiên; Ngài bảo những người theo mình:*  
Khi Đức Giê-su nghe người sĩ quan nói vậy thì rất ngạc nhiên. Ngài bảo những người theo mình:
- 8:10b *“Thật, Ta bảo các con, Ta không thấy ai trong dân Y-sơ-ra-ên có đức tin như thế này.*  
“Thật, Ta bảo các con, Ta chưa gặp ai [ngay cả] giữa vòng những người Do Thái, tin tưởng Ta mạnh mẽ như người này!
- 8:11a *Ta cho các con biết: Nhiều người từ phương đông, phương tây*  
Ta nói cho các con biết rằng có nhiều người không phải là người Do Thái sẽ đến từ nhiều nơi.  
-HAY-  
Ta bảo các con rằng nhiều người sẽ đến từ nhiều quốc gia khác.
- 8:11b *sẽ đến và ngồi đồng bàn với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp trong Nước Thiên Đàng.*  
Họ sẽ ngồi ăn tiệc với các tổ phụ Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp khi Đức Chúa Trời làm vua cai trị.



**Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cóp:** Đây là những tổ phụ đầu tiên của người Do Thái và họ đại diện cho những người Do Thái tin nơi Đức Chúa Trời. Đây không có nghĩa là chỉ có những tổ phụ này ở trong bữa tiệc. Đức Giê-su muốn nói rằng tất cả những người tin cậy nơi Đức Chúa Trời, người Do Thái và cả người ngoại quốc, sẽ dự tiệc. Người ngoại quốc tin Chúa cũng sẽ quan trọng như người Do Thái vậy.

**Nước Thiên Đàng:** Đây nói về lúc Đức Chúa Trời đến như một vị vua và sẽ bắt đầu cai trị. (Hãy xem 3:2 và Lời Giải Thích.) Đây có thể có nghĩa là lúc người ta nhận Đức Chúa Trời làm vua của họ. Nhưng cũng có thể có nghĩa là trong tương lai trên thiên đàng.

### 8:12a

**những người đáng lẽ thừa hưởng Nước Thiên Đàng:** Đây là những người Đức Chúa Trời chọn đầu tiên để Ngài cai trị, những người sẽ là dân sự của Chúa. Trong câu này Đức Giê-su muốn nói đến người Do Thái chưa tin Chúa chứ không phải tất cả mọi người Do Thái.

**sẽ bị ném ra:** Đức Chúa Trời (hay thiên sứ của Đức Chúa Trời) sẽ ném họ ra xa khỏi sự quan hệ vui vẻ của con dân thật của Chúa.

**nơi tối tăm:** Họ sẽ bị ném xa khỏi ánh sáng của Đức Chúa Trời, hàm ý “vào địa ngục.”

### 8:12b

**ở đó sẽ có than khóc và rên siết:** Họ có thể than khóc vì họ đang giận dữ, hay bởi vì họ không còn hy vọng nữa.

## Tiểu Đoạn 8:14-17 Đức Giê-su chữa lành cho nhiều người

8:14-15 Đức Giê-su chữa lành cho mẹ vợ của Phê-rô

### 8:14

**bà gia của ông:** Đây là mẹ của vợ ông Phê-rô.

**bị sốt:** Một đoạn KT tương tự trong Lu-ca 4:38 cũng nói đến một người bị sốt nặng.

**rên siết:** Trong bản Hy-lạp là.” BDC dùng cụm từ “nghiến răng.” Đức Giê-su muốn nói họ sẽ nghiền răng vì đau đớn. BDM chuyển ngữ theo nghĩa đen là *rên siết*. Nếu “nghiến răng” và *rên siết* không hàm ý “đau đớn” trong ngôn ngữ của bạn, tốt hơn nên chuyển ngữ là: “người ta sẽ than khóc bởi vì họ giận dữ và ở trong sự đau đớn.”

8:13 Đức Giê-su chữa lành cho người đầy tớ

### 8:13a

**Hãy đi!:** Đức Giê-su nói tử tế với vị sĩ quan. Ngài nói: “Hãy đi về nhà đi” hay “con có thể về nhà bây giờ.”

**Con sẽ được:** Đức Giê-su muốn nói là Ngài sẽ chữa lành cho người đầy tớ như vị sĩ quan đã yêu cầu.

**như điều mình tin:** Đức Giê-su sẽ chữa lành cho người đầy tớ theo như vị sĩ quan đã tin.

### 8:13b

**Ngay giờ đó:** Đây không có nghĩa là một giờ có sáu mươi phút. Nghĩa là người đầy tớ được lành bệnh ngay khi Đức Giê-su nói những lời này.

**người đầy tớ của ông được lành:** Đức Giê-su chữa lành cho người đầy tớ.

Nhưng Ma-thi-ơ 8:14 chỉ nói “sốt.” Vậy người chuyển ngữ nên theo lời của Ma-thi-ơ.

### 8:15

**con sốt liền dứt:** Đức Giê-su chữa lành con sốt của bà.

**Bà ngồi dậy và lo tiếp đãi Ngài:** Bà bắt đầu lo những việc Chúa cần, như dọn thức ăn cho Ngài.



- 8:12a *Nhưng những người đáng lẽ thừa hưởng Nước Thiên Đàng sẽ bị ném ra nơi tối tăm,  
Nhưng những người là dân sự của Đức Chúa Trời [nhưng không vâng lời Ngài], sẽ bị Đức Chúa Trời ném ra ngoài chỗ tối tăm.*
- 8:12b *ở đó sẽ có than khóc và rên siết.”  
Tại đó họ sẽ than khóc giậm dũ và đau đớn.”*
- 8:13a *Đức Giê-su phán bảo viên đội trưởng: “Hãy đi! Con sẽ được như điều mình tin.”  
Rồi đức Giê-su nói với viên sĩ quan La-mã: “Con có thể về nhà được rồi. Đây tó của con sẽ khỏi bệnh như con đã tin.”*
- 8:13b *Ngay giờ đó người đầy tớ của ông được lành.  
Lập tức người đầy tớ được lành bệnh ngay lúc đó.*

### Tiểu đoạn 8:14-17 Đức Giê-su chữa lành nhiều người

- 8:14 *Đức Giê-su vào nhà Phê-rô, thấy bà gia của ông đang bị sốt nằm trên giường bệnh.  
Đức Giê-su vào nhà Phê-rô, và Ngài thấy mẹ vợ của Phê-rô đang sốt nằm trên giường bệnh.*
- 8:15 *Ngài nắm tay bà, cơn sốt liền dứt. Bà ngồi dậy và lo tiếp đãi Ngài.  
Đức Giê-su sờ tay bà và cơn sốt tiêu tan. Bà ngồi dậy và bắt đầu dọn [đồ ăn và nước uống] cho Ngài.*
- 8:16a *Buổi chiều, người ta đem đến cho Ngài nhiều người bị quỷ ám.  
Buổi chiều, người ta đem đến cho Đức Giê-su nhiều người bị quỷ ám.*
- 8:16b *Ngài chỉ phán một tiếng, đuổi tà linh  
Ngài chỉ phán, tà linh liền ra khỏi.  
-HAY-  
Ngài chỉ ra lệnh cho quỷ và chúng lìa khỏi người bị chúng ám*
- 8:16c *và chữa lành tất cả những người bệnh tật.  
và Ngài chữa lành tất cả mọi người bệnh.*

8:16-17 Đức Giê-su chữa lành cho nhiều người bịnh như các tiên tri đã nói trước

#### 8:16a

**Buổi chiều:** Đây khoảng 6 giờ chiều, lúc mặt trời lặn. Người Do Thái kể một ngày chấm dứt khi mặt trời lặn và bắt đầu một ngày mới. Vậy nên khi mặt trời lặn thì hết ngày Sa-bát, và đó là lý do những người này đến vào chiều tối để họ không phạm vào luật

của người Do Thái khi được chữa lành bệnh vào ngày Sa-bát.

**người bị quỷ ám:** Hãy xem 4:24.

#### 8:16b

**Ngài chỉ phán một tiếng:** Đức Giê-su chỉ ra lệnh, quỷ liền xuất ra. Hãy xem 8:8.

**đuổi tà linh:** Đức Giê-su bắt buộc các tà linh phải lìa khỏi người ta. Cũng hãy xem 4:24.

**8:17a**

**Điều này làm ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai:** Ở trong Ê-sai 53:4, Ê-sai đã nói trước những điều Đức Giê-su sẽ làm trong phần kinh văn này Đức Giê-su làm điều Ê-sai đã nói trước.

**8:17b**

**Ngài mang lấy sự đau ốm của chúng ta và cất đi bệnh tật của chúng ta:** Đây là cách nói của người Do Thái, dùng hai cách khác nhau để nói về cùng một điều. Đây không có nghĩa là Đức Giê-su lấy bệnh của chúng ta. Có thể chuyển ngữ là: “Ngài giải phóng chúng ta khỏi bệnh tật, Ngài làm cho chúng

ta được lành bệnh.” Có thể chỉ tóm lại cả hai phần trên một cách giản dị: “Ngài đã chữa lành chúng ta.” Hãy xem 4:23c.

Trong bản Hy-lạp phần này được viết trong thì quá khứ mặc dù Ê-sai nói về việc chưa xảy ra. Các tiên tri CU dùng thì quá khứ để nói điều Đức Chúa Trời sẽ làm trong tương lai để cho thấy là điều đó chắc chắn sẽ xảy ra. BDM chỉ hàm ý quá khứ. Bạn có thể theo BDM và không dùng “đã” và “sẽ,” bạn có thể muốn để lời tiên tri của Ê-sai trong thì tương lai (hãy xem PKTCD). Điều tiên tri Ê-sai đã nói trong sách Ê-sai 53:4 không xảy ra cho tới khi Đức Giê-su đến thế gian.

### Tiểu Đoạn 8:18-22 Điều phải hy sinh để đi theo Đức Giê-su

Có hai người bảo Đức Giê-su là họ muốn trở nên môn đệ Ngài. Chúa bảo họ làm môn đệ Ngài không phải dễ.

8:18-20 Đức Giê-su không có nhà ở

**8:18**

**Đức Giê-su ra lệnh:** Ngài bảo các môn đệ của Ngài làm một điều gì đó. Đây là những môn đệ của Chúa chứ không phải chỉ những người đi theo Ngài.

**đi qua bờ:** Ngài bảo họ phải chèo thuyền qua bên kia hồ với Chúa. Ngài không bảo các môn đệ đi một mình. Hãy xem Mác 4:35. Hãy để ý là họ không chèo qua bờ bên kia cho đến câu 8:23.

**8:19**

**một chuyên gia kinh luật:** Đây là một người dạy ý nghĩa của các luật lệ tôn giáo của người Do Thái. Hãy xem 2:4.

**Thưa Thầy:** Nhiều người gọi Đức Giê-su là *Thầy*. Đây là một tên có tính cách kính trọng cho một người Do Thái có thẩm quyền dạy những điều về Đức Chúa Trời. Từ *Thưa* không có trong bản Hy-lạp. Người chuyển ngữ của BDM thêm vào vì đó là cách nói lễ phép trong văn hoá Việt Nam, dùng từ nào nghe có vẻ tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

**Thầy đi đâu tôi sẽ theo đó:** Chuyên gia kinh luật nói là muốn làm môn đệ của Đức Giê-su và muốn Chúa chấp thuận ý ấy.

**8:20a**

**Đức Giê-su bảo người ấy:** Đức Giê-su trả lời chuyên gia kinh luật bằng cách cho ông ta biết đi theo Ngài sẽ như thế nào.

**Con cáo:** Con cáo là một loại chó rừng nhỏ.



**chim trời:** Bất cứ loại chim nào không phải chỉ chim bay được. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 6:26.

**hang... tổ:** Những từ này muốn nói đến một chỗ để ngủ.

**8:20b**

**Con Người:** Đây là một tước vị mà Đức Giê-su tự dùng cho mình, và những người Do Thái nghe Ngài hiểu. Đây là lần đầu tiên Ngài dùng tước vị này trong sách Ma-thi-ơ. Cụm từ *Con Người* có hai ý nghĩa chính:

- 8:17a *Điều này làm ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai:*  
 Đức Giê-su làm những điều này như tiên tri Ê-sai đã nói trước là sẽ xảy ra:  
 -HAY-  
 Như vậy, Ngài đã làm những điều tiên tri Ê-sai đã nói trước là sẽ xảy ra:
- 8:17b *“Ngài mang lấy sự đau ốm của chúng ta và cất đi bệnh tật của chúng ta.”*  
*“Ngài giải phóng chúng ta khỏi các bệnh tật. Ngài lấy đi sự đau ốm của chúng ta.”*  
 -HAY-  
*“Ngài sẽ chữa lành chúng ta.”*

**Tiểu đoạn 8:18-22 Điều phải hy sinh để đi theo Đức Giê-su**

- 8:18 *Thấy đám đông chung quanh mình, Đức Giê-su ra lệnh đi qua bờ bên kia.*  
 Khi Đức Giê-su thấy đám đông chung quanh Ngài, Chúa nói [với các môn đệ:]  
*“Chúng ta hãy qua bờ hồ bên kia.”*
- 8:19 *Có một chuyên gia kinh luật đến xin Ngài: “Thưa Thầy, Thầy đi đâu tôi sẽ theo đó.”*  
 Một chuyên gia kinh luật đến và nói: “Thưa thầy, thầy đi đâu tôi sẽ theo đó.”
- 8:20a *Đức Giê-su bảo người ấy: “Con cáo có hang, chim trời có tổ,*  
 Đức Giê-su bảo người ấy: “Con cáo có hang, và chim trời có tổ.
- 8:20b *nhưng Con Người không có chỗ gối đầu.”*  
 Nhưng Ta, người đến từ Đức Chúa Trời, không có nhà mà ở.”  
 -HAY-  
 Nhưng ta, Người được Đức Chúa Trời chọn, không có chỗ mà ở.”

Người đến từ Đức Chúa Trời với thẩm quyền của Ngài.

1) Đáng là một con người.

Khi bạn chuyển ngữ tước vị này nhớ rằng Đức Giê-su đang nói về chính Ngài, không phải về người khác. Ngài dùng tước vị này để người ta không thể nói là Ngài tự cao. Trong ngôn ngữ của bạn có thể bạn không thể nói về chính mình như nói về một người khác. Nếu vậy, bạn cần phải cố gắng để cho thấy trong bản dịch rằng Đức Giê-su đang nói về chính mình khi dùng tước vị này.

Sau đây là một vài ý để chuyển ngữ *con người*:

“[Ta] người đến từ Đức Chúa Trời”

“[Ta] người Đức Chúa Trời lựa chọn”

“[Ta] Đáng đã trở nên con người”

**không có chỗ gối đầu:** Chúa không có nhà ở, không có một chỗ thường xuyên để ngủ. Công việc giảng dạy và chữa bệnh làm Chúa di chuyển từ làng này qua làng kia. Những người theo Ngài phải sẵn sàng để ngủ bất cứ chỗ nào. Đây là một đời sống khó nhọc cho bất cứ ai.

8:21-22 Đức Giê-su quan trọng hơn là gia đình của chúng ta

### 8:21

**Một môn đệ của Chúa:** Đây là một người trong đám đông đi theo Đức Giê-su, nhưng không phải là môn đệ thân cận.

**Thưa Thầy:** Người này dùng từ Hy-lạp *kurie* có nghĩa là “Chúa” hay “ông,” hoặc là “thầy giáo.” BDM dùng “thầy,” BDC dùng “Chúa.”

**cho con về chôn cất cha:** Nhóm từ này có thể có hai ý nghĩa:

- 1) Cha của người này còn sống, và người ấy muốn về nhà chăm sóc cha mình cho đến khi người chết. Rồi sẽ đi theo Đức Giê-su.
- 2) Cha của người ấy vừa mới chết, và người ấy muốn đi để chôn cất xong rồi sẽ đi theo Đức Giê-su.

Nhóm từ “chôn cha tôi” thường có nghĩa là một người muốn chăm sóc cha mình và lo việc gia đình cho đến khi cha người ấy chết.

Ý nghĩa này theo ý nghĩa thứ nhất ở trên. Tuy nhiên, ý nào cũng khả dĩ cả.

**trước đã:** Người này muốn trở nên một môn đệ thân cận của Đức Giê-su. Nhưng trước hết, ông ta muốn lo công việc nhà.

### 8:22

**Con hãy theo Ta:** Phần kinh văn không cho chúng ta biết có ai trong hai người ở Tiểu Đoạn 8:18-22 quyết định đi theo Đức Giê-su hay không. Cũng như vậy, bản dịch không cần phải nói là họ theo Đức Giê-su hay không. Đó không phải là điều kinh văn muốn nói.

**để người chết chôn kẻ chết của họ:** Đức Giê-su muốn nói hãy để những người chết về phần thuộc linh (người không có Chúa) chôn những người chết về thể xác ở giữa họ (chết về thân xác). Người này chắc phải đến từ một gia đình không tin rằng Đức Giê-su đến từ Đức Chúa Trời. Lời của Đức Giê-su hàm ý cha của ông này không phải là người tin Chúa. Đức Giê-su cũng muốn nói rằng công việc làm môn đệ của Chúa thì quan trọng hơn là việc chăm sóc cha cho đến khi chết.

## Tiểu Đoạn 8:23-27 Đức Giê-su làm yên bão

Trong khi Đức Giê-su và các môn đệ dùng thuyền băng ngang biển hồ Ga-li-lê, một cơn bão lớn nổi lên. Đối với các môn đệ, thuyền giống như sắp chìm. Đức Giê-su làm cơn bão yên. Điều này cho thấy Ngài có quyền trên gió và sóng.

8:23-25 Các môn đệ xin Đức Giê-su cứu họ khỏi cơn bão.

### 8:23

**thuyền:** Đây có lẽ là một thuyền buồm nhỏ. Nó lớn đủ để chứa mười hay mười hai người ngồi ở trong. Đây có lẽ là một chiếc tàu đánh cá. 8:23 tiếp tục câu chuyện từ 8:18. Cố gắng làm cho rõ ở trong bản dịch của bạn là câu chuyện tiếp tục đến đây. Hãy để ý phân hàm ý của 8:23b trong PKTCD.

### 8:24a

**Bỗng nhiên:** Cơn bão đến một cách đột ngột, mau chóng và bất ngờ.

**biển động mạnh:** Gió bão bắt đầu thổi khiến cho mặt hồ nổi sóng lớn. Gió mạnh như vậy thường đến đột ngột từ những đồi và thung

lũng ở xung quanh vào biển hồ Ga-li-lê. Đôi khi không có mưa, chỉ có gió.

**biển:** Mặc dù trong bản Hy-lạp dùng từ *biển*, bão này xảy ra ở trên hồ. Hồ này dài 21 cây số từ bắc xuống nam và rộng 13 cây số từ đông sang tây. Nhưng gió thổi mạnh đến nỗi làm nổi sóng lớn.

### 8:24b

**đến nỗi thuyền bị sóng đánh gần chìm:** Sóng lớn đánh vào thuyền. Thuyền bắt đầu đầy nước và sắp chìm, họ sắp bị chết đuối.

**Nhưng Ngài đang ngủ:** Ngay cả tàu nhô lên khỏi xuống, và gió thổi, sóng đánh, Đức Giê-su vẫn ngủ. Ngài rất mệt mỏi. Ngài không lo sợ vì Chúa biết Đức Chúa Trời bảo vệ họ.

- 8:21 *Một môn đệ của Chúa đến thưa cùng Ngài: “Thưa Thầy, cho con về chôn cất cha con trước đã.”*  
 Một môn đệ khác của Chúa Giê-su nói với Ngài: “Thưa Thầy, xin cho con đi [sắp đặt] việc chôn cất cha con. [Sau khi cha con chết,] thì con sẽ đến và theo thầy.”
- 8:22 *Nhưng Đức Giê-su đáp: “Con hãy theo Ta, để người chết chôn kẻ chết của họ.”*  
 Nhưng Đức Giê-su nói: “Con hãy theo làm môn đệ Ta [bây giờ]. Những người không vâng lời Chúa giống như người chết. Hãy để người chết đó chôn kẻ chết của họ.”

### Tiểu đoạn 8:23-27 Đức Giê-su làm yên cơn bão

- 8:23 *Đức Giê-su xuống thuyền, các môn đệ đi theo.*  
 Rồi Đức Giê-su xuống thuyền và các môn đệ cùng đi với Ngài.  
*(Hàm ý:) [Họ bắt đầu chèo thuyền băng ngang qua biển hồ Ga-li-lê.]*
- 8:24a *Bỗng nhiên biển động mạnh,*  
 Bỗng nhiên một cơn gió mạnh bắt đầu nổi lên.
- 8:24b *đến nỗi thuyền bị sóng đánh gần chìm. Nhưng Ngài đang ngủ.*  
 Sóng lớn đánh vào tàu. Nhưng Đức Giê-su vẫn ngủ.
- 8:25a *Các môn đệ đến đánh thức Ngài dậy, cầu cứu:*  
 Các môn đệ đến và đánh thức Ngài dậy. Họ nói:
- 8:25b *“Lạy Chúa, xin cứu chúng con! Chúng con sắp chết chìm!”*  
*“Lạy Chúa, xin cứu chúng con! Chúng con sắp chết đuối rồi!”*  
 -HAY-  
*“Lạy Chúa, xin hãy giúp chúng con! Nếu không chúng con sẽ chết đuối mất!”*
- 8:26a *Ngài bảo: “Sao các con sợ, hỡi những kẻ ít đức tin?”*  
 Đức Giê-su bảo họ: “Các con không nên sợ hãi. Các con ít đức tin quá.”

#### 8:25b

*xin cứu chúng con!:* Họ xin Đức Giê-su giúp họ để họ không chết đuối.

*chúng con!:* Trong bản Hy-lạp cùng một từ được dùng cho “chúng tôi” hay “chúng ta.” Không rõ các môn đệ muốn nói gì. Bản dịch tiếng Việt dùng đại từ *chúng con* (hay chúng tôi). Nhưng “chúng tôi” hay “chúng ta” đều khả dĩ.

#### 8:26-27 Đức Giê-su làm cho sóng và gió yên lặng

#### 8:26a

*Sao các con sợ:* Đức Giê-su không muốn hỏi câu hỏi, Ngài muốn nói: “Các con không nên sợ hãi.” Không có lý do gì để họ phải sợ hãi. Nếu trong ngôn ngữ của bạn hỏi câu hỏi cũng có ý như vậy, thì bạn có thể chuyển ngữ là một câu hỏi. Nếu đồng hương của bạn có thể hiểu lầm câu hỏi thì bạn nên chuyển ngữ như một câu tuyên bố. Hãy xem PKTCD.

**hỏi những kẻ ít đức tin:** Ngài muốn nói là họ không có nhiều đức tin. Họ chỉ tin cậy Đức Giê-su một ít thôi. Thay vì dùng *hỏi những kẻ ít đức tin* có thể nói là “các con ít đức tin quá.”

#### 8:26b

**quở:** Ngài ra lệnh cho gió ngừng thổi và sóng ngừng đánh. Có lẽ trong ngôn ngữ của bạn không nói được với gió và sóng. Nếu vậy, bạn có thể dùng: “Ngài ra lệnh cho gió và sóng trở nên yên lặng hoàn toàn.”

**biển cả hoàn toàn yên lặng:** Dù BDM nói *biển cả hoàn toàn yên lặng* hàm ý rằng cả gió và sóng đều êm. Có thể trong ngôn ngữ của bạn phải có một động từ dùng cho gió và một động từ dùng cho sóng. Hãy dùng bất cứ cách nào để nghe cho có vẻ tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

**yên lặng:** Khi một vật *yên lặng* là nó không chuyển động. Đây có nghĩa là không còn gió và sóng nữa.

### Tiểu Đoạn 8:28-34 Đức Giê-su đuổi quỷ ra khỏi hai người bị quỷ ám

Đức Giê-su và các môn đệ băng ngang qua biển hồ Ga-li-lê đến vùng Ga-đa-ra. Đây là một tỉnh cách biển hồ Ga-li-lê 8 cây số về phía đông nam. Những người ở đây nuôi heo. Người Do Thái cho heo là ô uế nên những người ở Ga-đa-ra chắc không phải là người Do Thái. Đây cũng là câu chuyện tương tự như ở trong Mác 5:1-20 và Lu-ca 8:26-39, nhưng có hai sự khác biệt chính. Các câu chuyện trong các sách Phúc Âm kia nói về một người bị quỷ ám ở trong xứ “Gê-ra-sê.” Nhưng Ma-thi-ơ nói về hai người bị quỷ ám trong xứ Ga-đa-ra. Có lẽ đây là cùng một câu chuyện nhưng được thuật lại theo quan niệm khác nhau. Ý chính trong câu chuyện này là Đức Giê-su có quyền năng đuổi quỷ.

8:28-31 Hai người bị quỷ ám gặp Đức Giê-su

#### 8:28a

**Sau khi đã qua bên kia bờ:** Đây nói đến bờ hồ bên kia, bờ hồ phía đông.

**Ngài vào khu vực người Ga-đa-ra:** Đức Giê-su đến đó cùng với các môn đệ. Rất nhiều lần trong các sách Phúc Âm, tác giả dùng “Ngài” khi có cả Đức Giê-su và các môn đệ bởi vì Đức Giê-su là nhân vật chính. Những độc giả đầu tiên biết các môn đệ ở cùng với Đức Giê-su nên tác giả không dùng đại từ “họ” luôn luôn.

#### 8:27a

**bảo nhau:** Họ đang nói chuyện với nhau, không phải với Đức Giê-su. Bản Hy-lạp dùng động từ “nói rằng” có thể chuyển ngữ là “hỏi lẫn nhau” thì dễ hiểu hơn.

#### 8:27b

**Người này là ai...?** Đây là một câu hỏi tu từ, không phải là một câu hỏi thật. Họ muốn nói: “Thật là một người diệu kỳ.” “Đây là một người rất có quyền.” Họ thấy Chúa có nhiều quyền năng hơn là họ nghĩ.

**gió và biển cũng vâng lời Người:** Đây không có nghĩa là sóng gió có tâm trí biết vâng lời. Đây là cách cho thấy Đức Giê-su có quyền năng điều khiển khí hậu bằng cách chỉ ra lệnh.

**khu vực người Ga-đa-ra:** Đây là xứ Ga-đa-ra. Hãy xem phần giới thiệu của Tiểu Đoạn.

#### 8:28b

**các nhà mô:** Các nhà mô ở trong nghĩa địa, các hang là chỗ chôn người chết. Hai người này ở trong một cái hang lớn.

**đi ra gặp Ngài:** Họ thấy Đức Giê-su và đến gần Ngài. Họ không biết trước là Ngài sẽ đến nhưng khi họ thấy Ngài thì biết Ngài là ai vì quỷ ở trong họ biết rõ Ngài.

#### 8:28c

**rất hung dữ:** Họ rất hung dữ và sẽ tấn công những người đến gần họ.



- 8:26b *Rồi Ngài đứng dậy quở gió và biển, biển cả hoàn toàn yên lặng.*  
Rồi Ngài đứng dậy và ra lệnh cho gió và sóng ngừng lại. Biển yên lặng.  
-HAY-  
Rồi Ngài đứng dậy và ra lệnh cho gió ngừng thổi và sóng đừng đánh nữa. Kết quả là sóng gió yên lặng.
- 8:27a *Các môn đệ ngạc nhiên bảo nhau:*  
Các người này rất là ngạc nhiên. Họ bảo nhau:  
-HAY-  
Các người này rất ngạc nhiên và họ hỏi nhau:
- 8:27b *“Người này là ai mà gió và biển cũng vâng lời Người?!”*  
“Người này là ai mà điều khiển được gió và sóng!”  
-HAY-  
“Người này thật có quyền năng! Người có thể điều khiển được gió và sóng!”

**Tiểu đoạn 8:28-34 Đức Giê-su đuổi quỷ ra khỏi hai người bị quỷ ám**

- 8:28a *Sau khi đã qua bên kia bờ, Ngài vào khu vực người Ga-đa-ra.*  
Đức Giê-su [và các môn đệ] tới bên kia bờ, là khu Ga-đa-ra.
- 8:28b *Có hai người bị quỷ ám từ các nhà mồ đi ra gặp Ngài.*  
[Khi họ tới bờ và bước ra khỏi thuyền], có hai người bị quỷ ám từ các nhà mồ chỗ người ta chôn người chết đi ra.
- 8:28c *Hai người này rất hung dữ, đến nỗi không ai dám đi qua con đường đó.*  
Hai người này rất hung dữ đến nỗi người ta không dám đi đường qua các nhà mồ đó.
- 8:29a *Thấy Ngài họ liền kêu la: “Con Đức Chúa Trời ơi! Chúng tôi đâu có sinh sự với Ngài?”*  
Hai người này la lớn lên với Đức Giê-su: “Con Đức Chúa Trời, Ngài sẽ làm gì chúng tôi [các quỷ]?”  
-HAY-  
Hai người la lên với Đức Giê-su: “Ngài sẽ làm gì chúng tôi, Con của Đức Chúa Trời?”

**không ai dám đi qua con đường đó:** Mọi người đều sợ khi đến gần nghĩa địa.

**8:29a**

**họ liền kêu la:** Quỷ trong họ khiến cho hai người này la lớn và nói điều chúng muốn họ nói.

**Con Đức Chúa Trời ơi!** Các quỷ biết Đức Giê-su là con Đức Chúa Trời. Chúng biết Ngài có quyền trên chúng. Hãy quyết định xem để nhóm từ *Con Đức Chúa Trời ở đâu* hay cuối câu thì nghe có vẻ tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Hãy xem PKTCD.

**Chúng tôi đâu có sinh sự với Ngài?:** Nhóm từ này được dùng nhiều lần trong TỰ. Hãy xem Mác 1:24, Giăng 2:4. Ở đây trong Ma-thi-ơ 8:29, có nghĩa là: “Tại sao Ngài đến với chúng tôi?,” hay “Ngài sẽ làm gì chúng tôi?”

**Chúng tôi:** Đại từ này chỉ các quỷ chứ không phải hai người đó. Các quỷ sợ Đức Giê-su. Nhưng vì quỷ đang điều khiển hai người này nên họ cũng sợ Đức Giê-su nữa.

**8:29b**

**Ngài đến để hình phạt chúng tôi trước hạn định sao?:** Đây là một câu hỏi thật. Chúng không biết chắc tại sao Đức Giê-su lại đến vào lúc này.

**hình phạt chúng tôi:** Hình phạt có nghĩa là trừng phạt làm cho một người phải chịu khổ.

**trước hạn định:** Nhóm từ *trước hạn định* nói đến thời gian Đức Chúa Trời định để trừng phạt các quý, lúc đoán xét sau cùng. Các quý biết rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt chúng, nhưng chúng cũng biết rằng Đức Chúa Trời đã dự định một thời gian nhất định trong tương lai để làm việc này. Vậy nên mấy con quý này xin Đức Giê-su đừng trừng phạt chúng vội.

**8:30**

**Xa xa:** Đây có lẽ là không phải ở kế bên nhưng gần đủ để thấy bầy heo, có lẽ ở trên sườn đồi bên cạnh.

**có một bầy lợn rất đông:** Đây là một bầy heo lớn. Một số người ở Ga-đa-ra nuôi heo.

**đương ăn:** Các con heo này đang ăn đồ ăn người ta cho hay đang đào rễ cỏ quanh đồi để ăn.

**8:31**

**câu xin:** Chúng biết là chúng không thể ra lệnh cho Đức Giê-su. Chúa có quyền năng trừng phạt chúng nặng nề ngay bây giờ nếu Ngài muốn.

**Nếu Ngài đuổi chúng tôi ra:** Chúng nói về Đức Giê-su sẽ đuổi chúng ra khỏi hai người này. Các quý nói như là một nhóm. Chúng biết Đức Giê-su sẽ đuổi chúng ra khỏi hai người này. Vậy bạn có thể chuyển ngữ là: “Khi Ngài đuổi chúng tôi ra...”

**xin cho chúng tôi nhập vào bầy lợn:** Bạn có thể nói: “Hãy bảo chúng tôi nhập vào bầy heo” hay “Hãy để chúng tôi nhập vào bầy heo.” Không rõ tại sao đám quý lại muốn nhập vào bầy heo. Ma-thi-ơ 12:45 hàm ý rằng một số quý muốn ở trong một thân xác nào đó. Nhưng mặc dù Đức Giê-su để cho đám quý làm theo điều chúng xin, các con heo cũng vẫn chết (8:32).

**8:32-34 Đức Giê-su đuổi quỷ****8:32a**

**Ngài phán:** Đức Giê-su nói với các quý ở trong hai người.

**Hãy xuất đi!:** Ngài ra lệnh cho chúng ra khỏi họ. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có từ đặc biệt dùng để chỉ tà linh ra khỏi một người, bạn nên dùng từ đó ở đây miễn là các từ đó thích hợp với các việc đang xảy ra trong câu chuyện.

**8:32b**

**bầy lợn lao đầu từ bờ vực xuống biển:** Bầy heo lao xuống sườn đồi. Sườn này dốc đủ để người ta gọi là bờ vực. Bầy heo nổi điên vì quý nhập vào chúng. Chúng không biết điều mình làm. Hồ ở cuối bờ vực nên bầy heo chạy và lao xuống đó không ngừng lại được.

**8:33a**

**Mấy người chăn lợn bỏ chạy:** Đây là những người được thuê để chăn heo, họ không phải là chủ của heo. Hàm ý: “Khi thấy như vậy mấy người chăn lợn bỏ chạy.” Phải nói rõ là các người này thấy việc đã xảy ra. Nếu người đọc hiểu rõ được hàm ý thì bạn không cần phải nói rõ trong bản dịch.

**làng:** Có lẽ đây là tỉnh Ga-đa-ra nơi họ sống.

**báo cáo mọi sự:** Họ nói lại với dân làng những việc xảy ra. Họ muốn người ta biết rằng những người chăn heo này không làm cho bầy heo chết. Đó là vì Đức Giê-su đuổi quỷ ra khỏi hai người đó và chúng nhập vào bầy heo. Những người chăn heo nói như vậy để cho người ta, nhất là chủ của bầy heo, không tức giận với họ về vụ bầy heo chết.

**8:33b**

**cùng với việc đã xảy ra cho hai người bị quỷ ám:** Trong câu chuyện, những người chăn heo nói cho mọi người biết điều đã xảy ra cho hai người bị quỷ ám. Họ nói về phép lạ Đức Giê-su đã làm. Đây có nghĩa là hai người kia được chữa lành và tỉnh lại (hãy xem Mác 5:15, Lu-ca 8:35).

**8:34a**

**cả dân làng:** Nhiều người trong làng ra xem Đức Giê-su. Có lẽ không có nghĩa là mọi người trong tỉnh. Nhưng đây là một tin khích



- 8:29b *Ngài đến để hình phạt chúng tôi trước hạn định sao?*  
 Có phải Ngài đến để làm cho chúng tôi phải chịu khổ trước thời gian [Đức Chúa Trời định để trừng phạt chúng tôi] không?  
 -HAY-  
 Ngài không có quyền trừng phạt chúng tôi trước thời gian [Đức Chúa Trời ấn định]!”
- 8:30 *Xa xa có một bầy lợn rất đông đang ăn.*  
 Cách đó không xa có một bầy heo đông đang ăn.
- 8:31 *Các quý cầu xin Ngài: “Nếu Ngài đuổi chúng tôi ra, xin cho chúng tôi nhập vào bầy lợn.”*  
 Các quý cầu xin Đức Giê-su: “Khi Ngài đuổi chúng tôi ra khỏi hai người này, hãy làm ơn cho chúng tôi nhập vào bầy heo.”
- 8:32a *Ngài phán: “Hãy xuất đi!” Khi xuất khỏi hai người, chúng nhập vào bầy lợn.*  
 Đức Giê-su phán với các quý: “Hãy đi!” Vậy chúng ra khỏi hai người và nhập vào bầy heo.
- 8:32b *Lập tức bầy lợn lao đầu từ bờ vực xuống biển chết chìm hết.*  
 Cả bầy heo lao từ bờ vực xuống biển hồ và chết đuối.
- 8:33a *Mấy người chăn lợn bỏ chạy vào làng báo cáo mọi sự*  
 [Khi những người chăn heo thấy vậy,] họ chạy về tỉnh nói với mọi người điều đã xảy ra.
- 8:33b *cùng với việc đã xảy ra cho hai người bị quỷ ám.*  
 Họ cũng nói điều đã xảy ra cho hai người bị quỷ ám.
- 8:34a *Thế là cả dân làng ra gặp Đức Giê-su.*  
 Sau đó tất cả mọi người trong tỉnh đều đi ra gặp Đức Giê-su.
- 8:34b *Thấy Ngài, họ yêu cầu Ngài rời khỏi khu vực họ.*  
 Khi họ thấy Ngài, họ yêu cầu Chúa ra khỏi địa bàn của họ.

động cho một tỉnh nhỏ, vậy nên đa số (hay có thể là hầu hết) mọi người đều đi ra.

dù họ biết là Chúa làm phép lạ nhưng họ lo lắng cho các bầy heo còn lại nếu Chúa đuổi thêm các quý khác.

#### 8:34b

***họ yêu cầu Ngài rời khỏi khu vực họ:*** Họ xin Đức Giê-su lìa khỏi vùng của họ. Mặc

### Tiểu Đoạn 9:1-8 Đức Giê-su chữa lành một người bại liệt

Trong chương 8 chúng ta đọc về Đức Giê-su chữa lành cho những người bệnh. Bây giờ ở trong chương 9, Đức Giê-su cho chúng ta thấy linh hồn chúng ta cũng cần phải được chữa lành. Chúng ta cần phải thay đổi cách suy nghĩ về Đức Chúa Trời. Trong chương 9 chúng ta cũng thấy các nhà lãnh đạo Do Thái bắt đầu tìm cách nói rằng điều Đức Giê-su đang làm là sai.

Trong 9:1-8, Đức Giê-su chữa lành cho người bại liệt cho thấy Ngài có quyền tha thứ những tội lỗi người ta đã phạm.

9:1-3 Đức Giê-su tha thứ tội cho một người

### 9:1a

Câu chuyện của chương 8 tiếp tục ở đây. Cố gắng cho thấy trong bản dịch của bạn đây là biến cố kế tiếp trong câu chuyện. Một số bản dịch bắt đầu bằng từ “vậy nên” cho thấy Đức Giê-su lia khỏi địa bàn đó bởi vì người xứ Ga-đa-ra mời Chúa ra khỏi đó (8:34).

**thuyền:** Bản Hy-lạp không nói rõ đây là cùng một chiếc thuyền họ đi tới hay là một chiếc thuyền khác.

**trở về bờ bên kia:** Giê-su và các môn đệ của Ngài rời khỏi xứ Ga-đa-ra và về trở lại biển hồ Ga-li-lê.

### 9:1b

Mác 2:1-12 và Lu-ca 5:17-26 có nhiều chi tiết hơn về cùng một câu chuyện này.

**thành phố của Ngài:** Nhóm từ này chỉ về thành phố Ca-pha-na-um, là tỉnh Đức Giê-su ở khi Ngài không phải đi đây đi đó.

### 9:2a

(BDC) **Này:** Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu với từ *idou*, có nghĩa là ‘hãy chú ý nghe.’ BDM và BDY không chuyển ngữ từ này. Tác giả dùng từ này khi người nói có một điều gì bất ngờ cần nói, hay có điều gì bất ngờ xảy ra trong câu chuyện. Người nói cũng thường dùng từ này để lấy sự chú ý của người nghe. Ở đây tác giả, Ma-thi-ơ, giới thiệu một người mới vào câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn người ta dùng một từ hay một nhóm từ có cùng một ý nghĩa này thì bạn có thể dùng ở đây. Nhưng từ này không cần phải chuyển ngữ.

**một người bại liệt:** Một người bại liệt là một người không thể cử động. Đây cùng một loại bệnh tật ở trong 4:24 và 8:6.

### 9:2b

**Thấy đức tin những người ấy:** Đức Giê-su thấy rõ là họ tin rằng Ngài có thể chữa lành cho bạn của họ.

### 9:2c

**hãy yên tâm:** Đức Giê-su muốn nói: “Đừng sợ hãi. Hãy vui lên. Hãy can đảm lên.”

**hãy yên tâm, tội lỗi con đã được tha:** Điều này hàm ý Đức Giê-su nói: “Ta tha thứ tội lỗi của con.” Hãy xem 9:6.

**tha:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 6:12a.

### 9:3a

**Mấy chuyên gia kinh luật:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 2:4a.

**nói với nhau:** Một số các nhà giải nghĩa nghĩ rằng họ yên lặng nói với nhau. Nhưng đa số các nhà giải nghĩa nói là họ chỉ suy nghĩ những điều này. Câu chuyện tương tự ở trong Mác 2:6-8 cũng nói rằng họ suy nghĩ những điều này. Hãy xem 9:4.

### 9:3b

**phạm thượng:** Họ nói rằng Đức Giê-su đang làm điều mà chỉ Đức Chúa Trời có quyền làm. Họ tuyên bố rằng Đức Giê-su làm như Ngài là Đức Chúa Trời. Các độc giả của bạn có thể không hiểu tại sao những chuyên gia kinh luật lại nghĩ rằng Đức Giê-su phạm thượng. Nếu cần bạn có thể để lời chú thích này ở cuối trang:

Các chuyên gia kinh luật không tin rằng Đức Giê-su là Con của Đức Chúa Trời hay Ngài có quyền năng của Đức Chúa Trời. Vậy nên khi Chúa nói với người bại: ‘Ta tha thứ tội lỗi của con’ họ nghĩ rằng Chúa đang làm việc mà chỉ có Đức Chúa Trời mới có thẩm quyền để làm. Hình phạt của việc nói phạm thượng trong CƯ là tử hình (Lê-vi Ký 24:13-16).

9:4-8 Đức Giê-su có quyền tha tội trên đất

### 9:4a

**Đức Giê-su biết ý tưởng họ:** Đức Giê-su biết điều họ suy nghĩ.

### 9:4b

**“Tại sao...?”:** Đây không phải là một câu hỏi thật. Đức Giê-su muốn nói: “Các ông không nên suy nghĩ những ác ý như vậy.”

**Tiểu đoạn 9:1-8 Đức Giê-su chữa lành người bại liệt**

- 9:1a *Đức Giê-su xuống thuyền trở về bờ bên kia,*  
[Vậy] Đức Giê-su xuống thuyền, Ngài và các môn đệ băng qua bên kia hồ.
- 9:1b *về thành phố của Ngài.*  
và họ đi đến thành phố của Ngài thành [Ca-pha-na-um].
- 9:2a *Người ta đem đến cho Ngài một người bại liệt nằm trên giường.*  
Một số người đem đến cho Đức Giê-su một người bệnh. Người ấy nằm trên một chiếc chiếu không cử động thân người được.
- 9:2b *Thấy đức tin những người ấy,*  
Đức Giê-su thấy rằng những người này tin [là Chúa có thể chữa lành cho ông ta được.]
- 9:2c *Đức Giê-su bảo người bệnh: “Con ơi, hãy yên tâm, tội lỗi con đã được tha.”*  
Nên Ngài nói với người bệnh: “Con ơi, hãy can đảm lên, đừng sợ hãi. Ta tha thứ các tội lỗi của con!”
- 9:3a *Mấy chuyên gia kinh luật nói với nhau:*  
Khi một số chuyên gia kinh luật nghe như vậy, họ nghĩ:
- 9:3b *“Người này phạm thượng!”*  
“Người này phạm thượng. [Ông ta nói như mình là Đức Chúa Trời vậy!]
- 9:4a *Đức Giê-su biết ý tưởng họ, Ngài phán:*  
Đức Giê-su biết điều họ nghĩ. Nên Ngài phán:
- 9:4b *“Tại sao các ông có ác ý trong lòng như thế?”*  
“Các ông đừng nghĩ ác như vậy.
- 9:5 *Bảo: ‘Tội lỗi con đã được tha,’ hay bảo: ‘đứng dậy bước đi,’ điều nào dễ hơn?*  
Ta có thể nói với người bại liệt: ‘Ta tha tội cho con.’ Hay Ta có thể nói: ‘Hãy đứng dậy và đi.’ Điều nào dễ nói hơn?  
-HAY-  
Nói ‘Ta tha tội cho con’ cũng dễ như nói: ‘hãy đứng dậy và đi.’

**9:5**

Người Do Thái trong thời Đức Giê-su tin rằng người ta đau ốm vì người ta phạm tội. Đức Giê-su biết là nếu Ngài chữa lành cho người bại, các người Do Thái sẽ cho là Đức Chúa Trời đã tha tội cho người này. Trong ngữ cảnh này Đức Giê-su nói điều Chúa nói ở trong 9:5. Đức Giê-su không hàm ý rằng tha thứ tội lỗi hay nói “Ta tha tội cho con” thì dễ hơn là chữa lành cho một người. Cả hai điều này đều bất khả dĩ đối với con

người. Chỉ có một người có quyền năng của Đức Chúa Trời mới làm được hai điều trên. Đức Giê-su đang truyền thông với họ rằng Đức Chúa Trời đã cho Ngài quyền chữa lành bệnh và tha thứ tội cho con người.

**điều nào dễ hơn?:** Hãy xem PKTCD, cũng hãy xem Lời Giải Nghĩa của đoạn KT tương tự ở trong Sách Giải Nghĩa Cho Người Dịch Lu-ca trong Lu-ca 5:23. Bạn có thể để lời chú thích này ở cuối trang: “Câu hỏi tu từ của Đức Giê-su có nghĩa là vì chỉ có Đức

Chúa Trời mới có thể tha tội hay chữa lành cho người bại, hai điều này đều khó làm như nhau. Những điều này là bất khả dĩ đối với con người, nhưng Đức Chúa Trời có quyền làm cả hai.”

**9:6**

Đức Giê-su đã không chấm dứt câu đầu tiên này có thể làm cho đọc giả của bạn hoang mang. Thay vào đó, Chúa đã chữa lành người bệnh. Điều này cho thấy Chúa có quyền tha tội. Nhưng để cho rõ ràng hơn, bạn có thể bắt đầu 9:6 với: “Ta sẽ làm điều này để...” (xem PKTCD). BDY đã chuyển ngữ như vậy để làm cho rõ nghĩa hơn:

Để các ông biết rằng Chúa Cứu Thế ở trần gian có quyền tha tội, Ta sẽ chữa lành người bại này.” Chúa quay lại bảo người bại ...

Các chuyên gia kinh luật tin rằng một người bại không thể nào đứng dậy và đi được ngoại trừ tội lỗi của người ấy đã được tha thứ. Khi chữa lành cho người này Đức Giê-su cho thấy tội lỗi của ông ta đã được tha.

**9:6a**

**Con Người:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 8:20. Nên cho thấy rõ là Đức Giê-su đang nói về chính mình.

**vấn có quyền tha tội:** Đức Chúa Trời cho phép Đức Giê-su đại diện Đức Chúa Trời và tha thứ tội lỗi.

**tha tội:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 9:2.

**Tiểu Đoạn 9:9-13 Đức Giê-su gọi Ma-thi-ơ**

Công việc của Ma-thi-ơ là thu thuế cho chính quyền. Có lẽ ông ta làm cho Vua Hê-rốt thay vì với chính quyền La-mã. Người Do Thái ghét các người thu thuế vì ba lý do 1) Họ làm việc cho một chính quyền mà dân chúng ghét. 2) Họ ăn cướp của dân bằng cách thu thuế nhiều hơn là họ phải thu. Và 3) họ sống nhiều với người ngoại quốc, vậy nên người Do Thái cho họ là không thích hợp để thờ phượng Chúa cùng với họ. Nhưng Đức Giê-su biết Ma-thi-ơ khác những người kia hay ít nhất ông muốn khác những người kia. Vậy nên Chúa kêu gọi ông làm môn đệ của Ngài.

9:9 Ma-thi-ơ đi theo Đức Giê-su

**9:9a**

**Ra khỏi đó:** Đức Giê-su rời khỏi chỗ Ngài đã chữa lành người bại.

Có thể chuyển ngữ lời tuyên bố của Đức Giê-su như sau:

Qua sự chữa lành người này Ta sẽ chứng tỏ cho các con thấy rằng Ta, Người được Đức Chúa Trời sai đến, có thẩm quyền để tha tội cho người ở trên đất!

**9:6b**

**“Hãy đứng dậy, vác giường đi về nhà.”:** Các lời Đức Giê-su nói không được nghe có vẻ như là nói cách hàn học, giận dữ. Chúa không giận dữ. Nhưng phải cho thấy rõ đây là một mệnh lệnh.

**9:7**

Đây là một phép lạ. Khi chữa lành cho người bại Đức Giê-su chứng tỏ Ngài cũng có quyền của Đức Chúa Trời để tha tội cho người này.

**9:8a**

**Dân chúng:** Đây là một đám đông người.  
**kính sợ Đức Chúa Trời:** Họ rất ngạc nhiên và sợ quyền năng của Đức Chúa Trời.

**9:8b**

**đã ban cho loài người:** Họ đã thấy rằng Đức Chúa Trời ban thẩm quyền cho Đức Giê-su. Nhưng sau đó Chúa cũng ban quyền này cho các môn đệ của Đức Giê-su nữa.

**quyền uy như thế:** Họ ngạc nhiên thấy một người có quyền tha tội và chữa lành bệnh tật mà chỉ Đức Chúa Trời mới làm được.

**Ma-thi-ơ:** còn được gọi là Lê-vi trong Lu-ca 5:27 và Mác 2:14.

**trạm thu thuế:** Đây là văn phòng thu thuế, nơi người ta phải đến để trả thuế.

- 9:6a *Để các ông biết rằng Con Người khi ở trần thế vẫn có quyền tha tội.*  
Ta sẽ cho các ông biết rằng Ta, Người từ Đức Chúa Trời, có quyền tha tội trong khi Ta còn ở thế gian.”
- 9:6b *Ngài phán bảo người bại liệt: “Hãy đứng dậy, vác giường đi về nhà.”*  
Rồi Đức Giê-su bảo người bại liệt: “Hãy đứng dậy, vác chiếu đi về nhà.”
- 9:7 *Người ấy đứng dậy đi về nhà.*  
Người ấy [được hết bệnh và ] đứng dậy đi về nhà.
- 9:8a *Dân chúng chứng kiến việc này đều kính sợ*  
Khi người ta thấy điều này, họ rất ngạc nhiên và sợ hãi.
- 9:8b *và tôn vinh Đức Chúa Trời vì đã ban cho loài người quyền uy như thế.*  
Họ khen ngợi Đức Chúa Trời, đã ban quyền uy lớn lao như vậy cho người.

### Tiểu Đoạn 9:9-13 Đức Giê-su kêu gọi Ma-thi-ơ

- 9:9a *Ra khỏi đó Đức Giê-su thấy một người tên Ma-thi-ơ đang ngồi tại trạm thu thuế.*  
Khi Đức Giê-su rời khỏi chỗ đó, Ngài thấy một người ngồi ở văn phòng thu thuế. Tên ông ta là Ma-thi-ơ.
- 9:9b *Ngài bảo: “Hãy theo Ta.” Người đứng dậy đi theo Ngài.*  
Đức Giê-su bảo ông ta: “Hãy đến làm môn đệ Ta.” Ma-thi-ơ đứng dậy đi theo Ngài.
- 9:10 *Sau đó, khi Đức Giê-su đang ăn tại nhà, có nhiều người thu thuế và kẻ tội lỗi đến cùng ăn với Ngài và các môn đệ.*  
[Sau đó] Đức Giê-su ăn ở nhà Ma-thi-ơ. Có nhiều người thu thuế và các người “tội lỗi” đến và ăn với Đức Giê-su và các môn đệ.

#### 9:9b

**“Hãy theo Ta.”:** Đức Giê-su muốn nói: “Hãy đến với Ta, làm môn đệ của Ta.” Ngài không chỉ bảo Ma-thi-ơ đi theo Ngài, Ngài gọi ông theo làm môn đệ của Ngài luôn luôn.

9:10-11 Đức Giê-su ăn uống với người có tội

#### 9:10

**đang ăn:** Họ đang ăn bữa ăn chính. Bạn có thể nói họ “đang dự tiệc.” Những người ăn tiệc thường nằm và ăn trên một cái bàn thấp gần mặt đất. Đây là phong tục của người Hy-lạp và người La-mã.

**tại nhà:** Đây có thể là tại nhà của Ma-thi-ơ. Hãy xem Mác 2:15 và Lu-ca 5:29

**người thu thuế:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:46. Người Do Thái nói rằng các người thu thuế là những người xấu mà người đàng hoàng không nên giao thiệp với.

**kẻ tội lỗi:** Các nhà lãnh đạo đã thêm rất nhiều luật lệ và truyền thống vào luật pháp của Đức Chúa Trời. Các người Pha-ri-si hãnh diện vì đã cẩn thận vâng theo tất cả những luật lệ và truyền thống này dù những luật lệ đó do con người đặt ra chứ không phải điều răn của Đức Chúa Trời. Họ cho bất cứ ai không làm theo như họ là “kẻ tội lỗi.” Bạn có thể dùng một lời chú thích ở cuối trang trong bản dịch của bạn.

**các môn đệ:** Đây nói đến các môn đệ của Đức Giê-su.

### 9:11a

**Pha-ri-si:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của phần giới thiệu Tiểu Đoạn cho 3:7-10.

### 9:11b

**Tại sao...:** Người Pha-ri-si hỏi câu hỏi này bởi vì họ sẽ không ăn chung bữa với loại người như vậy. Vậy nên họ nghĩ rằng một người lãnh đạo tôn giáo như Đức Giê-su cũng không nên ăn chung bữa với họ nữa.

**phường thu thuế và đám người tội lỗi:** Đây không có nghĩa là người thu thuế không phải là người tội lỗi. Các người Pha-ri-si cũng cho các người thu thuế là người tội lỗi.

9:12-13 Đức Giê-su đến để gọi người tội lỗi

Điều Đức Giê-su nói trong 9:12b có thể là một câu tục ngữ.

### 9:12b

**lành mạnh:** Đức Giê-su dùng một lẽ thật thông thường để làm rõ ý Ngài muốn nói. Trong 9:13c-d cho thấy người lành mạnh được so sánh với người công chính và người đau ốm được so sánh với người phạm tội.

**chỉ có người bệnh mới cần:** Đây là một cách nói vắn tắt: “chỉ người bệnh mới cần bác sĩ.”

### 9:13a

**Hãy đi và học cho biết ý nghĩa câu này:** Đức Giê-su muốn nói: “hãy đi học câu Kinh Thánh này và tìm hiểu câu nói sau có nghĩa gì.”

### 9:13b

**Ta:** Đức Giê-su đang trích dẫn Đức Chúa Trời (từ Ô-sê 6:6) chứ không phải nói về chính Ngài.

**Ta chuộng lòng thương xót hơn vật tế lễ!:** Đức Chúa Trời muốn người ta tỏ lòng thương xót với những người khác, không phải chỉ dâng súc vật làm tế lễ. Nhiều người dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời, nhưng họ không yêu thương người khác. Đức Chúa Trời không từ chối tế lễ, nhưng Ngài nói rằng có lòng thương xót người khác quan trọng hơn là dâng của tế lễ cho Ngài (Ô-sê 6:6).

### 9:13c

**Vì Ta đến không phải để kêu gọi người công chính:** Đức Giê-su không phải đến để gọi những người nghĩ rằng họ là công chính.

**người công chính:** Từ trong Lu-ca 5:32 chúng ta thấy mục đích của lời kêu gọi là ăn năn. Những người công chính đã ăn năn nên không cần phải mời họ ăn năn. Như vậy chức vụ của Đức Cơ Đốc là với những người tội lỗi. Đó là lý do Chúa đề cập tới họ. Đây là điểm chính mà Đức Giê-su muốn nói đến. Những người tự cho mình là công chính nhưng thật ra họ là những người có tội.

Đức Giê-su đến để cứu những ai nhận biết mình là kẻ tội lỗi. Người Pha-ri-si được các nhà lãnh đạo tôn giáo cho là người công chính bởi vì họ tuân giữ các luật lệ do con người đặt ra, nhưng Đức Chúa Trời không cho họ là công chính.

### 9:13d

**nhưng gọi người tội lỗi:** Họ muốn thú nhận rằng họ đã phạm tội. Hàm ý ở đây là: “Ta đã đến để kêu gọi các người tội lỗi ăn năn và theo Ta.” Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 3:2a về ý nghĩa của “ăn năn.”

**Tiểu Đoạn 9:14-17 Sự dạy dỗ mới của Đức Giê-su khác với các sự dạy dỗ cũ của người Do Thái**

Cả Tiểu Đoạn này chỉ có một chủ đề. Tức là, Phúc Âm mà Đức Giê-su dạy khác hơn những phong tục mà người Do Thái cho là rất quan trọng. Người Do Thái và các môn đệ của Giảng Báp-tít kiêng ăn khi họ để tang, và họ không thể hiểu được tại sao các môn đệ của Đức Giê-su không làm như vậy. Đức Giê-su dạy các môn đệ rằng họ không cần phải kiêng ăn và sầu khổ trong khi Đức Giê-su còn ở với họ. Nhưng sau này khi Chúa chết trên thập tự giá thì họ sẽ kiêng ăn. Đức Giê-su

- 9:11a *Thấy thế, những người Pha-ri-si nói với môn đệ Ngài:*  
 Khi những người Pha-ri-si thấy vậy thì họ không chấp nhận. Họ nói với các môn đệ của Đức Giê-su:
- 9:11b *“Tại sao Thầy các anh ăn uống chung với phường thu thuế và đám người tội lỗi?”*  
 “Thầy các anh không nên ăn với các người thu thuế và các người tội lỗi!”
- 9:12a *Nghe thế, Ngài đáp:*  
 Khi Đức Giê-su nghe vậy Ngài nói:
- 9:12b *“Người lành mạnh không cần bác sĩ, chỉ có người bệnh mới cần.*  
 “Người khỏe mạnh không cần bác sĩ. Người bệnh mới cần bác sĩ.
- 9:13a *Hãy đi và học cho biết ý nghĩa câu này:*  
 Hãy tìm xem Đức Chúa Trời muốn nói gì khi Ngài phán:
- 9:13b *‘Ta chuộng lòng thương xót hơn vật tế lễ!’*  
 ‘Ta muốn các người thương yêu người khác, không phải chỉ dâng lễ vật cho ta.’
- 9:13c *Vì Ta đến không phải để kêu gọi người công chính,*  
 Đức Giê-su phán: “Ta đến không phải để gọi những người công chính ăn năn.
- 9:13d *nhưng gọi người tội lỗi.”*  
 Ta đã đến để gọi những người tội lỗi [ăn năn.]”

**Tiểu đoạn 9:14-17 Sự dạy dỗ mới của Đức Giê-su khác với các sự dạy dỗ cũ của người Do Thái**

- 9:14a *Lúc ấy, các môn đệ của Giăng đến hỏi Ngài:*  
 Sau đó, [có một số] môn đệ của Giăng đến hỏi Đức Giê-su:
- 9:14b *“Tại sao chúng tôi và người Pha-ri-si kiêng ăn,*  
 “Chúng tôi thường kiêng ăn, và người Pha-ri-si cũng vậy.
- 9:14c *còn môn đệ của Thầy không kiêng ăn?”*  
 Tại sao các môn đệ của thầy không kiêng ăn?”

dùng ẩn dụ về miếng vải và bầu da để giải thích phong tục cũ của người Do Thái và Phúc Âm không thể trộn lẫn với nhau một cách thành công được.

9:14-15 Trong lúc Đức Giê-su còn ở với các môn đệ, họ không nên buồn rầu

**9:14a**  
***các môn đệ của Giăng:*** Đây là những người theo sự dạy dỗ của Giăng Báp-tít. Chỉ có một số môn đệ của Giăng chứ không phải tất cả,

đến hỏi Đức Giê-su câu hỏi này. Hãy xem 3:1 về cách bạn nên chuyển ngữ “Giăng Báp-tít.”

**9:14b**  
***Tại sao...?:*** Họ đang hỏi tại sao các môn đệ của Đức Giê-su không kiêng ăn.



**kiêng ăn:** *Kiêng ăn* trong ngữ cảnh này có nghĩa là không ăn trong một thời gian nào đó vì lý do tôn giáo. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 4:2 và 6:16. Một số bản thảo cổ Hy-lạp bao gồm ý tưởng “kiêng ăn thường xuyên” ở đây như được dùng ở trong CĐN. Trong thời Đức Giê-su nhiều người Do Thái sùng đạo kiêng ăn ít nhất một tuần hai lần.

### 9:15a

**Đức Giê-su đáp:** “*Các chàng phụ rể không thể buồn rầu đang khi chàng rể còn ở với mình:* Trong bản Hy-lạp câu này là một câu hỏi tu từ. Đức Giê-su muốn nói: “Ban của chàng rể không buồn rầu khi chàng rể còn ở với họ.” BDM dịch như là một câu tuyên bố. BDY và BDC giữ nguyên hình thức câu hỏi. Bạn nên chuyển ngữ theo hình thức nào rõ nghĩa nhất trong ngôn ngữ của bạn.

**Các chàng phụ rể:** *Các chàng phụ rể* là bạn thân của chàng rể. Trong thời Đức Giê-su theo phong tục Do Thái chàng rể và bạn bè ăn mừng trong tiệc cưới kéo dài suốt tuần lễ. Đức Giê-su so sánh mình với *chàng rể*, và các môn đệ là *các chàng phụ rể*. Cố gắng làm cho rõ nghĩa trong bản dịch của bạn.

### 9:15c

**chàng rể bị đem đi khỏi:** Đây tượng trưng cho lúc mà người ta giết Đức Giê-su bằng cách đóng đinh trên thập tự giá.

### 9:15d

**họ:** Từ *họ* muốn nói đến các bạn của chàng rể. Đây tượng trưng cho các môn đệ của Đức Giê-su.

9:16-17 Sự dạy dỗ cũ và mới không áp dụng lẫn lộn với nhau được.

### 9:16

Đức Giê-su dùng một ẩn dụ về vá quần áo. Khi áo choàng cũ của họ bị rách, họ không

dùng vải mới để vá chỗ rách. Vì khi giặt miếng vải mới co lại làm chỗ rách sẽ rách lớn hơn. Họ dùng vải cũ để vá lại hay mua cái áo mới. Đức Giê-su nói rằng người ta cần thay đổi cách suy nghĩ, không chỉ cố gắng thêm ý tưởng mới về Phúc Âm vào cách suy nghĩ cũ của họ.

### 9:16a

**miếng vải mới:** *Vải mới* có nghĩa là vải chưa giặt để cho co rút lại.

### 9:16b

**vá miếng vải mới vào áo cũ:** Miếng vải mới sẽ co rút lại (trở nên nhỏ hơn). Bởi vì nó chắc hơn vải cũ, nó sẽ xé áo cũ làm lỗ rách lớn hơn.

### 9:17

Đức Giê-su dùng một phong tục khác của người Do Thái để giải nghĩa điều Ngài đang dạy dỗ. Người Do Thái dùng da súc vật làm bầu để đựng rượu vang. Khi rượu lên men nó tăng thể tích. Rượu cũ không lên men nữa nên họ dùng bầu da cũ để đựng nó, vì bầu da không dẫn ra thêm được. Nhưng rượu vang mới vẫn còn lên men nên phải để vào bầu da mới còn dẫn ra được và bầu không bị rách khi rượu lên men tăng thể tích. Rượu mới chỉ về Phúc Âm và bầu da mới là cách suy nghĩ mới. Những người với lối suy nghĩ cũ không thể hiểu hay chấp nhận được Phúc Âm.

Bạn có thể để một số thông tin này vào lời chú thích ở cuối trang. Nếu đồng hương của bạn không hiểu được sự so sánh mà Đức Giê-su dùng rượu vang với bầu da, bạn có thể dùng hai thứ quen thuộc ở trong văn hoá của bạn mà người ta không bỏ hai thứ này vào với nhau vì sẽ bị hư hỏng đi.

### 9:17c

**hư:** Rượu vang mới sẽ làm bầu da cũ bể ra.

## Tiểu Đoạn 9:18-26 Một người đàn bà bị bệnh và một cô gái chết

Trong câu chuyện này Đức Giê-su chữa lành cho hai người. Một người đàn bà đã bị bệnh suốt mười hai năm. Người kia là một cô gái mười hai tuổi (hãy xem Mác 5:42) bị bệnh chết. Đức Giê-su bày tỏ quyền năng và tình yêu thương của Ngài bằng cách chữa lành cho họ.



- 9:15a *Đức Giê-su đáp: “Các chàng rể không thể buồn rầu đang khi chàng rể còn ở với mình.  
Đức Giê-su trả lời: “Bạn của chàng rể không nên buồn rầu khi chàng rể ở với họ.  
[Cũng vậy, các môn đệ của Ta không buồn rầu khi Ta đang ở với họ.]*
- 9:15c *Khi chàng rể bị đem đi khỏi,  
Nhưng sau này, người ta sẽ đem Ta đi [xa khỏi các môn đệ và giết Ta.]*
- 9:15d *lúc bấy giờ họ mới kiêng ăn.  
Khi điều đó xảy ra, thì [các môn đệ Ta] sẽ [buồn rầu và] kiêng ăn.”*
- 9:16a *“Không ai vá miếng vải mới vào áo cũ,  
[Thí dụ,] Người ta không vá một miếng vải mới vào áo cũ.*
- 9:16b *vì miếng vá sẽ co lại làm rách áo và chỗ rách sẽ tệ hơn.  
[Vì nếu họ làm như vậy, khi giặt] vải mới sẽ co lại và xé rách áo cũ làm chỗ rách càng lớn hơn.*
- 9:17a *Không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ;  
[Cũng vậy] người ta không đổ rượu mới vào bầu da cũ.*
- 9:17b *nếu làm như thế, bầu da sẽ nứt,  
Nếu họ làm như vậy, [khi rượu lên men nở ra] sẽ [làm] rách bầu da cũ [không còn  
giãn ra được nữa].*
- 9:17c *rượu chảy hết mà bầu cũng hư;  
Thế thì cả rượu và bầu đều hư.*
- 9:17d *nhưng người ta đổ rượu mới vào bầu da mới,  
Thay vào đó, người ta đổ rượu mới vào bầu da mới.*
- 9:17đ *thế là giữ được cả hai.”  
Như vậy giữ được cả hai đều tốt.”*

### Tiểu đoạn 9:18-26 Một người đàn bà bệnh và một cô gái chết

- 9:18a *Đức Giê-su còn đang nói, một viên quản lý hội đường đến  
Trong khi Đức Giê-su còn đang nói những điều này, có một người lãnh đạo Do  
Thái đến với Ngài.*

9:18-19 Viên quản lý hội đường xin Đức Giê-su khiến cô gái đã chết sống lại

chúng ta biết tên người quản lý này là Giai-ru và ông ta là một nhà lãnh đạo của hội đường địa phương. Ma-thi-ơ không nhắc đến tên ông ta.

#### 9:18a

*một viên quản lý hội đường:* Từ hai đoạn KT tương tự ở trong Mác 5:22 và Lu-ca 8:41

**9:18b**

**vừa mới chết:** Cô này vừa mới chết khi cha cô đến với Đức Giê-su, có lẽ trong cùng một ngày.

**9:18c**

**đến:** Người cha muốn nói: “Xin hãy đến nhà của tôi.”

**đặt tay trên nó:** 9:25b cho thấy rằng Đức Giê-su cầm tay cô gái.

**thì nó sẽ sống:** Chúa Giê-su khiến Cô bé sống lại.

**9:19**

**các môn đệ cùng theo:** Các môn đệ của Đức Giê-su cũng đi cùng với cha của cô gái.

9:20-22 Đức Giê-su chữa lành một người đàn bà bị bệnh băng huyết

9:20-21 đã được sắp đặt lại thứ tự ở trong PKTCD làm cho những câu này dễ chuyển ngữ hơn.

**9:20-21a**

**Bảy giờ:** Người đàn bà đến sau lưng Đức Giê-su khi Ngài đang đi. Đây có thể chuyển ngữ là “sau đó.” Hãy xem CDN.

**9:20-21b**

**bị bệnh xuất huyết đã mười hai năm:** Đây không rõ cái gì gây xuất huyết. Có vẻ như huyết xuất ra từ trong bụng bà không ngừng hay ngừng một chút rồi lại bắt đầu lại ngay. Người ta cho bà là “không tinh sạch” để dự các nghi lễ và không được thờ phượng trong khi bà xuất huyết. Bất cứ ai tiếp xúc với bà sẽ bị cho là “không tinh sạch.”

**9:20-21c**

**Nếu ta chỉ sờ gấu áo Ngài, thì sẽ được lành bệnh:** Bà suy nghĩ: “Đức Chúa Trời sẽ chữa lành cho ta” hay “Đức Giê-su sẽ khiến ta dứt bệnh.”

**9:20-21d**

**sờ gấu áo Ngài:** Đây nói đến gấu áo, hay là cái tua áo của Ngài.

**9:22a**

**hãy vững tâm:** Đây có nghĩa là “Hãy can đảm, yên lòng, vui lên.”

**9:22b**

**đức tin con đã chữa lành cho con:** Đây không phải là ảo thuật hay chỉ nhờ đức tin của bà không mà bà được chữa lành. Đó là bởi vì bà tin cậy nơi Đức Giê-su. Đức Giê-su đã chữa lành cho bà bằng quyền năng của Đức Chúa Trời vì bà đã tin là như vậy.

**9:22c**

**Ngay lúc ấy:** Lập tức bà được khỏe mạnh ngay từ giây phút đó.

9:23-26 Đức Giê-su khiến cô gái sống lại

**9:23b**

**người thổi sáo:** Theo phong tục Do Thái, nhạc sĩ và người than khóc muốn được thuê để giúp đỡ cho mọi người than khóc trong đám tang. Ngay cả người nghèo nhất cũng phải có hai người thổi sáo và một người đàn bà khóc mướn trong đám tang.

**đám đông đang xô xao:** Bà con của người chết cũng trả tiền cho người ta than khóc. Nếu nhà giàu có, đám tang có rất nhiều người khóc mướn. Bà con cũng kêu khóc lớn tiếng vì người chết.

**9:24a**

**Đứa bé này:** Đây nói đến một em gái nhỏ. Chúng ta biết em bé này được mười hai tuổi theo Mác 5:42.

**đang ngủ:** Mặc dù cô bé đã chết, Đức Giê-su biết cô sẽ sống lại. Vậy nên đối với Chúa cô chỉ như người đang ngủ thôi. Đức Giê-su nói về sự chết của La-xa-rơ cũng như vậy (Giăng 11:11-14). Trong bản dịch của bạn phải nói rõ là cô bé đã chết thật. Hãy xem CDN cho 9:24b

**9:24b**

**Họ chế nhạo Ngài:** Cô bé đã chết, vì vậy nên họ cười khi Ngài bảo cô bé ngủ. Họ không tin là Chúa Giê-su có thể làm cho cô bé sống lại.

- 9:18b *quỳ gối thưa: “Con gái tôi vừa mới chết,  
Ông quỳ gối trước mặt Đức Giê-su và nói: “Con gái tôi vừa mới chết.*
- 9:18c *nhưng xin Thầy đến đặt tay trên nó thì nó sẽ sống.”  
Nhưng xin Thầy hãy đến [nhà tôi] và đặt tay trên nó thì nó sẽ sống lại.”*
- 9:19 *Ngài đứng dậy đi với ông ta, các môn đệ cùng theo.  
Vậy Đức Giê-su đứng dậy và cùng với các môn đệ đi với cha cô gái.*
- 9:20-21a-c *(Sắp đặt lại thứ tự:)*
- 9:(20-21)a *Bấy giờ, có một người đàn bà đến phía sau Ngài.  
Sau đó có một người đàn bà bị bệnh đến phía sau Đức Giê-su.  
-HAY-  
Trong lúc họ đi đường, một người đàn bà bị bệnh đến gần phía sau của Đức Giê-su.*
- 9:(20-21)b *[Bà] bị bệnh xuất huyết đã mười hai năm.  
Bà bị bệnh xuất huyết đã mười hai năm.*
- 9:(20-21)c *[Bà] tự nghĩ rằng: “Nếu ta chỉ sờ gấu áo Ngài, thì sẽ được lành bệnh.”  
Bà tự nhủ: “Nếu ta chỉ sờ đến áo Đức Giê-su, thì ta sẽ lành bệnh!”*
- 9:(20-21)d *[Bà] sờ gấu áo Ngài.  
[Vậy] bà sờ gấu áo Ngài.*
- 9:22a *Đức Giê-su quay lại, thấy người đàn bà, thì bảo: “Con ơi, hãy vững tâm,  
Đức Giê-su quay lại và thấy bà. Ngài nói: “Hỡi con, hãy vui mừng,*
- 9:22b *đức tin con đã chữa lành cho con.”  
[Ta] đã chữa lành cho con [bằng quyền năng của Đức Chúa Trời] bởi vì con đã tin.”*
- 9:22c *Ngay lúc ấy, người đàn bà hết bệnh.  
Và kể từ lúc đó, người đàn bà hết bệnh.*
- 9:23a *Đức Giê-su vào nhà người quản lý,  
Khi Đức Giê-su vào trong nhà người lãnh đạo,*
- 9:23b *thấy mấy người thổi sáo nhà đám và đám đông đang xôn xao.  
Ngài thấy người ta thổi sáo nhạc đám ma và những người khác thì đang than khóc.*
- 9:24a *Ngài bảo: “Ra ngoài đi! Đứa bé này không chết đâu, nhưng nó đang ngủ.”  
Ngài bảo họ: “Mọi người hãy đi về nhà đi [vì không có lý do gì phải để tang]. Cô bé này không chết. Cô ta chỉ ngủ thôi.”*
- 9:24b *Họ chế nhạo Ngài.  
Nhưng người ta chế nhạo Ngài [bởi vì họ biết cô gái đã chết.]*

**9:25a**

**Khi đám đông bị đuổi ra ngoài:** Có lẽ trong gia đình của cô bé đuổi mọi người ra ngoài. Có thể là Đức Giê-su đuổi họ ra. Trong phần kinh văn không nói rõ là đám đông ra khỏi nhà hay ra khỏi phòng nơi cô gái nằm. Cách chuyển ngữ nào cũng khả dĩ cả.

**9:25b**

**Ngài đến cầm tay em bé, thì nó ngồi dậy:** Theo luật Do Thái, người nào đụng đến xác chết sẽ trở nên “không tinh sạch” (Dân Số

Ký 19:11-22). Nhưng điều này không làm Đức Giê-su bận tâm, bởi vì Ngài biết Đức Chúa Trời sẽ làm cho cô bé sống lại.

**9:26**

**Tin này đồn ra khắp vùng đó:** Người ta bắt đầu bảo nhau về tin kỳ diệu này: Đức Giê-su khiến cho cô bé sống lại.

**khắp vùng đó:** Nhóm từ *khắp vùng đó* nói đến tất cả các vùng lân cận với Ca-pha-na-um.

**Tiểu Đoạn 9:27-34 Đức Giê-su chữa lành người mù và câm**

Đức Giê-su chữa lành hai người mù vì họ tin nơi Đức Chúa Trời. Sau đó, Chúa bảo họ đừng nói cho ai biết về việc này hết, bởi vì Chúa không muốn người ta cố gắng ép Ngài làm vua. Nhưng hai người này không giữ được sự vui mừng nên cứ nói với mọi người.

Sau đó Đức Giê-su chữa lành cho một người câm vì bị quỷ ám. Các người Pha-ri-si không tin rằng Đức Chúa Trời đã sai Đức Giê-su nên họ nói rằng Sa-tan, quỷ vương đã cho Đức Giê-su quyền năng.

9:27-28 Hai người mù muốn được chữa lành

được không?” Chúa biết rằng họ muốn Ngài chữa lành mắt của họ.

**9:27a**

**khỏi chỗ đó:** Đức Giê-su rời khỏi nhà nơi mà Chúa đã khiến cho cô bé sống lại.

**9:28c**

**Thưa Chúa:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 8:2.

**9:27b**

**kêu lớn:** Họ kêu lên với Chúa trong khi họ đi theo Ngài.

9:29-31 Đức Giê-su chữa lành hai người mù

**Con vua Đa-vít:** Đây là cách nói của người Do Thái khi muốn nói đến con cháu của Vua Đa-vít, người sẽ là Đấng Cứu Thế. Các người Do Thái mong đợi Đấng Cứu Thế sẽ chữa lành cho người ta và cai trị họ như vua Đa-vít đã cai trị hồi xưa (Thi Thiên 89:3-37, Ê-sai 35:5-6). Hãy xem 1:1.

**9:29**

**Hãy sáng mắt như các con đă tin:** Đức Giê-su chữa lành cho họ ngay lúc ấy bởi vì họ tin rằng Chúa có thể làm được.

**xin thương xót chúng con:** Họ nói: “Xin hãy nhân từ và giúp đỡ chúng tôi.”

**9:30**

**Mắt họ được sáng:** Lập tức mắt họ được chữa lành và họ lại nhìn thấy được.

**9:28a**

**Khi vào nhà:** Đức Giê-su đi vào một căn nhà.

**Đức Giê-su nghiêm nghị dặn:** Chúa ra lệnh cho họ không được nói với ai.

**9:28b**

**Các con có tin rằng Ta làm được việc này không?:** Đức Giê-su nói: “Các con có tin rằng Ta có thể làm cho các con sáng mắt

**Này, đừng cho ai biết việc này:** Trong bản Hy-lạp nhấn mạnh mệnh lệnh “đừng cho ai biết việc này.” BDM dùng “này” để nhấn mạnh. Bạn có thể dùng bất cứ từ hay nhóm từ nào nghe có vẻ nhấn mạnh một cách tự nhiên ở đây.

- 9:25a *Khi đám đông bị đuổi ra ngoài,  
[Gia đình cô gái] đuổi đám đông ra ngoài,*
- 9:25b *Ngài đến cầm tay em bé, thì nó ngồi dậy.  
rồi Đức Giê-su vào phòng cô gái. Ngài nắm tay nó và nó [sống lại và] ngồi dậy!*
- 9:26 *Tin này đồn ra khắp vùng đó.  
Người ta bắt đầu đồn tin này cho tất cả mọi người trong vùng đó.*

**Tiểu đoạn 9:27-34 Đức Giê-su chữa lành người mù và người câm**

- 9:27a *Khi Đức Giê-su rời khỏi chỗ đó, có hai người mù theo sau  
Khi Đức Giê-su rời khỏi đó, hai người mù theo sau Ngài.*
- 9:27b *kêu lớn: “Con vua Đa-vít, xin thương xót chúng con!”  
Họ kêu lớn lên: “Con cháu vua Đa-vít, xin hãy có lòng nhân từ và giúp đỡ chúng  
tôi!”*
- 9:28a *Khi vào nhà, hai người mù đến gần Ngài.  
Khi Đức Giê-su vào nhà, hai người mù đến với Ngài.*
- 9:28b *Ngài hỏi: “Các con có tin rằng Ta làm được việc này không?”  
Ngài hỏi họ: “Các con có tin là Ta có thể chữa lành cho các con được không?”*
- 9:28c *Họ trả lời: “Thưa Chúa, tin.”  
Họ trả lời: “Thưa Chúa, được. Chúng tôi tin.”*
- 9:29 *Ngài sờ mắt họ và phán: “Hãy sáng mắt như các con đã tin.”  
Đức Giê-su sờ mắt họ và phán: “[Ta] chữa lành cho con vì các con tin.”*
- 9:30 *Mắt họ được sáng. Đức Giê-su nghiêm nghị dặn: “Này, đừng cho ai biết việc  
này.”  
Họ được sáng mắt lại! Đức Giê-su cảnh cáo họ: “Hãy cẩn thận đừng nói cho ai  
biết là [Ta đã chữa lành mắt cho con].”*
- 9:31 *nhưng họ đi ra, đồn về Ngài khắp vùng đó.  
Nhưng họ đi ra và đồn tin này ra khắp vùng đó!*
- 9:32 *Khi họ vừa đi khỏi, người ta đem cho Ngài một người câm bị quỷ ám.  
Khi hai người vừa rời khỏi đó, người ta mang một người đến cho Đức Giê-su.  
Người này bị quỷ ám làm cho không nói được.*

**9:31**

*họ đi ra:* Họ rời khỏi đó và đi xa.

*đồn về Ngài khắp vùng đó:* Hãy xem 9:26.

9:32-34 Đức Giê-su chữa lành cho người câm

**9:32**

*Khi họ vừa đi khỏi:* Đây có thể giải thích theo hai cách:

- (1) Từ *họ* nói đến hai người vừa được Đức Giê-su chữa lành.
- (2) Từ *họ* nói đến Đức Giê-su và các môn đệ, và có lẽ đám đông đang đi theo Đức Giê-su.

Có nhiều nhà phê bình hỗ trợ ý nghĩa (1) hơn. Nhưng nếu bạn chọn ý nghĩa (1), trong bản dịch của bạn phải nói rõ là 9:32 xảy ra trước 9:31. Tức là, hai người này chưa đi khắp mọi nơi. Người bị quỷ ám được đem đến với Chúa ngay khi hai người kia bỏ đi.

**người ta đem cho Ngài:** Một số người đem người bị quỷ ám đến cho Đức Giê-su để Ngài chữa lành.

**một người câm bị quỷ ám:** Một tà linh ở trong người này khiến ông ta không thể nói được.

### 9:33a

**Khi quỷ bị đuổi ra:** Đức Giê-su khiến quỷ ra khỏi người này nên người ấy nói được.

### 9:33b

**ngạc nhiên:** Họ thấy phép lạ mà họ không tưởng được là có thể xảy ra.

### 9:33c

**Chưa bao giờ có việc như thế này xảy ra trong Y-sơ-ra-ên:** Đây người ta muốn nói đến việc Đức Giê-su chữa lành cho người câm. Nhưng họ cũng có thể nói về các phép lạ Chúa làm trong cùng một ngày đó (9:18-33), hay ngay cả tất cả các phép lạ ở trong chương 8 và 9.

**trong Y-sơ-ra-ên:** Nhóm từ này nói đến người Do Thái là con cháu của Gia-cóp, còn có tên là Y-sơ-ra-ên. Nhóm từ *trong Y-sơ-ra-ên* thường được dùng để chỉ về dân tộc Do Thái nhiều hơn là đến lãnh thổ.

### 9:34

**Ông ta nhờ chúa quỷ để trừ quỷ:** Nhóm từ này *chúa quỷ để trừ quỷ* có nghĩa là quỷ vương, Sa-tan. Đức Giê-su không đáp ứng lại về lời tuyên bố này (trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ) nhưng không có nghĩa là Ngài đồng ý với họ. Điều họ nói không đúng sự thật. Ngài có đáp ứng về lời tuyên bố này ở trong đoạn KT tương tự Mác 3:20-30 và Luca 11:14-20.

## Phân Đoạn Phụ 9:35-11:1 Đức Giê-su sai mười hai môn đệ đi

Trong phần chính tới của sách Phúc Âm Ma-thi-ơ, Đức Giê-su sai mười hai sứ đồ đi giảng Phúc Âm về Nước Chúa Trời, chữa lành người bệnh và đuổi các tà linh. Đa số phần này của Phúc Âm là bài giảng của Đức Giê-su khi Ngài bảo cách môn đệ phải làm gì khi họ đi ra (10:5-11:1).

## Tiểu Đoạn 9:35-38 Chỉ có ít người làm việc

Khi Đức Giê-su giảng và chữa lành cho mọi người, Ngài thấy họ như chiên không có người chăn, như cánh đồng đến mùa gặt. Đây là ẩn dụ về người ta đã sẵn sàng để tin nơi Đức Giê-su. Nhưng không có đủ người đi ra để rao giảng Phúc Âm cho họ. Với bối cảnh này, Đức Giê-su chuẩn bị sai mười hai môn đệ đi ra giúp đỡ dân chúng.

### 9:35a

**Đức Giê-su đi khắp các thành thị và làng mạc:** Ma-thi-ơ không nói những làng này ở đâu, nhưng đa số ở xứ Ga-li-lê, hay gần biển hồ Ga-li-lê. Đây không có nghĩa là tất cả mọi làng của người Do Thái.

### 9:35c-d

**đạy dỗ... chữa lành...:** Đây là các lời tương tự như ở trong 4:23. Hãy xem Lời Giải Nghĩa ở đó.

### 9:36a

**Ngài động lòng thương xót:** Chúa thương hại và muốn giúp đỡ họ.

- 9:33a *Khi quý bị đuổi ra, người câm nói được.*  
Đức Giê-su đuổi quý ra khỏi người câm, và người ấy lại nói được.
- 9:33b *Dân chúng ngạc nhiên kêu lên:*  
Dân chúng rất ngạc nhiên và nói:
- 9:33c *“Chưa bao giờ có việc như thế này xảy ra trong Y-sơ-ra-ên.”*  
*“Chưa bao giờ có việc như thế này xảy ra trong Y-sơ-ra-ên!”*  
*-HAY-*  
*“Đây là lần đầu tiên người Y-sơ-ra-ên được thấy việc như vậy!”*
- 9:34 *nhưng người Pha-ri-si lại bảo: “Ông ta nhờ chúa quý để trừ quý.”*  
Nhưng các người Pha-ri-si nói: “Sa-tan, Chúa quý, là kẻ cho ông ta quyền phép để đuổi quý ra khỏi người ta.”

### Phân đoạn phụ 9:35-11:1 Đức Giê-su sai mười hai môn đệ đi

#### Tiểu đoạn 9:35-38 Chỉ có một ít người làm việc

- 9:35a *Đức Giê-su đi khắp các thành thị và làng mạc,*  
Đức Giê-su đi khắp các tỉnh và các làng
- 9:35b *dạy dỗ trong các hội đường,*  
và dạy dỗ người ta trong nhà thờ phượng của người Do Thái.
- 9:35c *truyền bá Phúc Âm Nước Đức Chúa Trời*  
Ngài giảng Phúc Âm về nước Đức Chúa Trời,
- 9:35d *và chữa lành mọi thứ bệnh tật.*  
và Ngài chữa lành tất cả mọi thứ bệnh tật.
- 9:36a *Nhìn thấy đoàn dân đông đảo, Ngài động lòng thương xót,*  
Khi Ngài thấy đám đông, Ngài thương xót họ và muốn giúp đỡ họ,
- 9:36b *vì họ bị hà hiếp và khốn đốn*  
bởi vì họ đang lâm than và không thể tự giúp mình được.
- 9:36c *như đàn chiên không người chăn.*  
Họ giống như chiên không có người chăn [để canh gác và chăm sóc họ.]

#### 9:36b

**họ bị hà hiếp:** Đây chuyển ngữ từ Hy-lạp có nghĩa là ‘bị phiền nhiễu’ hay ‘lo lắng.’

**khốn đốn:** Đây được chuyển ngữ từ một từ Hy-lạp có nghĩa là ‘không được giúp đỡ,’ ‘để bị tấn công’ hay ‘thất bại.’

#### 9:36c

**như đàn chiên không người chăn:** Họ giống như chiên không có người chăn để hướng dẫn và chăm sóc họ. Một người chăn sẽ cung cấp những điều cần thiết, như là dẫn đến đồng cỏ và suối nước, bảo vệ chiên khỏi bị thú rừng tấn công đêm ngày (hãy xem Thi Thiên 23). Người chăn chiên là một

công việc thông thường ở trong văn hoá của Do Thái. Từ “người chăn chiên” và “chiên” được dùng qua suốt KT để cho thấy Đức Chúa Trời chăm sóc chúng ta như thế nào, chúng ta giống như chiên trong nhiều cách. Bạn có thể để một lời chú thích ở cuối trang với các chi tiết ở trên.

### 9:37c

**Mùa gặt thật trũng:** Đây nói đến đồng lúa đã chín và sẵn sàng để gặt. Nhưng Đức Giê-su không thật sự nói về lúa ở đây. Ngày đang nói về những người không biết Ngài nhưng sẵn sàng để tin nơi Ngài.

**nhưng thợ gặt thì ít:** Đức Giê-su muốn nói là không có nhiều môn đệ của Ngài có thể đi và giúp đỡ đem con người lại với Ngài.

### 9:38a

**hãy cầu xin Chúa mùa gặt:** Chúa muốn nói: “Hãy xin chủ đồng lúa.” Đức Giê-su muốn bảo các môn đệ cầu nguyện với Chúa Cha, bởi vì Ngài tạo dựng nên con người và lời kéo người ta đến với Đức Giê-su. Hãy xem Giăng 6:44.

### 9:38b

**sai thêm thợ gặt:** Xin Chúa sai các môn đệ của Đức Giê-su.

**vào đồng lúa của Ngài:** Đây nói đến những người sẵn sàng để tin nơi Đức Giê-su.

Một cách khác để chuyển ngữ và vẫn giữ ẩn dụ là:

Câu xin Đức Chúa Trời sai thêm nhiều người nói về sứ điệp của Ngài, giống như người chủ ruộng sai nhiều thợ gặt ra đồng gặt lúa.

## Tiểu Đoạn 10:1-4 Đức Giê-su chọn mười hai sứ đồ

Tiểu Đoạn này có tên của mười hai môn đệ mà Đức Giê-su sai đi để chữa lành bệnh tật và giảng dạy. 10:1 nói “mười hai môn đệ của Ngài.” Đây có vẻ như là Ngài đã chọn sẵn mười hai người để làm môn đệ đặc biệt của Ngài. Trong Phúc Âm Lu-ca (6:12, 13, 20) Đức Giê-su chọn mười hai người này trước khi Chúa giảng Bài Giảng Trên Núi. Nhưng trong chương 10 của Ma-thi-ơ đây là lần đầu tiên Đức Giê-su nói đến chọn mười hai môn đệ làm sứ đồ.

### 10:1a

**môn đệ:** Từ Hy-lạp dùng ở đây là *mathētai* có nghĩa là “người theo học.” Các môn đệ của Đức Giê-su là những người học và vâng theo lời dạy dỗ của Ngài. Rất nhiều người đi theo Đức Giê-su, nhưng bạn có thể chỉ nói đến những người thành thật vâng theo mọi lời dạy dỗ của Ngài là *các môn đệ*. Đây nói đến mười hai môn đệ gắn gũi với Đức Giê-su nhất.

### 10:1b

**quyền uy:** Đức Chúa Trời cho họ quyền phép để đuổi quỷ.

**tà linh:** Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp là “uế linh.” Từ “uế” muốn nói đến điều không được sạch về phần đạo đức hay gian ác.

**chữa lành mọi bệnh tật:** Đây là cùng những từ được dùng ở trong 4:23 và 9:35. Đây có nghĩa là “mọi loại bệnh tật.”

### 10:2a

**Tên của mười hai sứ đồ như sau:** Chép lại danh sách các tên này theo cách nào tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Nhưng hãy nhớ là có rất nhiều lời chú giải cho các sứ đồ trong danh sách này.

**sứ đồ:** Theo tiếng Hy-lạp được chuyển ngữ là *sứ đồ* là một tước vị có nghĩa là “người được sai đi.” Một “người được sai đi” có cùng một quyền năng giống như người sai họ đi. Đức Giê-su đang cho mười hai môn đệ này quyền năng đặc biệt và sai họ đi rao giảng về nước của Đức Chúa Trời. Bạn có thể gọi họ là “sứ giả.”

### 10:2b

**Trước hết:** Đây có thể có ba ý nghĩa:

- (1) người môn đệ đầu tiên được Chúa chọn
- (2) người đầu tiên trong danh sách của mười hai người
- (3) người quan trọng nhất (người lãnh đạo).



- 9:37a *Ngài bảo các môn đệ:*  
Rồi Đức Giê-su nói với các môn đệ,
- 9:37c *“Mùa gặt thật trủng, nhưng thợ gặt thì ít.*  
[Nhiều người sẵn sàng tin nơi Ta nhưng không có ai giúp đỡ cho họ. Giống như] có một cánh đồng rộng lớn sẵn sàng để gặt, nhưng không có đủ thợ gặt để gặt lúa.  
-HAY-  
Ngay bây giờ mùa gặt thì thật trủng, có nhiều người sẵn sàng để tin nơi sứ điệp của Đức Chúa Trời. Nhưng không có đủ người để hướng dẫn họ tin cậy nơi Đức Chúa Trời.
- 9:38a *Vậy, hãy cầu xin Chúa mùa gặt*  
Vậy hãy cầu xin Chúa, là chủ cánh đồng
- 9:38b *sai thêm thợ gặt vào đồng lúa của Ngài.”*  
để sai nhiều người đi gặt lúa.  
-HAY-  
để sai nhiều người đi rao truyền sứ điệp.

#### Tiểu Đoạn 10:1-4 Đức Giê-su chọn mười hai môn đệ

- 10:1a *Đức Giê-su gọi mười hai môn đệ đến*  
Đức Giê-su gọi mười hai môn đệ đến.
- 10:1b *và ban cho quyền uy để đuổi tà linh*  
Chúa ban cho họ quyền năng để đuổi quỷ ra khỏi người ta
- 10:1c *và chữa lành mọi bệnh tật.*  
và chữa lành mọi người bệnh tật và yếu đuối.  
-HAY-  
và chữa lành cho mọi người bất cứ bị bệnh gì.
- 10:2a *Tên của mười hai sứ đồ như sau:*  
Sau đây là tên của mười hai [môn đệ mà Đức Giê-su gọi là] sứ đồ của Ngài:
- 10:2b *Trước hết là Si-môn, cũng gọi là Phê-rô và An-rê em người;*  
Si-môn, còn có tên khác là Phê-rô, và An-rê em của Si-môn.
- 10:2c *Gia-Cơ con của Xê-bê-đê và Giăng em người;*  
Gia-cơ, con của Xê-bê-đê, và em người, Giăng.

Không rõ là Ma-thi-ơ dùng ý nghĩa nào.  
Nhưng *trước hết* ở đây nói đến Phê-rô.

**An-rê em người:** Đây là An-rê anh em của Si-môn. Bản Hy-lạp không nói rõ ông An-rê lớn hơn hay trẻ hơn Si-môn vì tiếng Hy-lạp dùng từ có nghĩa cho cả “anh” và “em.” Theo phong tục Do Thái tên anh được để trước và tên Phê-rô được để trước ở trong

Ma-thi-ơ 4:18 và 10:2. Vậy nên chúng ta giả định Phê-rô là anh.

#### 10:2c

**Gia-Cơ con của Xê-bê-đê và Giăng em người:** Gia-cơ có lẽ lớn tuổi hơn Giăng.

**10:3b**

**Ma-thi-ơ, người thu thuế:** Người ta biết Ma-thi-ơ là người thu thuế. Đây không có nghĩa là ông Ma-thi-ơ vẫn còn đi thu thuế. Khi Đức Giê-su phong cho ông làm sứ đồ, ông đã bỏ tất cả theo Chúa rồi.

**10:3c**

**Gia-cơ con của A-phê:** A-phê là cha của ông Gia-cơ này, khác với Gia-cơ ở trong 10:2c.

**Tha-đê:** Tha-đê là một môn đệ khác, không phải là mẹ của Gia-cơ.

**10:4a**

**Si-môn người Ca-na-an:** BDM và BDC chuyển ngữ từ Hy-lạp *kananaios* là “người Ca-na-an” Nhưng nhiều học giả nói thật ra đây là phiên âm của một từ A-ram có nghĩa là “một người hăng hái, nhiệt tình,” trong tiếng Hy-lạp gọi là “Xê-lốt.” Hãy xem Lu-ca 6:15 và Công Vụ 1:13 khi từ này được dùng để mô tả cùng một Si-môn. Có một đảng gọi là đảng Xê-lốt gồm một nhóm người Do Thái vũ trang muốn độc lập khỏi sự thống trị của người La-mã. Có lẽ Si-môn là một thuộc viên của đảng Xê-lốt nhưng từ này chỉ diễn

tả nhiệt tình của ông đối với Kinh Luật của Đức Chúa Trời. Hãy để ý trong BDY “Si-môn, đảng viên Xê-lốt.”

**10:4b**

**Giu-đa Ích-ca-ri-ốt:** Có hai cách giải thích:

- (1) *Ích-ca-ri-ốt* Muốn nói đến quê của Giu-đa. Có nghĩa là “một người đến từ Ca-ri-ốt.” Ca-ri-ốt là một tỉnh ở phía nam của Giu-đa hay trong xứ Mô-áp. Cha của Giu-đa ích-ca-ri-ốt tên là Si-môn, cũng được gọi là ích-ca-ri-ốt (hãy xem Giăng 6:71).
- (2) *Ích-ca-ri-ốt* nói đến cá tính của Giu-đa. Nó có nghĩa là “người mang dao găm” (sát nhân) hay “người giả dối.” Ý nghĩa thứ nhì này dường như không đúng lắm.

Người Do Thái trong thời Chúa Giê-su thường chỉ có một tên. Người ta thường thêm tên của cha vào để dễ nhận diện. (Thí dụ: Gia-cơ con của Xê-bê-đê) hay thêm tên của quê quán vào (thí dụ: Si-môn người Sy-ren).

**phản:** Sau này Giu-đa phản Chúa bằng cách giúp cho kẻ thù bắt Chúa.

**Tiểu Đoạn 10:5-15 Đức Giê-su sai mười hai môn đệ đi**

Phần còn lại của chương 10 là bài giảng Đức Giê-su dành cho mười hai môn đệ. Trong bài giảng này Chúa bảo các môn đệ điều họ phải làm trong chuyến đi của họ. Họ phải giảng Phúc Âm về Nước Trời. Họ phải giúp đỡ người ta bằng cách chữa lành bệnh tật và đuổi tà linh. Họ phải chuẩn bị vì sẽ có người chống đối họ. Nhiều người còn muốn làm tổn thương họ. Một số người thân trong gia đình sẽ chống nghịch lại họ. Nhưng họ phải trung tín vâng lời Đức Giê-su, thì Ngài sẽ ban thưởng cho họ.

Trong Tiểu Đoạn kế (10:5-15), Đức Giê-su bảo các sứ đồ những điều chính họ nên làm và người họ nên gặp.

10:5-10 Đức Giê-su bắt đầu chỉ thị mười hai môn đệ

**10:5b**

**dân ngoại quốc:** Cụm từ *dân ngoại quốc* bao gồm tất cả những người không phải là người Do Thái.

**người Sa-ma-ri:** Đây là những người ở trong xứ Sa-ma-ri ở Palestine. Những người này là người Do Thái lai, và họ có tôn giáo khác

với tôn giáo của người Do Thái, nên người Do Thái ghét họ. Hãy xem Giăng 4.

**10:6**

**bầy chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên:** Đa số dân Do Thái không còn phục vụ và vâng lời Đức Chúa Trời. Đức Giê-su dùng ẩn dụ so sánh họ với chiên đi lạc và bị phân cách khỏi người chăn. Vì Đức Giê-su cũng là dòng dõi người Y-sơ-ra-ên, bạn có thể nói: “chỉ đi đến dân tộc của chúng ta, dân Y-sơ-

- 10:3a *Phi-líp và Ba-tê-lê-my;*  
Phi-líp, và Ba-tê-lê-my.
- 10:3b *Thô-ma và Ma-thi-ơ, người thu thuế;*  
Thô-ma, và Ma-thi-ơ, [trước kia] là người thu thuế.
- 10:3c *Gia-cơ con của A-phê và Tha-đê;*  
Gia-cơ, con của A-phê, và Tha-đê.
- 10:4a *Si-môn người Ca-na-an*  
Si-môn, một người trong đảng Xê-lốt,
- 10:4b *và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt là người phản Chúa.*  
và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, người phản Chúa.  
-HAY-  
và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, người giúp cho kẻ thù bắt Chúa.

**Tiểu đoạn 10:5-15 Đức Giê-su sai mười hai môn đệ đi ra**

- 10:5a *Đó là mười hai sứ đồ Đức Giê-su sai đi và dặn bảo:*  
Khi Đức Giê-su sai mười hai người này đi, Ngài nói với họ:
- 10:5b *“Đừng đi vào vùng dân ngoại quốc hay thành phố người Sa-ma-ri.*  
“Đừng đi đến với những người không phải là người Do Thái hay bất cứ tỉnh nào của người Sa-ma-ri.
- 10:6 *Nhưng hãy đến cùng bầy chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên.*  
Nhưng hãy chỉ đi đến với người Y-sơ-ra-ên, [là những người cần sự giúp đỡ như] chiên đi lạc vậy.
- 10:7 *Hãy đi, truyền giảng rằng: ‘Nước Thiên Đàng đã đến gần.’*  
Hãy giảng sứ điệp này tại mỗi nơi các con tới: ‘Lúc Đức Chúa Trời cai trị đã đến gần!’
- 10:8a *Hãy chữa lành kẻ đau yếu, khiến người chết sống lại,*  
Hãy chữa lành người đau, khiến người chết sống lại.
- 10:8b *chữa sạch người phong, đuổi quỷ trừ tà.*  
Chữa lành cho những người bị bệnh phong. Đuổi quỷ ra khỏi người ta.

ra-ên” vì họ là bầy chiên lạc mất thì nghe có vẻ tự nhiên hơn.

**10:7**

**Nước Thiên Đàng đã đến gần:** Đây cũng là một sứ điệp như ở trong 3:2b.

**10:8a**

**Hãy chữa lành kẻ đau yếu:** Đức Giê-su bảo các sứ đồ chữa lành cho những người đau yếu.

**10:8b**

**chữa sạch người phong:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 8:2a.

**đuổi quỷ trừ tà:** Hãy xem 8:16, 9:33,34.

### 10:8c-d

**Các con đã nhận lãnh miễn phí, hãy tặng miễn phí:** Họ nhận được sự giúp đỡ miễn phí, vậy họ cũng ban cho miễn phí. Đức Giê-su muốn nói: “Ta ban cho các con quyền năng để chữa bệnh và các con không phải trả gì cho Ta. Vậy nên các con chữa lành cho người ta và đừng đòi người ta trả gì cho mình.”

### 10:9

**vàng, bạc hay tiền của:** Những đồng tiền này có giá trị khác nhau. BDM chuyển ngữ từ “đồng” là “tiền của.” Đồng tiền bằng vàng có giá trị nhất, song đến đồng tiền bằng bạc và đồng tiền bằng đồng kém giá trị nhất.

**trong lưng:** Người Do Thái mang tiền trong túi hay thắt lưng. Cách giản dị nhất là chuyển ngữ “Đừng đem tiền theo.”

### 10:10a

**Đừng mang theo túi đi đường:** Đức Giê-su muốn nói họ không nên đem theo những thứ họ cần. Họ nên nhờ cậy nơi Đức Chúa Trời và những người tiếp nhận sứ điệp cung cấp cho họ nhu cầu hằng ngày.

### 10:10b

**hai áo:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:40a. Bạn có thể chuyển ngữ là “mang thêm quần áo” hay “quần áo để thay đổi.”

**giày:** Họ có thể đi xăng đan họ đang có nhưng không nên mang thêm.

**gậy:** Đây là cây gậy giúp người ta đi trong những chỗ khó đi. Người ta cũng dùng gậy để đánh lại thú vật hay rắn.

### 10:10c

**bởi vì:** Các lời sau đây theo ý nghĩa được hàm ý giúp làm rõ nghĩa sự quan hệ của “bởi vì” với ngữ cảnh trước đó:

[Các con không phải mang thêm những đồ dư] **bởi vì** các con là người làm việc của Ta, và những người các con giúp đỡ phải cung cấp cho các con các thứ cần thiết.

**công nhân được hưởng tiền công mình:** Người chủ phải trả lương cho những người làm việc cho mình. Cụm từ *công nhân* ở đây

áp dụng cho mỗi một người trong mười hai môn đệ giúp đỡ những người khác. Các người đó sẽ phải cung cấp cho các môn đệ những thứ họ cần.

10:11-15 Các môn đệ nên chúc phước cho những người chấp nhận họ, và cảnh cáo những người không

### 10:11a

**người xứng đáng:** Có thể giải thích theo hai cách:

- (1) Một *người xứng đáng* là người tiếp đón và chấp nhận các môn đệ vì vậy đáng được môn đệ chúc phước.
- (2) Một *người xứng đáng* là người được cộng đồng kính nể và đối xử tử tế với các môn đệ.

CDN theo sự giải thích thứ nhất. Người này có lẽ là người cha, người chủ của gia đình.

### 10:11b

**thành phố:** Một *thành phố* trong thời Đức Giê-su là một chỗ có nhiều người ở, với nhà xây và đôi khi có tường bọc quanh. *Thành phố* thường là trung tâm của chính quyền cho một vùng.

**làng xã:** Trong thời Đức Giê-su *làng xã* là một chỗ chỉ có một số ít nhà và vài gia đình ở trong đó. Thường có nhiều làng ở chung quanh thành phố, là nơi người ta vào ở để được bảo vệ trong khi có chiến tranh.

**mà trọ cho đến khi đi:** Họ không nên đi từ nhà nọ đến nhà kia để tìm nhà thoải mái nhất để ở. Họ phải ở nhà đầu tiên mời họ và ở đó cho tới khi đi khỏi thành phố ấy.

### 10:12

**hãy chúc bình an cho nhà ấy:** Các sứ đồ phải chúc phước cho người ở trong nhà đó. Đây không phải là chỉ nói đến cái nhà nhưng Đức Giê-su dùng ý tượng hình “nhà” để chỉ người ở trong nhà. Câu chào hỏi thông thường của người Do Thái, ngay cả bây giờ, là *shalom*, có nghĩa là “bình an.” Lời chào này cho thấy người đó là một người thân mật và kính trọng người họ đang nói chuyện với. Một số người Do Thái tin rằng lời chào, cũng là một lời chúc phước có ảnh hưởng ngay với người được chào.

- 10:8c *Các con đã nhận lãnh miễn phí,*  
Các con không phải trả tiền để nhận [sự giúp đỡ và quyền năng chữa lành].
- 10:8d *hãy tặng miễn phí.*  
[Vậy nên] hãy giúp đỡ những người khác nhưng đừng đòi họ trả tiền.
- 10:9 *Đừng mang theo vàng, bạc hay tiền của trong lưng.*  
Đừng mang theo tiền bạc,
- 10:10a *Đừng mang theo túi đi đường,*  
hay túi hành lý.
- 10:10b *không cần hai áo, giày hoặc gậy,*  
Đừng mang thêm quần áo hay giày dép, đừng mang theo gậy nữa,
- 10:10c *bởi vì công nhân được hưởng tiền công mình.*  
bởi vì [các con làm việc cho Ta] người nhận sự giúp đỡ của các con sẽ cho các con những thứ cần thiết.”
- 10:11a *“Khi vào một thành phố hay làng xã nào, hãy tìm người xứng đáng*  
Đức Giê-su phán: “Khi các con vào một tỉnh hay một làng nào, hãy tìm một người sẽ tiếp đón các con [vào nhà người ấy.]
- 10:11b *mà trọ cho đến khi đi.*  
Ở trong nhà đó cho tới khi đi khỏi chỗ đó.
- 10:12 *Khi vào nhà ai, hãy chúc bình an cho nhà ấy.*  
Khi vào nhà ai, hãy xin Đức Chúa Trời ban phước cho nhà ấy.
- 10:13a *Nếu nhà đó xứng đáng, sự bình an của các con sẽ ở với họ.*  
Nếu gia đình đó hoan nghênh các con, phước hạnh bình an sẽ ở cùng họ.  
-HAY-  
Nếu người trong nhà đối xử tốt với các con, thì cầu nguyện để họ sẽ nhận được sự bình an của Chúa.
- 10:13b *Nếu không xứng đáng, lời chúc bình an sẽ trở về với các con.*  
Nhưng nếu họ không hoan nghênh các con, hãy lấy lại lời chúc bình an.  
-HAY-  
Nhưng nếu họ không đối xử tốt với các con, xin Đức Chúa Trời đừng nhậm lời con cầu xin Chúa ban phước cho những người đó.

**10:13a**

**Nếu không xứng đáng:** Nếu người trong nhà hoan nghênh các môn đệ vào nhà thì họ đáng được chúc phước. Cụm từ *xứng đáng* ở trong 10:13a và 10:11 được chuyển ngữ từ cùng một từ Hy-lạp. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 10:11a.

**sự bình an của các con sẽ ở với họ:** Trong trường hợp này *sự bình an* có nghĩa là một

lời nói xin Đức Chúa Trời ban phước cho một người. Người Do Thái cho rằng lời chúc phước đó có hiệu nghiệm.

**10:13b**

**Nếu không xứng đáng:** Nếu những người này không hoan nghênh các môn đệ và đối xử tệ với họ thì không xứng đáng nhận phước của Đức Chúa Trời.

**lời chúc bình an sẽ trở về với các con:** Nếu chủ nhà không đối xử tử tế với môn đệ, thì các môn đệ nên lấy lại lời chào bình an của họ. Trong văn hoá Do Thái khi lấy lại lời chào bình an có nghĩa là lời chúc phước không có ích lợi gì cả. Nói một cách khác, Đức Chúa Trời không chấp nhận cách hành động của họ và sẽ không ban phước cho họ nữa.

### 10:14b

**hãy phủi sạch bụi dính chân các con:** Khi một người Do Thái phủi bụi ở chân có nghĩa là họ tức giận với người trong nhà đó hay tỉnh đó. Nó cũng chứng tỏ rằng những người ấy “ô uế” và không thích hợp để thờ phượng Đức Chúa Trời. Đây hàm ý là Đức Chúa Trời sẽ đoán xét những người đó nếu họ không ăn năn. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 10:1b giải thích về “ô uế.” Bạn có thể muốn thêm một lời giải thích ở cuối trang để giải thích phong tục phủi bụi khỏi chân. Sau đây là một đề nghị:

Sau khi người Do Thái đi qua một nước ngoại quốc, họ phải phủi bụi khỏi giày và quần áo một cách cẩn thận, bởi vì họ cho là người ngoại quốc và xứ ngoại quốc là ô uế, không thích hợp để được thờ phượng Đức Chúa Trời với dân của Ngài. Đức Giê-su bảo các môn đệ làm như vậy đối với những người từ khước

Nước Đức Chúa Trời cho họ thấy rằng họ bị Đức Chúa Trời coi là “ô uế.”

### 10:15

**Thật, Ta bảo các con:** Điều Đức Giê-su sắp nói rất là quan trọng. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:18a.

**vào ngày phán xét:** Đây nói đến thì giờ trong tương lai khi Đức Chúa Trời sẽ đoán xét tất cả mọi người. Đây sẽ là lần cuối cùng Đức Chúa Trời đoán xét loài người.

**ngày:** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 7:22a.

**dân thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ:** Đức Chúa Trời trừng phạt dân chúng thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ bằng cách hủy diệt họ (Sáng Thế Ký chương 19).

**bị đoán phạt nhẹ hơn dân thành phố đó:** Đức Chúa Trời trừng phạt dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ còn ít hơn là Ngài phạt những người ở trong tỉnh mà từ khước các sứ đồ của Ngài.

**dân thành phố đó:** Đây nói đến những người ở trong thành phố mà không tiếp đón các môn đệ Đức Giê-su sai đến với họ.

## Tiểu Đoạn 10:16-25 Người ta sẽ bắt bớ Đức Giê-su và các môn đệ

Sau đó Đức Giê-su nói với các môn đệ rằng sẽ có nhiều người chống nghịch lại họ và không chấp nhận sứ điệp của họ. Họ nên biết là người không tin Chúa sẽ ghét họ, và một số người sẽ toan làm hại họ. Họ phải sẵn sàng để chịu khổ cũng như Đức Giê-su Chúa của họ phải chịu khổ.

10:16-20

### 10:16a

**như đàn chiên giữa muông sói:** Các con chiên không thể bảo vệ chúng khỏi các thú vật hay người làm hại chúng. Đức Giê-su có nhiều kẻ thù và họ sẽ chống đối lại với các môn đệ và sẽ cố gắng để hại họ. Các môn đệ phải nhờ cậy Đức Chúa Trời bảo vệ họ. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của Ma-thi-ơ 7:15b và Lu-ca 10:3.



### 10:16b

**hãy khôn khéo như rắn:** Người Do Thái cho con rắn là một con vật khôn ngoan. Đây có nghĩa là “Hãy coi chừng nguy hiểm giống như con rắn làm vậy.”

- 10:14a *Nếu ai không tiếp nhận, hoặc không nghe lời các con,*  
Nếu người trong nhà hay trong tỉnh không tiếp nhận các con hay không nghe sứ điệp của các con,
- 10:14b *hãy phủi sạch bụi dính chân các con khi ra khỏi nhà hay thành phố đó.*  
hãy phủi bụi dính chân các con [trước mặt họ] khi các con rời đó. [Làm như vậy cho thấy là Đức Chúa Trời sẽ đoán xét họ.]
- 10:15a *Thật, Ta bảo các con, vào ngày phán xét,*  
Thật Ta bảo các con khi Đức Chúa Trời đoán xét [tất cả mọi người,]
- 10:15b *dân thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ sẽ bị đoán phạt nhẹ hơn dân thành phố đó.*  
Ngài sẽ trừng phạt những người của tỉnh đó hơn là trừng phạt những người ở hai tỉnh gian ác Sô-đôm và Gô-mô-rơ thời xưa.”

### Tiểu đoạn 10:16-25 Người ta sẽ bắt bớ các con

- 10:16a *Này, Ta sai các con đi như đàn chiên giữa muông sói.*  
[Đức Giê-su tiếp tục nói với mười hai môn đệ. Ngài nói:] “Ta sai các con đi ra [giữa những người gian ác] giống như sai chiên đi giữa vòng muông sói.  
-HAY-  
Hãy chú ý, Ta sai các con đi ra và vì có những kẻ thù của Ta, các con sẽ bị nguy hiểm.
- 10:16b *Vì thế, hãy khôn khéo như rắn và đơn sơ như chim bồ câu.*  
Vậy nên hãy cẩn thận như rắn. Nhưng cũng giống như bồ câu không bao giờ làm hại một cái gì.  
-HAY-  
Vì vậy, hãy cẩn thận nhưng nhẹ nhàng.
- 10:17 *Hãy coi chừng người đời, họ sẽ nộp các con cho các hội đồng và đánh đòn các con tại các hội đường.*  
Hãy coi chừng, bởi vì một số người sẽ bắt giam các con và đem các con ra tòa và đánh đòn các con trong các hội thánh của người Do Thái.

**khôn khéo:** Từ Hy-lạp dùng ở đây có thể có nghĩa là khôn ngoan hay cẩn thận. Nhưng có thể các đồng hương của bạn không cho rắn là khôn ngoan và cẩn thận. Trong trường hợp đó, chuyển ngữ từng từ một có thể truyền thông ý sai đi. Như vậy, bạn có thể dùng tên một con vật khác mà các đồng hương của bạn cho là khôn ngoan. Hay có lẽ tốt hơn là không nên so sánh các môn đệ với con vật nào hết mà chỉ nói giản dị là: “Vì vậy hãy rất khôn ngoan và cẩn thận.”

**đơn sơ như chim bồ câu:** Người Do Thái coi con bồ câu là một con vật hoàn toàn vô hại và không bao giờ lừa gạt người khác. Đức Giê-su nói là bất cứ người ta đối xử với các

môn đệ như thế nào, họ không bao giờ được hại hay lừa gạt người khác.

**đơn sơ:** Đây có nghĩa là dịu dàng, không mắc tội lỗi gì cả.

Các đồng hương của bạn có thể không cho bồ câu là đơn sơ và có thể hiểu lầm điều Đức Giê-su đang nói. Bạn có thể thay thế *chim bồ câu* với một con vật khác hay chỉ dùng cụm từ “hiền lành.” Hãy xem CĐN.

### 10:17

Một số các nhà phê bình nói rằng 10:17 đề cập tới những điều người Do Thái sẽ làm cho các môn đệ của Đức Giê-su, và 10:18 nói

đến những điều người ngoại quốc sẽ làm cho các môn đệ của Đức Giê-su.

**Hãy coi chừng người đời:** Họ phải coi chừng những người gian ác sẽ cố gắng để làm hại họ.

**họ sẽ nộp các con:** Những người gian ác sẽ bắt giam họ.

**cho các hội đồng:** Đây là các toà án địa phương của người Do Thái. Mỗi hội đồng của người Do Thái có một toà án riêng. Những toà án địa phương này xét xử những tội nhẹ và có thể đánh đòn tới 40 roi để trừng phạt người có tội. (Phục 25:3).

**các hội đường:** Đây là các hội thánh của người Do Thái. Hãy xem 4:23.

### 10:18a

**các thống đốc:** Đây muốn nói đến các nhà cầm quyền không phải là người Do Thái, nhất là các nhà lãnh đạo trong chính quyền La-mã.

**vua chúa:** Đây là các nhà cầm quyền của các thành phố hay nước khác. Có thể có và cũng có thể không kể đến các vua nước Do Thái.

**vì có Ta:** Sẽ có những việc khó khăn xảy ra cho họ vì họ thuộc về Đức Giê-su. Họ là môn đệ của Chúa và sẽ nói với những người ấy về Ngài.

### 10:18b

**để làm chứng cho họ và cho các dân ngoại quốc:** Có hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Các môn đệ sẽ nói với nhà cầm quyền án và những người dân không phải là người Do Thái về Phúc Âm.
- (2) Các môn đệ sẽ nói với các nhà cầm quyền Do Thái và ngoại quốc về Phúc Âm.

Cách giải thích nào cũng khả dĩ nhưng bạn nên chuyển ngữ một cách tổng quát như BDM làm.

### 10:20

**Vì không phải tự các con nói ra:** Mặc dù là các môn đệ nói nhưng lời nói của họ là lời

của Đức Chúa Trời. Tức là, Chúa sẽ hướng dẫn họ phải nói điều gì.

**Đức Thánh Linh của Cha các con:** Đây đề cập đến Đức Thánh Linh, Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời cũng là Cha của Đức Giê-su, bạn có thể chuyển ngữ là “Cha của chúng ta.”

**sẽ nói qua các con:** Đức Thánh Linh sẽ khiến cho họ nói điều Đức Chúa Trời muốn họ nói. Đây là Đức Thánh Linh khiến cho các môn đệ biết phải nói điều gì và giúp họ nói.

10:21-23 Người trong nhà sẽ thù ghét nhau

Ở đây, Đức Giê-su không những chỉ nói về lúc mà mười hai môn đệ sẽ đi ra làm chứng và chữa lành bệnh cho người ta. Ngài cũng nói về những thế hệ sau, kể cả thời đại của chúng ta. Sẽ có nhiều rắc rối trong gia đình. Đây chính là vì có một số người không tin nơi Phúc Âm. Những người không tin này chống lại những người trong gia đình đã tin.

Trong một số bản dịch câu 10:21-22 là một câu dài. Trong các bản dịch khác, những câu này là nhiều câu riêng biệt. Một số bản dịch dùng ba câu để chuyển ngữ 10:22. Hãy xem PKTCD. Đặt câu ngắn hay dài để nghe cho có vẻ tự nhiên trong ngữ cảnh ở trong ngôn ngữ của bạn.

### 10:21a

Một trong những bốn phạm cao quý nhất của người Do Thái là yêu mến người trong gia đình, nhất là cha, mẹ và trung thành với họ bất kể chuyện gì xảy ra. Lời Đức Giê-su nói ở đây có thể làm các môn đệ kinh ngạc.

Cách BDM chuyển ngữ có thể làm người đọc hiểu lầm. Đức Giê-su không nói chung là anh em quay lại hại nhau và giết nhau. Chúa đang nói là anh em mà không tin Chúa sẽ phản ảnh anh em tin Chúa cho những người muốn giết con dân Chúa. BCG (Bản Công Giáo) được trích dẫn ở trong PKTCD và lời Giải Nghĩa ở đây vì câu này diễn tả ý chính xác hơn.



- 10:18a *Các con sẽ bị điệu đến trước mặt các thống đốc và vua chúa vì có Ta, Họ sẽ đem các con ra xét xử trước mặt các thống đốc và vua bởi vì các con hầu việc Ta.*
- 10:18b *để làm chứng cho họ và cho các dân ngoại quốc. và các con sẽ [có cơ hội] nói về Ta cho họ và những người ngoại quốc tố cáo các con.*
- 10:19a *Khi bị bắt, các con đừng lo cách nói thế nào hay sẽ nói gì, Nhưng khi bị bắt giam, đừng lo sẽ nói gì hay nói cách nào.*
- 10:19b *vì lúc ấy sẽ được ban cho lời đáp. [Bởi vì] vào lúc đó [Đức Chúa Trời] sẽ bảo con điều phải nói.*
- 10:20 *Vì không phải tự các con nói ra, nhưng Đức Thánh Linh của Cha các con sẽ nói qua các con. Không phải tự các con nói, nhưng mà là Đức Thánh Linh của Cha các con sẽ khiến cho các con nói [điều Ngài muốn các con nói.]”*
- 10:21a *Anh em sẽ tố cáo nhau để giết nhau. (BCG) Anh sẽ nộp em, em sẽ nộp anh cho người ta giết; Đức Giê-su tiếp tục: “Một người [không tin nơi Ta] sẽ phản bội anh em [là người tin Ta] với nhà cầm quyền [là những người bắt bớ con dân Chúa] để chúng sẽ giết anh em mình.*
- 10:21b *Cha tố con, (BCG) cha sẽ nộp con, [Một số] người sẽ làm như vậy với con cái của mình [là những người tin Ta.]*
- 10:21c *ngay cả con cũng chống lại cha và gây cho cha bị giết. (BCG) con cái sẽ đứng lên chống lại cha mẹ và làm cho cha mẹ phải chết. [Cũng như vậy, một số] con cái [là người không tin Ta] sẽ làm chứng chống lại cha mẹ [là người tin Ta] để nhà cầm quyền xử tử cha mẹ mình.*
- 10:22a *Các con sẽ bị mọi người ghen ghét vì danh Ta, Nhiều người sẽ ghét các con bởi vì các con là môn đệ của Ta.*

**(BCG) Anh sẽ nộp em, em sẽ nộp anh cho người ta giết:** Một người không tin nơi Đức Giê-su sẽ nộp anh em mình là người tin nhận Chúa cho những người ghét con dân Chúa. Điều này sẽ xảy ra trong nhiều gia đình.

**(BCG) cho người ta giết:** Kết quả là những người bắt bớ con dân Chúa sẽ giết chết người ấy.

#### 10:21b

**(BCG) Cha sẽ nộp con:** Một số người sẽ giao con cái mình cho những người thù ghét con dân Chúa và họ sẽ giết chúng.

#### 10:21c

**(BCG) con cái sẽ đứng lên chống lại cha mẹ và làm cho cha mẹ phải chết:** Đây hàm ý là họ sẽ làm chứng nghịch lại cha mẹ trước tòa, và quan tòa sẽ xử tử cha mẹ họ.

#### 10:22a

**Các con sẽ bị mọi người ghen ghét:** Đây không có nghĩa là mọi người trên thế giới sẽ thù ghét môn đệ của Đức Giê-su. Đức Giê-su nói phóng đại để nhấn mạnh rằng nhiều người sẽ ghét môn đệ của Ngài.

vì **danh Ta**: Người ta sẽ ghét họ bởi vì họ thuộc về Đức Giê-su và vâng lời Ngài. Họ là môn đệ của Ngài.

### 10:22b

**kiên trì**: Đây nói đến những người tiếp tục tin tưởng Đức Giê-su không ngừng.

**cho đến cuối cùng**: Đây có thể có hai ý nghĩa:

- (1) Cho tới lúc bắt bớ chấm dứt
- (2) Cho tới hết đời của người ấy

Đối với một số tín hữu, sự bắt bớ sẽ ngừng trước khi họ chết. Đối với những người khác, họ sẽ chết trước khi sự bắt bớ chấm dứt. Vậy nên cả hai ý (1) và (2) đều có thể dùng trong lời Đức Giê-su nói ở đây.

**sẽ được cứu rỗi**: Có thể giải thích theo hai cách:

- (1) Đức Chúa Trời sẽ cứu linh hồn của người, tức là người đó sẽ sống đời đời với Đức Chúa Trời.
- (2) Đức Chúa Trời sẽ cứu người khỏi bị hại. Một số nhà phê bình nói đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ cứu người khỏi bị hại trong thời gian bị bắt bớ. Ý nghĩa chính ở đây có nghĩa về thuộc linh.

Ý nghĩa (1) được ưa thích hơn.

### 10:23a

**Khi các con bị bắt bớ**: Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:10.

### 10:23b

**các con chưa đi hết các thành phố Y-sơ-ra-ên**: Họ không có thì giờ để làm xong công việc của họ trong các tỉnh của Y-sơ-ra-ên.

**thì Con Người đã đến**: Đây có lẽ có nghĩa là lúc Đức Giê-su trở lại trái đất như một vị vua, sau khi Ngài đã chết và sống lại. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 8:20 về nhóm từ “Con Người.”

10:24-25 Nếu họ chống lại Đức Giê-su, là thầy, họ sẽ chống lại các môn đệ của Ngài, là đầy tớ.

Chủ đề về sự bắt bớ ở trong 10:16-23 tiếp tục đến 10:24-25. Đức Giê-su nói rằng người

ta sẽ đối xử với các môn đệ tàn tệ giống như họ đối xử với Chúa vậy. Những người cố gắng hại người lãnh đạo chắc chắn sẽ cố gắng hại những người đi theo người.

### 10:24

**Trò không hơn thầy, tớ cũng không hơn chủ**: Một môn đệ không hơn người thầy của mình. Môn đệ cũng phải chuẩn bị tinh thần để chịu khổ giống như thầy của mình phải chịu khổ. Có thể chuyển ngữ là: “thầy luôn luôn hơn trò.”

**tớ cũng không hơn chủ**: Một đầy tớ không quan trọng hơn chủ mình. Đây cũng nói đến một điểm ở trong phần đầu tiên của câu này, ngoại trừ dùng lời văn khác đi. Có thể đối thứ tự lại như “chủ luôn luôn quan trọng hơn tớ.”

### 10:25a

**Trò bằng thầy và tớ bằng chủ cũng đủ rồi**: Một môn đệ nên hài lòng nếu được bằng thầy. Đây tớ cũng vậy: nên hài lòng khi bằng chủ. Đức Giê-su muốn nói các môn đệ của Ngài nên vui mừng vì người ta đối xử với họ giống như người đối xử với Chúa vậy.

### 10:25b

**Nếu họ gọi chủ nhà là quý Bê-ên-xê-bun**: Người ta nói là Chúa nhờ quyền năng của Bê-ên-xê-bun, quý vương, để đuổi quỷ. Nếu người ta gọi người chủ gia đình là chúa của quý, chắc chắn họ cũng sẽ hạ nhục các người trong gia đình. Đức Giê-su đang dùng một ẩn dụ, hay có lẽ là một câu tục ngữ để nói về chính mình và các môn đệ. Hãy xem Ma-thi-ơ 12:24-27, Giảng 8:48.

**quý Bê-ên-xê-bun**: Đây là một tên khác của Sa-tan, quý vương. Một số học giả KT nghĩ là *Bê-ên-xê-bun* có nghĩa là “người lãnh đạo của quý.” Tuy nhiên, những người khác nghĩ rằng tước vị này bày tỏ sự khinh bỉ và có nghĩa là “chúa của phân” hay “chúa của ruồi.” Bạn có thể để một lời chú thích ở cuối trang nói rõ rằng Bê-ên-xê-bun là một tên khác của Sa-tan.

**thì họ sẽ còn mắng nhiếc người nhà thậm tệ đến đâu nữa**: Khi người ta nói Đức Giê-su là Sa-tan thì các môn đệ đừng mong đợi họ sẽ tôn trọng mình. Các môn đệ là người nhà của Đức Giê-su, và người ta sẽ đối xử với họ tệ hại hơn là họ đối xử với thầy của

- 10:22b *nhưng ai kiên trì cho đến cuối cùng sẽ được cứu rỗi.*  
Nhưng những người vững tin cho đến cuối cùng, [Đức Chúa Trời] sẽ cứu họ.  
-HAY-  
Nhưng [Đức Chúa Trời] sẽ cứu những người tiếp tục tin Ta cho đến cuối cùng.
- 10:23a *Khi các con bị bắt bớ ở thành phố này, hãy trốn sang thành phố khác.*  
Khi các người trong tỉnh này làm hại các con, hãy trốn sang tỉnh khác.
- 10:23b *Vì thật, Ta bảo các con, các con chưa đi hết các thành phố Y-sơ-ra-ên thì Con Người đã đến.*  
[Ta nói thật] các con sẽ không làm xong công việc tại các tỉnh của Y-sơ-ra-ên trước khi [Ta] người từ Đức Chúa Trời trở lại.”
- 10:24 *‘Trò không hơn thầy, tớ cũng không hơn chủ.*  
Đức Giê-su phán: “Trò không hơn thầy. Đầy tớ cũng không hơn chủ.
- 10:25a *Trò bằng thầy và tớ bằng chủ cũng đủ rồi.*  
Các con nên nghĩ là người ta sẽ đối đãi các con như họ đối đãi Ta.
- 10:25b *Nếu họ gọi chủ nhà là quỷ Bê-ên-xê-bun, thì họ sẽ còn mắng nhiếc người nhà thậm tệ đến đâu nữa!*  
[Ta là người lãnh đạo của các con.] Nếu họ gọi Ta là Sa-tan, chắc chắn họ sẽ nói xấu các con nữa.”

### Tiểu đoạn 10:26-33 Hãy tin cậy Đức Chúa Trời, đừng sợ loài người

- 10:26a *‘VẬY, các con đừng sợ chúng,*  
Rồi Đức Giê-su nói: “VẬY đừng sợ những người đó.

họ Đức Giê-su. Nhóm từ *đến đâu nữa* có nghĩa là họ sẽ làm như vậy với các môn đệ

của Đức Giê-su.

### Tiểu Đoạn 10:26-33 Hãy tin cậy Đức Chúa Trời, đừng sợ loài người

Đức Giê-su tiếp tục chủ đề bắt bớ ở đây. Nhưng điểm chính trong Tiểu Đoạn này là các môn đệ không nên sợ làm chứng cho Chúa. Họ phải sẵn sàng để nói với người ta là họ thuộc về Đức Cơ Đốc, ngay cả khi sẽ bị người ta bắt bớ.

10:26-31 **Đừng sợ hãi làm chứng cho Ta**

Trong 10:26b-27 Đức Giê-su có thể dùng tục ngữ mà người ta thường dùng và hiểu nghĩa trong thời của Ngài.

#### 10:26a

**VẬY:** Có vẻ như Đức Giê-su suy nghĩ lại điều Ngài vừa nói để khuyến khích các môn đệ trung tín với Ngài. “Đức Thánh Linh của

Cha các con sẽ nói qua các con” (10:20). “Nhưng ai kiên trì cho tới cuối cùng sẽ được cứu rỗi” (10:22). Và trong 10:25 ông nói rằng họ là người trong gia đình. Vậy nên đây là những lý do các môn đệ không nên sợ hãi làm chứng cho Đức Giê-su.

**các con đừng sợ chúng:** Đức Giê-su muốn nói: “Mặc dù người ta muốn hại các con bởi vì các con thuộc về ta, đừng sợ chúng.”

**10:26b**

**vì không gì che giấu mà không bị phơi bày ra:** Những việc bây giờ bị giấu kín, Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ.

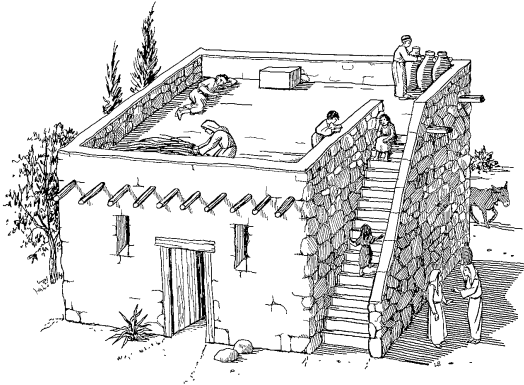
**không gì bí mật mà không bị tiết lộ:** Đức Giê-su dùng lời khác để nói về cùng một điều Ngài vừa nói ở trong phần đầu của 10:26b.

**10:27**

**Những gì Ta bảo các con trong bóng tối, hãy nói ra giữa ban ngày:** Ngài muốn nói: “Những điều Ta dạy riêng cho các con, hãy đi nói lại với người ở khắp mọi nơi.”

**những gì các con nghe được:** Ngài đang nói đến điều Ngài chỉ bảo họ, những điều Ngài dạy họ riêng tư.

**hãy công bố trên sân thượng:** Họ nên tuyên bố những điều này ở nơi mọi người đều có thể nghe được. Các nhà của người Do Thái thường có một mái bằng. Vào chiều mát người ta thường hay ngồi trên mái nhà. Họ cũng hay đứng trên sân thượng để tuyên bố những sứ điệp quan trọng cho người ta. Tốt hơn nên có một tấm hình cho thấy người ta đang ngồi hay đứng trên mái nhà ở đây.

**10:28a**

**linh hồn:** Cụm từ *linh hồn* là thân linh của một người, một phần sẽ không chết khi thân thể chết.

**10:28b**

**hủy diệt:** Đây không có nghĩa là thân xác và linh hồn biến mất đời đời. Nhưng có nghĩa là bị hủy diệt đời đời. Đây nói đến sự trừng trị đời đời mà những người không tin cậy Đức Giê-su sẽ phải kinh nghiệm sau ngày đoán xét cuối cùng khi Đức Chúa Trời đoán xét

họ (hãy xem Ma-thi-ơ 25:46, Mác 9:47 và 48, và 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9.)

**hỏa ngục:** Đây nói đến chỗ trừng phạt cho đời sau. Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:22.

**10:29a**

**Có phải hai con chim sẽ chỉ bán được một đồng?:** Đức Giê-su không hỏi một câu hỏi. Ngài muốn nói rằng mặc dù con chim sẽ rất nhỏ bé và không có giá trị gì, Đức Chúa Trời vẫn chăm sóc từng con một. Bạn có thể chuyển ngữ là: “Các con có thể mua hai con chim sẽ với một đồng xu.”

**con chim sẽ:** *Con chim sẽ* là con chim rất nhỏ. Trong thời Đức Giê-su người ta bán đủ loại chim để ăn thịt, nhưng chim sẽ là rẻ tiền nhất.

**một đồng:** Đồng tiền đồng La-mã này trị giá khoảng một phần mười sáu tiền công làm việc một ngày của một người. Đức Giê-su nói đến một số tiền rất nhỏ ở đây.

**10:30**

**Ngay cả tóc trên đầu các con cũng đã đếm rồi:** Đức Chúa Trời biết ngay cả có bao nhiêu sợi tóc trên đầu một người. Đức Giê-su đang nói với các môn đệ là Đức Chúa Trời biết hết mọi chi tiết về con người và không có việc gì xảy đến cho họ nếu Chúa không cho phép.

**10:31**

**Các con quý hơn nhiều con chim sẽ:** Vì Chúa chăm sóc các con chim sẽ, Chúa sẽ chăm sóc con người nhiều hơn.

10:32-33 Nói với người khác các con thuộc về Đức Cơ Đốc

**10:32a**

**ai tuyên xưng Ta:** Khi một người *tuyên xưng* Đức Giê-su, người ấy tuyên bố công khai rằng người ấy trung thành với Đức Giê-su và Đức Giê-su là Chúa của mình.

**10:32b**

**Ta sẽ tuyên xưng người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời:** Đức Giê-su dùng hình ảnh của toà án ở đây. Khi Đức Chúa Trời ngồi trên ngai đoán xét tất cả mọi người trong

- 10:26b *vì không gì che giấu mà không bị phô bày ra, không gì bí mật mà không bị tiết lộ.*  
Người ta sẽ biết về mọi điều được giấu kín.
- 10:27 *Những gì Ta bảo các con trong bóng tối, hãy nói ra giữa ban ngày; những gì các con nghe được, hãy công bố trên sân thượng.*  
Những điều Ta nói với các con khi không có ai ở đây, Ta muốn các con nói công khai để cho mọi người có thể nghe.
- 10:28a *Đừng sợ kẻ giết thân thể mà không giết được linh hồn.*  
Đừng sợ người ta. Chúng có thể giết thân thể các con nhưng không thể giết được linh hồn các con.
- 10:28b *Thà sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân thể nơi hỏa ngục.*  
Thay vào đó, hãy sợ [Đức Chúa Trời], bởi vì Ngài có thể trừng phạt cả thân thể lẫn linh hồn nơi địa ngục.
- 10:29a *Có phải hai con chim sẽ chỉ bán được một đồng?*  
Các con có thể mua hai con chim nhỏ với vài đồng.
- 10:29b *Thế nhưng không một con nào rơi xuống đất ngoài ý Cha các con.*  
Nhưng không một con nào chết trừ khi Cha các con muốn nó chết.  
-HAY-  
Không có phép của Chúa không con chim nào chết cả.
- 10:30 *Ngay cả tóc trên đầu các con cũng đã đếm rồi.*  
Đức Chúa Trời còn biết trên đầu con có bao nhiêu sợi tóc.  
-HAY-  
Đức Chúa Trời chăm sóc từng chi tiết nhỏ về các con.
- 10:31 *Thế thì đừng sợ. Các con quý hơn nhiều con chim sẻ.*  
Vậy nên đừng sợ. Đối với Đức Chúa Trời [mỗi người] trong các con thì quan trọng hơn nhiều con chim nhỏ kia.
- 10:32a *Vì thế, ai tuyên xưng Ta trước mặt người đời,*  
Đức Giê-su phán: "Nếu một người nói với những người khác là thuộc về Ta,  
-HAY-  
Đức Giê-su phán: "Bất cứ ai công khai tuyên bố là thuộc về Ta,
- 10:32b *chính Ta sẽ tuyên xưng người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời.*  
thì [trong ngày đoán xét] Ta cũng sẽ nói với Đức Chúa Trời/Cha của chúng ta rằng người đó thuộc về Ta.

ngày đoán xét, Đức Giê-su sẽ xin khoan dung cho người này.

Chú ý trong PKTCD nhóm từ "Cha Ta ở trên trời" là một cách khác để nói: "Đức

Chúa Cha" hay "Đức Chúa Trời, Cha của Ta." Bạn cũng có thể chuyển ngữ là "Đức Chúa Trời cha chúng ta." Cũng hãy xem 10:33b.

**10:33a**

**ai chối Ta trước mặt người đời:** Khi bất cứ ai chối Đức Giê-su, người ấy nói là không thuộc về Đức Giê-su và không tin Ngài.

**10:33b**

**Ta sẽ chối người ấy:** Đức Giê-su sẽ nói rằng người ấy không thuộc về Ngài, không phải là môn đệ của Chúa.

**Tiểu Đoạn 10:34-39 Yêu mến Đức Giê-su hơn là yêu mến gia đình**

Đức Giê-su vẫn đang nói về những người sẽ chống lại Ngài và các môn đệ. Ở đây Chúa dạy sâu hơn về đề tài gia đình mà Chúa nói ở trong 10:21. Một số người sẽ theo sự dạy dỗ của Đức Giê-su trong khi những người trong cùng một gia đình không theo. Như vậy sẽ gây nên rắc rối, bởi vì có những người sẽ quay lại chống các người trong gia đình vì họ là môn đệ của Đức Giê-su.

10:34-36 Người trong cùng một gia đình sẽ chống đối nhau bởi vì Đức Giê-su

**10:34a**

**Dừng nghĩ rằng Ta đến để đem hòa bình trên đất:** Các môn đệ không nên nghĩ rằng lý do duy nhất mà Chúa đến là để mang sự hoà bình cho người trên đất. Họ không nên nghĩ rằng sẽ có hoà bình trên đất vì Chúa đã đến. Đức Giê-su đã đến để mang sự hoà bình cho những người tiếp nhận Ngài. Nhưng Chúa không muốn những người không tiếp nhận Ngài tiếp tục bình an phạm tội. Chúa biết có nhiều người sẽ không chấp nhận sứ điệp này.

**hòa bình:** Trong ngữ cảnh cụm từ *hòa bình* nói đến những người sống hoà thuận với nhau không tranh chiến.

**10:34b**

**Ta đến không phải để đem hòa bình nhưng đem gurom giáo:** Đây là lời tuyên bố đầy kinh ngạc. Đức Giê-su nói mạnh ở đây để nhấn mạnh rằng người ta sẽ bất đồng ý kiến và tranh chiến với nhau bởi vì một số người tin Ngài và những người khác thì không tin. Đức Giê-su đến không phải chỉ đem sự hoà bình nhưng cũng đem tranh chiến. Chúa không muốn nói là Ngài muốn người ta tranh chiến. Nhưng đây là việc sẽ xảy ra khi con người không chịu từ bỏ tội lỗi và tiếp nhận Hoàng Tử của Hoà Bình.

**gurom giáo:** Đây là ẩn dụ về đánh nhau hay chiến tranh. Đức Giê-su dùng từ *gurom giáo* ở đây để nói đến người ta chống đối lẫn nhau. Ngài không nói đến *gurom giáo* theo nghĩa đen.

**10:35-36**

Mặc dù đôi khi con dân Chúa đánh nhau với những người không tin Chúa, ý chính ở đây có vẻ như là những người không tin Chúa chống lại với người tin Chúa ở ngay trong gia đình mình.

10:35-36 trích từ Mi-chê 7:6.

**10:35b**

**con trai nghịch với cha:** Đức Giê-su muốn nói một số người không tin nơi Ngài sẽ quay lại chống đối cha mình là người tin theo Chúa. Chúa không nói là Ngài muốn chuyện như vậy xảy ra. Nhưng Chúa biết nó sẽ xảy ra. Một số người cha không tin Chúa sẽ chống đối con mình là những người tin nơi Đức Giê-su. Đức Giê-su dùng chuyện đó để làm thí dụ.

**10:35c**

**con gái với mẹ:** Một người đàn bà (không phải là môn đệ của Chúa) sẽ chống lại với mẹ mình (là môn đệ của Chúa).

**10:35d**

**nàng dâu cùng bà gia:** Đức Giê-su hàm ý rằng một người đàn bà không tin sẽ chống đối mẹ chồng của mình.

**bà gia:** Mẹ chồng.

**10:36**

**người nhà mình:** Đây nói đến những người trong gia đình: cha, mẹ, con trai, con gái, và con dâu. Hãy xem 10:21.

- 10:33a *Còn ai chối Ta trước mặt người đời,  
Nhưng nếu bất cứ ai [công khai] nói không phải là môn đệ của Ta,*
- 10:33b *chính Ta sẽ chối người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời.  
thì [trong ngày đoán xét] Ta cũng sẽ nói với Đức Chúa Trời/Cha chúng ta rằng  
người đó không phải là môn đệ Ta.”*

**Tiểu đoạn 10:34-39 Yêu mến Đức Giê-su hơn là yêu mến gia đình**

- 10:34a *“Đừng nghĩ rằng Ta đến để đem hòa bình trên đất.  
Đừng nghĩ rằng Ta đã đến [chỉ] để khiến người ta sống hoà bình với nhau.*
- 10:34b *Ta đến không phải để đem hòa bình nhưng đem gươm giáo.  
Ta đến không phải [chỉ] để khiến người ta sống hoà bình với nhau, nhưng cũng  
khiến cho người ta chống nhau.*
- 10:35a *Vì Ta đến để phân rẽ  
Bởi vì Ta đã đến để  
-HAY-  
Vì Ta đến*
- 10:35b *khiến con trai nghịch với cha,  
khiến con trai chống nghịch lại cha,  
-HAY-  
Con trai sẽ chống nghịch lại cha,*
- 10:35c *con gái với mẹ,  
con gái chống nghịch lại mẹ,*
- 10:35d *và nàng dâu cùng bà gia.  
và nàng dâu chống nghịch mẹ chồng.*
- 10:36 *Kẻ thù của người ta chính là người nhà mình.  
Những người [không tin Ta] sẽ là kẻ thù của những người [tin ta] ngay ở trong gia  
đình.*
- 10:37a *Ai yêu cha mẹ hơn Ta thì không xứng đáng cho Ta.  
Bất cứ ai yêu cha hay mẹ hơn Ta thì không xứng đáng làm môn đệ Ta.  
-HAY-  
Bất cứ ai quan tâm làm đẹp lòng cha mẹ hơn làm đẹp lòng Ta, không xứng đáng  
cho ta.*

10:37-39 Ai yêu bất cứ cái gì hay người nào hơn Đức Giê-su thì không xứng đáng để làm môn đệ Ngài.

mến gia đình của họ. Nhưng một con dân Chúa chú ý đến việc làm theo điều Chúa muốn hơn là làm đẹp lòng gia đình mình.

**10:37a**

**yêu cha mẹ hơn Ta:** Đức Giê-su không muốn nói là con dân Chúa không nên yêu

**10:38**

***Ai không vác thập tự giá mình mà theo Ta cũng không xứng đáng cho Ta:*** Đức Giê-su muốn nói về người không bằng lòng chịu đau khổ và chết vì Đức Giê-su. Trong thời Đức Giê-su, *vác thập tự giá* nói đến người bị đóng đinh trên cây thập tự phải vác thập tự giá của mình đến chỗ hành án. Bị xử tử hình bằng cách treo lên cây thập tự giá là cách chết đau đớn nhất và chỉ có tội nặng nhất mới bị trừng phạt bằng cách này. Đức Giê-su dùng thành ngữ này để giải thích rằng các môn đệ của Chúa phải vâng lời Ngài bất kể đến những khó khăn xảy đến cho họ, ngay cả khi phải chết để giữ lòng trung tín với Đức Giê-su.

**10:39a**

***Ai cố giữ mạng mình thì sẽ mất:*** Nói một cách khác là: “Ai cố gắng cứu sự sống thuộc thể của mình sẽ bị mất sự sống thuộc linh.”

Khi Ngài nói vậy, Đức Giê-su có lẽ nghĩ đến cách mà những người gọi là môn đệ của Ngài có thể hành động khi người ta đe dọa bắt bớ họ. Nếu họ từ chối không nhận rằng họ là môn đệ để cứu sự sống mình, thì họ sẽ mất sự sống đời đời với Đức Chúa Trời. Hãy xem 7:22-23 và 10:33.

**10:39b**

***ai vì Ta hy sinh tính mạng mình thì sẽ tìm lại được:*** Ai để Đức Giê-su điều khiển cuộc sống của mình trên đất này sẽ có sự sống đời đời. Đây kể cả một người chết về phần thể xác nhưng không nói về việc tự tử.

**Tiểu Đoạn 10:40-11:1 Ai tiếp nhận các môn đệ của Đức Giê-su là tiếp nhận Ngài**

Đức Giê-su chấm dứt bài giảng bằng những câu này. Khi người ta hoan nghênh các môn đệ của Đức Giê-su, cũng như là họ hoan nghênh Đức Giê-su và Đức Chúa Cha. Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho người giúp đỡ môn đệ của Đức Giê-su. Chương 11 câu 1 đi với lời kết luận bài giảng của Đức Giê-su, vậy nên Tiểu Đoạn cuối của Chương 10 bao gồm cả câu này.

**10:40**

Đức Giê-su có thể nói về những loại môn đệ khác nhau trong những câu này. Trước hết Chúa nói về các sứ đồ (10:1-20). Đây là những môn đệ quan trọng nhất. Sau đó trong 10:41-42 Chúa nói về các tiên tri, các người công chính và “các người nhỏ bé” (các môn đệ). Đây có vẻ cho thấy là không kể các môn đệ quan trọng hay khiêm nhường đến đâu, Đức Giê-su sẽ tôn trọng những người tôn trọng môn đệ của Ngài.

**10:40a**

***Ai đón tiếp các con, tức là đón tiếp Ta:*** Người nào hoan nghênh các môn đệ của Đức Giê-su là hoan nghênh Đức Giê-su.

***đón tiếp:*** Từ Hy-lạp *dechomai* có nghĩa là “đón tiếp, chấp nhận, hoan nghênh.” Trong ngữ cảnh này có nghĩa là đón tiếp một người như một người khách.

**10:40b**

***Ai đón tiếp Ta tức là đón tiếp Đấng sai Ta:*** Ai hoan nghênh Đức Giê-su là cũng hoan nghênh Cha trên Trời của Đức Giê-su là Đấng sai Ngài đến.

**10:41a**

***Ai đón tiếp một tiên tri của Chúa vì người ấy là tiên tri:*** Người nào đón tiếp hay hoan nghênh tiên tri cho thấy là người ấy tôn trọng tiên tri của Chúa và cũng tôn trọng Đức Chúa Trời mà tiên tri đại diện.

***thì sẽ nhận phần thưởng của tiên tri:*** Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho người ấy cũng như ban thưởng cho vị tiên tri.

***tiên tri:*** Một tiên tri là người nói ra sứ điệp của Đức Chúa Trời.

**10:41b**

***một người công chính:*** Một người công chính là một người làm đẹp lòng Đức Chúa



- 10:37b *Ai yêu con trai con gái hơn Ta cũng không xứng đáng cho Ta.*  
 Ai yêu con trai hay con gái hơn Ta cũng không xứng đáng để theo Ta.  
 -HAY-  
 Ai để ý đến con cái hơn là để ý đến Ta không xứng đáng để làm môn đệ của Ta.
- 10:38 *Ai không vác thập tự giá mình mà theo Ta cũng không xứng đáng cho Ta.*  
 Bất cứ ai không chịu mang [sự đau khổ vì theo Ta] thì không xứng đáng để làm môn đệ của Ta.
- 10:39a *Ai cố giữ mạng mình thì sẽ mất,*  
 Ai cố bảo vệ mạng sống mình [bằng cách nói không phải là môn đệ của Ta] sẽ mất sự sống đời đời.
- 10:39b *nhưng ai vì Ta hy sinh tính mạng mình thì sẽ tìm lại được.*  
 Nhưng ai hy sinh đời sống mình trên đất bởi vì cố là môn đệ Ta thì sẽ được sự sống đời đời.”

**Tiểu đoạn 10:40-11:1 Hễ ai tiếp nhận các con là tiếp nhận Ta**

- 10:40a *Ai đón tiếp các con, tức là đón tiếp Ta.*  
 [Đức Giê-su tiếp tục nói:] “Bất cứ ai tiếp nhận các con là tiếp nhận Ta.
- 10:40b *Ai đón tiếp Ta tức là đón tiếp Đấng sai Ta.*  
 Ai tiếp nhận Ta là tiếp nhận Đức Chúa Trời Đấng đã sai Ta.
- 10:41a *Ai đón tiếp một tiên tri của Chúa vì người ấy là tiên tri thì sẽ nhận phần thưởng của tiên tri.*  
 Ai đón tiếp một tiên tri bởi vì [ý thức rằng] tiên tri rao truyền sứ điệp của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho người đó như tiên tri vậy.
- 10:41b *Ai đón tiếp một người công chính vì người ấy là công chính, thì sẽ nhận được phần thưởng của người công chính.*  
 Ai tiếp đón một người công chính bởi vì người ấy là công chính sẽ nhận cùng một phần thưởng với người công chính.
- 10:42a *Ai cho một trong những người bé mọn này chỉ một ly nước lạnh vì người đó là môn đệ Ta,*  
 Ai cho người kém quan trọng nhất một chén nước lạnh vì người ấy là môn đệ Ta,  
 -HAY-  
 Ai giúp đỡ, một việc nhỏ nhất cho một trong những người khiêm nhường này vì họ theo Ta,

Trời và vâng theo luật lệ của Ngài. Hãy xem 13:17.

**10:42a**

**một trong những người bé mọn này:** Bạn có thể chuyển ngữ như sau: “Một trong những người khiêm nhường này” hay “một trong những người thấp nhất.”

**một ly nước lạnh:** Cho một ly nước lạnh là thí dụ về cách một người đối xử tử tế với người khác. Đức Giê-su tôn trọng những người giúp đỡ một cách nhỏ nhất.

**vì người đó là môn đệ Ta:** Đức Giê-su mô tả một người không quan trọng, không giống như một sứ đồ hay một tiên tri hay ngay cả

người mà người ta gọi là “người của Đức Chúa Trời.” Nhưng ngay cả nếu một người ấy giúp đỡ một môn đệ kém quan trọng nhất của Đức Giê-su, Đức Chúa Trời cũng sẽ ban thưởng cho người. Dĩ nhiên, người tiên tri và người công chính (10:41) cũng là môn đệ của Đức Giê-su.

**10:42b**

***thật, Ta bảo các con:*** Hãy xem Lời Giải Nghĩa của 5:18a.

***người ấy sẽ không mất phần thưởng của mình đâu:*** Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ ban thưởng cho người ấy nữa.

10:42b *thật, Ta bảo các con, người ấy sẽ không mất phần thưởng của mình đâu.”*  
thật Ta bảo các con, Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ thưởng cho người đó.”